

THƯ QUÁN BẢN THẢO

Số 84 tháng 4-2019

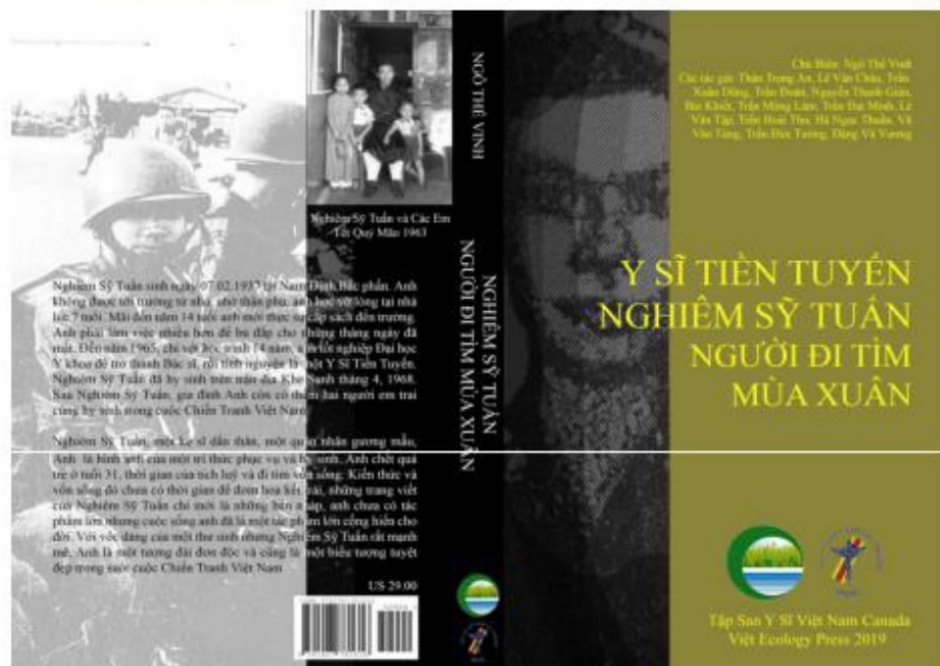
Tưởng nhớ 9 bằng hữu cộng tác viên

NGUYỄN BẮC SƠN • ĐÌNH CƯỜNG • PHẠM NGỌC LỮ •
HOÀNG NGỌC HIỂN • LÊ VĂN THIÊN • HOÀI KHANH •
TỪ THẾ MỘNG • LÂM ANH • TRẦN VĂN NAM



Sáng tác đóng góp của Nguyễn An Bình, Ngọc Bút, Cam li Nguyễn thị Mỹ Thanh, Nguyễn Âu Hồng, Trần thị Nguyệt Mai, Lê thị Hoài Niệm, Nguyễn Dương Quang, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Thanh Châu, Trần Hoài Thu

Tạp chí Thư Quán Bản Thảo trân trọng giới thiệu:
Y SỸ TIỀN TUYỂN NGHIÊM SỸ TUẤN NGƯỜI ĐI TÌM
MÙA XUÂN do Hội Y Sĩ VN Canada và Viet Ecology
Press xuất bản



THƯ QUÁN BẢN THẢO
Tập chí văn học bất định kỳ
Số 84 tháng 4 năm 2019

Chủ đề: Tưởng nhớ 9 bằng hữu cộng tác viên: Đinh Cường, Hoài Khanh, Từ Thế Mộng, Lê văn Thiện, Phạm Ngọc Lư, Lâm Anh, Hoàng Ngọc Hiến, Trần văn Nam, Nguyễn Bắc Sơn

Mục lục

Lời tòa soạn /3

Sống và Viết:

Trần Hoài Thư (3), Nguyễn Dương Quang (4), Phạm Cao Hoàng (18), Trần thị Nguyệt Mai (21), Lê thị Hoài Niệm (26)

Phần chủ đề

Đinh Cường /31

Lê văn Thiện / 63

Phạm Ngọc Lư / 87

Nguyễn Bắc Sơn /115

Lâm Anh / 136

Hoài Khanh / 143

Trần văn Nam / 176

Hoàng Ngọc Hiến / 195

Phần thường xuyên

Nguyễn Thanh Châu: *Một khuôn mặt văn nghệ nằm xuống trong chiến trận: Mặc Tử* / 219

Nguyễn An Bình: *chuột và người* (truyện) / 225

Ngọc Bút: thơ / 239

Nguyễn Âu Hồng: *Hai nhà thơ họ Lê và Bob Dylan* / 242

Cam li Nguyễn thị Mỹ Thanh: *Đá đọt* /251

Giữa thân hữu và tòa soạn / 261

Liên lạc:

Trần Hoài Thư

E mail: tranhoaitru16@gmail.com

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062

THƯ TÒA SOẠN

Số này mang chủ đề: Tưởng nhớ 9 bằng hữu cộng tác viên.

Họ đã đến, và ở lại trên những số báo hôm qua. Và họ đã lần lượt ra đi.

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ ?

(thơ Vũ Đình Liên)

Câu trả lời: Hồn ở ngay số báo này.

Kỳ báo này chúng tôi thêm một khuôn mặt văn nghệ thứ 11 trong loạt bài những khuôn mặt văn nghệ miền Nam chết trận. Đó là nhà thơ Mặc Tử. Xin cảm ơn nhà thơ Nguyễn Thanh Châu đã cung cấp tài liệu. Rất tiếc, sau 6 tháng kêu gọi, qua 2 kỳ báo, và những nỗ lực sưu tầm nhưng khuôn mặt văn nghệ Mặc Tử đã không có mặt trong số 83.

Về phần sáng tác, chúng tôi xin được gửi đến quý bạn những bài văn thơ mới nhất của Nguyễn Dương Quang, Nguyễn Âu Hồng, Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh, Nguyễn An Bình.

Cuối cùng, thay mặt nhóm chủ trương, chúng tôi xin được gửi đến quý bằng hữu, thân hữu, bạn đọc và gia đình những lời chúc bình an và tốt đẹp.

Trân trọng

Trần Hoài Thư

SỐNG VÀ VIẾT

Ở một nơi mà người ta quen nhau
Trần Hoài Thư

Nơi có những người xa lạ mà như đã quen thân
Nơi có những người chưa gặp nhau mà ngỡ gặp nhau
như từ tiền kiếp
Nơi có một sợi dây vô hình nhưng vững bền nối kết
Từ thời thanh xuân mãi đến lúc tuổi già
Nơi mà chúng ta xem đó là mái nhà
Để những kẻ từng có mặt cùng nhau bồi hồi nhớ lại
Nơi mà thời gian không sao phát mãi
Nơi mà vạn dặm trường thành cũng thành tắc thành
gang
Nơi mà nỗi vui buồn được xẻ chia ngang
điều thuốc cơ hàn nhả ra khỏi tình tri kỷ

Nơi đó là nơi nào, ở đâu, bạn nhỉ
Có phải là tạp chí này,
tạp chí còn lại miền Nam, ?

Nghệ thuật.

Ban nhạc gồm hai người nghệ sĩ. Họ vừa đàn vừa hát. Người nghe chỉ vài người. Những chiếc bàn vắng lặng. Những cuốn sách ngủ yên. Âm nhạc vẫn chảy theo từng nhịp thỉnh thoảng. Ngày chủ nhật. Trời đẹp đầy âm lượng. Nắng không lớn lắm bên ngoài. Bầu trời mây u u. Bài hát nức nở. Giọng hát khàn. Slow. Hay folk song. Cảm ơn nghệ thuật đã cho đời lên hương lên phần. Cảm ơn nỗi vui nỗi buồn nức nở rung rung động theo từng giọt nhỏ âm thanh quyện vào tim vào óc. Nghệ thuật. Phục vụ nhân sinh hay vị nhân sinh. Không cần thức mắc. Không cần bận tâm. Chỉ biết ta đang ngây ngất. Chân ta đập theo. Tim ta cũng đập theo. Như theo một nhịp luân vũ. Mùa xuân. Cũng cảm ơn chiếc Laptop nhẹ chưa đầy 4 lb này. Nó thay giấy. Nó thay lòng. Nó là vô tri nhưng nó không phải vô tri. Bởi những bit 1 và 0 đang quyện cùng ý nghĩ. Cùng hạnh phúc ta. Cùng hạnh phúc người. That you make me happy... Lời ca vang lên, oà vỡ cả khu cà phê. Và những bit 1 và 0 cũng đang nhảy múa.

Nghệ thuật. Tôi sẽ nói với em, tha thiết, và ngàn lần tha thiết môi hôn. Tôi sẽ kể với em, dịu dàng và ngàn lần dịu dàng như lòng người thánh nữ. Nước mắt thì cũng phải khô mà vị lệ sẽ thấm mãi. Tôi nói rằng, tôi

đã đi xa, rất xa quê nhà, rất xa Việt Nam, rất xa bạn bè, nhưng lòng tôi đất đai thơm mùi cỏ mùi rau quế hung mùi ngò gai, mùi xả, mùi râm... Em có biết là tôi bây giờ hạnh phúc bao nhiêu không.

Nhạc vẫn vang lên. Lời ca vẫn vang lên. Còn lại chỉ bốn người giữa khu hiu quạnh. Một cặp vợ chồng đã rời khỏi. Tôi bỗng buồn. Đời sống vẫn như vậy. Niềm vui muốn chia sẻ mà nỗi buồn lại cứ mông mênh.

Và bây giờ thêm một lần tôi cảm tạ nghệ thuật. Nó là tiếng ca của Út Trà Ôn qua Gánh Nước Đêm Trăng, Tình anh bán chiếu... Nó là Con đường Cái Quan hay trường ca Mẹ Việt Nam... Nó là những video về Mùa nước nổi, về sông nước quê nhà.... Khi cai tablet đặt trên bàn bệnh nhân, sau khi bát chén, đĩa muống thu dọn, và sau những cơn cuồng nộ như bão cấp 10, thì tiếng ca cất lên. Người bệnh tự nhiên yên lặng, mắt chăm chú nhìn vào màn ảnh nhỏ... Tôi thì ngồi cạnh, chờ hết bài để bắt qua một bản nhạc hay một chương trình khác vì tay Y. không thể một mình làm được. Những lúc như vậy, tôi cũng để hồn vào tiếng nhạc lời ca... Có khi tôi lim dim ngủ quên.

Há miệng

Khi người mẹ đút đồ ăn cho con, như một phản xạ tự nhiên, người mẹ cũng há miệng theo

*Không ăn sao há miệng ?
Không phải ! há để nhận
Những lộc vui Trời cho !*



Giờ đây, ta cũng há miệng để được nuốt vào những niềm vui:

*Vâng, niềm vui khi thấy mình ăn ngon
Khi chiếc miệng như con chim con chờ mời mẹ mớm
Từng muỗng dứt, miệng tôi cũng hả theo hồi hộp
Tôi cũng đang được NGÀI
mớm vào từng muỗng thức ăn vui !*

Nguyễn Dương Quang

NHỚ



Nguyễn Dương Quang trước 1975

Ngày xuân nhớ mẹ, nhớ cha
Tháng ngày u ất đã xa hiện về

Cha mẹ tôi xa cách nhau từ khi tôi còn chưa giáp năm,
hơn 70 năm sau mới lại ở chung...trên bàn thờ.

Năm 1945, lúc 25 tuổi, ba tôi đang làm Phó trưởng ga
xe lửa Đà Lạt (Trưởng ga là một người Nhật), đã bỏ
việc đi theo kháng chiến.

Đến năm 10 tuổi tôi mới thấy mặt cha. Trung thu 1954,

mẹ dẫn tôi từ Dran (gần Đà Lạt) vào Cà Mau để cùng theo ba tôi tập kết ra Bắc (mục đích chuyển đi theo lời bà kể).

Tôi vẫn nhớ thoang thoáng những điều thật lạ lùng lúc ấy mình đã gặp tại Ngã tư Phó Sinh, Cà Mau. Dọc những bờ kênh, trên những ghe, xuồng rục những rừng cò đỏ. Ba mẹ và tôi ngồi ăn cơm trên bộ ván có mùng giăng kín rũ xuống tận mặt đất, dưới lớp ván là một con heo cũng đang ăn. Ăn xong, tôi giành bụng rỗng chén ra bờ kênh, vừa thả xuống nước là một bầy cá chót tràn vào rổ, tôi chơi với chúng đến khi mẹ kêu gắt mới vào. Một buổi sáng tôi theo một chú chèo xuồng qua bên kia bờ kênh, nơi có quán lá sơ sài; khi mua một cây kem, chủ quán bảo mấy trăm ngàn đồng, tôi không nhớ rõ. Tôi ngơ ngác, hoảng sợ, tay ngập ngừng sờ mép túi áo. Chủ quán hỏi cháu có bao nhiêu tiền, khi tôi rút ra tờ giấy 5 đồng mẹ cho, tôi thấy chủ quán có vẻ mừng rỡ lắm, ông thối cho tôi một xấp giấy bạc rất nhiều tờ. Tôi cầm về khoe với mẹ, bà chỉ vuốt tóc tôi và cười.

Bốn ngày ở Cà Mau qua rất mau, mẹ dẫn tôi về lại Dran, ba tôi đưa mẹ con tôi xuống xuồng, hẹn 2 năm sau sẽ gặp lại.

Không có Tổng tuyển cử theo Hiệp định Genève. Mẹ tôi, sau ba năm, vì nhiều nguyên nhân, nhất là ông ngoại tôi bị cảnh sát bắt giam tại Đà Lạt, phải lập gia đình với một viên chức hành chính ở quận để dựa vào mà yên thân (tôi gọi ông là thầy). Tại Hà Nội, ba tôi cũng có gia đình mới.

1976, tôi gặp lại ba tôi trong Trại cải tạo ở Bình Thuận. Ông vào thăm tôi và làm thủ tục bảo lãnh con. Vẫn những cái vuốt tóc con trai như 22 năm trước; xong, ông về lại Hà Nội. Năm sau, tôi rời trại.

Làm việc trong Ban Tiếp nhận viện trợ của Chính phủ, ông thường đi công tác tại miền Nam. Mỗi lần ghé Đà Lạt, chỗ nghỉ do Ủy Ban Tỉnh bố trí, ông vẫn ghé nhà thăm mẹ con tôi, như một người khách. Ông hỏi mẹ tôi về những người quen trước kia, hỏi vợ chồng tôi về việc làm, sinh sống, nựng các cháu nội. Ông khuyên tôi bỏ thuốc lá nhưng thỉnh thoảng vẫn đem vào hay gửi người khác đem cho tôi mấy gói thuốc ngoại, tôi nhớ thuốc của Mỹ, Anh, Canada, Ý, Thụy Điển.

1982, lần đầu tiên tôi ra Hà Nội. Để uống được một ly cà phê ông bảo là ngon nhất, hai cha con đèo nhau bằng xe đạp mấy cây số đến cà phê Tạ Hiền. Tôi được giao cho chiếc xe đạp mang bảng số 0039 để dạo phố phường, cô (vợ sau của ba tôi) dẫn tôi phải về sớm trước 21 giờ vì an ninh, thật ra lúc ấy thì đường phố Hà Nội đã vắng hoe. Về sau tôi đã có sáu lần đến Hà Nội. Đổi mới, hiện đại hóa, Hà Nội mỗi lần tôi ra một khác. Cô và hai em con riêng của cô đối đãi với tôi thật tốt, tôi vui vì gia đình có thêm người.

Một bữa, vài người thân quen tại Hà Nội khuyên tôi về lại Đà Lạt nên ra ở riêng, không nên ở chung với ngụy quyền là thầy tôi (vừa cải tạo xong về), tôi "bênh" ngay là ông ấy rất tốt, đạo đức và không tham nhũng. Ở miền Nam, Phó quận trưởng (Phó chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Huyện) kiêm chức vụ Chánh án Tòa Hòa giải Rộng quyền, ở quận không có Tòa án, Phó Quận

trưởng hòa giải không được, nếu còn oan ức mới kiện lên Tòa án Tỉnh. Nhiều lần tôi chứng kiến vì nơi hòa giải là nhà mình, ông rất thành công với các lý lẽ phân tích vụ việc. Khi ông cải tạo về vợ chồng tôi đã ra ở riêng. Ông mất 1989, trước đó, cả bốn ông bà (Hà Nội-Đà Lạt) đã gặp nhau tại nhà tôi, tấm hình chụp chung lạc mất, tôi rất tiếc.

Những lần ra Hà Nội, tôi cũng thường gặp hàng xóm, những người ghé thăm nhà, hầu hết những người quen đều nức nở khen ba tôi: đức độ, sống đơn giản, nói chuyện rất có duyên v.v... Cô tôi kể có lần ông đi công tác nước ngoài, bà chạy tìm đưa cho ông 300 đô để ông mua ít món hàng về kiếm món lời nho nhỏ, bà không ngờ ông chỉ mua bánh kẹo về phân phát cho nhân viên và hàng xóm. Dù không tham những, ông kể lại là vào năm 1980 ông vẫn vướng vào một chuyên án ăn chặn tiền viện trợ 2.700 đô từ UNICEF, sau 6 tháng điều tra, ông được minh oan.

Ông bà nội tôi có 6 người con, 5 người mất sớm (có 2 liệt sĩ thời chống Pháp), ông áp út và là trưởng tộc. Một lần về thăm quê, ông tổ chức hốt cốt những người đã mất gom vào khu mộ tộc hai bên nội, ngoại của ông. Ông truy cứu, thiết lập sơ đồ dòng tộc tận 10 đời trước.

Nhiều lần ông về thăm quê, một số bà con họ hàng thường than phiền với ông về những khiếm khuyết của xã hội, của các cán bộ; những lúc ấy, ông đượm buồn và giải thích là Nhà Nước sẽ tháo gỡ khó khăn, càng về sau tôi thấy ông càng đăm chiêu, không giải thích. Nhiều lần tôi nghe ông nói với các người cháu trong họ

là cán bộ và là cán bộ có chức quyền ở địa phương: lấy đất của dân thì nên đền bù cho đảng hoàng, không đủ tiền trả thì bảo nợ rồi từ từ trả cho người ta, không nên trả thấp rồi bán lại gấp nhiều lần.

Vào năm 80 tuổi, ông bất ngờ bảo tôi là ông đã "lờ" có một đứa con gái ở miền Nam trước khi tập kết, em tôi đã mất 1984. Sau khi ông về lại Hà Nội, tôi tìm gặp được 4 trong 5 đứa cháu gọi tôi là cậu, cả mấy cậu cháu rất vui mừng và vẫn thường liên hệ nhau đến nay.

Giữa 2015, tuổi đã 95, ông bị té rạn xương đùi phải nằm viện. Khi ông yếu hẳn, vợ chồng tôi và gia đình ở Hà Nội đưa ông về quê bằng xe cứu thương chạy suốt 24 giờ Hà Nội-Bình Thuận 1.550 km. Thiêm thiếp trên chiếc giường dành cho người sắp ra đi trong ngôi nhà gần một thế kỷ trước đã sinh ra,thình thoảng ông mở mắt yếu ớt nhìn khắp gian phòng, hình như ông vui được trở về, sắp được gặp những người thân đã đi trước. Ngay ngày hôm sau, ông mất. Đưa tiễn ông, vợ, con cháu nội ngoại hầu như đầy đủ, Tỉnh cử Huyện tổ chức lễ tang.

Những ngày còn trong lính, thỉnh thoảng tôi về thăm nhà bà nội (ông nội tôi mất khi ba tôi mới 5 tuổi). Một lần bà nội tôi lấy một tấm hình của ba tôi do bà giấu trên kèo nhà dưới lớp ngói âm dương đưa tôi xem và nói: ba mày làm lớn ở Hà Nội (mẹ nào không khoe tốt đôi khi quá về con mình); sau đó, tôi có viết mấy câu thơ:

Nội ơi! Con mong ba làm thật nhỏ
Hay không làm gì hết,chỉ làm người

Dù trong rừng hay ngoài Hà Nội
Ba là ba con có một trong đời.

Lúc viết mấy câu trên, thật ra tôi vẫn rất mơ hồ về tình cha con (vì chỉ gặp một lần lúc 10 tuổi và biết còn có gặp lại không); sau này nghe, ông chỉ cười gở đầu tôi.

Bây giờ, tôi ngồi nhớ đến ông, ông đã đi trọn quãng đường làm người của cuộc đời ông và dù thế nào cũng đúng là "ba là ba con có một trên đời".

*

Từ nhỏ, tôi sống với mẹ.

Vừa học xong năm thứ ba trung học tại Trường Áo Tím ở Sài Gòn (sau đổi tên thành Nữ Trung học Gia Long, bây giờ hình như là Nguyễn Thị Minh Khai) vì dì tôi bị bệnh mất, mẹ tôi phải bỏ dở việc học để về Dran giúp ông bà ngoại tôi trong việc trồng dâu tây, sản xuất mật dâu, mứt dâu ở Labouye (xã Lạc Viên, huyện Đơn Dương, Lâm Đồng bây giờ). Theo ông ngoại chuyển hàng ra ga xe lửa Dran, gặp "ông sếp ga" vui tính, thường giúp đỡ ông ngoại tôi trong việc chuyển hàng về Sài Gòn, mẹ tôi đồng ý kết hôn.

Mẹ kể lúc lọt lòng tôi chỉ cân nặng 1,7 kg. Dran thời ấy rất lạnh, tôi chỉ được mấy tháng thì mẹ phải bồng về quê ba tôi ấm áp tôi mới sống được. Khi tim, phổi tôi khá lên, mẹ bồng về lại Dran, cùng lúc ấy ba tôi bỏ việc ở Đà Lạt đi kháng chiến, công tác từ Đà Lạt, xuôi Dran, xuống Bình Thuận rồi vô Nam cho đến khi tập kết ra Bắc.

Mẹ con tôi sống với ông bà ngoại. Nhà đơn độc ở lưng chừng núi, trước mặt là quốc lộ cách 300m, xa xa bên kia đường là dòng sông Đa Nhím. Bên trái cách 1 km là một làng người dân tộc, bên phải 0,5 km là mấy túp nhà người Kinh. Không có trẻ hàng xóm, tôi chỉ từ bò lết trong nhà với mấy bạn chó con đến chập chững ngoài sân với lũ gà tây ồn ào.

Năm lên 6, tôi được vào học ngay lớp Tư (lớp 2 bây giờ vì mẹ đã dạy chữ ở nhà) ở Trường tiểu học Dran là quận lỵ cách nhà 8 km. Mỗi sáng ông ngoại tôi đưa tôi đi học bằng xe ngựa. Xe trông giống như xe ngựa chiến đấu trong các phim cổ trang La Mã; khác là ngồi chật được ba người, không có răng cưa hai bên bánh xe và chỉ dùng một con ngựa. Buổi trưa, mẹ gửi tôi ăn cơm nhà một người quen. Tôi nhớ đến giờ ăn, cả sáu đứa trạc tuổi nhau ngồi xếp bằng dưới nền nhà, quanh một cái chảo, trên tay mỗi đứa một cái muỗng. Cái chảo quay tròn liên tục khi ngược lúc xuôi, đứa nào cũng tìm chỗ có thịt chia muỗng vào.

Năm sau, để chăm sóc tôi tốt hơn, mẹ xin đi dạy, cũng trường tôi học. Ban đầu mẹ con ở trọ, sau ông ngoại mua hẳn một căn nhà gỗ mái tôle cho hai mẹ con. Tôi có ba năm tuyệt vời nhất, mỗi buổi đi học về được bú vú da (!) . Mẹ bắt tôi mặc quần tây ngắn có dây đai bắt chéo quanh cổ, cả trường không có học sinh nào mặc như thế cả. Tôi bắn bi rất giỏi, buổi nào đi học chỉ bỏ hai viên bi vào túi, về hai túi đầy. La rầy không xong, mẹ cắt luôn hai túi quần, từ đó tôi phải bỏ bi vào cặp, về lén đổ ngoài hè giấu mẹ.

Đây cũng là thời gian mẹ tôi chịu nhiều áp lực với xã hội. Mới trên 30, có chút nhan sắc, chồng tập kết, một số đàn ông thuộc nhiều giới ngắm ghé, người nhẹ nhàng, người quyết liệt. Tôi còn quá nhỏ không biết gì. Sau cùng mẹ chọn thầy tôi vợ đã mất, có 6 đứa con. Mẹ con tôi dọn về ở chung với thầy tôi và năm đứa con riêng của ông (đứa út gửi bác nuôi), cùng lúc đó tôi và con trai lớn của thầy được gửi học lớp Đệ Thất (lớp 6 bây giờ) tại Trường Tin Lành ở Đồng Đế, Nha Trang. Căn nhà mẹ con ở trước kia mẹ tôi cho một người quen từ Phan Rang lên ở, không thu tiền. Mẹ còn mua cả máy may cho bà may kiếm thêm thu nhập. Lớn lên tôi mới biết bà là mẹ của nhà văn, nhà thơ nổi tiếng Nguyễn Đức Sơn. Anh Sơn lúc ở Dran viết nhiều tác phẩm văn thơ với bút danh Sao Trên Rừng. Sau này, lúc mẹ tôi còn sống, anh thường ghé thăm nhà ở Đà Lạt.

Ba năm trước khi vào lính, tôi ở Dran. Ngoài dạy học tư thực, tôi thường được quận nhờ tổ chức các buổi trình diễn văn nghệ. Mẹ thường giúp tôi với các tiết mục múa do mẹ dạy các nữ sinh. Đá banh thì mẹ không thích nhưng không cản nữa khi tôi là thủ quân đội bóng của quận. Có lần tôi ghi hai bàn trong trận đội bóng Dran thắng đội bóng đoàn cải lương Bích Sơn-Bích Thuận 3-1, chị Bích Sơn ôm vai tôi rủ tôi theo đoàn, tôi nhớ chị rất đẹp với mái tóc thề. Chị hẹn tôi tối đến rạp chị dẫn vào xem miễn phí nhưng chị không ngờ tối ấy tôi đến xem với Giấy mời ngồi ghế giữa hàng đầu vì thầy tôi, Phó Quận trưởng là người ký giấy phép trình diễn cho các đoàn hát và có hai giấy mời là thượng khách. Chị cười, lại rất đẹp, xin lỗi tôi.

Khi tôi vào lính thì gia đình cũng dời về Đà Lạt do thầy và mẹ tôi chuyển nhiệm sở, ông bà ngoại tôi cũng đã lên trước, cất nhà sẵn cho cả gia đình. Xa Dran, lúc nào tôi cũng nhớ da diết cái thị trấn nhỏ và buồn nhưng với tôi là rất đẹp này; nhớ tiếng vượn hú, nhớ tiếng còi tàu vào ga, bây đom đóm lập lòe trong sương lạnh...còn nhiều nữa, nhất là vòng tay của mẹ áp yêu, dẫn dắt tôi suốt thời tuổi trẻ.

Tháng 4, 1975, mẹ tôi là Trưởng phòng học vụ bàn giao Ty tiểu học Đà Lạt cho chính quyền mới (Trưởng Ty đã di tản trước), bà được lưu dụng dạy thêm hai năm rồi nghỉ hưu, được lãnh một lần 80 đồng. Cũng chuyện về hưu, bà kể một lần Tỉnh tổ chức meeting, bà đứng lên phát biểu rằng tiền hưu không phải là tiền của chính quyền trước mà là tiền để dành trừ trong tiền lương tháng của công chức cũ, tiền của nhà giáo là tiền mồ hôi, hao mòn lá phổi của những người dạy học, cả dạy chữ cho những cán bộ Nhà Nước hiện nay trước kia đã đi học. Sau meeting, Bí Thư Tỉnh đã bảo riêng bà làm đơn, Tỉnh sẽ giải quyết nhưng bà bảo là nói chung cho ngành, không riêng tư.

Tôi cải tạo về, mẹ tôi và vợ tôi vẫn tiếp tục lo việc thăm nuôi thầy tôi và đưa em trai con riêng của ông cũng là sĩ quan cũ. Cả nhà đều đói, bữa ăn thường là khoai mì khô giả nhỏ khuấy thành hồ độn đọt rau lang luộc, rất ít gạo chỉ dành cho bà ngoại tôi. Để bớt miệng ăn, ông bà ngoại tôi phải chuyển về quê Bến Tre chăm bón lại mấy chục gốc dừa ông em chia lại để sống. Dù không đủ no, mẹ tôi vẫn chia sót cho hàng xóm như trước 1975, trước kia từng nỡ ký gạo, bây giờ từng con cá kho do vợ tôi "tiếp nối truyền thống" mang

từng nôi cá kho sẵn từ quê Bình Thuận về theo những chuyến đi buôn vật. Để giúp thêm vợ tôi, mẹ bung thùng thuốc lá ra bên xe bán; sau có một sạp hàng nhỏ ở chợ Đà Lạt.

Khi tôi bỏ rẫy, vợ tôi bỏ "phe phẩy" (buôn vật), chúng tôi đi buôn phân xác cá bằng các hợp đồng (bạn bè gọi đùa tôi là Giám đốc Xí nghiệp Hôi Hám), rồi dành dụm và vay thêm cát khách sạn, "đồ" hơn trước, mẹ tôi về sống với chúng tôi. Chúng tôi thường đi vắng, mẹ tôi trông nhà, dạy dỗ cháu nội các việc nhà. Năm 86 tuổi, bà mất vì bệnh phổi.

Những ngày ở lính, cùng với mấy câu thơ viết cho cha, tôi viết một bài cho mẹ, trong đó có mấy câu:

...

*Trước mặt con: những ngọn đồi cát máu
Đêm thì thầm cùng những nắm xương
Con chỉ còn trái tim tôn thờ má
Đã dạy con hai tiếng yêu thương*

*Dòng nước nào xa nguồn mà không đục
Sợ một mai con lạc dấu chân mình*

...

Thêm về bốn ngày của hai mẹ con tại Cà Mau 1954:

Khi lớn lên, có lần tôi hỏi mẹ: "Sao lúc ấy mẹ không chịu theo ba tập kết ra Bắc?" Mẹ kể là buổi sáng ngày thứ tư tại Cà Mau, mẹ và ba có cuộc tranh luận ngắn, không ồn ào nhưng quyết liệt. Ba: "Em về theo Mỹ đi!", mẹ: "Tôi không theo ai cả. Ở nhà, ở trường tôi dạy

có hình ông Tây, ông Mỹ nào đâu! Còn anh nhìn đi, ngay trên vách nhà anh ở, hình ông Hồ ở giữa, hai bên là hình ông Malenkov và ông Mao Trạch Đông? Anh theo ai cứ theo, tôi không theo ai cả, tôi dắt con về".

NGUYỄN DƯƠNG QUANG

Đà Lạt, tháng 2.2019



PHẠM CAO HOÀNG

Tôi còn nợ anh một chuyến trở về

Chiều nay, đi làm về, như thường lệ, việc đầu tiên là mở computer và check hộp thư email. Bạn bè từ Sài Gòn báo tin nhà thơ Chu Trầm Nguyên Minh vừa qua đời.

Không bất ngờ (vì hai hôm trước qua điện thoại Nguyên Minh cho biết Chu Trầm Nguyên Minh đang nằm trong bệnh viện - rất yếu) nhưng tôi vẫn thấy trong lòng mình gợn lên một nỗi buồn khó tả. Nguyên Minh có cho biết anh và nhóm Quán Văn đang thực hiện một cuốn sách bao gồm những bài viết về Chu Trầm Nguyên Minh để tặng anh trong lúc anh đang nằm viện. Nhưng không kịp rồi, chiều 19.2.2014, Chu Trầm Nguyên Minh đã thực sự ra đi.

Tôi gặp Chu Trầm Nguyên Minh trước 1975, ở Phan Rang, không nhiều lần lắm. Sau 1975 thất lạc, không còn liên lạc với anh cho đến tháng 8.2012 mới nối lại liên lạc. Khoảng thời gian mất liên lạc gần 40 năm đó cũng là khoảng thời gian anh không tham gia sinh hoạt văn học nghệ thuật.

Như có một cái duyên nào đó, khi nối lại liên lạc, anh tâm sự với tôi rất nhiều về cuộc đời anh. Dựa vào tâm sự của anh, tôi đã viết bài tạp bút CHU TRẦM NGUYÊN MINH, TÁC GIẢ BÀI THƠ LỜI TÌNH BUỒN. Tôi đặc biệt chú trọng đến phần anh kể về thời thơ ấu và thời ở quân trường Thủ Đức – khi bài hát LỜI TÌNH BUỒN được Vũ Thành An phổ nhạc từ thơ của anh và bài hát nhanh chóng trở nên nổi tiếng.

Chu Trầm Nguyên Minh có một thời thơ ấu rất đặc biệt. *Cha anh đi kháng chiến, thỉnh thoảng mới tạt về thăm nhà. Ở nhà, chỉ còn lại người mẹ tảo tần nuôi dưỡng 5 người con: Chu Trầm Nguyên Minh, ba người chị, và một cậu em trai. Gia đình anh có một căn nhà gạch chắc chắn, nhưng cha anh quyết định đập bỏ, vì “nhà kiên cố Tây nó sẽ lấy để làm đồn bót, thà đập đi còn hơn”. Sau đó, mẹ anh đưa các con vào sống trong khu tam giác Phan Thiết – Ma Lâm – Mùòng Mán. Đây là vùng “xôi đậu”, thuộc khu “oanh kích tự do”, và em trai anh đã chết ở nơi này vì một quả đạn mọt-chê. Đầu năm 1953, Pháp mở cuộc càn quét dữ dội vào khu Tam Giác. Cả cha lẫn mẹ của anh đều bị giết trong cuộc càn quét này. Cha mẹ không còn, nhà cửa không còn, mấy chị em cùng một số người khác kéo nhau vào khu rừng Đá Bàn giáp ranh với Lâm Đồng,*

sống trong bụi cây như người rừng.

Về bài thơ LỜI TÌNH BUỒN anh gửi cho tôi có câu này : *“Phúc yêu em dấu lần quá khứ”*.

Tôi hỏi anh “*phúc*” hay là “*phút*”. Anh cho biết chữ anh dùng trong bài thơ là “*phúc*”, ngụ ý “*được yêu em là một niềm hạnh phúc*”, khi chuyển thành nhạc, các ca sĩ hát là “*phút*”. Anh cũng không phiền hà gì về chuyện này vì chữ “*phút*” nghe cũng thuận tai. LỜI TÌNH BUỒN là một trong những bài hát gắn liền với thể hệ chiến tranh, giai đoạn từ 1967 đến khi kết thúc cuộc chiến. Đã gần 50 năm rồi nghe đi nghe lại vẫn không chán. Chiều nay nghe lại bài hát này tôi đã không cầm được nước mắt khi nhớ về người anh/ người bạn vừa ra đi..

Rất nhiều lần anh email nhắc tôi trở về Sài Gòn để anh gặp một lần, nhưng chưa kịp thì anh không còn nữa. Với anh, tôi còn nợ anh một chuyến trở về. Tôi ước gì có đôi cánh để bay về Việt Nam ngay lúc này cùng bạn bè và người thân đưa anh đến nơi an nghỉ cuối cùng. Nhưng làm sao được, anh Chu Trầm Nguyên Minh ơi!

Phạm Cao Hoàng

Virginia, February 19, 2014

TRẦN THỊ NGUYỆT MAI PHÁC THẢO CHÂN DUNG BÁC SĨ NGHIÊM SỸ TUẤN

Tối hôm qua tôi mới đọc xong phần truyện dịch và những bài viết của anh Nghiêm Sỹ Tuấn (NST) cùng những chia sẻ tâm tình từ những đồng môn của anh. Và vì anh Ngô Thế Vinh viết thư yêu cầu tôi, như một độc giả thuộc thế hệ sau, hoàn toàn không biết gì về anh NST, ghi lại ít dòng cảm tưởng, phác thảo chân dung anh Tuấn, qua những trang viết của chính anh và của bạn bè, nên mới có bài viết này.



Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt tôi: anh là một nhà Nho

của thế kỷ 20 với áo dài thâm đen vào dịp Tết Quý Mão (1963) trong khi thanh niên Sài Gòn thời ấy chỉ mặc sơ-mi và quần tây, trịnh trọng hơn thì khoác thêm chiếc “vét”.

Qua những bài viết thật quý mến và rất thân thương của những người bạn chung trường với anh, tôi được biết anh sinh ngày 7-2-1937 (tuổi Bính Tý) tại Hà Đông, Bắc Việt. Lúc nhỏ do điều kiện chiến tranh không thể đến trường, anh được thân phụ dạy học ở nhà. Mãi đến năm 14 tuổi anh mới chính thức đi học. Anh đã học ở trung học Nguyễn Trãi rồi chuyển sang Chu Văn An và sau đó thi đậu vào Đại Học Y khoa. Anh rất thông minh, siêng học, và học rất giỏi, chỉ trong vòng 14 năm anh đã học xong toàn bộ chương trình để trở thành Bác sĩ Y khoa. Trong vòng mười năm, cứ hai năm tự học một ngoại ngữ, ngoài tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ, anh đã biết thêm 5 thứ tiếng: Hán, Anh, Pháp, Đức và La-tinh.

Là người có vóc dáng nhỏ bé với khuôn mặt lãnh đạm, đôi mắt thông minh, vầng trán gồ cao bướng bỉnh, mái tóc xõa xuống trông thật cô liêu, dáng đi rất thẳng nhưng hơi khệnh khạng. Sống sơ sài giản dị. Chưa có người yêu. Không biết nhảy đầm. Không tứ đổ tường, chỉ cà phê thuốc lá như đa số thanh niên cùng thời. Giọng nói trầm tĩnh, rành mạch nhưng rất ít nói. Đó là một người sống có lý tưởng, kỷ luật, rất nhiều tài năng, sống hết mình và làm việc hết mình. Ngoài giờ học, anh ham mê văn chương, đọc sách và âm nhạc.

Trong gia đình anh là người con chí hiếu, qua việc chọn lựa ngành học anh đã làm theo ý nguyện của mẹ

anh. Ngoài xã hội, nếu không thân cận với anh thì dễ nghĩ đây là một người lãnh đạm, khó gần. Nhưng khi đã gần gũi, hiểu anh thì sẽ thấy mến phục một mẫu người quân tử Đông Phương. Đặc biệt, anh cư xử một cách thẳng thắn, không thiên vị với một ai và không phê bình một người vắng mặt nào cho tới hình ảnh của một vị Thánh. Anh luôn bao dung, rộng rãi với những quân nhân thuộc cấp. Dù gia cảnh không mấy khá giả nhưng anh đã dùng phần lớn tiền lương của mình để giúp đỡ cho những anh em này. Ngay đến vật dụng “thân thiết” như chiếc máy ảnh, anh cũng tặng lại cho người đàn em đã ra đi. Bởi thế, khi anh hy sinh mọi người cảm thấy hụt hẫng và rất thương tiếc, điển hình như câu chuyện một binh sĩ Dù, chỉ mới biết anh trong hơn mười tháng trời, đã đến mộ anh hàng ngày khóc lóc thảm thiết như mất một người thân ruột thịt, được sĩ Vũ Văn Tùng ghi lại.

Là bác sĩ nhưng chữ viết của anh rất đẹp. Anh còn giỏi văn chương, hội họa, âm nhạc. Anh được học vĩ cầm từ nhỏ và có lần được trình diễn cùng các bạn tại trường Quốc gia Âm nhạc, Sài Gòn. Thích nghe symphonies của Beethoven, Von Karajan conductor.

Anh đọc rất nhiều sách: sách tiếng Việt, sách Hán Nho, sách tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức ... được các bạn anh nhắc đến khi nói về tủ sách ở nhà anh.

Cùng với Chủ nhiệm: Phạm Đình Vy, Chủ bút: Nguyễn Vĩnh Đức, Tổng thư ký: Trần Xuân Dũng, Quán lý: Phạm Như Bách, anh Nghiêm Sỹ Tuấn giữ chức vụ Thư ký của Nguyệt San Tình Thương (TT), cơ quan tranh đấu văn hóa xã hội của sinh viên Y khoa, ngay từ số đầu tiên và đã đóng góp công sức để đưa tên tuổi của tờ báo này ra ngoài phạm vi của một

trường Đại Học để được phát hành khắp lãnh thổ VNCH thời ấy. Ngoài ra, anh còn đóng góp cho TT những truyện ngắn, truyện dịch, tản mạn về y tế... Truyện ngắn “Những Người Đi Tìm Mùa Xuân” là tác phẩm đầu tay và ưng ý nhất của anh.

Là dân y bị trưng tập, anh có quyền lựa chọn nơi bổ nhiệm ít nguy hiểm như Không quân, Hải quân hoặc các nha sở v.v... Nhưng anh đã tình nguyện vào binh chủng Nhảy Dù mà theo Bác sĩ Đặng Vũ Vương “là một thử thách đặc tính (character) và ý chí cá nhân để chứng tỏ với bản thân khả năng phục vụ trong vai trò của một quân y sĩ binh thường trong những tình cảnh và hoàn cảnh khác thường hoặc phi thường.”

Trong bút ký Y Sĩ Tiền Tuyến, Bác sĩ/ Nhà văn Trang Châu kể lại: “Tuấn là y sĩ Dù duy nhất bị thương hai lần, một lần ở Dakto, một lần ở Cao Lãnh... Khi trở về lại bệnh viện Đỗ Vinh, tôi nghe nói Tuấn sau khi bình phục sẽ được theo học khóa giải phẫu một năm. Sau đó nghe nói Tuấn bỏ không theo khóa học giải phẫu vì đòi hỏi của Tuấn là sau khi học xong phải cho Tuấn về lại bệnh viện Đỗ Vinh, điều mà Cục Quân Y không hứa. Thế là tập xong vật lý trị liệu Tuấn lại “súng, xắc” trở về làm y sĩ trưởng Tiểu đoàn 6 Dù cho tròn chu kỳ hai năm phục vụ ở cấp tiểu đoàn.”

Theo Bác sĩ Trần Đức Tường, Y sĩ Trưởng Tiểu Đoàn 3 Nhảy Dù, Bác sĩ Nghiêm Sỹ Tuấn tử trận tại 5 km phía tây Khe Sanh khoảng tháng 4 năm 1968 (giữa Khe Sanh và Làng Vây, trên một ngọn đồi). Anh hy sinh khi đứng dưới hố cá nhân sẵn sóc vết thương cho một thương binh nằm cẳng trên miệng hố. Anh chết

liền (khoảng 6 giờ chiều) khi cuộn băng (bandage) còn
cắm trên tay! (*)

Bác sĩ Trần Đức Tường kể: Lúc ở Cà Lu tôi có gặp
Nghiem Sỹ Tuấn, lúc anh sắp sửa lên trực thăng vào
trận địa. Tôi có hỏi anh: "Nhiếp nó sẵn sàng thay toa
rồi. Sao không về?" Tuấn nhỏ nhẹ trả lời: "Anh Lân
cũng muốn mình bắt cái Đại úy. Nhưng đó là chuyện
nhỏ. Mình sống chết với tiểu đoàn, bỏ về trong trận lớn
này không đành..." (*)

Qua lời kể của Bác sĩ Trần Đức Tường, chúng ta đã
thấy con người rất thật, rất tình nghĩa của anh, sống
chết với anh em, không bỏ đồng đội.

Bác sĩ Hà Ngọc Thuần có tiết lộ khi viết văn anh lấy
bút hiệu là Yên Thử. Nhưng anh không cho biết lý do
chọn bút hiệu này cũng như ý nghĩa đặc biệt của nó.
Vốn dốt chữ Hán nên tôi viết thư hỏi nhà thơ Tô Thắm
Huy về ý nghĩa của từ Yên Thử thì anh Huy cho biết:
Có nhiều chữ yên, tùy theo cách viết, nhưng có lẽ là
một trong hai chữ yên sau: viết theo bộ nhân (1), hay
bộ thử (2)

1- Yên thử 偃鼠: Chú chuột nằm nghỉ (Yên 偃: Nằm
nghỉ.)

2- Yên Thử 鼯鼠: Một giống chuột đào hang và sống
dưới đất. Tiếng Anh là mole. Cùng họ với gopher
(sóc đất). Tiếng Việt là chuột chũi. Hình trông y như
con chuột, nhưng chân ngắn, bàn chân trước to và có
móng lớn để đào đất, hay dũi đất bắt giun ăn.

Con chuột nằm nghỉ thì không đúng với anh rồi, vì anh

là con người năng động và hoạt động hết mình.
Có lẽ anh đã chọn hình ảnh của một chú chuột chũi
đào hang sống dưới đất tránh xa cuộc đời bon chen,
hỗn tạp trong một xã hội đông đúc, xô bồ (dựa vào
truyện ngắn “Người Ăn Cơm Một Mình”).
Đó chỉ là ý nghĩ của riêng tôi. Làm sao biết được đúng
hay không khi Người không còn nữa: Anh đã yên nghỉ
đời đời khi Mùa Xuân thật sự của dân tộc vẫn còn xa
tít tắp...

Trần Thị Nguyệt Mai tổng hợp
28.12.2018

(*) <http://www.geocities.ws/qynhaydu/nstuan.html>

██████████

Lê thị Hoài Niệm

Nghĩ về THƯ QUÁN BẢN THẢO

Tôi có may mắn nhận được Thư Quán bản thảo từ
ngay số đầu tiên, và cho đến hôm nay đã là 83 số.

Mỗi lần nhận được tạp chí văn học này, tôi “nâng niu”
và đọc không sót một chữ nào. Nhiều lúc tôi muốn viết
lên” tâm sự” gửi đến quý Anh chủ trương tạp chí, để

nói một lời cảm ơn chân thành, một suy nghĩ về những gì mình đã đọc, về những bất gặp khi đọc những áng văn hay, những vần thơ bất hủ của những người viết từ ngày xa xưa đó, những ngày chúng tôi chưa hề biết trong cuộc sống chung quanh mình đã có những người viết văn làm thơ hay như vậy. Nhưng tôi biết mình không đủ từ ngữ để diễn tả hết nội dung của những gì mình đã đọc, sợ rằng làm...hư những dòng chữ nghĩa mà quý Anh rất trân quý.

Với 83 số Thư quán bản Thảo ra đời, là bấy nhiêu tâm huyết của những người Chủ trương và điều hành, in ấn, phân phối đến với người đọc. Quý Anh Trần Hoài Thư, nhà văn Quân đội nổi tiếng trước 75, với những truyện ngắn anh viết từ chiến trường, những vần thơ máu từ những ngày anh còn là một Sĩ quan Trinh sát, thám báo...Nhiều lúc tôi đọc mà rung rung nước mắt, cảm cảnh trước nỗi gian nguy cực của người Lính trận...Của anh Phạm văn Nhân, một người Lính trận, một nhà văn quân đội, một người bạn thân của anh T.H.Thư từ lúc mới ra đường đóng quân ở Qui Nhơn...Ở đó còn nhiều và nhiều lắm những người vừa cầm súng chiến đấu, vừa dùng ngòi bút để đưa đến cho người đọc những tâm trạng, những hiện trạng thương tâm của con người trước hoàn cảnh xã hội trong thời chinh chiến.

Và họ đã hy sinh trong lúc còn rất trẻ. Ở trong số 83 này, những người Lính trẻ đã đền xong nợ nước, nhưng những vần thơ, áng văn của họ vẫn còn tồn tại mãi với thời gian, cũng nhờ vào quý Anh Trần Hoài Thư, Phạm văn Nhân và một số bằng hữu văn chương của họ đã sưu tầm, lục lợi từ những thư viện quốc gia

Hoa Kỳ và trong một ít bạn hữu còn giữ lại. Vì sau 75, với chế độ “đốt sách để hủy hoại tàn dư Mỹ Ngụy” bọn tà quyền cộng sản phi nhân đã đốt đi tất cả... chỉ còn lại sự nuối tiếc của những người đọc một thời.

Nếu không có quý Anh Trần Hoài Thư, Phạm văn Nhân và nhiều bằng hữu văn chương của họ, chắc gì những người như chúng tôi, những người tuy không còn trẻ, nhưng những ngày xa xưa đó chưa một lần có cơ hội...đọc qua, cho mãi đến ngày hôm nay được đọc....

'HU' QUÁN BÀN THẢO

Số 83 tháng 1-2019

u đề: 10 khuôn mặt văn nghệ hy sinh trong chiến trận



TRẦN KHÁ • (2) Y UÊN • (3) PHAN HUY MÔNG • (4) NGUYỄN SỸ TUÂN •
(5) TRẦN NHƯ LIÊN PHƯƠNG • (6) Nhạc sĩ DŨNG CHÍNH • (7) HOÀI LŨ •
(8) ĐOÀN ĐÁN • (9) NGUYỄN PHƯƠNG LOAN • (10) SÔNG LINH

ng tác đóng góp của Nguyễn An Bình, Ngọc Bút, Tô Thẩm
y, Trần Văn Giả, Uyên Hà, Trang Luân, Trần Dza Lữ, Phạm
y Nhân, Nguyễn thị Liên Tâm, Lê văn Trung, Viém Tịnh,
i Trọng Ty, Cam li Nguyễn thị Mỹ Thanh....

Cảm ơn quý Anh, những người đã bỏ không biết bao nhiêu tâm huyết để truy lục lại những áng văn chương, những vần thơ tuyệt mỹ của những người cầm bút năm xưa, đã bị mai một với thời gian, và in thành từng tập để gửi đến những người...thích đọc. Khó khăn và khó khăn vô vàn khi những trang giấy ngày xưa đã mờ phai theo năm tháng, nhưng với đôi kính cận dày cộm, anh vẫn ngồi gõ lại từng chữ từng câu, người đọc nhận được tập TQBT, nhìn thấy được sự tận tụy vì văn chương chữ nghĩa của quý Anh, dù hoàn cảnh gia đình Anh có ra sao đi nữa, dù chị có nằm trong Nursing home, dù hằng ngày anh vẫn đem cơm vào nuôi vợ, dù chị Yến có hôm ăn được vài muỗng, có hôm phun ra vì tinh thần chị bất ổn...thì với Anh, chị vẫn là người tình đáng yêu và vẫn luôn nâng niu chăm sóc. Và với anh Nhân, có khá hơn chút đỉnh, vì chị Thu tuy ngồi xe lăn, nhưng chị vẫn yêu đời, vẫn vui trong cuộc sống...Nếu thiếu chữ nghĩa từ những trang Thư quán bản Thảo này, chắc là các anh buồn lắm?

Một lời cảm ơn chân thành gửi đến quý Anh chị, một lời cầu chúc bằng an, và một ước mơ quý Anh mãi còn sức khỏe.

Lê thị Hoài Niệm.

Ý kiến về bài viết của Lê thị Hoài Niệm:

từ Thanh Tran

Tuyệt ơi !

Cảm ơn Tuyệt rất nhiều khi đọc bài của Tuyệt viết về

TQBT , nhất là về anh chị Trần Hoài Thư , anh chị Phạm Văn Nhân .. những người mà đã có lần mình được nói chuyện (qua phone) và hy vọng có dịp được gặp.. nhưng tiếc quá Tuyết ơi ! Bây giờ ngồi đây nghĩ lại thiệt là ..

không biết nói sao nữa T. à !

bởi người "bạc tình, bạc nghĩa" mình có thể " đứt khoát" nhưng với sách của anh THT tặng, những quyển TQBT... mình cũng "đứt" đi trong một lúc tâm trạng rối bời , để bây giờ không biết nó nằm ở một nơi nào nữa , (nhưng chắc chắn là không được trân quý như lúc còn ở nhà Thanh). Ngồi mail cho Tuyết mà nhớ đến " Thư viết cho con " , nhớ đến " Rau răm ở lại... " của các anh mà tiếc ngẩn ngơ..

Khuya rồi Tuyết , muốn viết nhiều.. nhưng thôi , Thanh khóc rồi đây !

Thanh .

.....

Qua Tết mình trở về Mỹ ; chắc có lẽ mình sẽ nhờ Tuyết giúp mình liên lạc với các anh trong TQBT, mong có lại những quyển sách của TQBT (dù in bằng tay); và lần này nó chắc chắn phải là của mình mà thôi

.
Thanh .

từ Võ Thị Tường Vi

Đọc những lời tâm tình chân thật của chị Lê Thị Hoài

Niệm làm Lúa 9 suy nghĩ, Thư Quán Bản Thảo được tận tụy chăm bón bởi những vị đồn hết tâm sức của mình vào trong Bản Thảo đó, và cái hạnh phúc các anh Trần Hoài Thư, nhà văn Quân đội nổi tiếng trước 75, anh Phạm văn Nhân, một người Linh trận, là: Bản Thảo của các anh gửi tới còn có người như chị HN đọc say sưa, không bỏ sót một chữ và viết lời giới thiệu về nó nữa.

Xin chị nhấn lại với các vị ấy, bên trời Âu Lúa 9 cũng ngồi đọc hết những tâm tình chị HN giới thiệu, nên giờ Lúa 9 mới biết tới Thư Quán Bản Thảo và tên tuổi các anh ấy. Cho nên TQBT sẽ sống mãi với thời gian vì cũng còn rất nhiều người thích đọc sách như Lúa 9.

Kính chúc quý anh chị năm mới Kỷ Hợi 2019 dồi dào sức khỏe, vui vẻ, bình an, may mắn, mọi sự hanh thông như ý.

Võ Thị Trúc Giang Lúa 9

PHẦN CHỦ ĐỀ

Những trang sau là những trang sáng tác của chín bằng hữu đã xem TQBT là mái nhà và đã rời bỏ trần gian để về cõi khác.

Chúng tôi tri ân họ, và niềm tri ân này được biểu lộ bằng những bài viết của họ đã từng xuất hiện trên TQBT.

ĐÌNH CƯỜNG

(1939 – 2016)

Đình Cường đến với tạp chí Thư Quán Bản Thảo với tất cả tấm lòng của một người bạn thiết. Anh đóng góp tranh bìa, tranh phụ bản, thơ, văn, hay giúp chúng tôi liên lạc với tác giả hay thân nhân của tác giả khi chúng tôi thực hiện những số chủ đề như Phùng Thăng, Nguyễn Đức Sơn, Dương Nghiễm Mậu, Cõi Đá Vàng của Nguyễn thị Thanh Sâm...

Cảm kích nhất là anh đã ủng hộ hết mình tủ sách di sản văn chương miền Nam. Mỗi lần các bạn ở VN qua,

ghé thăm anh, anh đều tặng những bộ văn miền Nam, thơ miền Nam hay những số báo Thư Quán Bản Thảo. Chúng tôi dùng hai tiếng cảm kích, bởi lẽ anh là một họa sĩ nổi tiếng, đáng lẽ chúng tôi phải tặng anh, nhưng ở đây thì ngược lại. Riêng thi phẩm “Cào Lá Ngoài Sân Đêm” của anh, chúng tôi rất lo lắng ở phần kỹ thuật khi xuất bản, vì anh là một người rất có kinh nghiệm về việc trình bày sách báo, nhưng ngược lại anh rất là hài lòng. Bằng chứng anh đã nhờ chúng tôi in thêm vài lần để anh có đủ sách tặng bằng hữu.

Anh bỏ đi, chúng tôi mất một người bạn, Thư quán bản thảo mất một người cộng tác hết mình, tủ sách di sản văn chương miền Nam mất một họa sĩ để làm bìa khi chúng tôi cần nhờ...

Nhớ tưởng đến anh, chúng tôi lục lại những trang báo cũ mà anh đã đăng trên TQBT, đăng lại như những nén nhang tâm tưởng của anh về hương linh của anh.

Kể từ bạn bỏ đi xa
Con tàu vẫn đến nhà ga mỗi ngày
Còi tàu vẫn vút lên mây
Cớ sao thừa bạn hôm nay quá buồn!
Tàu ngừng, chờ tiếp hoàng hôn
Làm sao chờ hết nỗi buồn của tôi?

THƠ ĐINH CƯỜNG

Biển khúc tháng mười một

biển khúc tháng mười một
hay tiếng đàn contrebasse
bám đuổi theo tôi bao năm
những vết xước vô thức
màu indigo. xám chàm buồn
lại trở về như tiếng gió buốt
chiều lạnh tắm. lá ngập đầy
không thấy lối đi .

nư hồn tôi ngập đầy tiếng đàn trầm
nửa bóng tối. nửa kia là ánh đèn vàng
rọi xuống khuôn mặt ai
chiếc cổ trắng dài Modigliani
rọi xuống trăm năm. hãy ngủ yên .

biển khúc tháng mười một
như tiếng gió đứt đoạn
rơi trên tiếng đàn trầm
rơi trên mặt tranh
inachevé ...

Virginia, 5 Nov. 2011
(TQBT số 50)

tháng ba

nhớ ngày giỗ Thanh Tâm Tuyền

tháng ba hoa đã vàng quanh giậu
rừng mưa sương ướt cỏ lên mầm
xanh non lá cũng vừa reo dậy
trên nhánh khô buồn gió cuối đông

chim hót vào xuân tiếng hót trong
con chim màu đỏ gạch tươi hồng
tôi trông nó tuần nay mới thấy
lại nhảy vờn thoát hiện thoát đông

Kiệt Tấn ơi con vịt vàng của bạn
chết bên đường bạn khóc rống năm xưa
tôi: con sóc vừa nhảy tợn mới đó
mà sát na xe đã cán tươi rồi

tôi buồn quá sao mà kỳ lạ rứa
bỗng khi không động đất chết bao người
có cô Nhật Michiko yêu Sơn lắm
nay Sơn mất rồi mất đã mười năm...

và tháng ba hoa đã vàng thương nhớ
sáng nay đi vòng mấy bạn rừng sau.

Virginia, March 22, 2011

Đình Cường

TQBT 59 chủ đề Phùng Thăng

CHIỀU ĐẦY BÔNG SIMONE WEIL

thay lời cảm ơn Trần Hoài Thu gửi tặng sách

Chiều nay Colombia thắng Nhật đậm 4-1
hơi buồn. xem trận banh xong ra tưới cỏ
vẽ thêm màu trời miền đồi núi
không quên một dải mây hồng



ĐC - Simone Weil

ropec bì thư mới nhận. cảm ơn Trần Hoài Thu
gửi tặng món quà văn chương quý hiếm
Kẻ Lạ ở Thiên Đường của Simone Weil

bản An Tiêm in còn lưu ở thư viện Thừa Thiên [1]

anh đã dò tìm ra. nhờ Anh Nga - Bửu Nam
cặp đôi hoàn hảo (chữ của Hoàng Ngọc Biên)
ở Huế bỏ công ra thư viện scan lại gửi qua
nhân Thư Quán Bản Thảo số Phùng Thăng ra

năm 1943 Simone Weil mất. Phùng Thăng ra đòi
hình ảnh hai người ghi dấu đậm trong tôi
thích địa ngục thật hơn là thiên đường tưởng tượng
luôn dẫn thân vào con đường văn chương cứu khổ

Simone Weil là Đóa Hồng trên Mặt Đất Đen
đang ngược uống những giọt sương rơi từ Thiên
Không
vô tận, một tâm hồn thần bí nhất của thế kỷ XX
lời dịch giả ghi ở bìa sau thật đẹp...

lấy mấy cây viết màu Phạm Cao Hoàng mới cho
nói để đem theo qua Starbucks vẽ. thử nét đầu tiên
ôi khuôn mặt mang đầy nét tâm linh như Camus nói
cho tôi được thanh thản ngay không buồn nữa

nghư chiều vẫn đầy mây, chiều đầy bông Simone Weil.

Virginia, June 24, 2014

Đình Cường

[1] Kẻ Lạ ở Thiên Đường – Simone Weil
Phùng Thăng dịch – An Tiêm xb – Sài Gòn 1973
Tủ Sách Văn Chương Miền Nam – Thư Án Quán 2014

Muguet đầu tháng năm và lời ca treo cổ

*Như cái chết kẻ tội đồ
cầu đấng hoàng hôn*
(Nh. Tay Ngàn - Thành phố chim hồng)

Biên biệt đã bao năm
người chết trên gác trọ
giữa lòng phố Paris
thấy gì hoa trắng nở

chiều đi bộ rừng sau
Nh. Tay Ngàn thoáng nhớ
muguet đầu tháng năm
trắng chùm bông chuông nhỏ

lời ca blues quán quen
cành cây nào treo cổ [1]
Strange Fruit đầy đòn đau
quả lạ đầy nước mắt

lời ca như thiên thu
Billie Holiday bắt tử
mười hai điệu Liên sầu [2]
run đau đầy tiếng vạc

Harlem nhớ Orléans
căn nhà xưa lâu cũ [3]
muguet đầy vườn sau
áo phơi chiều tắt nắng

tháng năm muguet trắng
chùm bông chuông tặng ai
Trà Vinh đầy tiếng quạ [4]
chiều ơi tiếng hụ còi ...

*Chiều đi bộ qua Starbucks ngồi
nhớ đến Nh. Tay Ngàn, 5 May 2012*

Đinh Cường

[1] cảnh treo cổ hành hình người da đen trên cành cây
trong ca khúc Strange Fruit (Quả Lạ), viết bởi Abel
Meeropol, ông thầy giáo Jewish ở New York City năm
1939, do Billie Holiday (1915- 1959) hát.

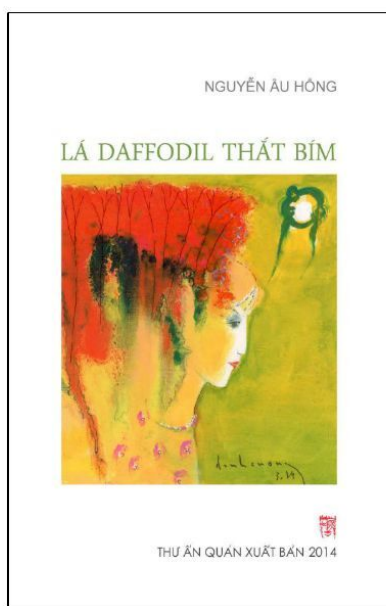
[2] Tôi có mười hai điệu Liên sầu
Mấy ngày thơ em hẹn tôi như ánh trăng
(Nh.Tay Ngàn - Nỗi Liên Đen Tối Vô Cùng)

[3] vườn sau nhà Đặng Tiên ở Orléans nhiều hoa
muguet

[4] Nh. Tay Ngàn tên thật Nguyễn văn Nhĩ, sinh năm
1943 tại Trà Vinh, mất đầu tháng giêng năm 1978 tại
Paris

(TQBT số 52)

Và một ngày chủ nhật
thơ Đinh Cường



Và người vẫn đi về phía mặt trời lặn
mặt trời mùa đông rạng rỡ vô cùng
làm ánh lên bao nụ mầm non mạnh
cho mai này rừng thay muôn lá xanh
rồi những cụm hoa daffodil lại nở
(nhớ *Lá Daffodil thắt bím*, Nguyễn Âu Hồng)

Barbara với nỗi khát khao kỳ lạ
và người tình già ngồi thất bím cho hoa) [1]

và hàng giậu forsythia như sắp sửa
rực vàng lên như những khóm mai
mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
đình tiền tạc dạ nhất chi mai [2]

và người lại về từ phía mặt trời lặn
cứ suy nghĩ hoài sao mới sáng nay
như buổi cuối cùng ở phở Xe Lửa [3]
cuối tháng này có chủ mới vào thay...

Virginia, Feb. 23, 2014

Đình Cường

[1] *Lá Daffodil thất bím*, truyện ngắn thật hay
của Nguyễn Âu Hồng trên blog Trần Thị Nguyệt
Mai và blog Phạm Cao Hoàng.

[2] trong *Cáo Tật Thị Chúng* của Thiền Sư Mãn Giác

[3] sau 23 năm, phở Xe Lửa của người bạn là
Nguyễn Thế Toàn đóng cửa. Chủ mới sẽ vào thay...

(TQBT số 60)

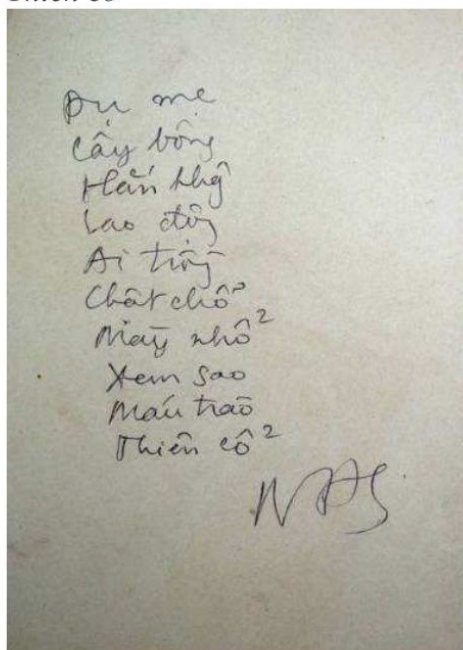
Nguyễn Đức Sơn - Ngọn Lửa Tịch Mịch **Đinh Cường**



Thiếp ơi, đọc *tháng Tư, nhớ về Saigon* của bạn trên blog Nguyễn Xuân Hoàng và bạn hữu... bạn nhắc ở cuối bài, tháng tư vọng lên câu chửi thề nổi tiếng của thi sĩ Sơn Núi làm tôi nhớ Nguyễn Đức Sơn hồn danh Sơn Núi quá, lật những trang trong quyển vở đã ố vàng, tìm lại những câu thơ mà Sơn đã ghi trong đó, năm 1987, có câu chửi thề nổi tiếng (Ian Bùi đã dịch ra tiếng Anh rất hay) ghi lại cho đúng như thế này:

*Đụ mẹ
Cây bông
Hắn không
Lao động
Ai trông
Chật chồ
Mày nhỏ
Xem sao*

Máu trào
Thiên cổ



Và bài kế tiếp:

Bông hồng
Mới nở
Mắc cỡ
Đời hay
Hương sắc
Ai bày
Sáng nay
Ta chết

Từng câu hai chữ, chữ đầu viết hoa... Sơn Núi rất kỹ và khó tánh, sai một chút là chàng ta chửi thề. Đọc hai

bài trên, nhớ lại tập Du sỹ Ca, tác phẩm thứ mười một của Nguyễn Đức Sơn, An Tiêm xuất bản năm 1973, có đoạn gần cuối, trang 35:

*Địa cầu
Địa cầu
Rồi đây
Lụi hụi
Tới ngày
Quá vui
Mây tan
Thành bụi
Tro than
Mê man
Mở đui
Ta khụi
Kéo rụi
Một mai
Ai tới
Ai lui
Ai chui
Vắng lặng*

mới thấy thi sỹ là kẻ tiên tri... nói như Rimbaud, địa cầu như càng ngày càng nóng lên với bao nhiêu trận động đất vừa qua... Cuối tập, tác giả viết: *Bài về này tưởng đã được hoàn tất giữa một đêm rạng sáng ở nhà, trong một cái lò bánh mì đốt củi cũ mục bỏ hoang, đột hứng, tác giả đã phóng đại triển khai thêm một nửa số câu, nằm viết trong nhà đá lờm chờm, nhầy nhụa, chặt cứng, bít bùng, chỗ giam của Quân Cảnh Tư Pháp Bảo Lộc, khuya 25 tháng 8 năm 1972 lúc đã được hốt từ lao tỉnh qua.*

Như vậy, câu chữ thề mà Thiệp nhớ, với Sơn là dạng một bài về ghi lại trong một hoàn cảnh đáng nguyên rủa, ngộp thở... lao động là vinh quang.

Có nên nhắc lại một ít về Sơn (1) không? Cứ nhớ giọng đọc của Trương Hồng Sơn, tiến sĩ toán, làm việc tại NASA, Maryland, người bạn học cùng lớp với Nguyễn Đức Sơn thời trung học ở Nha Trang:

*Khi thắm mệt tôi đi luôn ra núi
Cuối chiều tà chỉ gặp bãi hoang sơ
Bước lùi thúi tôi đi luôn vô núi
Nghe nắng tàn run rẩy bóng cây khô
Chân rục rã tôi đi luôn ra núi
Hồn rụng rời trước mặt bãi hư vô*

Cùng học với thầy Nguyễn Đức Nhơn (thân sinh của Nguyễn Đức Sơn) dạy Pháp văn và thầy Thạch Trung Giả dạy Việt văn, người thầy Sơn rất kính nể.

Trong thư gửi cha từ Blao đề ngày 19.8.1972 thay lời tựa cho tập thơ Tịnh Khẩu: “...Bởi con mà có cái tham vọng gì, con một thằng sống bằng lửa tịch mịch, bằng hơi lạnh thiên thu, đến cả mộng mơ đích thực còn không có, hay chỉ có toàn là mộng không:

*Sáng mênh mông
Ta đi thơ thần trong vườn hồng
Ồ bông, ồ mộng, ồ không.*

*Ba không thấy sao, chính cái bọn tự cho mình là
trượng phu, là kẻ sỹ, lại là bọn người tha thiết nằm
trong cái guồng máy vô tâm, thúc hối cái guồng máy*

đó nghiền nát không những bao kẻ phiêu hốt mà luôn cả những kẻ nào còn mang trong người chút xíu lẽ công bình còn sót lại với trời đất. Và chẳng, thanh minh, bày tỏ cái gì nữa đối với cái thẳng đàn ông đã lê tới và đã đi qua cái đỉnh tịch mịch khốc liệt chưa từng thấy là con? Ôi cái giọng của con, cái giọng thơ văn con, mà ngay cả một người đầy tâm huyết và khí phách với bản tính vô cùng thận trọng là nhà văn hóa đầu bạc phơ Nguyễn Hiến Lê cũng cho là “khác cả thế hệ này nữa vì cá tính quá đặc biệt”.

Bửu Ý trong một tự truyện đăng trên *Văn* năm 1973 đã viết về Sơn là “*hình ảnh của con tê giác, từ tính tình đến cách ăn nói, dáng đi. Húc bừa về phía trước không kể thiệt hơn, không tính hậu quả. Thêm thù và bớt bạn. Đơn độc quá quèo. Dã man nghiệt ngã. Chỉ thông dong ở chốn không người: rừng và biển ...*”

Thật vậy, không ai đánh đổi cả đời mình với rừng như Sơn Núi. Sơn vẫn ở riết trên Phương Bối Am từ sau 1975 đến nay (Phương Bối Am là một vùng đồi rộng ở Bảo Lộc từ Sài Gòn đi quốc lộ 20 lên Đà Lạt, qua cầu Đại Lào, bên tay trái, đi sâu vào xã Lộc Châu tới con dốc dẫn lên một vùng đồi rộng là Phương Bối Am. Thầy Nhất Hạnh đã xây một thiền thất giữa đồi thông mệnh mông, thơ mộng ấy. Sau 1975, ngôi nhà bị sập, cả vùng đồi tan hoang, chỉ còn lại cái bể cạn lớn, khô nước, trơ bốn vách tường xi măng). Sơn đã đưa gia đình lên đó, che cái mái tranh, vách ván, cả nhà chui vào ở. Sơn, Phượng - vợ Sơn - cùng chín đứa con, bảy trai hai gái: Thạch, Vân, Thảo, Thủy, Không, Lão, Yên, Phương Bối, Tiểu Khê “...*Những đứa trẻ lớn lên cũng hoang dại như núi rừng, không cách chi sinh*

sống được, nên tất cả đều lần lượt được gửi vào nương náu nơi cửa chùa. Ngoại trừ Thạch đã có cuộc sống riêng và cắt đứt liên hệ với gia đình, Thảo nằm kia từ lâu lắm, nắm mồ chôn vợ trên ngọn đồi yên ả mây bay. Vân từ chối cơ hội sang Pháp tu học, tạm quay về để gom tất cả bốn người em trai, nuôi ăn học lại dưới một mái nhà tại chân Phương Bối, trong đó Thủy đang theo học cao cấp Phật học tại Sài Gòn. Yên, Không, Lão rời chùa về nhà theo thể học.” (Mù hạ, về Phương Bối – Hàm Anh)

Năm 2005, tôi ghé thăm Sơn Núi. Trên đường lên Đà Lạt, Sơn hẹn ở một quán cà phê quen thuộc bên đường quốc lộ gần cầu Đại Lào rồi đi chiếc xe gắn máy cỡ nhỏ hướng dẫn về nhà. Bây giờ đường đi đã mở rộng, xe hơi vào đến đầu ở chân đồi. Trưa im vắng giữa đồi thông xanh lao xao gió, chúng tôi ngồi ăn mâm cơm chay cùng nhau trên nền xi măng cao bên hông căn chòi nhỏ Sơn ở một mình ... Nhà gỗ bên dốc trái là Phượng ở cùng hai cô con gái út Phương Bối, Tiểu Khê, rất xinh đẹp, đang học trung học. Tôi còn gặp cháu Yên, người gầy cao giống mẹ, bị chứng đau mắt nặng, ngồi trong bếp phụ mẹ làm cơm trưa đãi khách. Một buổi trưa thật cảm động, với buồng chuối sứ Sơn chặt đem

vào... khoe tài trồng chuối, trồng mít của mình ngoài tài trồng cả rừng thông quanh Phương Bối, mà kể lại là cả một câu chuyện dài... đầy máu và nước mắt về Sơn Núi...

Cũng vui là những năm gần đây, Sơn Núi đã chịu tiếp các nhà báo, nhà làm phim để phỏng vấn, viết và quay phim về mình: “*Sơn Núi*” Lão du sĩ cuối cùng, bài về

mỗi tuần một chân dung của Lê Quang Kết trên Thể Thao & Văn Hóa, số 49, 18.6.2002, trang Phóng sự & Ký sự báo Tuổi Trẻ ngày 6.7.2002 với bài của Quốc Việt *Ấn sĩ cuối cùng và đồi thông Phương Bối* :
“... Vừa nói lão vừa dẫn tôi lang thang tham quan đồi thông rộng xấp xỉ 30 ha của mình. Khoảng vài ngàn ngọn thông lớn nhỏ, nhiều cây cao đã 6 -7 mét. Nhưng rồi ngậm ngùi biết bao khi lão lần xuống triền đồi và chỉ cho tôi xem hàng ngàn cây thông nhỏ với những lỗ đất trống không xen kẽ khắp nơi. Tôi cứ trồng xuống, người ta lại nhổ lên, rồi tôi lại trồng xuống... Kể về mình, lão đã cười đến chảy nước mắt khi nói đến độc chiêu để bảo vệ thông. Cứ cây nào ra cành đẹp là lão phéng ngay cành đó để chặn mấy tay vô tâm chỉ vì một cành ưng ý mà hạ luôn cả cây. Rồi gần đến mùa Noel lão sẽ châm lửa đốt rừng thông lớn của mình, do thông lớn gặp than lửa sẽ không chết mà càng cao tốt thêm trong khi những cành bên dưới sẽ xấu đi ...”

Sơn ký tặng tôi CD ghi lại Buổi giao lưu của đoàn phim HTV về tác giả Nguyễn Đức Sơn với Hải Chuyên, người đẹp dẫn chương trình ..., với tôi, thông với thơ là một. Trong núi thơ có đồi thông. Trong đồi thông có núi thơ. Núi thơ là đồi thông. Đồi thông là núi thơ.

câu mà tôi ghi nhớ nhất của Sơn trong phần trả lời các câu hỏi... và bài thơ Sơn ghi trên mặt CD:

Ngày mai núi cũ tôi về
Dĩ nhiên hạnh phúc tràn trẻ em ơi
Thơ bay từ cổ ngút trời
Quanh năm bảo đảm tuyệt vời nước mây
Cớ sao đang từ bậc thầy

Hỏi ra từ đá tới cây lắc đầu

Sơn Núi, dang tử bậc thầy đúng vậy, và nhắc đến bạn là từ đá tới cây lắc đầu thật. Nhưng sao trong lòng tôi vẫn luôn nghĩ đến một người bạn quý hiếm, đã đánh đổi cả cuộc đời mình cho *Ông Nghệ Thuật*, như lời bạn nói.

ĐÌNH CƯỜNG

Virginia, 4.2010

(1) Nguyễn Đức Sơn sinh ngày 18 Nov. 1937 tại làng Dur Khánh (Thanh Hải) gần bên bờ biển Ninh Chữ tỉnh Bình Thuận. Học trung học Võ Tánh Nha Trang, Đại học Văn Khoa Saigon 1967.

Đã xuất bản 3 tập truyện ngắn *Cát Bụi Mệt Mỏi* (An Tiêm 1968), *Cái Chuông Khỉ* (An Tiêm 1969), *Xóm Chuông Ngựa* (An Tiêm 1971) và tập *Ngồi Đợi Ngoài Hành Lang* chưa in, 11 tập thơ: *Những bài tình đầu* (3 tập) (Mặt Đất 1965), *Hoa Cô Độc* (Mặt Đất 1965), *Lời Ru* (Mặt Đất 1966), *Bọt Nước* (Mặt Đất 1966), *Đêm Nguyệt Động* (An Tiêm 1967), *Vọng* (An Tiêm 1971), *Mộng Du Trên Đỉnh Mùa Xuân* (An Tiêm 1972), hai tập cuối cùng là *Tịnh Khẩu* (An Tiêm 1973) và *Du Sĩ Ca* (An Tiêm 1973).

Ngoài ra, 2 tập thơ *Tâm Tư* (An Tiêm) và *Độc Thoại* (Ca Dao) chưa in và còn khoảng hai ngàn bài hiện nay chưa in.

Bút hiệu đầu tiên: Sao Trên Rừng, đã cộng tác với các tạp chí: Bách Khoa, Sáng Tạo, Thế Kỷ Hai Mươi, Văn Nghệ, Khởi Hành, Văn

Truyện ngắn *Ý Tưởng Chiều Tà* in trong *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta*.

Bài thơ tôi thích nhất của Nguyễn Đức Sơn: *Đêm thăm bạn sắp đi ở Di Linh* (trong *Thơ Tự Do Miền Nam*, Thư Ấn Quán xuất bản)

(TQBT số 50 chủ đề nhà thơ Nguyễn Đức Sơn)



Chiều đây bông Phùng Thăng

Năm 1965. cuộc triển lãm tranh sơn dầu một mình đầu tiên của tôi ở Huế. do Tổng Hội Sinh Viên Đại Học Huế bảo trợ. bày tại Phòng Triển Lãm đường Trần Hưng Đạo

Trần Xuân Kiêm là chủ tịch tổng hội sinh viên lúc đó. đứng ra tổ chức. có ông Bùi Tường Huân viện trưởng viện Đại Học Huế cắt băng khai mạc có bác sĩ Erich Wulff dạy Y Khoa đến dự cùng bao nhiêu người. bao nhiêu bạn bè...

Tôi có gặp Phùng Thăng đôi lần
hình ảnh chị còn ghi trong tôi: người con gái
mặc áo dài trắng. thon cao. đi đôi guốc mộc.

tóc đánh hai con rít. làm nổi bật khuôn mặt thanh tú.
đoan nghiêm
đôi mắt thông minh. nước da trắng lạ...



*Dinh Cường - Dr. Erich Wulff - Bùi Tường Huân -
Trần Xuân Kiêm. Phòng tranh DC, Huế 1965*



chị đi từ phía Võ Dạ lên
chị đi từ Vương Phủ lên
chị thuộc dòng Tuy Lý Vương
tôi có học với Thầy Ứng Thiều năm xưa ở Pétrus Ký
là thân sinh của các chị. bây giờ còn chị Phùng Mai ở
Cali.
cũng còn chị Khánh Trọ... tôi hay nghe chị Lai Hồng
nhắc.

Phùng Thăng dịch La Nausée của Sartre rất sớm
thời buồn nôn. và hiện sinh. không khí thời chiến tranh
chị dịch Sói Đồng Hoang của Hermann Hesse cùng
Chơn Hạnh -

pháp danh của Trần Xuân Kiêm, chị pháp danh Huệ Minh

chị dịch cùng Phùng Khánh Bất Trẻ Đồng Xanh của Salinger. văn chương từ bi với tâm Bồ Tát...

với tôi, hình ảnh chị như một công chúa bỏ ngôi vương giả ra đi tìm Siddhartha. như câu chuyện dòng sông của Hermann Hesse

hai chị dịch. đã bao nhiêu lần tái bản
tôi vẫn đọc đi đọc lại. như sách gối đầu giường

hai chị em Phùng Khánh Phùng Thăng
hai chị em mãi là dòng sông mát trong. là vườn trắng xanh Vỹ Dạ

Bùi Giáng đã thương vô ngần:

Con thương Phùng Khánh vô ngần

Phùng Thăng thân mẫu cũng gần như nhiên



Phùng Khánh (bìa trái), Phùng Thăng (bìa mặt thứ hai)

chụp cùng mẹ và gia đình

như nhiên Phùng Thăng như nhiên ánh mắt
ánh mắt sâu thẳm khi ngồi nghe tôi nói chuyện
tôi nhớ một đêm mưa lớn năm 1970
trung tâm an sinh xã hội Phật Giáo hai chị dạy
ra Huế tổ chức đêm sinh hoạt văn hóa
chị nói chị Phùng Khánh cho xe qua đón tôi
ở trường Mỹ Thuật Huế trong Đại Nội qua chùa Báo
Quốc nói chuyện về hội họa cho lớp nghe. cả lớp mặc
áo lam. hai chị ngồi cuối lớp dự. tôi còn nhớ tôi nói về
forme.
cách dựng hình trong hội họa. và có đưa ví dụ vẽ trên
bảng đen. hình quả trứng gà. đó là hình thể của con gà
con khi muốn vẽ. hai chị cười vui. luôn giúp thêm kiến
thức văn hóa nghệ thuật cho lớp học. hai chị mặc áo
lam hai chị nắm tay tôi
cái siết tay ấm áp đó rồi chia xa vĩnh viễn... [1]

tôi cảm động. nhớ. về vẽ thành bức tranh sơn dầu lớn
những ni sư mặc áo lam những ni sư chấp tay từ bi.
bức tranh đã bị thất tán từ mùa hè đỏ lửa năm 1972
chúng ta đã thất tán nhau từ ngày khổ nạn...



*Những ni sư áo lam – sơn dầu trên bố 150 cm x 200cm
đinh cường 1970*

hình như tôi có nói với Trần Hoài Thư một lần khi đọc lại bài thơ của Nguyễn Đức Sơn

Đêm thăm bạn sắp để ở Di Linh được sưu tầm in trong *Thơ Tự Do Miền Nam*. Thư Ấn Quán 2008 [2]

là Sơn làm cho Phùng Thăng. bài thơ tôi cho là hay nhất của Nguyễn Đức Sơn... *Sắp để ở Di Linh cây cối chào chị. Sắp để ở hư không rừng và chị ôm nhau hát...*

và khi phone về Sài Gòn cho Trần Xuân Kiêm hỏi xin cái ảnh Phùng Thăng để vẽ. Kiêm nói chỉ còn cái ảnh thờ.

Kiêm đã scan và gửi qua. nhìn ảnh hai mẹ con dắt tay nhau đi

hồi ở Bảo Lộc năm 1968. năm Tiểu Phụng mới hai tuổi. [3]

đến năm chết cùng mẹ là tám tuổi. chao cái chết của
hai mẹ con
ai nghe mà không đứt ruột. bị quân Pol Pot tràn qua
đảo Thổ Chu ở Rạch Giá. nơi có trung tâm an sinh xã
hội của cô Trí Hải dạy chữ cho dân nghèo trên đảo.
bắt đi và giết cùng hơn năm trăm người... [4]

tôi bị ám ảnh từ bức hình từ cái chết của một thiên thần
của một công chúa bỏ ngôi vương giả. từ một dịch giả
quá tài hoa
là Phùng Thăng là người bắt trẻ đồng xanh người có
tâm Bò Tát

hình ảnh chị và nỗi ám ảnh trong tôi về chị cho tôi
được thấp cây hương chiều nay. chiều cuối năm. giáp
Tết. tôi niệm. tôi niệm...
đưa người qua suốt rừng đông
đồi cao còn nở mấy bông sương mù [5]
Chiều đầy bông sương mù chiều đầy bông Phùng
Thăng.

Virginia, Jan. 28, 2014

Đình Cường

[1] Phùng Khánh - Sư Cô Trí Hải, tên thật Công Tăng
Tôn Nữ Phùng Khánh.
Sinh năm 1938 tại Huế, mất năm 2003 tại Sài Gòn, vì
tai nạn giao thông trên đường đi cứu trợ giữa tỉnh
Đồng Nai và Bình Thuận. 65 tuổi.

Phùng Thăng, pháp danh Huệ Minh, tên thật Công
Tăng Tôn Nữ Phùng Thăng.
Sinh năm 1943 tại Huế, mất năm 1975 tại Kampuchea,

32 tuổi.

[2] Nguyễn Đức Sơn - Đêm thăm bạn sắp đi ở Di Linh
Thơ Tự Do Miền Nam - Thư Án Quán 2008, trang 354

[3] Trần Xuân Kiêm và Phùng Thăng có 2 con gái:
Trần Nguyễn Thường Nga (Tiểu Phụng) đã mất,
và Tâm Thường hiện sống ở Sài Gòn cùng gia đình.

Năm 1966 Phùng Thăng dạy Triết tại Trung Học Trần
Quý Cáp - Hội An. Sau đó lên dạy Anh văn tại Cao
Đẳng Nông Lâm Súc – Blao
và trường Trung Học Di Linh.

Trần Xuân Kiêm dạy trường Bồ Đề Di Linh.

[4] Đây, chứng tích thăm sát Koh Tang (Tuổi Trẻ
online, 10/1/2014)

[5] Đưa người qua rừng Đại Ninh - Thơ Trần Xuân
Kiêm

Đinh Cường

Dương Nghiễm Mậu
người đã nhìn thấy địa ngục có thật

Écrire, c'est aussi ne pas parler

C'est se taire

C' est hurler sans bruit

(Marguerite Duras)

Nhớ không Nghiễm, sáng mờ sương ngày ba mươi Tết
chờ bạn ngồi sau chiếc suzuki đen
ra trạm xe lên phi trường Phú Bài đậu trên ga về lại Sài
Gòn

chưa đầy hai ngày sau, từ đêm giao thừa cùng với
tiếng pháo nổ là tiếng súng của quân Bắc Việt vào
thành phố Huế (đã nuốt lời giao ước
thời gian ba mươi sáu giờ hưu chiến)

Những ngày sau đó là một thảm kịch đau thương của
lịch sử đến bây giờ chưa nguôi... như một Guernica
của Picasso thời nội chiến Tây Ban Nha.

Hơn tháng sau bạn trở ra Huế trên chiếc C130 ghé qua
Đà Nẵng đủ để bạn nghe và nhìn thấy thêm những vết
tích tan thương của mấy ngày Tết những xác chết, hàm
hố, những chiếc hòm bên đường còn dán màu giấy đỏ,
những bó hương chưa tàn chao ơi là lời thét gào vô hậu
chi mà vô hậu ...

Nhớ không Nghiễm, như một điệp báo: *Le Temps du
Massacre*

Phim chiếu Tết ở rạp Hưng Đạo

Thời điểm Tàn Sát... như một mối thù thẳng người bằng bìa cầm khẩu súng do Lê Vinh vẽ còn rơi toòng teng trên cửa rạp, phía trong không còn một cái ghế không còn một miếng tôn trên mái tôi chở bạn về Gia Hội xuống Bãi Dâu xem người ta đào tìm xác chết rừng rợn đêm về thăm Sơn còn trú trong ngôi nhà cổ là thư viện đại học Huế, nghe Sơn hát nhỏ mà ngậm ngùi :

Chiều đi qua Bãi Dâu hát trên những xác người

Tôi đã thấy tôi đã thấy

Trên con đường người cha già ôm con lạnh giá

Chiều đi qua Bãi Dâu hát trên những xác người

Tôi đã thấy tôi đã thấy

Những hố hầm đã chôn vùi thân xác anh em

Mẹ vỗ tay reo mừng chiến tranh

Chị vỗ tay hoan hô hòa bình

Người vỗ tay cho thêm thù hận

Người vỗ tay xa dần ăn năn. [1]

Bao nhiêu bà mẹ đã mất trí đã vỗ tay trước côi đoạn trường tang tóc ấy.

Chúng ta thì đôi mắt ráo hoảnh nghĩ đến Quân người bạn trung úy, tay súng thiện xạ

của một Tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến có thoát ra được vùng Gia Hội không.

Tôi lại cùng đi với Nghiễm đến phỏng vấn ở Bộ Chỉ Huy TQLC đang đóng tại một nhà dân trong Thành Nội. Đi đâu Nghiễm cũng đeo theo cái máy to trên vai, bao nhiêu ghi âm trong ấy để về đài viết lại (Nghiễm làm tại đài số 7, trong khuôn viên Đài Phát Thanh Sài Gòn, được đồng hóa cấp bậc hạ sĩ, các đài phụ như số 7, đài Tự Do ... đều do Mỹ tài trợ). Dương Nghiễm

Mậu từ nhỏ tới lớn chưa bao giờ biết đi xe đạp, chúng tôi nói vui, vậy mà anh Tạ Ty viết trong Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đã Đi Qua Đời Tôi : [2] Nhà văn Dương Nghiễm Mậu cũng đến thăm tôi . Mậu trông vẫn vậy với nụ cười tinh quái, Mậu nói :

- May quá, hôm nay ông anh có nhà/ Đạp xe đạp học máu mồm từ nhà đến, ông anh thủ trên lầu, ở dưới nhà bà chị bảo, đi vắng / Buồn quá ông anh ơi/ (trang 307)

Hình ảnh Dương Nghiễm Mậu luôn với chiếc áo chemise trắng cụt tay bỏ ra ngoài quần, đi đôi dép lệt xệt, có khi cầm thêm cây dù, đi bộ hoặc thỉnh thoảng đi cyclo hay taxi...

Và cái thú duy nhất của Mậu là mỗi năm vào những ngày mùa đông về thăm quê Hà Đông (nay sáp nhập vào Hà Nội mở rộng) nằm đắp tằm chăn bông... nơi đó còn ông chú ruột.

Nhớ e-mail Trần Hoài Thư nói viết về Dương Nghiễm Mậu cho anh ấy ấm lòng, cứ viết, không cần chờ tài liệu gì cả, và nói gởi trước ngày 10 tháng 12. Gặp ngày cuối tuần hai cháu nội về chơi. May đêm qua thức dậy giữa khuya viết được một đoạn, chiều nay tìm mấy tấm hình xưa cũ, scan gởi với lời ghi chú chắc Nghiễm sẽ như thấy lại bóng dáng thời trai trẻ của chúng ta. Trong đó thích nhất bức ảnh tôi chụp Nghiễm thấy sau lưng, đeo cái máy ghi âm to đang bước qua nhịp cầu Tràng Tiền bị giựt sập hồi Tết Mậu Thân.

Từ hôm nghe tin nhà văn Mạc Ngôn được giải văn chương Nobel, đem mấy tập tiểu thuyết Báu Vật Của Đời và Đàn Hương Hình ra đọc lại tôi vẫn không mấy

thích bằng đọc truyện của Marquez, Kafka hay của Cao Hành Kiện, Thanh Tâm Tuyền, Thảo Trường, Dương Nghiễm Mậu mà theo tôi ba tác giả sau xứng đáng nhất cho nền văn chương hiện đại Miền Nam, của cả Việt Nam khi cần nghiên cứu và trao giải.

Virginia, 9 Déc, 2012

Đình Cường

[1] Hát trên những xác người

Ca khúc Trịnh Công Sơn viết xong 28-2-1968

(TQBT số 55)

NHÀ VĂN LÊ VĂN THIỆN

(1947 – 2018)

Bạn thơ trong nước vừa cho hay là nhà văn Lê Văn Thiện qua đời ngày 30.7.2018 tại quê nhà thôn Tân Dân, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà sau cơn đau tim.

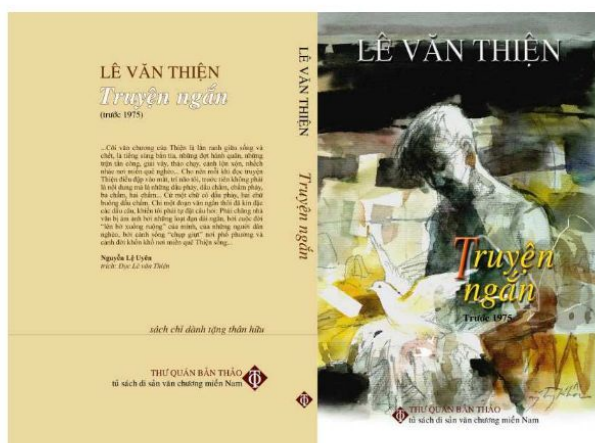


(+ LVT 1947-2018)

Tin buồn đến dồn dập. Chỉ trong tháng 7 có 2 người bạn văn chương của tôi qua đời. Phạm văn Bình ngày

22-7 và Lê văn Thiện ngày 30-7.

Cách đây 8 năm, chúng tôi có gom 2 tập truyện của Lê văn Thiện xuất bản trước năm 1975, đê in thành một cuốn dưới nhan đề **“Truyện ngắn Lê Văn Thiện trước 1975”**. Đó là tập truyện **Một Cách Buồn Phiền** (Văn, 1969) và **Sao Không Như Ngày Xưa** (Côi Sơn, 1971).



(bìa Tập truyện : “Truyện ngắn Lê văn Thiện trước 1975” Thư Án Quán 2015)

Trong phần mở của *Truyện ngắn Lê văn Thiện trước 1975*, chúng tôi viết:

“Trước 1975, tên tuổi Lê Văn Thiện được biết nhiều như là nhà văn trẻ, qua những sáng tác đăng trên các

tạp chí quen thuộc bấy giờ. Là một người viết trẻ mang áo lính, ông đã sáng tác trong hoàn cảnh và điều kiện như thế này:

...Nhiều ngày tôi không tắm giặt. Tới bữa thì ăn, không biết đói. Đánh nhau, không lạ. Tôi đã thấy tận mắt hàng trăm cái chết, kiểu chết của hai bên, của dân thường. Nhưng đây, trên vùng rừng cháy nám đặc sệt mùi khói bom này, cảnh tượng dữ dội kinh dị vẫn làm tôi choáng. Xong việc, trực thăng bốc chúng tôi ra Kontum, chờ xe đưa về Cheo Reo... Sắp tết, nhưng thị xã đìu hiu này chẳng có tí chút dấu hiệu xuân nào. Chợ đổ nát từ đầu năm Mậu Thân vẫn đứng đó, còn nguyên đổ nát, tường xám đen, cột chẳng chịt dấu đạn, mái tôn cong vênh. Người đi đường vật vờ. Xe nhà binh chạy trong bụi. Tiêu điều như các thị trấn hoang dã trong những phim cao bồi Mỹ... Vào tiệm sách nhỏ gần chợ, tôi mua một tập thơ Phạm Thiên Thư, một cuốn sách dịch Krishnamurti. Lạ, sau những gì đã thấy trên núi, mình vẫn ăn uống, nói cười, đi dạo phố, đọc sách triết! ... (trích Một Thời, tháng 2-2010)

Trong hoàn cảnh và điều kiện nghiệt ngã như vậy mà Lê văn Thiện vẫn viết, tác phẩm Thiện vẫn tiếp tục được ra đời. Bên cạnh Thiện còn có một lực lượng hùng hậu những cây bút trẻ khác. Họ sống xa Saigon, phần lớn gởi đất nằm sương, đêm ngày đối diện thường trực với sinh tử. Sáng tác của họ vẫn theo những phong thư đóng dấu khu bưng chính để bay về Saigon, để góp phần cho một nền văn học thời chiến hùng vĩ. Bằng chứng là báo Văn cứ vài tháng ra một chủ đề những cây bút trẻ, báo Bách Khoa, Khởi Hành, Ý Thức, Trình

Bày, Văn Đề, Thời Tập cũng tràn ngập những sáng tác bài vở của những cây bút trẻ. Đó là chưa kể các tạp chí văn học ở địa phương.

Với một nền văn học đồ sộ như vậy, nhưng giờ đây, chỉ còn lại một bãi nghĩa trang im lặng. Muốn tìm lại một tác phẩm của thời chiến quả thật khó khăn. Ngay cả tác giả cũng không còn giữ... thì biết tìm ở đâu bây giờ ?

(trích từ Truyện Ngắn Lê văn Thiện trước 1975, Thư Ấn Quán xb 2010)

Lê văn Thiện đến với văn chương đầu tiên bằng bút hiệu Văn Lê Thiên qua truyện ngắn “Ngoại Lệ” đăng trên Văn số 47 năm 1965. Với bút hiệu này, Văn đăng thêm 3 truyện ngắn của anh nữa. Đó là Chiếc phao (Văn số 104), Âm Thầm (văn số 98), Xó chợ (Văn số 53), và Bách Khoa một truyện: Một lần chiến bại (Bách Khoa số 282).

Sau đó, anh đổi bút hiệu từ Văn Lê Thiên sang Lê văn Thiện. Và truyện ngắn của anh tràn ngập trên Văn, Bách Khoa, Trình Bày...

Đến năm 1969, cơ sở Văn xuất bản một tập truyện của Lê văn Thiện. Đó là “Một cách buồn phiền”. Trong phần giới thiệu, nhà văn Trần Phong Giao xem việc xuất bản tập truyện này như ” một khám phá của cơ-sở VĂN”. Tập truyện ra đời, nói là khám phá, nhưng còn bao hàm một cái gì khác mà chỉ có Trần Phong Giao mới có, đối với những người viết trẻ chiến đấu ngoài vòng đai SG. May ra người ta xét khả năng cho LVT

trở về phục vụ ở một đơn vị không chiến đấu chẳng.

Lê văn Thiện đã sống và lấy chất liệu từ cuộc sống của anh để viết. Anh không ồn ào, không đeo băng “nhà văn”, “nhà thơ”, “nhà báo”.... Anh chìm khuất trong hàng ngũ. Bao nhiêu cực khổ, gian khổ của đời lính, anh nhận như mọi người, và anh thay mặt họ để nói lên những tâm tư của những người lính thấp hèn. Anh không bao giờ đánh bóng họ qua những chiến công, chiến thắng, mà qua sự chịu đựng vô bờ của người lính mà anh là một.

Lê văn Thiện, vĩnh biệt anh.

Sáng tác tiêu biểu của Lê văn Thiện

Trước 1975

Trong lớp khói mầu
(Trình Bày số 6)

(Cho Trần Viết Gián, và ngày 18-5 ẩm đạm tại Tàkeo)

Thằng nhỏ khóc ngon, mắt nhắm, mặt đỏ như, nước mắt trèm trụa. Mạo xốc nách con, nâng lên khỏi ngực, đỡ: “Ồ, ùi... ùi, nào... nín nào”. Thằng nhỏ nhỏ quá, tai nó cũng nhỏ, nên lúc thường nó còn nghe người lớn nói để tập nói gió và ngó miệng cười theo, còn lúc khóc thì nó chẳng nghe gì cả, chắc tai nó ùi. Nó cứ khóc, bụng rướn lên, lại chảy nước mũi, miệng ngoác rộng thấy cả cục thịt đỏ xa bên trong. Mạo hít hà: “Ồ... ờ thanh niên, coi này... bác Thới bạn đồ đẹp này, khóc bác Thới cười cho”. Thới vỗ mông thằng nhỏ: “Im, im... cha chả Can Dững gì lại khóc, xấu trai thế”.

Chú Kiều nói:

- Có tiệc tùng phải ăn diện khác thường ngày, đưa áo quần các em nó ùi cho, ngon lành với người ta.
Thới cảm ơn. Cũng chỉ quanh quần anh em trong tiểu đoàn, quan khách là mấy vị già khom trong làng.
Chẳng lẽ bỏ công sửa sắc đẹp để lấy le với ông Ấp

trưởng miệng chỉ còn lỏng chỏng đúng bốn cái răng.

Mạo hỏi:

- Chắc có ca hát?

Thới gật.

- Người đẹp?

- Không. Kiếm đâu ra?

Chú Kiều bảo chải lại cái tóc, kiếm dầu bôi lên một chút.

- Mạo ra chơi nghe? Làm vài bản cho thiên hạ đứng tim.

- Đùa hay nói thật? Chửi tôi mấy thùng tôi không giận bằng nói câu đó. Mạo làm mặt giận.

Sân trường trở nên náo nhiệt. Ai đó lôi ở đâu về bốn dây bông giấy, giăng chéo trên ba cây dừa kéo vào mái hiên. Thức ăn đã dọn lên bàn khá nhiều. Người qua người lại, nhốn nháo, kêu la, cười, ồn như chợ, vui như đám đánh xóc đĩa bầu cua ngày tết. Đất bị chân cày, vấy lên một màng bụi mỏng, mù, là là. Không nhanh thì lúc vào ăn tô thịt sẽ được phủ một lớp bụi mỏng như tráng mỡ, và thổi nhẹ khúc bánh mì cũng bay khói như một điều thuốc. Tiểu đoàn trưởng dành một phần thưởng danh dự cho đại đội nào nấu nướng ngon, trình bày đẹp. Có đại đội về phổ mướn chén đĩa, ly tách, khăn lau, bình bông. Cắt giấy màu lót dưới mỗi chén. Bánh mì, bánh ngọt, tấm xia răng đều được để vào một vị trí đã được năm bảy chuyên viên trang trí nghiên cứu cả buổi. Nhưng cũng có đại đội làm theo lối... dạn dày, phong sương. Thịt cá dồn trong mấy cái thau cục mịch. Bún, cơm, nước đá đựng trong mũ sắt. Họ mang những thau, những mũ sắt ấy bày lên bàn. Mũ sắt cái xanh, cái đen, cái thì móp. Chắc chắn đám này không thèm quay nhìn cái phần thưởng cao quý trên, hay chỉ

nhìn bằng đôi mắt của một vị tu sĩ già nhìn một người đẹp.

Liên hoan mừng chiến thắng. Những người đứng bên bàn tiệc hôm nay xứng đáng được uống ly bia đặc biệt, chỉ một ngụm nhỏ rượu cũng đủ làm bốc lên một lớp máu nóng. Vì rượu lấy từ mồ hôi và nhọc nhằn. Rau trái đó của khu vườn chết chóc, gian nan. Hớp bia lạnh sẽ làm nóng các khuôn mặt, nóng lên hãnh diện. Mọi người đều được hãnh diện. Thối nghĩ, mình cũng hãnh diện? Cố nhiên, mình sẽ hãnh diện, và vui hết lòng. Những kẻ khuất mặt có sung sướng khi nhìn chiến thắng này hông? Khắc nghĩ gì khi nhìn thấy anh em đang vô tư, vui đùa? Nếu đúng như nhiều người vẫn nghĩ, người chết có thể về ăn uống những đồ vật trên bàn thờ, thì lúc này Khắc đang đứng một góc nào đó, quanh đây, nhìn vào sân trường? Hôm đó Khắc đã làm như một anh hùng. Các anh hùng góp tay mới tạo được nguồn vui to lớn này. Người ta cũng bảo mình là anh hùng. Anh hùng được ban khen nhiều lần, được huy chương, choàng hoa nặng vai, và còn được cho cả tiền. Ban đầu mình hơi ngần ngại, phải rồi... ngần ngại. Thối nhìn rõ quang cảnh sân trường, nhưng không nhìn ai, không nhìn thứ gì. Mạo nói gì sau lưng, và hình như chú Kiều cười... Lúc đầu mình còn ngờ, mình anh dũng không đây? Đến thế nào mới là anh hùng? Rồi người ta nói mãi, bảo mình can trường... Anh can trường lắm, biết không? Lặp lại mãi các ý đó. Cho đến lúc rồi mình cũng nhủ thầm, có thể ta đã dũng cảm, trong những phút nào đó, ta không để ý, nhưng người khác thấy, mọi người đều thấy. Vậy, vô tình cũng có thể là anh hùng... Khắc xông xáo, Khắc dũng cảm đó chứ, nhưng Khắc lại chết.

Thới ra đường, Mạo dặn: “Đừng quên thủ vài cái bánh kha khá về cho Can Dũng”. Các đại đội vào bàn. Mọi người trông vui tươi, khác thường bữa nhờ bộ đồ sạch, tay áo xắn cao, và khăn đỏ viền xanh choàng cổ rất nổi. Trên bàn danh dự, thấy có mấy chai rượu đất tiền, bên những chiếc ly trắng đẹp. Vợ ông tiểu đoàn phó, người đàn bà độc nhất ở đây, ngồi đối diện ông Trưởng ấp. Ông già này thường cười nhưng miệng không há lớn, làm người ta dễ tưởng lầm ông không thích khoe bốn cái răng của ông.

Mới bắt đầu trận ăn đã sôi nổi. Những cuộn tiếng nói quán rít vào nhau, đứng xa vài thước chẳng nghe được gì. Một người nói, được một hai người ngồi ngay trước mặt nghe là nhiều. Bàn này chỉ thấy chớ không hiểu bàn bên kia. Ông tiểu đoàn trưởng nâng ly nói gì đó, những người cùng bàn cũng nâng ly, rồi ông nốc sạch ly nước màu vàng, mặt ông tròn, hai má núng nính dễ thương như má bé Can Dũng. Ông nhắm mắt, đưa tay lau miệng và cười toe. Thới uống rượu dở nhưng ngồi yên từ chối hoài không được, đành cho vào ba hộp, bốn hộp, rồi thêm nữa. Bia đắng, càng uống vị đắng như càng tăng thêm. Thới sợ uống nhiều vào sẽ không giữ được mình, đi đứng lặt khật, cười nói dai. Khắc uống rượu giỏi. Ngày còn trong quân trường Khắc lòi Thới đi quán, tập Thới uống rượu nhiều lần. Khắc vẫn nói có rượu chề người con trai mới rắn rỏi, nhanh, xông xáo. Khắc có đủ, nhưng chẳng ai thấy cả. Người ta không biết gì đâu. Mà vẫn chề ta yếu, không uống được rượu, như con gái, làm chi nổi. Nhưng mọi người đang khen ta, kẻ lập công đầu. Khắc, lúc này, giỏi lắm bạn chỉ là người chết đầu tiên.

Đám trẻ con bu đen hàng rào ngó vô đám tiệc bỗng tản ra chạy đến người lính xách gói. Anh này chia cho mỗi đứa một nắm bánh, xôi, kẹo. Anh chàng mang máy ảnh tới trước sân định chụp bàn giữa. Anh đưa máy lên ngắm, thật lâu, rồi bỏ xuống, đổi chỗ. Xong lại ngắm. Dù ngồi đưa lưng về ông kính nhưng ông trưởng ấp và ông sĩ quan ban 5 cũng sửa lại áo, vuốt tóc mấy cái, nhún vai. Bà vợ ông tiểu đoàn phó cuối nhìn nhanh cái gì dưới chân, ngừng lên liếc thoáng máy ảnh, rồi vội rướn người tới trước để nói chuyện với người đối diện bằng bộ mặt nghiêm nghị. Chắc bà không muốn mình cười cợt trong tấm hình. Ông tiểu đoàn trưởng vẫy anh chụp hình lại, ông rót bia đầy ly, đứng dậy nâng ly lên cùng với ông trưởng ấp. Anh lính có bốn phận chụp, một cách trung thực và chần chẫn, hình ảnh đẹp đầy đầy tình quân dân keo sơn này. Ông tiểu đoàn trưởng cười rất tươi, anh thợ phải bấm liền hai cái. Hình này sẽ được rửa lớn, đem về dán giữa văn phòng, cạnh những tấm hình chụp anh em đứng trên lầu khi chiếm phố, hình súng đạn hôm triển lãm ở sân vận động... Dãy ghế bên kia ngã ngón. Ba bốn người gân cổ lên triết lý, nói về số mạng, cả bọn cùng nói không ai nghe “làm chó gì có số mạng... cái số nào dành cho trăm rưởi thằng cộng sản cùng chết một lúc, để người ta xúc về đồ nằm triển lãm trước rạp Đại Nam bữa kia!... Số mạng nào khiến thanh niên khắp nước chết dài như gà mắc dịch lâu nay?... Rồi chúng ta...”. “Ai dám bảo là các chị đàn bà với lũ con nít ở giữa phố kia chết trước tội mình, lại chết vì bom đạn?... Có đứa, như ta đây xông pha mười năm vẫn yên lành, lại có nhiều đứa mới ra khỏi công trường mười ngày đã nghèo, đền nợ nước một cách hấp tấp, như sợ người ta giành mất... cơ

hội..., nghèo ngoẻo một cách tức tưởi. Vậy là sao? Như bữa đó, cả trung đội 6 băng qua đường trót lọt, tới lượt thằng Khắc thì lại bị... Nó ngã cái rật trước mũi tao chớ xa đâu, ông Thới chạy trước nó, tao chạy sau chẳng hề gì... Vậy nó không tới số thì gọi là mẹ gì... hở?”.

Ông tiểu đoàn trưởng vỗ tay yêu cầu anh em im lặng, ông nói:

- “Dân thị xã lần đầu tận mắt thấy chúng ta chiến đấu đã cảm phục vô cùng. Tôi hân hoan thay mặt thượng cấp để nói lời khen tặng anh em. Anh em đã làm rạng danh trung đoàn chúng ta... Tiếc là hôm lễ mừng chiến thắng, gắn huy chương dưới sân vận động anh em không có mặt đầy đủ để thấy và để nghe đồng bào ca ngợi chiến công rực rỡ này. Đầu xuân, anh em đã mang lại cho đồng bào một mùa xuân lớn, đặc biệt... Bọn cộng sản chó đẻ không phải là người – ông họ khắc một tiếng – riêng tôi, tôi liệt tất cả bọn chủ trương giết người vào hàng thú vật – ông dừng một chút, sờ đầu mũi, cái mũi ừng đã say, đỏ hừng – chắc các anh đã nghe các đại đội trưởng nói qua về bữa tiệc này, tôi nhắc lại: Sư đoàn tặng chúng ta hai chục ngàn, tỉnh tặng hai chục. Đồng bào Châu Thành hai con bò. Hai con ghé hôm qua các anh thấy đó. Trung tá góp cho tám két bia hộp... Bia này đây...”.

Ông ngưng, hóp một ngụm bia: “Bây giờ... à”. Ông à... à một lúc. “Bây giờ chúng ta cùng hát... a, phải rồi, cùng làm một bản, đồng ca... cho vui nhộn..., hào hứng. Đồng ca, nghe... nào, Việt Nam Việt Nam”. Trộn ca bùng lên, âm âm, ồm ồm. Tiểu đoàn trưởng giờ cao lon bia đánh nhịp. Anh thợ ảnh lại chạy ra quay bên này quay bên kia chụp lia. Thới vỗ tay mạnh nhưng không hát, hát không ra tiếng. Hát dứt. “Bây giờ

đến đơn ca, anh nào xung phong?”. Vài tiếng ho, tiếng lão xào. Một người được nâng dậy, đẩy lưng ra giữa sân. Đây là kẻ hữu công nhất nhì. Anh ta đã phá hư được khẩu phòng không, bắt được một sĩ quan địch bị thương. Anh đứng tần mẩn chân tay lúc lâu mới ca được, ca khá hay.

Đĩa bánh lớn bị thúc trước mặt Thới. “Coi, uống đi chó ông, năm mới có một lần... sợ hãi, sợ say hãi... đi không được thì tụi này đỡ cho, trời... uống đi”. Ly Thới lại được trút đầy. Thới bốc chiếc bánh đậu bỏ túi, về cho Can Dũng, Mạo dẫn đùa nhưng cũng cứ mang về. “Đây là thịt voi, thịt ngựa vằn hay thịt lạc đà sa mạc... mà dai quá cỡ!”. “Bò của dân Châu Thành thân tặng đó mày... Thiếu tá mới nói, điếc sao”. “Đồ bỏ, bỏ gì, thịt mua ở tiệm đóng giầy thì có! Nếu thịt bò nấu như vậy thì quá tệ... tổ sư nghề bồi ngồi đây sao mấy thằng bếp không hỏi cách nấu... khó chi, bỏ vô một cục nước đá là rục hết, nhanh nháy mắt... da đóng giầy cũng rục tuốt”. Chúng nó không giữ im lâu để nghe ca. Ăn thoăn thoắt và nói cười cuồn cuộn. Người thứ hai được các bạn xô ra sân, bắt phải ca. Anh này đã làm cảm hòng một toán súng lớn trên lầu ba. Một mình như trong phim gián điệp, anh quăng dây móc vào cửa sổ trên cao, đu lên tài tình. Chỉ mấy phút anh làm được công việc mà hai trung đội xoay cả buổi vẫn chưa xong. Khắc cũng đã chạy nhảy, đã chiến đấu, lấy được súng, giết địch... mà giờ không còn ai nhớ. Hì còn mình nhớ Khắc phải không. Thới dụi mắt, nước miếng trong miệng như dẹo lại. Ly bia chưa lưng kịp quá nửa đã được châm đầy lại, bọt sùi leo xuống thành ly. Nếu còn sống chắc lúc này Khắc cũng bị anh em ủi ra hát, có khi còn hát đầu tiên nữa. Khắc đã ngã trên đường, ngã sấp, một tay Khắc vói về trước, chỉ còn cách mấy

gang tay là đựng cái thùng rác bên lề đường. Hai cây súng Khắc lọt từ tay mấy tên địch nửa giờ trước, giờ một cây văng ra xa, cây kia Khắc đề dưới bụng. Thới chạy qua khỏi, nép vào bức tường dài của một hiên nhà. Nhìn lại thấy Khắc. Thới hoảng hốt, hai tay run lên. Hai người chạy sau Khắc vội nhảy lẹ lên, vào nhà, những người sau nữa thì quay lui, chạy trở lại nấp vô chỗ cũ. Đạn đâm phụt phụt, bụi bắn từng khóm trên lòng đường, như người ta tung một nắm sỏi xuống hồ nước. Đạn thổi tốc bụi quanh chân Khắc. Chúng có vẻ còn muốn bồi thêm lên người kẻ không may. Tiếng đạn liên địch nghe đằng đàng và ở một chỗ quá gần, giòn và chát. Cái mũ sắt lặn ra sau nằm bên chân Khắc, như muốn che cho bàn chân, khi cái đầu không còn đội được nữa. Đạn trúng cổ. Nhưng Khắc không chết, bàn tay vói về trước đã ngo ngoáy mấy cái ngón, nhưng chẳng thấy mắt Khắc mở hay nhắm. Một người từ sau chạy vụt tới, lách vào nép sát bên Thới, thở và nói: “Làm sao anh, nó còn sống... không khéo chúng nó bắn thêm thì chết... kéo nó vô”. Nhưng Thới chỉ biết mở to mắt. Làm sao đây. Bọn địch nằm trên lầu cao, canh sẵn, quá gần, mà đường thì quá rộng, trống trải. Khắc nhìn chăm chăm cái bàn tay Khắc còn sống. Chúng mình thân nhau, Khắc, mình thân nhau lắm. Bỗng, cái tay đó co lại, rồi từ từ Khắc chống hai tay, muốn ngồi dậy, cái đầu ngừng lên. Mắt nó mở trừng, nhìn thẳng về trước nhưng như không nhìn ai cả. Địch bắn ngay, đạn tung một đường dọc, quạt vào thùng rác. Một viên ghim lưng Khắc, hai cánh tay sụm xuống, cái đầu lại đập xuống mặt đường. Thấy rõ búng khói nhỏ bay ra từ đầu đạn. Thấy rõ lỗ đạn ịn vào. Thới thả cây súng xuống đất. Người đứng sau lưng kêu “trời”. Anh ta quăng một trái khói. Khói tả xanh đặc một khoảng,

che khuất Khắc, cái thùng rác và phần dưới cái cây bên đường. Anh ta nhảy ra đường. Chúng nó lại bắn vào đám khói. Khắc được lòi vào, chỉ còn là cái xác.

Nhưng cái xác bị thêm hai viên đạn nữa. Trên lưng Khắc đóng rõ ba lỗ máu. Người can đảm trừng nhìn xác bạn, rồi tự vuốt mặt mình.

Mình không cứu được Khắc. Nhưng phút ấy trí óc mình đen kịt. Không nghĩ được một kế nhỏ như anh bạn đã nghĩ. Mình đi đánh nhau cũng đã lâu, đụng trận khá nhiều, một việc như thế lại chẳng làm nổi. Khắc chết. Suýt nữa anh bạn kia... Nhưng người ta cho Thới hai cây súng Khắc thu được. Người chết không cần công trạng, không cần tuyên dương, như không cần bạc tiền, quần áo, cơm gạo. Cái chết đã là công trạng lớn nhất, nặng nhất. Thới đã không từ chối hai cây súng. Không, có lúc Thới cũng nghĩ nên từ chối, nhưng nghĩ chậm quá, như khi nhìn Khắc ngã, thì chỉ thấy cái kẻ tạo màn khói cứu thương là hay lúc trái khói đã trùm kín xác Khắc. Nay ai cũng chỉ thấy là Thới lấy được nhiều súng quá. Nhưng, dù thế nào, Thới vẫn nhớ được: “Khắc, chúng mình là bạn thân”.

Bàn bên kia bày một cuộc xổ số uống rượu. Họ bỏ cái đầu gà lên đĩa, ụp tô lại, rồi xóc, như xóc đĩa ăn tiền. Mỏ gà chia vào ai người ấy phải uống một ly rượu. Chỉ trong một lát gần hết mọi người đều được uống, uống thỏa thích. “Lạy ngài, chết nhưng ngài vẫn khôn như sống, con đã uống ba lần, còn nhiều đĩa chưa uống, ngài chiếu cố chúng”. Anh chàng mặt đỏ rìm chấp tay vái cái đầu gà.

“Đại đội 8 cho người ra, đại đội 8”.

“Thới đâu? Thới đại đội 8 lên đi... sợ gì, cộng sản chẳng còn sợ nữa là. Hoan hô... Cao Thới”. Một người

ngồi bàn sau, lớn như một anh Mỹ lớn nhất, ăm Thới ra trình diện mọi người. Thới đòi xuống đi đằng hoàng nhưng không được. Hơi chóng mặt nhưng Thới vẫn nhìn rõ mọi vật. Kìa, anh em ngồi quanh chỗ Thới đang quay lại cười lớn. Kìa là, thiếu tá vỗ tay, mấy vị khác đưa ly lên hô “dzô... dzô”. Người khổng lồ đặt Thới xuống. Minh đứng vẫn vững, ráng đứng vững nghe. Thới dụi nhẹ mắt. Đứng lộn xộn, cổ lên, hừ là cả làng cười đó. Hai chân hơi run. Thới nhận biết như thế. Mặt mình có lẽ nóng, và đỏ lấm.

“Hát đi... đại diện đại đội 8 mà, mạnh dạn lên”.

“Dzô... dzô, coi vậy chớ lấy nhiều súng lăm đó nghe... xung phong thẳng lên tổ đại liên ở ngã Sáu đó”. Vỗ tay rầm rập. Thới nhìn xuống, nhìn mũi đôi giày. Có gì dâng lên trong cổ, ợ, hơi khó chịu. Cố gắng làm một mạch cho xong, đứng lâu mỗi chân thì nguy. Thới đứng thẳng, đập chân mạnh, chào một cái. “Hoan hô... Cao Thới, hoan hô.” Luồng sóng cười trào lên, rần rần.

“Tôi hát không hay, vớ lại mới uống... hơi nhiều, tôi uống rượu nhiều không được, nên...”. Thới sờ cổ.

“Không cần hay, cứ hát”

“Tôi xin ngâm thơ... Tôi ngâm thơ được, và ngâm bằng ba thứ tiếng”.

“Hoan hô... dzô đi, đại đội 8”. Đám bạn ngồi gần Thới vùng lên cười to, tung mũ, cổ vỗ hết mình: “Chịu chơi... đại đội 8”. Thới đưa tay ngăn các bạn.

- Trước tiên là thơ tiếng Việt.

Sự khó chịu lại trôi lên, như có một cuộn thịt bằm vừa tanh vừa lạnh trạo trực muốn bò lên cổ. Thới nhớ đến một bài thơ nói về một thời chinh chiến. Trong chinh chiến thì ít thấy niềm vui, chỉ có rất nhiều điều tàn,

tang thương. Chàng đi đã lâu, và nàng ở nhà, và những con thơ, mẹ già. Hăng giọng, Thới ngâm. Bốn bên im lặng. Những người ngồi các hàng ghé quay lưng ra sân đều quay lại. Thơ hay. Chiến tranh thì xưa cũng như nay. Được bốn câu, bỗng Thới thấy lại một cảnh đường phố, những người chạy, nhà sập, khói mù. Hại quá, mình chóng mặt đây, không khéo thì... Thới đầm trán, xốc lại quần. Mọi người lại cười rân. Thêm được hai câu nữa. Cảnh đường phố chập chờn, buổi chinh chiến... đạn xối sạt sạt lúc nhanh lúc như nhỏ giọt xuống mặt đường, bụi bay, một người ngã xuống mép đường, cây súng, cái mũ sắt... kìa nữa, khói xanh lan ra, chờn vờn. Không có được nữa. Thới lắc đầu, nguy mất thật, hai chân thì vẫn đấy, nhưng cái đầu thì, coi kìa... sao lạ, mắt cứ thấy dâng lên, lan mãi ra một màn khói xanh.

Sau năm 1975

Thư của Lê văn Thiện

(tư liệu của TQBT)

"...Nhớ cuối năm 1969 ở Qui Nhơn (khu 6) 10 ngày với Trần Hoài Thư. Không ai như anh ấy. Viết bất cứ lúc nào, trên tờ rời, bỏ khắp nơi, viết lung tung, khi xong gom lại, thường là thiếu vài tờ. Viết lại hoặc bỏ luôn. Tiền thì để túi áo, đưa nào xài cứ xài.

Một chuyến bay nào đưa em vào Sài Gòn

Một chuyến bay nào đưa tôi về Qui Nhơn.

Thơ Trần Hoài Thư như thế dạo đó. Hơn 30 năm... đòi chẳng là gì.

Phạm Cao Hoàng thì gần gũi hơn, nhớ nhiều hơn, và nghệ sĩ hơn anh em mình. Nhưng Phạm Văn Nhân thì chịu. Chắc chắn là đã gặp ở khu 6 cùng Thư, Hoàng. Hình như anh ấy ốm, cao như cây tre?

Mỗi năm tôi đặt "chỉ tiêu" viết 5 bài. Năm nay đạt. Nhiều năm không. Như năm 2000 chỉ được 2. Viết, chủ yếu do ghiền, và có bài đăng cũng vui, vui lắm, như con nít vậy... Tôi có mấy cái tản văn, lúc nào rảnh tôi sẽ chép gửi tặng anh coi chơi.

Tháng 11.2001 Hội (Văn Nghệ Khánh Hòa) tổ chức sáng tác ở Vũng Tàu, cho đi, mà tôi không đi được, vì chẳng có quần áo giày dép gì ra hồn để đi. Nói chẳng ai tin, thậm bỏ mẹ... (14.10.2002). □

(TQBT số 9 tháng 1-2003)

MU'A TRƯA

Có phải chết là hỏi không đáp, đi không đến, gieo không gặt? Trong phòng bệnh A12 rộng thoáng, sạch sẽ, cái chết vô hình vẫn lẩn quất đâu đó, chẳng ai thấy, nhưng dường như ai cũng biết rằng nó ở ngay bên l-
ung.

Phòng có tám người, đều bệnh nặng. Bà nội Vinh vào đây đã hơn tháng. Bà nhận cái giường trong một góc phòng, nơi trước đó nửa ngày người "tiền nhiệm" - một ông già - đã quy tiên. Nghe nói thế, Vinh nổi da gà, nhưng bà không biết. Bà nằm thiêm thiếp, nửa thức nửa ngủ, suốt ngày chẳng nói tiếng nào.

Vinh ngồi trước hành lang, với mấy tờ báo và những người nuôi bệnh khác. Bộ ba bám trụ kiên trì, lâu ngày. Ở đây, ngoài Vinh, còn có anh Hiệp, và bà Điều... Ngày thật dài, ngày nào cũng dài. Một mỏi. Không làm gì nhưng mệt còn hơn gồng gánh, khuân vác. Người rã rời. Đầu óc đặc sệt, mụ ra. Y tá qua

lại lặng lẽ. Những tiếng rên. Mùi thuốc, dầu, mùi "nhà thương" gây gây ám ảnh... Vinh khâm phục nội. Bà cụ không sợ chết. Ở nhà, bà ráng chịu đau để các con không biết, chỉ rên lúc nằm một mình.

"Đến 60 mà còn sợ chết, không đáng sống." Bà đúc kết nhận định của mình về lẽ sống chết, cô đọng, chắc nịch. "Nay má ngót 70 rồi, để má ở nhà. "

Nhưng con cháu bu lại, bàn luận, bảo nhất thiết phải đi bệnh viện, mặc cho bà van xin. Bà nói: "Ngay từ 50, ta đã nghĩ tới cái chết... Không né tránh, mạnh dạn nhìn thẳng vào mặt nó. Suy cho cùng, dù ta muốn tránh cũng chẳng thoát, thế thì ta chấp nhận đối đầu. Không

để. Để tăng thêm quyết tâm, cần nhớ điều này: "Con người, ai cũng chết." Ta thuộc lòng, suy ngẫm về nó hàng ngày. Đó là lẽ đương nhiên. Khi nó ngấm vào máu thịt ta, mọi thứ sẽ hóa thành đơn giản, sẽ không có thần chết, không có bất hạnh."

Tốp nhi đồng ăn xong ngủ ngay, không đánh răng, vì chưa có răng. Các lão bà ăn xong đánh bài ngay, không xĩa răng, răng đâu mà xĩa? Rõ quá ! Nhưng giữa hai lớp người này có một quãng ngày chẵn ngang. Thời gian đó được gọi bằng nhiều tên, nó sẽ đưa họ đến cùng một đích, cái đích nằm kế sau tuổi già, ai cũng biết, có thể hình dung ra, nhưng ít người muốn nhắc đến, dù đã nằm trong phòng A 12 ! Như Vinh, Hiệp cũng ngồi thường xuyên trên chiếc ghế dài trước cửa phòng A12. Anh là cha bé Lãng, bệnh nhân trẻ duy nhất trong phòng. Anh đã ngồi ở đây ba tháng. Trước đó, anh cũng ngồi như thế tại hai bệnh viện đa khoa gần năm tháng. Khủng khiếp. Bé Lãng mắc căn bệnh ác nghiệt - một loại ung thư máu - đã tới giai đoạn cuối. Hiệp ngồi đó, mắt mở trừng trừng, mặt đờ đẫn. Anh ôm giờ xương, râu tóc như người rừng. Không ngờ khổ đau có thể giày xéo một người mạnh lành tới mức này...

Hiệp cho biết, cái tổ ấm của vợ chồng anh đã rách nát. Hơn nửa năm lê lết qua các bệnh viện. Bán hết mọi thứ có thể bán được. Anh mất việc. Nợ nần không nhớ xuể. Vợ anh như con mù lẩn thẩn... Nhưng mọi chuyện chưa dừng ở đây. Bên cạnh nỗi bất hạnh khổng lồ này, trừ óc mặt anh đã hiện ra một "khả năng," một viễn cảnh mờ mịt: vợ chồng anh chắc sẽ chia tay nhau, sau khi bé Lãng qua đời.

Hiệp nói:

"Cưới xong, sống chung vài tháng, tôi nhận ra: tôi và Thanh không hợp tính. Rõ khi, làm việc chung mấy năm; tìm hiểu khá lâu hai đứa lại chẳng nhìn thấy những nhược điểm của nhau, phải đợi khi ở cùng một nhà mới biết! Từ quan niệm sống đến các sở thích vụn vặt chúng tôi đều nghĩ khác. Cãi cọ,

xích mích luôn luôn, có thể nói "ba ngày choảng một trận nhỏ, bảy ngày nổ một trận lớn". Chúng tôi đứng đầu lưng lại, đăm đăm nhìn về hai hướng. Nếu không sửa đổi sẽ mệt to... Chỉ có một thứ rần chắc trong nhà là bé Lãng. Bé như sợi dây dài ràng buộc chúng tôi. Nay sợi dây ấy... Cách đây mấy hôm, cha Thanh nói thẳng: cuộc hôn nhân này đã chôn sống con gái ông, nó như đại dịch tràn vào tàn phá gia đình ông."

Chưa hiểu chết là gì, Lãng có thể bình thản nhìn cái hố sâu trước mặt. Bé cũng không biết nói câu: con người ai cũng chết, để tự trấn an.

Bà Điều có cách nhìn riêng về chuyện sống chết. Bà nói, lâu nay bà ngại, ít dám nghĩ và nói đến cái chết. Khi vào đây, tiếp cận với môi trường đặc biệt này, nhìn thấy "nó" nhiều lần, bà đâm ra dạn dĩ, và "ngộ". Bà chế giễu mình:

"Tôi thương cha mẹ, nhưng khi hai vị qua đời tôi không dám tới gần quan tài... Mặt mũi cái chết ra sao mà ta sợ?"

Ông Điều to cao rắn rỏi, 64 năm qua chẳng hề đựng đến thuốc thang. Ông thường đùa: "Ai cũng như tôi chắc các bác sĩ chết khô... nhưng người ta nói, dạng này dễ ngã bệnh là đi ngay !" Ông chưa đi, nhưng bệnh mới non hai tháng trông ông khác hẳn, và câu

ông đùa dường như sắp ứng nghiệm !

"Ông ấy còn đây, nhưng tôi sợ ông chết. Sợ lắm! Nay, nói thực, tôi muốn đổi chỗ cho ông... Sáu mươi là trọn đời. ăn rồi ngủ, ngủ xong lại ăn. Vậy, sống thêm mười năm hay thối ngay lúc này khác gì nhau? ... Lỡ mai này, ông Điều nằm xuống... Tháng trước tôi về thăm nhà bốn hôm. Nhiều đêm, không ngủ được, tôi nằm nhìn mấy con gián bò trên tường, lắng nghe gió thổi ào xào sau hè... Xưa nay dường như mình quên lũ gián vẫn có mặt trong nhà... Ra sân rửa mặt, nhìn lên bầu trời đen hun hút, tôi nghĩ được những điều từ trước đến giờ chưa hề nghĩ tới. Trời đất, gió, trăng sao, cao rộng mông lung, bao trùm lấy mình, vừa vuốt ve vừa đe dọa... Nếu đứng lâu thêm, sẽ nghe lũ dế com gáy rì rì sau vườn, tiếng gõ khô đanh của ngư dân xua cá từ hướng biển vọng lại. Hóa ra, đời sống không chỉ là cày cấy, học hành, mua bán, cưới hỏi, ca hát... bên cạnh đó còn có cúng vái, vận mạng, bất trắc, ước mơ, sinh sản..."

Hơn sáu tỉ người đang sống trên trái đất này, bao nhiêu người có hoàn cảnh như bà? Chắc cũng có nhiều người nghĩ về sự sống và cái chết rất kỹ và sâu?

"Vốn yếu đuối, nên tôi muốn được chết trước, để ông Điều nhà tôi gánh vác giùm cái việc chôn cất nặng nề... ông ấy dữ tợn, như con gấu, nhưng tốt bụng, rất thương yêu vợ con, mấy mươi năm qua đã giành làm tất cả những việc nặng nhọc cho tôi... Mọi người rồi ai cũng chết, tất nhiên, nhưng lắm người không muốn nhớ điều đó... Mấy tháng ở đây tôi thấy và hiểu được nhiều điểm đơn giản mà sâu sắc, hay ho."

Anh Hiệp nói, như nhà hiền triết: .

"Xã hội loài người mỗi ngày một tiến lên, khác đi, đẹp

hơn, nhưng trọng lượng và áp lực của cái chết đối với chúng ta vẫn không thay đổi ? "

Buổi sáng âm u, trời mưa nhỏ, dai dẳng. Chị Thanh - vợ Hiệp - thay anh, ngồi trên chiếc ghế dài: Chị ốm yếu, xanh mét, mang kính cận. Trông dáng chị hiền lành, không giống người đàn bà anh Hiệp mô tả: khó tính, hay gây gỗ, cứ ba ngày lao vào choảng anh một trận nhỏ... Một bà mập mập tới ngồi

cạnh chị, hỏi thăm bệnh tình bé Lãng. Chị Thanh lắc đầu. Chị nói, vẫn vậy, giống như tuần trước, tháng trước. Thằng bé mỗi ngày một yếu thêm. Tốn gần sáu trăm triệu. Thay máu nhiều lần. Hình như nay nó không còn là nó nữa. Máu của những người lạ, của ai đó giúp bé sống, nhưng làm nó thay đổi tính nết? Bé cáu gắt, hung hăng, hay la hét. Một lần nó mắng mẹ:

"Đồ quỷ! " Chị Thanh khóc sụt sùi: "Đây đâu phải là Lãng của mẹ!" Bác sĩ bảo, căn bệnh chó chết hành hạ bé, khiến nó như thế, không phải do máu lạ. Ông bà nội, ngoại vái van sùng bái, đội bánh đội chuối đến cầu cúng mồn các sân chùa.

"Nói chị nghe, chúng tôi không hợp nhau, mà vẫn lấy nhau. Chẳng hiểu tại sao! Đâu có ai bắt ép. Tự nguyện, như tự đưa đầu vào thòng lọng. Chắc do số mình đen, nó xui khiến thế!"

Thanh tâm sự.

Bà mập nuôi mẹ chồng, ở phòng A19. Bà kể, mẹ chồng bà là một cụ ngoài 70, như cọt, rất sợ chết. Cụ than thở con cái bất hiếu, chưa nuôi mẹ đúng mực, chỉ đưa cụ đến các bệnh viện rẻ tiền với những thầy thuốc lơ mơ, mới ra lò ! Ai tới thăm, phải biết ý, đừng mở miệng nói tiếng "chết", nên khen

cụ đã có vẻ khỏe, tướng tốt hơn hôm nọ hôm kia.

"Chán phèo! Em biết không, con người sống chết, giàu nghèo có số cả!" Bà mập thở dài. "Chừng ấy tuổi vẫn chả hiểu gì, khổ thân ! Cứ ăn, uống cho lăm vào rồi có kêu cũng muộn ! Thế này nhé, 80% dân ta sống ở thôn quê, nhưng gần 70% số người nằm trong các bệnh viện là dân kẻ chợ. Thống

kê mới đây. Chẳng phải dân quê không có tiền vào nằm viện đâu! Cái chính, dân phố hít nhiều bụi bặm, nghe tiếng ồn quá độ và tọng vào bụng nhiều thực phẩm có hại, như bột ngọt, đường hóa học, hàng chục hóa chất trong các loại nước ngọt, rượu, và thức ăn đóng hộp, cùng dư lượng phân vô cơ thuốc trừ sâu trong rau quả."

Chị Thanh nói:

"Từ lâu các nhà khoa học đã khuyến cáo nên dùng đường vàng, hạn chế ăn đường trắng, nhưng mấy ai nghe... Hơn ba ngàn năm trước, một nhà thông thái Hy Lạp đã nói về việc ăn nhiều: một phần ba số ăn vào để nuôi sống mình, còn hai phần ba là nuôi các thầy thuốc"

"Quá hay ! Thế đấy, người dân bây giờ đẹp, giàu, giỏi lắm nhưng tới ngày chỉ lo sắm soi quần áo, tóc tai, rồi chúm mũi vào màn ảnh nhỏ với mấy chuyện tình yêu - uớt át. Phần đông lười đọc cứ đem so số dân với số sách báo in ra là biết !... Chuyện ăn còn dài. Như ăn trứng, thịt thế nào cho đúng. Như ta thường nghe ti-vi nói về rau củ. Lâu lâu lại có người la om lên, rau bẩn rau sạch! Thế nào là rau sạch? Chỉ các vị nông dân, các mẹ trồng, buôn rau mới biết rau nào sạch? Đọc báo sẽ biết được nhiều chuyện... Chị phì nhiều không phải do cái miệng vận động nhiều. Chị ăn bình thường, hơi ít nữa là khác, vẫn tăng cân. Chị ý thức (bà vỗ trán) sức

khỏe trên hết? Không cầu nguyện sông, chị muốn nắm chắc sinh mạng mình một cách sáng suốt, khoa học... Nên biết, các báo ghi, số tử cả nước nằm ở khoảng sáu phần ngàn. Nhưng vùng quê chị, một xã nghèo, con số đó dưới ba phần ngàn. Bà con ở đây thế nào? Tiềm tiệm, đủ ăn thôi, chẳng có mấy người dư tiền để xài sang, tằm bổ cái dạ dày. Thế là, rõ rồi, khánh ăn sống lâu!... ăn ít, vừa phải, vẫn không táo bón, không suy dinh dưỡng, bởi cơ thể của ta co giãn, nó tự điều chỉnh, tự thích ứng, tốt như máy Nhật vậy?" Bà cười khà khà.

<<◇>>

Đến 12 giờ trưa, trời vẫn mưa, nặng hạt hơn lúc sáng. Các mái nhà của dãy phố bên kia đường trắng mờ như bị một lớp sương bân bao phủ... Loan - cô gái trẻ - tới ngồi giữa bà Điều và Vinh. Loan nuôi cha, mới vào một tuần. Bà Điều nói với cô gái những chuyện bà đã nói nhiều lần: bệnh ông Điều nặng. Bà ngồi đây đã mấy tháng. Trước, bà rất nhát, sợ chết. Nay, bà sẵn sàng chết thay chồng. ông Điều hơi cục cằn, nhưng tốt. Mấy chục năm qua bà không phải làm gì đồ mồ hôi, ông ấy giành làm tất. Ông trời vô tình, muốn hại con người hiểm có như vậy. Nói đại, nếu ông mất đi, bà sẽ sống chuỗi ngày còn lại thế nào? Thời gian ở đây đã biến trí óc hơi hợt, trẻ con của bà trở nên chín chắn, già dặn... Loan ngáp dài, than: "Mưa mãi... Bước vào cổng bệnh viện là nghe đủ thứ chuyện rầu rĩ... Mình buồn, trời lại mưa, càng buồn thêm!... Loài người, nếu không ăn vẫn sống, và về già không chết, cùng bay hết lên trời, thì sao?" Một cô y tá ra nói, ông Điều hấp hối. Bà Điều và chị

Thanh chạy vào phòng. Mưa lớn, dưới đường xe chạy phải bật đèn. Mưa xối mạnh, đê mấy ngọn cây xà cừ trước công trường nghiêng ngả... Vinh và Loan ngồi nhìn mưa.

"Mưa có từ bao giờ? Chắc trời tạo ra nó để tô điểm cho những chuyện buồn?" Loan gục gặc đầu, tán thưởng câu nói của mình. "Xem truyền hình, nếu để ý anh sẽ thấy, khi người thân chết, thiên hạ khóc thương giống hệt nhau. Iran giống Ấn Độ, Tây Ban Nha - Palestine giống Nga, Israel. Nét mặt của họ bị phết lớp keo tang tóc, biến dạng... Nếu lúc chào đời con người không khóc, mà cười, thì sao?"

PHẠM NGỌC LƯU



Trái sang phải: Phạm Ngọc Lưu, THT, Nguyễn Lệ Uyên, Phạm văn Nhân (mang 2 bông mai trên cổ áo. Hình chụp tại Tuy Hòa

Bạn của chúng tôi – nhà thơ Phạm Ngọc Lưu – vừa qua đời vào tối thứ sáu, 26-5-2017 tại Đà Nẵng.

PNL đến với Thư Quán Bản Thảo bằng 2 bài thơ: Sóng Vỗ và Nhớ Làng đăng trên số 9 tháng 1 năm 2003



Phạm Ngọc Lư (ngồi bên phải) (lúc anh chưa bị bạo bệnh) nhận quà văn nghệ của Thư Ân Quán: 4 tập Văn miền Nam – Thư Ân Quán xuất bản tại Hoa Kỳ, do anh Phạm văn Nhân (ngồi bên trái) thay mặt tặng

SÁNG TÁC CỦA PHẠM NGỌC LƯ

Trước năm 1975

Đất trích

Mười lít gạo trộn vài cân muối
Nấu với tình em ăn vẫn ngon
Tình em : nước sông Ba đầy bát
Đời ta như nổi trống niêu trơn

Bốn phía rừng xanh màu nước độc
Đông tây nam bắc núi chặn đường

Một lũng đất bằng khu chén nhỏ
Trói chân ta vào chân Trường sơn

Bó đời ta nửa manh chiếu rách
Đêm nằm mộng lớn nuốt mộng con
Chiêm bao cứ thấy mình mọc cánh
Bay với chim trời ra cổ hương

Canh khuya cộp gươm vang núi Lá
Giật mình tưởng ai gọi đầu non
Nằm chi đây, thân tàn đất trịch
Chờ ai đây, đói lả chết mòn

Mười năm gạo trộn vài vốc muối
Đeo lên vai nặng nghĩa đầy ơn
Mai ta bỏ thân ngoài sạn đạo
Xin tình em một mảnh đất chôn

Cung Sơn, 1971

Biên cương hành

Biên cương biên cương chào biên cương
Chào núi cao rừng thăm nhiều nương
Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngắt
Núi chập chùng như dãy mồ chôn
Gớm, gió Lào tanh mùi đất chết
Thối lầy rừng già bạt núi non
Mùa khô tới theo chân thù địch
Ta về theo cho rậm chiến trường

Chiến trường ném binh như vãi đậu
Đoàn quân ma bay khắp bốn phương
Lốp lốp chồm lên đê bẹp núi
Núi mang cao điểm ngút oan hồn
Đá mang dáng dấp hình chinh phụ
Trơ vợ chớp núi đứng bông con
Khu chiến ngày tràn lan lửa dậy
Đá Vọng Phu mọc khắp biên cương
Biên cương biên cương đi biển biệt
Chưa hết thanh xuân đã cùng đường
Trông núi có khi lâm bóng vợ
Ôm đá mà mơ chuyện yêu đương
Thôi em, sá chi ta mà đợi
Sá chi hạt cát giữa sa trường
Sa trường anh hùng còn vùi dập
Há rằng ta biết hẹn gì hơn ?

Đây biên cương, ghê thay biên cương !
Núi tiếp rừng, rừng tiếp khe truông
Hải hùng chưa trời hoang mây rậm
Mùa mưa về báo hiệu tai ương
Quân len lỏi dưới tàn lá dữ
Lá xôn xao xanh mặt hoảng hồn
Sát khí đằng đằng rừng dựng tóc
Ma thiêng còn ngán bọn cô hồn
Cô hồn một lũ nơi quan tái
Có khi đã hóa thành thú muông
Cô hồn một lũ nơi đất trịch
Vỗ đá mà ca ngông hát cuồng
Chém cây cho đỡ thèm giết chóc
Đỡ thèm môi mắt gái buôn hương

Đây biên cương, ghê thay biên cương !

Tử khí bốc lên dày như sương
Đá chảy mồ hôi rừng ứa máu
Rừng núi ời ta đến chia buồn
Buồn quá giả làm con vượn hú
Nào ngờ ta con thú bị thương
Chiều hôm bắc tay làm loa gọi
Gọi ai nơi viễn xứ tha phương ?
Gọi ai giữa sơn cùng thủy tận ?
Ai người thiên cổ tiếc máu xương ?
Em đâu quê nhà chong mắt đợi
Hồn theo mây trắng ra biên cương
Thôi em, yêu chi ta thêm tội
Vô duyên xui rơi lược vỡ gương
Ngày về không hẹn ngày hôn lễ
Hoặc ngày ta mất nhắm tay buông
Thôi em, chớ liều thân cô phụ
Chiến trường nay lắm nỗi đoạn trường
Nơi nơi lạnh trăm dòng sông Dịch
Kính Kha đời nay cả vạn muôn
Há một mình ta xuôi biên tái
“Nhất khứ bất phục phản” là thường !

Thôi em, còn chi ta mà đợi
Ngày về : thân cận máu khô xương
Ngày về : hôn lễ hay tang lễ
Hề chi ! buổi chinh chiến tang thương
Hề chi ! kiếp cây rừng đá núi
Nghìn năm hồn quanh quẩn biên cương.

tháng 5 – 1972

Cổ lý hành

Chiều chết đuối trên sông ng่อม ngợp
Nước đua chen đớp bọt nắng tàn
Đò qua sông đìu hiu bến đợi
Buồn rút lên bờ cây khai quang
Mây đổ xù lông như chó ốm
Trời bồi nhòe mặt ngóng đêm sang
Thôn ỏ tiêu sơ gầy khói bếp
Đồng không mọc thối lạnh tro tàn

Có biết ta về không cổ lý ?
Mười năm chưa lạ mặt xóm làng
Sao phen giậu nghiêng đầu cảm nín
Rơm rạ làm thỉnh thoảng hỏi han
Cổng khép rào vây vườn cỏ dại
Tường xiêu mái rách bóng nhà hoang
Ngõ vắng bàn chân như hụt đất
Tre già đang kể chuyện chôn mả
Nương rẫy đang phơi lòng dâu bể
Nói làm sao hết nỗi bàng hoàng
Khóc làm sao vừa lòng cổ lý ?
Phải đây là cổ lý ta chăng ?
Đâu bóng mẹ già sau khung cửa
Và những người em mặt trái soan
Đâu bóng chị hiền như hoa cỏ
Bên luống cà xanh liếp cải vàng

Đất đá thở ra mùi u uất
Bồn bẹ hun hút rợn màu tang
Ai chết quanh đây mà cú rúc
Mà cơn gió lạnh réo hồn oan

Ai trong muôn dặm không về nữa
Cổ lý mười năm mộng bể bàng
Cổ lý mười năm ngày trở lại
Như ngày Lưu Nguyễn xuống trần gian !

1972

SAU 1975

Ngồi chợ

Ngày mấy bận áo khô áo ướt
Trời trở trời chợt nắng chợt mưa
Mây sa sầm xuống ngang nóc chợ
Chiều nhá nhem rượu hết mỗi thừa
Uống mãi cay lòng thêm xót mắt
Tuổi tác chùng nầy vẫn gây thơ
Ma xui quỷ khiến ra ngồi chợ
Bán gió rao trăng một núi dừa
Mặt người keo kiệt màu cứt sắt
Miệng lưỡi cò kè ngọt lẫn chua
Năm ba đồng bạc sao to quá
Bớt một thêm hai mấy chẳng vừa
Chiều ế ẩm đứng lên ngồi xuống
Sáng mở hàng chờ bán trông mua
Bán mua mua bán người đen trắng
Hơn thiệt thiệt hơn thói lọc lừa

Lúc chán rửa môi dầm hớp rượu
Lau chân mắc võng nằm lơ mơ
Mây cuốn nắng thiêu lòng u ầu
Tuồng đời như cảnh chợ ngày mưa
Không có chỗ chơi sao ra chợ
Lăn lóc bon chen mấy đồng dờ
Ba tháng bay vèo ba mươi vạn
Tính chuyện tiền nong ngỡ chuyện đùa
Cô gái Bến Tre vừa quen mới
Đêm dờ mà đôi mắt đong đưa
Người đẹp thương ta hay chơi đẹp
Bạc tiền không nài ép hơn thua
Khổ mấy lần áo khô áo ướt
Sợ lòng em chợt nắng chợt mưa
Thôi đi ta yên bên chén rượu
Uống say... thành bại cũng bằng thừa
Uống say... ném áo lên nóc quán
Hết nợ hết duyên vĩnh biệt dờ !

Long Khánh, tháng 7 – 1990

Làng cũ

Nam khừ thập niên cổ lý hồi
Nhà cha vườn mẹ gió mây phơi
Gối chồng sách cũ đau tình chữ
Độc áng thơ xưa lạnh bóng người
Gió quét Tam Giang thuyền lụy sóng
Mây xô Bạch Mã núi ôm trời

Tần ngần ngấm lại lòng ao cũ
Xào xạc hồn quê lá trúc rơi...

1995

Quá giang tự vịnh

Sông Hàn, mệt lắm, sông Hàn !
Mai qua chiều lại trưa sang tối về
Đời mòn lẩn chậm bánh xe
Áo cơm bãi hoải nặng nề lẩn theo
Dài chi nhịp nhịp giang kiều
Tha hồ gió ngạo mưa kiêu rách lòng
Đành như hàn sĩ qua sông
Đành như khuê nữ chậm chồng quá giang
Trông ra trời nước mơ màng
Giật mình thấy khúc gian nan qua cầu
Đoạn trường lẩn bánh xe đau
Sông Hàn lạnh sông Hàn sâu... im lìm
Sông nào nước xoáy trong tim ?

Chiều qua châu thổ

Gió xua chiều rút qua sông
 Nắng lui cồn bãi nước rong cửa vàm
 Đập dềnh trời chở mây hoang
 Mây không núi đậu lang thang mỗi trời
 Nhấp nhô bọt nổi bèo trôi
 Bọt bèo sóng nước ôm đời cù lao
 Trăm xa cánh vạc chờ nhau
 Bóng mây bóng vạc điệp màu hoàng hôn
 Giồng xa khói điệp bãi cồn
 Chiều châu thổ trái nổi buồn phẳng phiu

 Đồng khô rậm tiếng ếch kêu
 Mây hoang ủ rũ đầm chiều rối lòng
 Chân trời dang rộng mệnh mông
 Cổ hương thăm thăm tịnh không lối về
 Giang hà im bất thuyền ghe
 Tha phương nhật mộ... nã nê bèo mây

Hồng Ngự, tháng... năm...

Nhỏ nhoi hạt bụi

*thương nhớ Phạm Các Khuê
(sinh và mất năm 1972)*

 Năm chơi dưới một hàng cây
 Lao xao lá, lá thơ ngây chuyện trò
 Năm thanh thản một năm mờ
 Hồn nhiên cỏ, cỏ thơm tho hơi người

Hồn nhiên bao tiếng khóc cười
Tan vào lòng đất thắm tươi linh hồn
Hòa vào màu cỏ xanh non
Bay vào mây khói chiều hôm quê nhà

Nằm im giữa trái tim ta :
Nhỏ nhoi hạt bụi xưa là Các Khuê !

Sân ga

tặng Cường Vũ

Phải người về Huế sáng mai ?
Hành trang chắc nặng một vài câu thơ
Tiếc chi quỳnh hẹn trăng chờ
Đêm trao chén rượu ai ngờ chia tay

Phải người về Huế sáng nay ?
Con tàu như nặng hơn ngày hôm qua
Người đi, rượu nhớ hoàng hoa
Tàu đi xin chậm kéo mà... thơ bay !

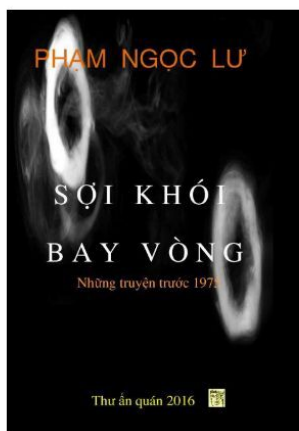
28 – 4 – 1995

truyện ngắn Phạm Ngọc Lư

Có thể nói, Sợi Khói Bay Vòng là tập truyện viết về tình yêu, con người thời chiến ở nông thôn miền Trung Cao Nguyên hay nhất mà tôi đã được đọc. Thường đọc những truyện viết trước đây vài, ba chục năm đã cho người đọc cảm giác có một khoảng cách. Nhưng đọc truyện Phạm Ngọc Lư viết cách nay đã nửa thế kỷ, vẫn thấy mới, và có những nét riêng biệt, kể cả văn phong đến từ ngữ sử dụng. Thật vậy, với ngòi bút hiện thực tài hoa, ông đã đóng dấu vào lòng người đọc bằng tác phẩm của mình.

Rồi đây, chế độ xã hội, con người sẽ phải trở về với cát bụi, nhưng tôi tin, cùng với văn học miền Nam, tên tuổi và những tác phẩm của thi sĩ Phạm Ngọc Lư vẫn sống mãi trong lòng người đọc.

Đỗ Trường *Vài suy nghĩ Về Tập Truyện Sợi Khói Bay Vòng Của Phạm Ngọc Lư*



SỢI KHÓI BAY VÒNG

Buổi sáng Bồng đi trời âm u đổ bụi mưa lay bay, nàng băng quơ ngược nhìn màu mây trộn lòng hơi nước đục mù nền trời và bước lững thững ra ngõ. Bồng xót xa nghĩ giá mỗi lúc quay lại chắc nàng sẽ bắt gặp đôi mắt râu rĩ Cưu ngó mông theo. Hẳn Cưu chưa dời chỗ đứng trên bậc hiên bẻ một đợt lá xua xua những đám khói thuốc phà quanh mặt, mùi khói thuốc cay thơm ấy đốt khô dần, thay thế hẳn những làn hơi thở dài Cưu không thể dần nén được từ buồng ngực rộng không như cái còn lại trong đời hẳn chỉ vồn vện chừng đó. Lúc này, khi mà mỗi gót chân Bồng đã vô tình bước mau hơn nhịp tim hẳn đập rộn rã, nhanh hơn cái tàn thuốc vừa ném xuống vũng nước tắt xèo. Thoáng chốc Bồng ra khỏi con đường đất nằm khuất dưới vườn cây, nàng an tâm dừng lại đôi tay xách gói hành lý. Bồng ngỡ ngàng nghĩ thấy mùi khói thuốc cay thơm vảng vất trong hốc mũi (hay giữa trí nhớ) chẳng khác nào có sợi chỉ đang ngo ngoe tìm cách bò xuống miệng. Thôi thật rồi, kỷ niệm của hai người chỉ bao nhiêu đấy, mơ hồ nhòa nhạt nhưng cũng ray rứt xót xa. Kỷ niệm? Bồng vừa đi vừa miên man nghĩ hai chữ ấy và không còn thấy cay đắng nữa với giọng mỉa mai hôm nào Cưu nói thẳng: “Đời tôi đã được trát phấn bôi son quá nhiều với những gì gọi là kỷ niệm. Miết rồi mình hóa cái lương mất khi thốt ra tiếng đó... Nó mang vẻ đẹp của một con diêm đủ mảnh khỏe lọc lừa”. Lần ấy, Bồng vội tìm lại tấm ảnh hôm đi chơi Khánh-Sơn người bạn rình chụp chung mình với Cưu đang đứng trước cửa tam quan tò mò đọc chiếc bảng gỗ kẻ dòng chữ: “Chuyện trần tục

xin để ngoài cổng chùa”. Bồng lạ lùng ngấm nghĩa, một chút chua xót xui nàng lật mặt sau tấm ảnh viết lớn hai chữ Kỷ niệm. Ngấm nghĩ giây lát nàng lại lấy kéo cắt đôi nó rồi mang trả lại Cưu khuôn mặt của hắn: “Phần em chữ Niệm. Sau này có con đầu lòng em sẽ đặt tên nó là Niệm”, Bồng nói. Cưu buồn rầu: “Vậy cũng được”, hắn dùng móng tay cạo nét chữ trên phiến giấy cứng lắc đầu: “Chắc ý em muốn bắt con tôi mang tên Kỷ? Ich gì, tôi sẽ rùng mình ghê tởm mỗi lần gọi tên nó mất thôi” và hắn vụt xé vụn chỗ giấy ném ra cửa. Đến bây giờ Bồng còn hình dung rõ tiếng giấy xé kêu toạc như chính giọng Cưu nắc nhô những khi hắn gặp chuyện bực bội mà cố nén một câu chữ rủa. Đè nén, dồn nén mãi, ngày ngày nom Cưu chẳng khác nào trái bóng chực dịp nổ tung, tội nghiệp thay Bồng mãi hồi hộp chờ đợi giây phút ấy. Giây phút nàng đang nắm chặt trong tay, nhét đầy gói hành lý lãnh đạm ra đi. Đành đoạn. Bất ngờ. Em đâu có ngờ mình làm nên chuyện tàn nhẫn như vậy. Cưu mất hết trong nháy mắt cả vỏ lẫn ruột, trái bóng vụt vỡ tan không gây nên tiếng động nào. Bồng đã đánh cắp nhẹ nhàng. Giữa sáng nay, mới tức thì, lúc Cưu đang cúi đầu mồi chưa xong điều thuốc. Giọng Bồng như ngọn lửa bùng lên ào ạt đốt bỏng miệng hắn: “Thôi anh đừng đưa tiền để cho em được dứt khoát ra đi”. Bồng giấu vẻ xúc động bằng cách hất mái tóc che nửa mặt rồi quay quắt bước khỏi phòng, khỏi hàng hiên, xuống mảnh sân xanh rêu mà Cưu còn thù người dờ dẫm, tay chân lúng túng, miệng ngậm cứng nuốt trôi luôn ngậm khói thứ nhất, lâu sau hắn hoảng hốt kêu với tên Bồng, tiếp theo là chuỗi tiếng gọi thầm nhỏ dần cho đến khi hắn nghe tai mình lùng bùng, bùng bùng... như nổ mãi không thôi. Bùng bùng... như có hàng ngàn trái bóng nổ nhau

nổ tung. Cưu nhận ra mình đang đứng trên thềm, đầu nhô ra ngoài cơn mưa bụi, tay hắn cầm một đọt lá mà cứ ngỡ là điều thuốc. Mưa đọng trên cành cây rỉ rả giọt xuống từng giọt nặng trên những dấu guốc thừa thốt Bồng bỏ lại, một hàng dài. Mưa lún phún vỗ nhẹ má Bồng, dẹt lên áo len nằng một lớp nước mỏng óng ánh. Chưa bao giờ nằng thấy lẻ loi bằng. Phở xá hai bên hình như làm mặt lạnh. Thật lạnh. Mùi khói thuốc quen thuộc vẫn phảng phất mờ hồ phía trước. Có lúc nằng dừng lại cố ngửi thật kỹ, lo lắng đảo mắt nhìn quanh tìm bóng Cưu. Những cửa hiệu căng bạt khuất kín, những căn nhà khép cửa bịt bùng và mưa xoay chiều tới tấp theo mỗi cơn gió rét căm. Bồng đứng, Bồng hy vọng khi lên tới bến xe sẽ thấy Cưu đứng sẵn ở đó dù nằng sợ vô cùng mùi khói thuốc ngậy ngất cuốn lấy mình từng sợi dây hơn cả màng lưới. Và thật khó cho Bồng an tâm lên xe ngồi chờ chuyển xe khởi hành, cả khoảng thời gian chờ đợi ấy đủ cho nằng nhớ lại, thở hắt ra, trả lui về lũ lượt ngày tháng đã sống giữa cái thị trấn này, vừa đủ cho một lời chúc tụng thật thà với Cưu, chắc hắn đã chuẩn bị một nét mặt khinh khinh, một điệu bộ bất cần tỏ ra rằng mình không buồn rầu khổ sở như Bồng hằng tưởng. Biết đâu lúc ấy Bồng sẽ ứa nước mắt khóc được. Hãy khóc cho âm sự từ biệt đừng dừng!

Khi xe ra khỏi bến, Bồng kéo vạt áo che mắt, mắt nằng khô ráo như thể vừa được đem phơi giữa một trưa trời nắng lớn. Bồng nghĩ giá chuyển xe chạy muộn hơn chút nữa hẳn Cưu đã đến kịp và giữa giây phút hồi hã ấy hẳn sẽ đuổi theo đuôi xe, đu lên cửa ném cho nằng một cái tàn thuốc chẳng hạn. Bồng ủ tay che má, bấm nhẹ móng vào lớp da trắng xanh mờ mờ hiện ra trên

bóng kính. Khuôn mặt chờn vờn theo con đường mở rộng dài tấp phía trước đầm đìa mưa lạnh, ngan ngát như lòng Bồng. Người thanh niên ngồi bên cạnh bắt đầu lấy thuốc ra mời lửa hút, lại mùi khói quen thuộc! Bồng thấp thỏm nhìn vội anh ta, vẫn nét mặt điềm tĩnh lặng lẽ như thể hắn đang ngồi ở một nơi vắng vẻ. Khi mới bước lên xe Bồng đã ngập ngừng ngó hắn, bối rối không ít. Sao nàng mãi lo âu vì cứ lầm lẫn Cưu là người thanh niên ấy? Chắc hắn kịp nhận ra vẻ băn khoăn trên mặt Bồng nên vội giúi điếu thuốc hút dở thân nhiên nói như chỉ để xin lỗi chính mình: “Quên mất, có đàn bà ngồi bên...”, lát sau hắn nói tiếp: “Cô không khó chịu chứ?”. “Cám ơn. Ông cứ hút, không hề gì!” Tiếng chuyện trò của đám hành khách sau lưng giúp nàng bớt cô quạnh, Bồng khép mắt cố gọi giấc ngủ hờ. Thật tình Bồng đang lắng nghe mình, đang dò dẫm từng chút hơi nóng mỗi khi chạm phải người thanh niên, đang vẽ lại những con đường lúi thủi bóng Cưu đi quanh quất mỗi chiều, cái thị trấn có lắm hàng tương số đã giăng chiếc bầy ám ảnh lên số mệnh của mỗi người hót hải từ vùng quê tản cư đến (mỗi lần chợt bắt gặp những tấm biển quảng cáo vẽ lớn cái bàn tay xếp thẳng ngang dọc từng đường chỉ treo hai bên hè phố, Bồng có cảm giác bị một nỗi ghê sợ tát thẳng vào mặt mình choáng váng). Những lúc chạm phải lỗ trâu, chiếc xe nhảy cồm lên xô bật đôi mắt Bồng đảo đảo và mắt nàng hoa theo cái gạt nước quay qua lại, nhìn chặp lâu Bồng chóng mặt. Người thanh niên lại hút thuốc, mùi khói xỏ vào mũi nàng sợi dây nhột nhật lờm lờm, lọt xuống miệng tanh tưởi gây gây. Bồng ôm ngực nói nhanh: “Ông làm ơn tắt giùm” rồi nôn ào ra từng dòng nước bọt, nước xanh lăm cả vạt áo. Người thanh niên vụt nhô mặt: “Khô chưa! Cô có sao

không?” Bồng chùi tay ngang miệng còn đủ tỉnh táo để lắc đầu. Lát sau nàng ngẩng lên hơi mỉm cười: “Xin lỗi ông, sáng nay tôi không được khỏe”. Bồng lấy khăn lau mặt, trong cơn xây xẩm hình như nước mắt nàng đã chảy ròng, đã mưa ra sạch ráo mùi khói thuốc như nước nhồi, những ý nghĩ râm ran từ cái đáy căn bã của trí nhớ đục ngầu. “Cô về Q. chứ?” Tối qua Cưu cũng hỏi vậy (Tết này em về Q. chứ?) và nàng đã im lặng. “Chắc vậy, tôi cũng chưa rõ nữa. Đây là lần đầu tôi ra đi. Về nơi nào mà chẳng được...” - phải chăng có một kẻ khác trả lời giúp nàng như vậy. Người thanh niên hơi chột dạ thoáng qua vẻ mặt ảm đạm xót thương, hắn đang nghĩ thế nào về mình? Bồng luống cuống cúi vò chéo áo dơ, cơn buồn nôn lại lờm nhòem trong cổ. Giữa lúc chờ đợi dòng nước chua đắng trào ra khỏi miệng, Bồng lơ mơ cảm thấy đầu như người thanh niên vừa cúi xuống bên tai mình nói nhỏ: “Cô đừng khóc, ngồi bên tự dung tôi khổ tâm lắm. Còn một thôi đường nữa tôi xuống xe... Chúc cô về tới nơi bình an”. Không hiểu sao câu nói ám dụ ấy chính là cái cớ khiến nàng khóc nức lên. Đồng thời đầu óc nàng gập to hơn cả tiếng máy xe nổ đều đặn, Bồng gục mặt trên gói hành lý ôm giữa bụng mưa liên hồi.

Khi tỉnh dậy người thanh niên đã biến mất lúc nào, Bồng sờ chiếc ghế trống bên cạnh nghi ngờ đôi mắt lừa nhòa từng sợi tóc vướng ngang. Xe đang chạy bên chân núi lượn lờ theo mép nước biển sóng vỗ rì rào phía dưới những tảng đá chồng lô nhô. Bọt sóng trắng ngầu bay lả tả từng bọt. Nhiều phiến đá có vết sơn, viết lớn hai chữ *kỷ niệm*, tên họ kẻ nào xa lạ đã trèo lên đó, ngày tháng năm họ qua đó, nét chữ biểu lộ sự ngậm ngùi chia ly (sau một cuộc ngao du hứng thú, trước khi chưa nở đánh tâm dờn khỏi)? Bồng ngẫm nghĩ : rồi sẽ

tới ngày mình dừng lại khur khur ngồi ôm một mòm đá chỉ còn phơi tên mình lẻ loi cô quạnh, một mòm đá trống rỗng nhưng đã đề nát bao mộng tưởng rần rởi dày đặc suốt đời Bồng chưa tìm ra được một khe hở, một vết rạn nứt để chui vào. Mộng tưởng. Mộng tưởng đã nhốt Cưu trong bụng trái bóng lừng lơ buộc nơi tay Bồng bằng sợi chỉ mảnh mới đứt. Và hình như tay nàng cũng rụng theo, bởi bây giờ nó thừa thãi chẳng còn dùng để nắm giữ được gì nữa. Bồng quay hỏi người tài xế một câu. Ông ta ngơ ngác giây lát rồi chậm rãi trả lời: “Ảnh xuống xe chỗ ngôi trường dưới chân đèo Quán Cau. Chứ không phải cô là người thân của ông ấy?” Bồng im lặng quay lại, mắt nàng bắt gặp chiếc bao thuốc dưới chân, thứ thuốc người thanh niên hút và Cưu ghiền. Nàng nhặt lên: còn một ít điếu, hần hần đã đánh rơi? Bồng đưa ngang mũi ngửi rồi nhét nó vào gói hành lý. Phút đó, trí tưởng nàng dày mịt lớp lớp như những vết non nhơ bần nầm chồng nhau trên vạt áo đang dần dần khô cứng lại.

●

Buổi sáng Bồng đi Cưu đã ngủ tiếp khoảng giờ giấc còn lại trong vẻ bình thản của kẻ vừa trút bỏ xong những dây nhợ đu treo hần lừng lơ. Lúc này hần cảm thấy nhẹ nhàng hơn cả một giọt mưa bụi dính trên tóc. Và giấc ngủ xấp đôi cánh vào giọt mưa ấy bay ngược lên cao, cao mãi cho tới khi hần buồn ngợp vội choàng mình thức dậy: buổi chiều thì phải, gió giả giọng mưa lao xao trên những tàu lá dừa ngoài vườn. Cưu lột tấm chăn nức mùi thuốc dán *Salonpas* bước ra hé cửa sổ: trời đã khô mưa, mây thùng từng khoảng lớn bày màu xanh sáng, lá cây tươi rọp nhơn nhơn hơi gió. Cảm giác Cưu mới lạ hần như thể hần đang đứng trước một buổi

chiều đẹp của mùa xuân năm tới, thời gian vượt khỏi đời hấn một khúc xa rồi. Đủ cho hấn quên hết, rửa ráy kỳ cọ ký ức không còn mây may một chân lông ngộ nguây. Cưu vội đánh răng súc miệng cạo râu rồi chọn cặp áo quần vừa ý nhất mặc vào, lau bóng đôi giày, chải kỹ mái tóc, tự hài lòng với mình nhiều lần khi bước xuống sân. Nổi vui vẻ của Cưu thấp sáng một mặt trời ấm áp đi ngờ ngờ từ con đường này qua ngõ phố khác khắp thị trấn. Hấn chào hỏi thân mật với từng người quen, bắt tay họ vồn vã, mời thuốc hút rất niềm nở. Những khuôn mặt con gái nom đẹp hơn bao giờ. Cưu huyết sáo theo khúc nhạc trong ra-dô chuyễn quanh dãy phố. Người hấn như thể cao lớn thêm, mạnh khỏe lại, từ nay mỗi buổi tối trước khi ngủ phải dán *Salonpas* lên ngực lên hông nữa. Hấn ghé vào cái quán cà phê vừa mới đổi bảng hiệu cười chào cô chủ, bông đùa một câu :

- Sao? Kiếm được tấm nào chưa?

- Tấm gì?

- Thì đức phu quân đó!

Cô gái nheo một mắt đưa bàn tay vẫy vẫy bên lỗ tai nói :

- Quê lắm ông ơi!

Cưu kêu bia đứng uống, hấn chưa biết chọn cái bàn nào ngồi cho vừa ý. Cô gái gõ vai Cưu hỏi nhỏ:

- Đưa nào nó gọi chỗ này là *quán Mộ Phu* hở anh?

- Dễ hiểu quá. Thì chính những thằng thất tình vì em chớ ai... Ví dụ anh chẳng hạn.

Cô gái ưỡn ngực thở phà một hơi dài, bữu môi:

- Cảm động dữ!

Có tiếng gọi từ chiếc bàn kê gần ngoài cửa, Cưu quay lui:

- Trời lại đụng đại ca!

Gã đàn ông chĩa khuôn mặt da ngăm đen bóng, cái mũi vọt cao lộ lố lảng lảng như được gắn bằng sáp giả, đôi môi thâm tái trề ra:

- Mày đi làm rể con nhỏ hay sao mà ăn mặc chải chuốt vậy?

- Đâu hippy bằng đại ca.

Gã giật giật ngực áo mình (chiếc áo đầy dẫy màu sắc những bông hoa chói chang) cười xòa:

- Mày trông tao giống tụi Phi không? Thế này mà đi ngang xóm nhà thổ mấy em làm hoài. Tao nói tiếng Mỹ với tụi chúng cười muốn đau bụng.

Curu ngồi xuống chiếc ghế đối diện nhắc lon bia: “Tiếp tục nghe anh”. “Vừa thôi mày, thượng khí ngòm bây giờ”. Hai người cười ồ ồ đến nỗi cô gái khó chịu với tay vịn lớn tiếng máy hát, giọng ca chồm cao vỡ òa nhập vào tiếng cười của họ. Gã giơ tay kéo sát chiếc mũ xám có từng búi lông xoắn đội ép sát da đầu nhìn từ xa có thể tưởng lầm đó là mái tóc húi sậy loăn xoăn của bọn Mỹ đen, trả lời cái hất cằm thắc mắc của Curu: “Ông bác tặng, thứ gia bảo mà, hay mày muốn giều đầu tao bị sói?” Curu uống liên tiếp, từng lon bia rỗng chông cao đầy bàn, uống say sưa như kẻ cả đời chưa biết đến mùi vị chất nước ấy và mới khám phá thấy cái nồng nàn ngon ngọt của nó lần đầu tiên. Càng uống mặt hần càng tái, trông càng ngây thơ trẻ nít. “Tao đang bị quân cảnh truy tâm... Thế này chứ. Thằng con bác lớn tồng ngồng mà sửa khai sanh còn mười bốn tuổi. Tụi lính tóm được, lột quần nó lặc đầu chửi thề, đ.m. 14 tuổi gì mà... khó coi quá. Nhưng tụi chúng không bắt nó đi quân dịch lại nghịch ngợm bảo nó phải nhổ sạch lông mới được tha về. Thằng nhỏ cắn răng khóc ngất... Đúng rồi nó đại quá. Hôm kia tao tìm được tên lính ác ôn ấy đâm cho một trận”. Gã bóp dẹp

đôi cái lon bia rỗng: “Ông bác biểu chiếc mũ bảo tao che chỗ da sói trên đầu lại, không thì dễ bị quân cảnh nhìn ra diện mạo liền”. Cru nghe tiếng được tiếng mất, đầu ngoẻo qua bên trữu nặng bằng đá tảng, hấn lờ mờ nhìn thấy chiếc quạt trần chậm chạp quay rưng xuống từng cánh một, mãi mãi, dòn dập. Cái ghế hấn đang ngồi đầu như chỉ còn một chân mà thôi, nó lắc lư nghiêng ngả tìm cách rớt xuống sao cho nhẹ nhàng. Gã đàn ông đập vào vai hấn: “Thằng này yếu thật. Say rồi hả?” Cru thờ mệch nhọc: “Cho tao về nhà đi. Buồn ngủ quá.” Gã đứng dậy nói to về hướng cô gái ngậm đầu bút ngồi sau quầy: “Cô có của nợ rồi đó. Bỏ bùa ngải gì vào bia không?” Cô gái ngơ ngác chưa hiểu, gã hét lớn: “Tắt cái nhạc đi. Chán mửa!”

Ngồi trên xích lô gã đàn ông giữ vai Cru cho hấn chúi đầu mưa thốc tháo xuống mặt đường. Trời tối dần, gió bắc cuốn bụi mưa thổi ngược rét buốt. Không hiểu sao gã lột cái mũ lông chụp lên đầu Cru, lật cổ áo hấn gài kín khuy. Mây có thể trúng gió chết dễ dàng con ời. Thất tình ai thì nói tao, say sưa chán quá! Gã moi thuốc ra hút, những lúc chợt tỉnh Cru ngửi rõ mùi khói thơm tho ấy nhưng tìm không còn một giọt nước miếng nào để nuốt trôi sự thèm thuồng bấy nhầy trong miệng. Bóng đêm sà thấp dần. Cả khu phố bị cúp điện tối thui. Những tiếng động nhỏ chung quanh chắc vỡ ra từ cảnh im lặng vắng ngắt. Bánh xe xẹt nước kêu xè xè. Gã đàn ông lại lăm bầm chửi thề.

Khi tỉnh dậy, Cru nhớ Bồng khôn xiết, nỗi nhớ lâng lâng đủ tạo nên một cơn say khác vùi hấn xuống, mùi dầu nóng chảy mồ hôi, tấm vải giường như được căng trên mặt gió dôi dập liên hồi vô tận. Hấn rên ư ừ, nước mắt chảy thành dòng, miệng mấp máy tên Bồng, bồng bồng bồng như tiếng dội từ cõi xa biệt nào vọng về giật

giật từng cơn, bung ra mỗi chùm dây thần kinh tua tủa...

Khi tỉnh dậy, Cưu mới hay mình khóc nức nở.



“Tôi đang ở một nơi nào? Phải chăng tôi đã về đúng chỗ người thanh niên gặp trên chuyến xe dò hỏi và cũng gần như là sự mong muốn (Cô về Q. chứ?). Bởi chắc rồi hẳn cũng tìm ra đây hoặc tôi sẽ quay lại con đường cũ băng qua những rừng đá dựng, xuống một chân đồi, sẽ gặp một người thanh niên khác ngồi chung băng và tưởng tượng chính hẳn mãi theo đuổi mình bên cạnh, dù bằng những vòng khói bay chòn vờn sau lưng trước mặt; chừng đó cũng đủ cho tôi rớt hẫng vào cơn say xây xẩm cứ dập dềnh mãi trong lòng không dứt; chừng đó thôi, mỗi lần nghĩ lại, việc bỏ Cưu ra đi của tôi quá vội vàng hấp tấp, tôi ngu muội đeo cái bóng hẳn bên mình lúc từ giã mà không hề hay biết. Thật như thế chăng? Mẹ tôi hỏi sao con bỏ về nửa chừng? Hết rồi mẹ ạ! Con đã bước tới chấm dứt một khoảng đời mình, con ra đây lấy chồng để ở gần bên mẹ. Hẳn câu nói nghe qua rất chân thật, sự chân thật nhuốm vẻ tuyệt vọng lúc ngấm lại, mẹ tôi khẽ thở dài, tiếng thở dài của tôi thì đúng hơn: xót xa mỗi mảy. Đêm qua đứa em lục lọi tìm quà nơi gói hành lý bỗng reo lên: “Chị Bồng biết hút thuốc nữa!” tôi vụt nhớ đến người thanh niên ấy, giá hẳn đi nốt đoạn đường về đây chắc tôi đã chỉ cho hẳn biết chỗ ở của mình, dành riêng hẳn một buổi hẹn chẳng hạn. Bây giờ tôi mới hiểu ra cơn nôn mửa dọc chuyến đi chính là thứ cảm giác hổ thẹn buồn tủi phần nào đã khiến hẳn bỏ dở quãng đường. Một chút ân hận đồng nghĩa với lòng tôi trĩu ần

thương xót lấy mình thoáng hiện qua nét mặt hẩn nom rầu rĩ lắm. Mẹ tôi nhìn vào đó, lại thở ra: “Lối này con hút thuốc và thức khuya lắm hả? Da tái xanh, mắt đỏ quàng, môi tím ngắt - con không soi gương xem sự hư hao trên mặt mình?” Tôi nói: “Con muốn quên, quên luôn mình để an tâm về đây lấy chồng”, xong chờ đợi những câu nói nặng, trách móc cãi vã phát ra từ miệng bà (như thường lệ), nhưng không, sự im lặng của bà thật khó xử, phút chốc tôi có cảm tưởng mình đã chạy vượt khỏi căn nhà lênh đênh trên một chiếc xe hàng, nhập vào cơn mưa bụi ngoài ngõ thành phố, ở bên kia lưng núi”.

“Tôi đang ở một nơi nào? Con đường rớt xuống nằm giữa hai dãy mặt phố người ngợm tuôn ra chạy qua vụt lại tới tấp dưới chân tôi. Cái bao lon chỗ tôi đứng hình như cao ngắt, chông chênh. Q. đó: xa lạ hơn bao giờ. Q. đó: thân thuộc quanh kỷ niệm thời đi học ngùi ngùi mỗi gốc cây bóng lá, cây lá tươi xanh cổ nuôi tôi cảm tưởng mập mờ suốt đời mình chưa dời khỏi đây nửa bước. Thôi phải rồi, khoảng ngày tháng sống ở thị trấn miền trong chỉ là mớ thời gian phụ thuộc đắp đổi thêm vào đời tôi – nó không giúp tôi lớn lên hay ăn cắp được một nấc tuổi nào khác. Cắt bớt đi thì có, để nối lại sợi chỉ tay số mệnh bỏ lệch đường”.

Bồng quay vào mò gói hành lý tìm bao thuốc lấy một điếu gắn lên môi. Nàng run tay bật lửa mãi mới đốt được. Sợi khói bay vòng, lượn cao theo mắt nàng từ từ ngược lên thành khăn nhìn ngắm. “Anh cho tôi xin bớt một điếu, mai kia nếu còn gặp lại tôi sẽ mang trả anh bao thuốc này, dù lúc ấy chỉ còn cái vỏ rỗng không. Như đời Cưu, hẳn anh biết Cưu? Tôi nghe nói người ta có thể tương tư nhau vì mùi khói thuốc cùng hút cùng thở. Hiện tại tôi cũng đang phỉnh lừa mình như vậy. Và

tôi cố gắng cắn giữa hai mấu răng một sợi khói, nhai nghiền nó thật kỹ trước khi nuốt xuống bụng, chắc chắn nó không bị tiêu hóa hoặc nôn ngược ra ngoài”.

Có sợi dây nào treo Bồng vào những ngày bỏ lửng chưa? Sao nghe cảm giác hao hụt của kẻ đuổi theo con say lơ chân chạy tuột ra ngoài không khí. Giữa những ngày cuối năm u ám, trời dòn mây khắp cả bốn mùa về tụ họp lần chót trước khi dứt cơn mưa, một năm hết, những con rồng hút nước biển tươi thiên nhiên xong phận sự, Bồng gặp lại người thanh niên. Hắn xách cái túi vải, mặc áo choàng, đầu đội cái nón nỉ đứng hút thuốc ở góc đường rẽ qua chợ Xổm. Khá lâu hắn mới nhớ ra Bồng. Nom hắn giống như kẻ mới đi xa về và sắp sửa ra đi trở lại. Câu chuyện nhiều lúc làm hắn bồn chồn, dùng dằng nửa muốn từ già, nửa còn chưa sắp đặt được một lời hẹn trước khi xoay gót. Bồng giúp hắn: “Anh cứ về trong ấy lúc nào muốn. Giêng ra chắc tôi vào”. Hắn thoáng vui, niềm vui lành lạnh tai tái nét mặt lơ lửng: “Ước ao còn được gặp cô!”

Và bây giờ hắn gặp lại Bồng thật. Một lần, hai lần, nhiều lần sau đó ở Q. Họ không hề đa động đến chuyện trở vào cái thị trấn miền trong ấy nữa. Lâu dần Bồng tìm qua hắn vài điểm hao hao giống Cru, nàng nói: “Quen anh tôi đâm sợ giáp mặt với cái phở ấy nếu một dịp nào đó mình vô cớ quay về. Hắn lúc ấy việc xa nhau chỉ là khoảnh khắc... Tôi ngồi đây nhưng ở T. vẫn còn hình bóng mình, một con Bồng đang ăn uống hít thở đi đứng vui buồn đầy đủ... Không, tôi có gì đâu mà khó hiểu. Tội bạn vẫn gán cho tôi lai máu tốc-kê. Chắc vậy, anh đừng cười. Ở T., anh làm gì?” Người thanh niên chột lưỡng lự, mân mê tròn điệu thuốc giữa hai ngón tay: “Tôi vừa dờn mặt trận được nửa năm nay.

Và nếu cô không buồn, hiện tôi đi dạy học, một thằng thầy bắt đắc dĩ!”. “Anh quả nhún nhường. Tôi cũng có một người..., gọi là người tình cũ cũng được, làm giáo sư! Anh biết Curu không?” Hấn hơi ngạc nhiên: “Biết nhưng không quen. Với T., khu phố năm chưa đầy một nhúm tay, mỗi ngày ai mà khỏi gặp nhau. Một chập hóa ra thân thuộc hết. Nhưng tôi đã sống những năm dài rất lẻ loi đơn độc thời chưa đi lính”. Giọng hấn thật xót xa, thật xót xa hơn khi bỗng dưng Bồng nghĩ ra đó là lời thở than vờ vĩnh. Nàng vâng về khúc thuốc đặt trên cái gạt tàn nhìn vào miệng hấn nói: “Anh làm như tôi nói chuyện vô duyên lắm, khi nào gặp cũng hút thuốc liên miên”. “Không, cô chớ nghĩ tôi là *những-kẻ-hút-sa-lem*! Hấn bọn họ khiến cô tởm?” “Dạ, trước mặt con gái tôi nghĩ rằng bọn họ hút thuốc cốt ý khoe cái đàn ông đầy đắc thắng của mình. Tôi coi thường điều ấy.”

Trước hôm về lại T., người thanh niên mặc áo choàng đội nón nỉ xách bị vải tới từ già Bồng. Về hấp tấp của hấn làm nàng bức dọc. Nàng mua một gói thuốc (thứ thuốc lá hấn ghiền) khui vỏ chìa ra trước mặt hấn: “Trả lại anh. Ngồi nói chuyện hút cho hết cả bao rồi hãy đi. Tôi thèm ngửi mùi khói này lắm”. Hấn ngần ngừ cầm lấy, chua xót: “Phải rồi, đời tôi chỉ là một cụm khói, một sợi khói bay vòng. Chẳng tới đâu, chẳng được gì!” Bồng dịu dàng: “Có chi mà anh bi quan vậy? Nhiều lúc tình cảm tôi có những cử chỉ sơ hờ dễ gây cho người khác hiểu lầm. Thật ra...” nhưng hấn vụt dẫn giọng cắt ngang: “Không, Bồng đừng nghĩ rằng tôi yêu Bồng”. Và rồi, lúc nàng ngược lên: chỗ ngồi đối diện chỉ còn vương lại cuộn khói kéo dài ra tới cửa, hình như bóng người thanh niên vừa vụt qua chao động màu nắng

sáng bên ngoài.

Bồng ngửa cổ thờ dài, thật dài.



Buổi sáng sau cơn say, Cưu tần mẩn ngồi gỡ những bết vôi khô trên hai lòng chân. Hắn nảy ý định bán căn nhà trước khi xin đổi về một tỉnh khác. Cưu đi quanh phòng nhặt từng vỏ thuốc rỗng gom lại thành đống. Trọn ngày hôm đó hắn viết thư cho hết thầy bạn bè gần xa bằng những vỏ thuốc ấy. Trong tấm giấy viết gởi Bồng, hắn đọc được: “Anh là đứa bệnh hoạn, điều mà anh hằng giấu em bao lâu nay, sự giấu giếm đó đòi hỏi nhiều cô gắng bần tiện đến nỗi chính nó cũng là một cơn bệnh khác hành hạ mãi mình... Từ ngày gặp em, anh hút thuốc nhiều. Anh lầm tưởng khói thuốc sẽ giúp mình che phủ được những khốn khổ dần vật từ cõi tâm hồn bệnh tật luôn luôn ựa lên đầy ắp mặt mũi... Anh không trách em ra đi bởi anh đã đoán trước thế nào ngày đó cũng đến. Nhưng dù sao anh vẫn đau đớn không cùng.”

Có tin gã đàn ông đã bị quân cảnh tóm được vì gã vô ý để lộ vết da sói trên đầu. Cưu lăm lăm chửi thề. Phút sau hắn tỉnh cờ bắt gặp chiếc mũ xám lông xoắn nằm giữa đống chăn màn không hiểu gã bỏ quên hồi nào? Cưu băng quơ đặt chóp mũ trên ngón tay trở quay vòng rồi ném nó ra xa.

Vườn cây xanh non màu lá mới. Chim sâu nhảy chuyền cành hoa bưởi. Cưu bước giẫm trên mỗi dấu guốc Bồng bỏ lại, chỉ trở loanh quanh nói cho cô gái nghe dự định của mình. “Mùa nắng tới em có thể mở cái quán cà phê lộ thiên ở chỗ này... Mình đeo cây làm

bàn, ghé bằng tre kê dưới từng tàn lá. Kết đèn màu trên đầu. Đặt cái máy hát nơi hồ nước kia... Em mua luôn căn nhà này?” Cô gái lắc đầu cười: “Rồi người ta xấu miệng đồn là *quán Mộ Phu* kiêu mới nữa thì chỉ còn nước bỏ xứ mà đi.”

Ra đi là hết rồi, Quay về... thôi cố nhân ơi!

Tiếng hát nhẹ nhàng trên môi cô gái nghe chừng như hơi thở thì thầm.



Một năm sau buổi sáng Bồng đi, Cưu gặp lại nàng giữa thành phố N. Nàng mặc áo dường thai bước nín thở trên hè đường, tay ôm một bọc giấy, miệng cười tươi, da mặt xanh từng sợi gân li ti, nàng đẹp như một người lạ. Cưu ném mẩu tàn thuốc: “Chừng nào em sinh Niệm?” “Cũng sắp rồi anh. Không ngờ cái tên mình bông đùa hồi trước bây giờ trở thành một định mệnh”. Bồng hát mái tóc bồng bềnh về phía sau: “Anh còn dạy ở T.?” “Hết rồi, ít hôm nữa tôi vào lính, mới nhận lệnh gọi... Tôi tin rằng tôi chưa mất em dù em đã có chồng, một chồng hay ba bảy chồng chẳng nữa... Và tôi vẫn hoài hoài chờ đợi trong một tháng, một năm hay cả một trăm năm không chừng... Miết rồi tình mình hóa cái lương mất.” Cưu nói say sưa. Bồng thần thờ nghe ra đó là thứ giọng của người đã chết, nàng cúi nhìn chiếc bụng nhô cao, mân mê chéo áo lắc đầu: “Cám ơn anh. Đừng bắt em phải nghĩ chính mình gây nên nông nổi. Ít gì giữa lúc này.”

Có tiếng gọi tên Bồng từ một cửa hàng, nàng quay qua nói lớn: “Anh Kỷ, chờ em tí xíu.” Cưu cũng ngược lên. Người thanh niên da trắng nhẵn thín đang đứng hút

thuốc chờ Bồng đi theo. Nôm y quen quen và có ý mỉm cười chào Cưu nhưng hắt vội ra dấu từ giả Bồng. Cưu còn đứng lại rút tấm lệnh gọi cuốn tròn giả làm điều thuốc giắt lên môi. Mưa bụi lay bay. Mây trộn lỏng hơi nước thở mù nền trời. Buổi sáng Bồng đi...

(Cung Sơn, 12-69)

(Văn số 153 tháng 5 năm 1970)

NGUYỄN BẮC SƠN

TỰ BẠCH

Ghi chú của TQBT: Thường thường, chúng ta chỉ biết NBS qua thơ. Có lẽ, đây là lần đầu, chúng ta mới được đọc những suy nghĩ về văn chương của ông qua bài Tự Bạch. Và có lẽ chỉ có TQBT là tạp chí đầu tiên ở hải ngoại mới đi bài viết này. Điều này chứng tỏ chỗ đứng của TQBT. Ông đã ghi cả địa chỉ và điện thoại của ông dưới bài viết... Ông muốn vậy.
(trích từ TQBT số 20 chủ đề NBS)

Như những người làm thơ bằng tiếng lòng và hành tập Triết Đạo Đông Phương, cuối đời thы sĩ, mùa thu tóc trắng, nhắm mắt lại thấy mây trắng bay đầy tâm tưởng, mây trắng bay về mây trắng bay!! Đời kẻ làm thơ thường nhọc nhiều hơn vinh, buồn nhiều hơn vui, nhưng kẻ vừa làm thơ vừa hành tập Đông Phương Triết Đạo thì thường thường thanh thản, thường có những niềm vui nội mật, thường mỉm cười an thân lập mệnh. Khi qua đời, tôi xin được mỉm cười.

“ Nhân sinh nhược đại mộng ”. Tỉnh mộng thường xảy ra vào thời gian thoát xác lìa đời, thời gian cận tử. Đã chết nhiều lần nên kẻ làm thơ tất nhiên phải có nhiều lần tỉnh mộng. Đức Phật thường thuyết “ tam thiên đại thiên thế giới ”, vậy thì cái trái đất bụi hồng này cũng nhỏ nhút vậy thay! Khổ đau và tội nhục của một đời thây sũ còn nhỏ nhút biết chừng nào!!

Tôi thường đọc Kinh Dịch, Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Kim Cang Bát Nhã. Xin trích một đoạn, một bài kệ trong Kim Cang Bát Nhã để nói rõ ý mình:

Nhất thiết hữu vi pháp

Nhất mộng, huyễn, bào, ảnh

Như lộ diệt như điện

Ứng tác như thị quán

(tạm dịch: tất cả những hiện tượng trên thế gian giống như mộng, như huyễn, như bọt nước, như ảo ảnh, như hạt sương và như chớp lóe. Vậy, người Phật tử chân chính hãy nhận thức thế gian này là như vậy .)

Đó là ý đạo. Còn lòng trần? Tôi vẫn còn, nói như thiền sư Nhất Hạnh trong “ Giác Mơ Việt Nam ”, tôi vẫn còn “ Giác Mơ Việt Nam ”. Đã biết “ nhân sinh nhược đại mộng, hồ vi lao kỳ sinh ” mà vẫn còn nòng nân với “ Giác Mơ Việt Nam ”. Ấy là lòng kẻ làm thơ. Ai cũng vậy thôi. Xin các bạn tìm đọc bài “ Giác Mơ Việt Nam ” của thiền sư Nhất Hạnh.

Nguyễn Bắc Sơn

5 Chu Văn An

Phan Thiết- Bình Thuận.

Tel: 062. 896740

TRANG THƠ NGUYỄN BẮC SƠN

....

Với chủ đề thơ của Nguyễn Bắc Sơn trên TQBT 20, chúng tôi đã liên lạc về trong nước và được anh gửi qua những bài thơ dưới đây dành riêng cho TQBT. Xin cảm ơn anh và các anh như TTM và ĐCM đã chuyển giúp những bài thơ của anh qua cho chúng tôi, cũng như bài “Tự Bạch” của anh....

Riêng những bài thơ rất NBS như Chiến tranh Việt Nam và tôi, Thảo Khẩu, mặt khu Lê Hồng Phong, căn bệnh thời chiến, chuyện hai bố con tôi v.v.. đã được phổ biến quá nhiều trên Net nên chúng tôi không đăng lại ở đây.

TÂM HỒN TRẺ THƠ

Buổi sáng mang tiền đi hớt tóc
Vô tình ngang một quán cà phê
Giang hồ hảo hán dăm thằng bạn
Mải mê tán dóc chẳng cho về

Về đâu đâu cũng là đâu đó
Đâu cũng đi hui đất Hán Hồ
Hớt tóc cạo râu là chuyện nhỏ
Ba ngàn thế giới cũng chưa to

Tháng giêng ngồi quán quán thu phong
Gió nhận môn quan thổi chạch lòng
Chuyện cũ nghe đau lòng tứ xứ
Thương Kiều Phong nhớ tiếc Kiều Phong

Bày ra một ván cờ thiên cổ
Thua trận nhà người cứ trả tiền
Mẹ nó, tiền ta đi hót tóc
Gặp ngày xúi quẩy thua như điên !

Tháng giêng có kẻ đi tìm cúc
Nhưng cõi đời đâu có cúc hoa
Thấy đám phù bình trên mặt nước
Biết mình đi lộn nẻo bao la

Loạng quạng ra bờ sông ngó nước
trên trời dưới nước gặp ông câu
Ta câu con đú, người con đèn
Chung một tâm hồn tất gặp nhau

Ghé thăm ông bạn trồng cây thuốc
Mời nhau một chén rượu trường sinh
Bát cơm tân khổ trong tù ngục
Câu chuyện năm năm khiến giật mình

Khi gã Yêu Ly đâm Khánh Kỵ
Là đâm trúng phải trái tim mình
Sông Mường Mán không dung hào kiệt
Muôn đời bóng núi đứng chênh vênh

Nằm ngủ dưới cây nghìn cánh hạc
Dường như mặt đất tiết mùi hương

Ngủ thẳng một lèo chiều mới dậy
Đường như mình cũng mộng Hoàng Lương

Dường như đưa trẻ nghìn năm trước
Bây giờ đây vẫn trẻ trong ta
Khi về râu tóc còn nguyên vẹn
Một ngày loáng thoáng một ngày qua.

MÙA THU ĐI NGANG CÂY PHONG DU

Khi nhớ mình ta muốn ghé ta thăm
Ngôi nhà gần ngôi nhà xa vạn dặm
Con đường tình có cội nguồn sâu thẳm
Từ sinh cung của bà mẹ mệnh mong
Ai xui ngôi nhà em cất bên kia sông
Khiến đời anh cứ mãi qua cầu cứ trèo lên dốc
Bầu trời quá cao phải chăng lòng mình quá thấp
Chiều mù sương vì tình yêu mù sương
Ai xui ngôi nhà em cất giữa ngã tư đường
Khiến lòng anh cứ ngập ngừng ba ngã
Con phố thân quen bất ngờ con phố lạ
Nơi hàng cây rụng tiếng cắc kè kêu
Nơi lầu cao khung cửa sổ điều hiu
Soi thấp thoáng ngọn đèn hoa thiếu nữ
Những sợi tóc rụng trên chồng sách cũ
Vì thanh xuân theo nước lũ trường giang
Những chuyến xe đò đêm đêm băng ngang
Rót tiếng động khơi nổi sầu viễn xứ

Bầy chim én đã bắt đầu tư lự
Ngủ âm thầm trên những đường dây cao
Đi ngang qua, đi ngang qua
Đi ngang qua
Đi ngang qua không dừng trong đời nhau
Hẹn gặp nhau ở nhất nguyên thể giới.

CÁI CHẾT VÀ LÒNG YÊU ĐỜI

Một mai anh chết tự nhiên
Mỉm cười thương tiếc cõi miền nhân gian
Suốt đời anh ly rượu tràn
Niềm vui sống cứ trải dần mệnh mông

Anh thương trái đất chạy vòng
Thương người khốn khổ một lòng thương yêu
Nhà thơ có ít cho nhiều
Hình như anh chết có điều bận tâm

Một mai nơi chỗ em nằm
Không anh em biết trăm năm là dài
Một mai ừ nhỉ một mai
Mỉm cười anh chết cười hoài thế gian.

CHIÊM BAO VỀ ĐÀ LẠT

Kỳ lạ nhỉ ! Giờ đây ta bỏ xứ
theo trái phong du, nín gió lên trời
xin bái biệt cô thành với nhà ga không thiết bị
khói của chòi rơm, bãi cát trắng soi

Ừ Đà Lạt ngoài khung cửa kính

giàn su xanh thuở ăm má em hồng
và ta, kẻ mười năm không áo lạnh
biết đời mình đủ ăm hay không ?

Ừ Đà Lạt ta tha hồ cuốc đất
và tha hồ ẩn hiện giữa ngàn cây
sẽ đi tìm cây cần trúc nhỏ
ra hồ ngồi câu cá câu mây

Đà lạt, lạt đà dăm bảy đứa
còng lưng ra mà còng ba lô
những hào sĩ đứng bên bờ nhật nguyệt
vỗ tay cười thương lớp sóng lô nhô.

CƯỜI ĐUA CÙNG NÚI CAO BIỂN RỘNG

Sáng tinh mơ khi em còn chải tóc
anh vác mặt trời đi tắm biển thiên thanh
bà mẹ thiên nhiên yêu những người con lãng tử
yêu còn hơn tình em yêu anh

Nắng ba năm biển chẳng bỏ ta
mưa một ngày ta liền bỏ biển
anh tắm tẩy trần cho Chân Như hiển hiện
cho sạch lâu cát bụi trần gian

Nhiều năm qua anh là đứa con hoang
đi tìm kiếm người cha vĩnh cửu
phụ thân anh là chân không Diệu Hữu
bạn thân anh là những ngọn núi cao

Trời Xuân Thu thiên hạ sống lao xao

anh vận khí ngồi vẽ tranh thủy mặc
trên lưng trâu xanh đậu con chim Hoàng Hạc
trên triền núi cao đậu một mình anh

Núi cống anh, anh cống khúc trời xanh
anh nghĩ cách hào hùng cống núi
dù núi nặng có làm anh chới với
cũng không nặng bằng anh cống khối tình em.

NGƯỜI BẠN GIÀ VÀ CÔ GÁI HUẾ

Vũ trụ chẳng qua chỉ là gian nhà mệnh mông ảm cúng
Nên ta mời nhau chén rượu trường xuân
Các dân tộc giống như mây mù đàn bà hay cãi cò
Đông phong, tín nguyệt biết bao lần

Trái đất bụi hồng, chiếc xe luân lạc
Chở muôn mùa bao viễn khách truân chuyên
Thi sĩ, người ngảy thơ ngó thấy
Cuối trời chiều, một bến đậu vô biên

Tôi đến rồi đi rồi lãng đãng
Anh nằm đau nặng chiếc giường con
“một chút mặt trời rơi vào ly nước lạnh”
Có gì đâu chuyện mắt hay còn

Tôi ra quán cà phê, chuyện trò cùng cô gái Huế
Giọng nói Hương Giang, giọng nói ân tình
Ta mà cũng có người yêu mến nhỉ ?
Tóc mây trời bên mái tóc em xanh

Ta đã sống những ngày ngây ngất
Anh vẽ tranh còn tôi làm thơ

Chúng ta giống những hài nhi vô nhiễm
Chơi đùa trên sóng nước hư vô

Sáng nay anh đã qua đời rồi
Tôi vào quán nhạc ngó mưa rơi
Cô gái mỉm cười, tôi ứa lệ
Phải cuộc đời như một trò chơi ?

THƠ TÌNH THÁNG CHẠP

Cám ơn em đã viết cho anh những bức thơ tình
Tình thảo nguyên hoa quỳ vàng đắm đuối
Em không nói tiếng người, em nói tiếng chim, em nói
bằng tiếng suối
Tiếng nói em thơm ngát suốt hồn anh
Cám ơn em đã đi cùng anh trong khu vườn xanh
Vườn trĩu trái, trái hồng như trái ngực
Anh thương những loài cây suốt ngày bực tức
Vì giận mình sao chưa biết đi
Dù cho cây biết đi như mây bay
Vẫn còn thua bước chân người tình đầy dấu ấn
Khi loài chim bước tình cờ tha thẩn
Là lúc tâm hồn anh đầy những dấu chân
Cám ơn ngôi nhà em, ngôi nhà đã bao dung người
thiếu nữ
Vừa ngọt ngào vừa cay đắng như em
Những đêm mưa em có thấp ngọn đèn
Để chiếu sáng những góc lòng đen tối
Thôi câu chuyện tình nói cho nhiều cũng vậy
Trăm năm dài rồi sẽ đặng ngàn năm
Tất cả sẽ qua đi điều gì còn ở lại
Một đoá hoa Quỳnh trong cõi trăm năm

THIỆU NỮ

Đứng trên núi đã thấy hàng đèn thị trấn
Là thấy mình lạnh buốt mấy ngàn năm
Vì đêm nay trời đất lạnh căm căm
Nên chợt nhớ chút lửa hồng bếp cũ

Nên chợt nhớ mắt môi người thiếu nữ
Đã nhìn mình rất ấm một ngày xưa
Dù mai sau ngày nắng tiếp ngày mưa
Nhưng vĩnh cửu chút mơ màng thuở đó

CÁI PHẬT

Phật bảo đời người như bể khô
Ta cười sướng khổ bổ sung nhau
Còn sống còn vui còn múa hát
Khổ đau như nước chảy qua cầu

GIAI NHÂN VÀ SÁCH VỎ

Ta đọc ba ngàn quyển sách
Xong rồi chẳng nhớ điều chi
Ta chỉ nhìn em một cái
Sao mà nhớ đến mê si

BÀI THƠ TÌNH VIẾT KHI NỔI SÙNG

thời mặt thề người ta yêu nhau bằng cái búa
và tặng nhau hàng chục nhát dao găm

anh, kẻ chập chờn giữa càn khôn lão đảo
tặng cho em nguyên một đóa trăng rằm

thôi, thời đại chúng ta...
tâm hồn em ô nhiễm cũng thường
trời đất đã cho anh nụ cười bất sá
sá gì cái chuyện tơ vương

cám ơn em đã viết cho anh những bức thư tình
tinh thảo nguyên hoa quý vàng đầm đuối
em không nói tiếng người, em nói bằng tiếng chim,
em nói bằng tiếng suối
tiếng nói em thơm ngát suốt đời anh

cám ơn em đã đi cùng anh trong khu vườn xanh
vườn trĩu trái trái hồng như trái ngực
anh thương những loài cây suốt ngày bực tức
vì giận mình sao chưa biết đi
dù sao cây biết đi như mây bay
vẫn còn thua bước chân người tình đầy dấu ấn
khi loài chim bước tình cờ tha thẩn
là lúc tâm hồn anh đầy những dấu chân
cám ơn Ngôi Nhà em, ngôi nhà đã bao dung người
thiếu nữ
vừa ngọt ngào vừa cay đắng như em
những đêm khuya em có thấp ngọn đèn
để soi sáng những góc lòng đen tối

thôi câu chuyện tình nói cho nhiều rồi cũng vậy
trăm năm dài rồi sẽ đặng nghìn năm
tất cả qua đi, điều gì còn ở lại
một đóa hoa quỳnh trong cội trăm năm

TỪ THẾ MỘNG

1937- 2007



Nhà thơ Từ Thế Mộng đến với tạp chí Thư Quán Bản Thảo rất sớm (số 7 tháng 9 năm 2002). Truyện và thơ của anh xuất hiện đều đặn trên TQBT.

Năm 2007, anh bị bạo bệnh phải được đưa vào Saigon để điều trị.

Nhà văn Nguyên Minh đã kể lại về lần thăm viếng anh như sau:

Những ngày anh vào Sài Gòn chữa bệnh, Lê Ký Thương chở tôi đến thăm anh. Lúc đó anh ốm hắc và nước da đã ngả vàng. Khác hẳn với lần gặp mặt đầu,

*cách đây hai năm trong quán cà phê Vô Thường với Lê Ký Thương, Lữ Kiều, anh có cái vẻ đẹp lão, hồng hào, và nhất là nụ cười rất tươi, yêu đời. **Gặp tôi, anh quên mình là bệnh nhân, anh chỉ hỏi tôi có mang đến TQBT số mới nhất không.** Khi tôi hỏi thăm, anh chỉ trả lời qua loa về căn bệnh của anh, xem như không đáng quan tâm. Anh và tôi lại nói chuyện về văn chương.*

(Mảnh đời - Màu tím hoa Mua"

Chúng tôi đăng lại hồi ức của nhà văn Nguyên Minh không phải để đánh bóng tạp chí, mà để chứng tỏ về những tình cảm, ân cần của các bạn hữu ngoài cũng như trong nước dành cho tạp chí. Họ đã đến và đã ra đi. Nhưng tấm lòng của họ vẫn sắt son tình nghĩa. Xin được cảm ơn anh, nhà thơ Từ Thế Mộng.

Bài trích đăng

Mẹ Sà Cánh Tới

Tùy bút của Từ Thế Mộng

Duy ra ngõ, ngóng một mình, không biết ngóng ai. Chiều Nha Trang sáng bóng. Có lẽ vì gần biển, thoáng gió nên chiều nhẹ tênh. Dễ vốc một nắm mà hớp được ngay.

Tự dừng, Duy thấy buồn. Đi học, xa nhà, lúc nào chú cũng nghĩ tới mẹ, nhất là những ngày gần đây. Sao đời mẹ lúc nào cũng khổ: lấy chồng năm mươi sáu tuổi, chưa biết gì yêu đương. Cứ cha mẹ gả là lấy. Về nhà

chồng, trăm việc đều đổ cả lên đầu mẹ. Buôn bán, giặt giũ, gánh nước, nấu ăn, quét tước, dọn dẹp, nỗi nào vùng đó...Không kịp, không đúng đã có đôi mắt, cái miệng bà mẹ chồng xĩa vào, bén ngọt còn hơn cả dao cau, lạnh ngắt còn hơn cả ma quỷ.

Sinh con, đẻ đứa con đầu, rặn ba ngày ba đêm. Đứa thứ hai, chồng mê gái, bỏ một thân tro trụi, nổi máu sản hậu, tưởng chết. Đứa thứ ba, chạy giặc suýt để rớt. Chồng đi lính, từ Huế đổi vô Phan Thiết. Phải bỏ cả cha mẹ, cùng làng quê yêu dấu, bồng dắt con lếch thếch đi theo. Tản cư, một nách ba con, chồng bệnh hoạn ho sù sụ, muốn có cái bỏ vô miệng, phải lao vào nơi nguy hiểm không ai dám tới, mới kiếm được đồng lời.

Tết, nghĩ thương chồng, sai hai con lớn đi mua rượu nếp, đang còn cất trên lò, nhỏ từng giọt trong vắt, thơm lừng. Được một bình đầy, hai đứa hí hửng về. Nửa đường, máy bay Pháp từ đâu ủa tới, ném bom như rải đậu. Bà mẹ chờ lâu quá, nóng ruột, phải lao ra giữa cảnh toi bời bom đạn đó, tìm con. Vừa chạy, vừa kêu ầm: Ỗ Lợi ơi. Tư ơi Ỗ . Tiếng kêu thẳng thốt như tiếng nấc. Vừa lòi con ra khỏi đám bông vải bên đường, bom dội ngay xuống đó. Cảm ơn Trời ! Bà mẹ mừng mừng tủi tủi, nắm tay hai con vừa chạy vừa nhìn, tưởng sinh hai thằng con mới. Rồi cả nhà táo tác chạy vô rừng, không mang theo được gì. Còn cái mạng là quý, nói chi tới miếng ăn. Nhưng lũ con háu đói, há cái mỏ chim non ra kêu, bà mẹ không chịu nổi, phải chạy về. Nửa khuya, về làng đầy dẫy bầy Tây ác thú, cái chết treo lừng lừng trên đầu, theo từng bước chân đêm rón rén.

Lại còn hôm gia đình vừa tản cư về, chưa được bao nhiêu ngày, lũ Tây đen say rượu, trời vừa chập choạng

tối, đã vào nhà thím Bảy Khanh, đề bà, hiếp. Xong, nã sủng, bắn bỏ. Mẹ nhào ra. Chỉ vì đưa con đầu lòng còn kẹt trong đó. Ba và nhiều người phải hết sức níu chặt, mới giữ nổi chân mẹ. Mẹ cắn. Mẹ chửi. Mẹ khóc ngất...

Má ơi ! Một đời má khổ. bây giờ được gì má? Chỉ hai bàn tay trắng, thân gầy teo, mang chứng bệnh mạch lươn ngất nghèo, không tiền chữa thuốc, đầu cạo trọc (ngày xưa tóc má dài như suối)

Vậy mà má cho con từ Phan Thiết ra Nha Trang học đệ tam, lại sắm cho con chiếc va li da mới toanh, vàng ửng. Thăng Duật, con của người cháu kêu má bằng cô ruột, có một chiếc thì thằng con trai của má phải có một chiếc. Trời ơi, chi mà khổ vậy má !

Giờ này chắc má đang nằm rên rĩ ở nhà. Xương theo mủ chảy ra từng bọt, tanh tưởi đến lợm giọng. Má không tiền mua thuốc, lại chắt chiu cho con ăn học. Con nỡ nào sống bằng máu xương của má? Má ơi, con nghỉ học đây má. Con đã mười chín tuổi đầu rồi, có thể kiếm việc làm để cho má bớt phần nào cơ cực.

Nghĩ tới đó, nước mắt đã ướt đầm cả mặt Duy. Chú nhớ lại bức thư viết gửi mẹ, sau nhiều đêm thao thức, xin người cho nghỉ học.

Còn ba? Ba làm nghề mộc, nhưng tính thích rong chơi, lấy thêm một bà vợ nhỏ. Mẹ biết, cũng không nói gì.

Duy ngẩng đầu lên. Một nỗi đau ngấm ngấm chẹn nơi ngực.

Lạ nào: Hình như....cái dáng đi như nhảy chồm lên đó, không thể của ai khác. Một người đàn bà mặc áo dài lam, đầu bịt chiếc khăn xanh sẫm, một tay chống lên đầu gối trái, một tay vịn trên vai một đứa bé, nhấp nhòm đi tới.

Ồ Má Ợ . Chú nhào lại, ôm chầm lấy mẹ. Người đàn

bà khóc sụt sùi. Chiếc khăn trật ra, rơi xuống, lộ cái đầu trọc, sáng trắng như có hào quang chiếu rọi. Chú đưa vai cho mẹ vịn. Hai mẹ con cùng đi vào.

oOo

Được thư con trai đòi bỏ học, bà mẹ bay đi, dù nửa người như liệt. Phải ngăn nó lại. Tính nó vốn xốc nổi, dám làm thiệt lắm. Chao, bà đã bỏ bao công sức lo cho con ăn học tới nơi tới chốn, cốt thoát khỏi cái nghèo đeo đẳng mãi, nay đành bỏ nửa chừng sao?

Đâu được. Bà vội cùng đưa con trai út lên xe lửa ra Nha Trang, nằm lẩn dưới sàn, chung với gà vịt. Chỉ để người soát vé thương tình cho đi nhờ.

Vậy mà...

Chú nhìn mẹ, không tin ở mắt mình. Vẫn là mẹ, đâu có thần thánh gì. Sao Phan Thiết - Nha Trang mấy trăm cây số, với, chỉ dài như một giấc chiêm bao?

Nơi nào con cần là mẹ sà cánh tới. Mẹ ơi !

Thơ Từ Thế Mộng

Cô Bé Trước Mặt Nhà

Tặng Giao

*7 con chim én bay vào trời xanh
hoá thành mùa xuân cả 7*

Má ơi

con kể về cô bé trước mặt nhà mình
16 tuổi nụ hồng mê mẩn sáng
chiếc răng cời xinh thật là xinh !
nổi trên gương mặt nõn nà kia
sống mũi dâng lên đường thẳng tắp

Con lại đi bằng lối đi vòng
thư bằng giấy học trò chỉ thấy mênh mông là nỗi nhớ
phải nhờ người trao hộ
vậy mà chữ run lòng con run.

Con tái bút nhiều lần thư chưa gửi được
mồ hôi run ướt cả giấy bao ngoài
con thập thò tím cả trái mòng toi
con bóp nát trong tay lúc nào chẳng biết

Ôi thư gửi đi rồi con như rục lữa
chân ở đây mà tay ở đó
mắt ngược xuôi, nào ai hiểu rõ
lòng con xuôi ngược ở nơi đâu

Chắc má biết đó là cô bé Giao
mộng của hồn con, con làm thơ cả xấp
nhưng cả lòng con chỉ như vừa biết đọc

con đọc hoài tên Giao là Giao Giao Giao

Bảy năm con trâm trà trâm trâm
Giao chạy hoài và con đuổi miết
gia đình Giao có ai bằng lòng con
nhà mình nghèo thấy rõ bàn tay thấp

Bảy năm như một giấc mộng dài
luôn hiện con dưới trời mưa nắng
buổi sáng theo sau đưa chiều trước đón
lên tận lớp Giao ngồi đêm ngủ hoá ra thơ

Bảy năm chạy theo tình say sưa
dạy ở Blao con bỏ dạy bay về
chỉ để đứng khuất trước cổng nhà Giao trong đêm
khuya
nhìn: lờ mờ trong xa kia Giao ngồi học !

Giao trốn qua thăm con vừa thẹn vừa run
căn phòng rồi ren đang bộn bề cảm xúc
bỗng có tin gọi Giao về gấp
thời chết, còn gì Giao của con !

Con chạy vù qua bao nhiêu lần vấp
mặt máu tươi ướt đầm ngón chân trần
con nấp trước cổng nhà Giao chờ tiếng khóc
liều đem tấm thân người tình si
phủ lên Giao hứng hết làn roi quất

Thưa má
trong tình yêu con vẫn thường đại dột
nhưng chỉ có tình yêu mới ban cho con những ngày
hạnh phúc !

(*Trường ca Má Thương Yêu - Trích đoạn*)

Mỏng Mảnh

Em mặc chiếc áo lót
ngó thơ ngây lạ lùng
bao nét cong mỏng mảnh
sáng cả đường em đi

(TQBT tập 7 năm 2002)

Đêm nghe tiếng vạc kêu

Trăng từ kẽ lá
trăng lên
nửa khuya
với nửa trăng mềm mại em

Mộng nằm mộng
dưới hàng hiên
càng khuya khoắt mộng
càng huyền hoặc sa

Xẹt ngang qua mái hiên nhà
không gian rộng
bỗng vỡ oà
vạc kêu !

Tiếng kêu

lạnh cho anh nằm
nghe quẩn quại
cả tiếng lòng
quạnh hiu

Giật mình
thấy mộng quàng xiêu
thấy tay em đã
mòn yêu dấu người !

Phan Thiết 93
(TQBT tập 10)

Không đề 1

Thấy em một chút đã mừng
Cần chi biết sợi dây lưng ngắn dài

Không đề 2

Anh ơi đừng nhú lông mày
đừng xao xác ngó mà trầy trụa em

Mai em lấy chồng xa

Em bắt chợt đến
bắt chợt đi
bắt chợt cười nói
chào chú !

Từ đó tôi mê em

như con thú tự liếm vết thương mình
tôi hả hê
thấy em còn đó!

Còn đó em quấy mình trên biển
còn đó màu áo hoa liền mảnh
còn đó bạn em cười
mai em lấy chồng xa có người tiếc nuôi

Chẳng tiếc em lấy chồng
chỉ tiếc mình già cỗi!

(TQBT tập 13)

LÂM ANH

(1942 – 2014)



Nhà thơ Lâm Anh đến với TQBT qua sự giới thiệu của nhà văn Nguyễn Lệ Uyên. Như hầu hết những người cầm bút cũ của miền Nam, cuộc sống của anh sau năm 1975 đầy nghèo khó, gian nan vất vả. Tuy nhiên, không phải vì vậy, mà anh không sáng tác. Trái lại là khác.

Sự ra đi của anh được một bạn văn ghi lại như sau:

Đám tang anh ở miền quê xa lắc Lâm Đồng cũng với người viếng. Một nhà thơ sống khó khăn, chết thầm lặng và có phần bi lụy như Lâm Anh quả ít có nhà thơ nào gặp phải. Đáng rằng “*Đã mang lấy nghiệp vào thân – Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa*” (Nguyễn Du). Nhưng sao thấy thương quá kiếp sống của những nhà thơ tài hoa mà mệnh bạc.

... Ngay chỗ anh ở có một ngã ba mà tôi và nhà thơ Tâm Nhiên từng đến thăm anh năm 2010. Một con dốc ngang qua mà người dân ở đây đặt tên là *Ngã Ba Lâm Anh*. Âu cũng là niềm an ủi rất lớn cho tên tuổi của nhà thơ mà tôi tin là sẽ mãi lưu danh nơi cao

nguyên đèo heo hút gió này.

(Nguyễn Minh Phúc: *Nhà thơ Lâm Anh – Một đời nghèo khó – nguồn: Internet*)

THƠ LÂM ANH

Tìm Người Hiền Trong Suốt Cõi Xuân Thu

(Tặng Nguyễn Lệ Uyên)

Đi suốt Xuân thu tìm một người hiền
Một chiều nọ dừng chân bên lũy quán
Lữ khách ngồi nghiêng bên rượu lạnh
Gió tự muôn trời chợt cụng đĩa cơm khoai

Ta vác tình em đặt kín ngang mày
Để che núi và che cây cỏ
Đâu từ một sông hồ đi tới
Thuyền-nan-chèo-gậy-vai-thuyền-sòn
Một bông hoa nào bước qua sông
Gió-hảo-hớn lửa vào áo rách
Đời dồn lại trong hai bàn chân gạch
Ta đã tự chồng ngăn cát bụi hồng

Dẫn lòng về với mọi núi trăm sông
Những con cá bóng để lòng vàng như cát
Suốt cả Xuân Thu... cuối đời hồng hạc
Biết người hiền có đậu cánh trong mơ?

Đà Lạt 9.4.2003

() Lên Đà Lạt, gặp anh một cách tình cờ và tình cờ*

nhìn anh như thể nhìn một lão thiền sư hành đạo. Cả người anh toát lên vẻ cổ quái đến lạ lùng. Và anh sống cũng cổ quái đến lạ lùng kể từ khi cả gia đình anh bị đưa từ Quảng Ngãi vào vùng kinh tế mới Đà Tê (Lâm Đồng). Hơn bảy mươi anh vẫn lang thang với đời và với thơ, lang thang trên quê hương không còn chốn dung thân. Đôi giày há mõm. Quần áo sờn rách. Cây bút chì ngắn hơn lòng tay. Mẩu giấy từ bao thuốc lá đen. Và thơ. Và lang thang. Và rượu. Anh lang thang với đời và lang thang với chữ nghĩa trong cái tận cùng khôn nạn.

Trước kia, Lâm Anh cùng trong Mặt Đất với Phan Nhự Thức. Bây giờ, còn lại mình anh để tiếp tục lang thang trên mặt đất chật chội hôi hám này. (Xương Rồng)

(TQBT số 11 tháng 7-2003)

Không Đề

Sáng nay bụi trú mưa ngoài ngõ
Tiếng dế tàn khuya sót giữa cành
Ngắm ly trà nhạt lênh trên giấy
Muốn vỗ đùi nghe dội tiếng quen

Lòng Im Lặng

Tôi vừa được em chở lòng- im-lặng
Giống màu chiều vắt ruột hoàng hôn
Nỗi khô khốc vời sau vách núi
Bỗng trườn ra một thói nắng xanh ròn.

(TQBT số 17)

G ặ p H ạ Đ ì n h T h a o

Trong đám lục bình cuối nước

Cám ơn Ngô Cam

Như thê mây vừa ra khỏi núi
Chống gậy bằng vai chống trên vai
Đôi chân ngâm rượu lâu ngày ấy
Chợt rã vào tao những hộp đầy

Buổi trưa cây lá ngoài sân nắng
Như sắp hàng ngang trong mắt nhau
Lạ quá...mây cười như sóng chảy
Đến một dòng sông chẳng có màu

Tao cũng cười tiếng cười của sóng
(Biên ngủ quên vừa thức trong mơ)
Ba mươi năm...ba đời Tam Quốc
Xếp-đáy-Xuân-Thu-phút-hợp-này

Như đám lục bình giạt cuối nước
Không ngoái đầu cũng đụng tay em
Thuở chia lợt giắt hoa cài ấy
Đâu dám nhờ trăng giấu thất tình

Vậy mà gặp nhau...hề-hề-hả
Hai bàn tay hề hai nhánh sông
Trời như trở lại nguồn cạn đáy
Gọi biển mà ca khúc bạc đầu

Khúc Túy-Tình-Hồng-tư-xác-xụ
Xông- xênh ly chén chợt khua nhau
Mây cột tao cài túy-lúy-tận
Hai hàm răng rung rựng lên trời

Nghe xám bốn trời mưa tạt đục
Hai đũa với tay vào mùa đông
Đâu sá mùa hè đang dựng ngược
Không Tầm dương Tỳ bà đâu ngân

Muốn thui cho nhau đau mấy cú
Cho rã tan thêm nổi lục bình
Nghĩ thương con nước không còn sức
Ngầu bọt vào em ở cuối đường

Thôi tao về
Nói sao cho hết
Mặc mẹ mặt trời mọc ở đâu
Chớ mở bàn tay ra hỏi thử
Đã cầm bao nhiêu cỗi nổi trôi

Cát Tiên, 18-3 AL (2004)

34 năm gặp lại Uyên Hà
Gặp Uyên Hà vào ngày 11-1-2007

Ba mươi bốn năm gặp lại Uyên Hà
Ta cứ tưởng mình đang đánh vù
Tay quay, chân quay...hồn lâng lâng rượu
Râu tóc chùng xanh dựng đứng ân tình

Bạn ta cười giống cái bánh xe
Đang lăn trên đường dài vô tận
Và đôi mắt giống như là chú bé
Buổi tựu trường cầm cặp sách a, b

Ôm nhau lòng đánh trống tứ bề
Nghe như ngựa sỏi vó vào chiến trận
Nghe như sóng vỗ những hồi nước mặn
Phủ lên bờ cát trắng nguyên sơ

Bạn mừng ta lời lá mùa thu
Rụng như rơi lên từ cội
Ta cũng cười...mặt mày như đang tối
Về ngày xưa xa lắc khói xuân thu

Thời gian đùn động trên mặt bàn
Bạn ngồi như ba mươi bốn năm vừa thức dậy
Bạn như phủi những nỗi đời tơ nhện
Ta như xe trên cái kén đời tăm
Nói nhau không nhiều những thoáng trăm năm
Bạn xếp cát trong hồn túi vải
Ta móc ra những màu quan tài
Treo trên mặt mày đỏ quạch hư vô

Buổi sáng lòe dưng mái tranh
Bạn thấp mưa xuống lòng chật nước
Trong xa mờ bóng tàn đông xứ núi
Ta hóa rừng trong tay bạn chia tay

Cát Tiên, 12-1-2007

K h ô n g đ ề

** tặng Phạm Văn Nhân*

Bài 1.

Mưa tưới rộng xuống đầu cao của núi
Chảy về tôi từng khoảng tối của rừng
Dưới trũng thấp của vô vàn sự sống
Mẹ vẫn còn cúi ngược chiếc lưng cong

** Gởi Nguyễn Lệ Uyên*

Bài 2.

Như là bay với cánh xuân trắng
Ngàn núi trăm sông giữa lòng đời
Khi đem áo vải phơi vào khói
Và bận vào ai rách hết tôi!

** Bốn câu đến chị Xuân Hương*

Dòng sông trăm nước lựa quê
Trôi qua “Hòn Khói” như về với ai
Ngìn năm biển vẫn thở dài
Ngút hơi còn lại để vài cánh hương

(TQBT số 28 tháng 7-2007)

HOÀI KHANH

(1933 - 2016)

Nhà thơ Hoài Khanh đến với Thư Quán Bản Thảo từ năm 2006. Anh là một người đa tài. Làm thơ. Viết văn. Dịch thuật. Thư ký tòa soạn tạp chí Giữ Thơm Quê Mẹ. Giám đốc nhà xuất bản Ca Dao.

Anh làm thơ rất sớm , lúc chưa 20 tuổi đã xuất bản tập thơ Dâng Rừng . _ Nhà Thơ Bùi Giáng trong sách Giảng Luận về Chu Mạnh Trinh (Nhà xb Tân Việt 1959) , trang 24 có viết về tác phẩm này như sau:

...

“ Và Hoài Khanh

“Chỉ yêu là một nụ cười

“Chỉ đau lòng lệ của người mà thôi

“ Ai lên mà hỏi được trời

“Vì sao nhân thế hay cười lại đau

“Qua sông là một nhịp cầu

“Qua tôi là một kiếp sâu vô chung

“Anh chưa quá 20 tuổi , anh viết những vần thơ mà Nguyễn Du, Nguyễn Khắc Hiếu tái sinh nghe được phải lạnh mình trước cái vĩ đại hồn nhiên lẫm liệt của tài hoa chưa ráo máu đầu . cái vẽ ngây thơ thăm thẳm của lời thơ , chỉ những thiên tài xuất chúng mới có được .

Bùi Giáng khen như vậy, nhưng rất ít những nhà phê bình nhận định văn học ở SG viết về Hoài Khanh. Giống như trường hợp Cối Đá Vàng của nhà văn nữ Nguyễn thị Thanh Sâm. Hay Quốc lộ 13 của Hoàng Ngọc Hiến...

Đó là lý do tại sao tạp chí TQBT lại có những chủ đề về Hoài Khanh, Nguyễn thị Thanh Sâm, Hoàng Ngọc Hiến, Phùng Thăng...

Văn trích

THÁP MỘT NGỌN ĐÈN truyện ngắn của Hoài Khanh

Du ngừng lại để thở và nghỉ mệt một lúc. Con đường Trần Quốc Toản nắng chiều vẫn xoáy vào mặt người đi về phía Tân Định một cách khó chịu. Chàng ngừng lại dưới gốc một cây dầu cạnh xe nước mía. Chàng thần thờ gọi: “ cho tôi ly nước mía” và uống một cách chậm chạp. Chàng chấp chấp miệng để giữ vị mát ngọt nơi cổ họng lâu được chút nào đỡ chút ấy. Đoạn chàng lấy

khăn lau mồ hôi và nói “cho thêm một ly nữa”. Bà bán nước mía nhe răng cười, và nói “cảm phiền đợi một chút nha cậu”. Đoạn dứt bó mía vào bánh xe chạy rù rù và những giọt nước mía đục ngà nhỏ lách tách xuống trên những cục đá trắng xóa chồng chất óng ánh. Ngoài Du, còn ít nhất là bảy tám người đang đợi. Cạnh đường những chiếc xe vù vù vụt qua, vụt qua nhưng không lúc nào dòng xe cộ đó gián đoạn. Cầm ly nước mía thứ hai mát lạnh trong tay Du đã thấy lòng dễ chịu và khỏe lại. Chàng đã đi bộ một quãng đường khá xa. Từ đại lộ Trần Hưng Đạo, qua Phạm Ngũ Lão đến Công Lý và rồi Trần Quốc Toản. Bây giờ đầu óc chàng trống rỗng, chỉ nghe mang mang trong thân thể nhất là ở hai đầu gối một sự mỏi mệt. Chàng thản nhiên lạnh lùng nhìn vào dòng xe cộ đang luân chuyển. Thình thoảng tiếng xe thắng rít lên một cái nghe lạnh cả người. Thình thoảng vài người Mỹ ngồi trên xe la lỏi, chỉ chỗ chắc là say. Thình thoảng chàng thấy một cô gái ngồi nép sát vào lòng xe xích lô máy một cách ngượng ngịu khó chịu khi bắt gặp cặp mắt Du và những cặp mắt khác. Bởi vì cô gái ấy để lộ cặp đùi và hai bắp chân trắng toát khi chiếc váy đầm tung lên. Hình ảnh này chàng đã tình cờ bắt gặp nhiều lần. và lần nào cũng vậy chàng cảm thấy một nỗi xót xa làm bủn rủn cả tâm thần. Chàng thường tự hỏi những cô gái ấy mặc chi những thứ “kiểu” ấy để phải ngượng ngùng, khốn khổ như vậy. Ấy là chưa kể đến những trường hợp không “hợp co” một cách dị hợm hơn như tối hôm qua chàng đã gặp trên đường phố Tự Do. Một cô gái quê đen đui lùn xùn và rất ốm. và “kiểu” áo nọ đã bày ra hai bắp chân đen đui tong teo có nhiều vết xẹo đen và hai cánh tay da thịt như gắn vào một cách lạc lõng. Lại đi bên cạnh một người Mỹ cao nghệu. Và những ngọn đèn

của Sài gòn về đêm thường huyền ảo lắm nhưng cái hình ảnh đó Du cho rằng nó không huyền ảo mà còn thô鄙 nữa là khác.

Nhưng rồi Du nghĩ đến đời sống của mình và tự hỏi giữa mình và cô gái kia ai đã hơn ai? Đời sống đô hội ở đây đâu cần đến những giá trị nào đâu. Khi ra đường phố, có một bộ đồ đắt giá và hợp thời trang vẫn “bảnh” hơn như thường. Ấy là chưa kể đến cô gái kia ở trên buyn-đin cao nghệu có máy lạnh và chàng thì ở một căn gác mà trưa nào chàng cũng phải đi lang thang. Những lần mệt mỏi, ngồi trong quán nhỏ bên ly nước đá chanh hoặc trong một công viên vắng người chàng thường hát với nụ cười vắng lạnh và dáng điệu trầm tĩnh rất dễ sợ: *ngày hôm nay lang thang trên đường, lòng vương vấn và nhớ*Chàng chầm dứt ngang sau chữ *nhớ* với hai con mắt ngầu đục lại lúc đó như muốn nổi lại những chân trời nào cũ xưa quen thuộc đã mất. Và đời sống ở đô thị này đã dạy chàng một điều là chàng không thể nào sống ở đô thị được. Chàng đã quyết định trở lại quê hương nơi có mảnh vườn con, có đồng ruộng xanh và nhất là có một hình bóng không bao giờ nguôi tan không bao giờ hóa kiếp. Nhưng rồi có phải là định mệnh chẳng mà chàng lại phải nán lại đây một thời gian? Tuy rằng lúc quyết định chàng đã quyết đi ngay nhưng sức nhớ cần phải mua một món thuốc chữa bệnh cho người chú, nên chàng đã phải nán lại một buổi. Và trên một chuyến buýt Sài gòn- Chợ lớn trong một buổi sáng nọ khiến chàng phải ở lại đây. Ở lại một thành phố đông đảo, ồn ào. Thành phố của một khối cô đơn chen lẫn. Thành phố của những chuyến buýt chở cả niềm vui một chạy đều trên những con đường đã có từ lâu lắm...

Trả tiền hai ly nước mía, chàng thông thả bước đến trạm xe buýt gần đó. Nơi đây hằng mấy mươi người đang đứng thấp thỏm chờ đợi. Một ông lão ngó chàng nói “xe cộ gì lúc này đón một quá”. Không biết nói sao chàng chỉ khề cười với ông lão. Thấy ông lão còn giữ nguyên vẻ chất phác của người dân miền quê, chàng vui vẻ hỏi lại “Thưa bác, bác là người gốc gác ở đâu vậy”? Như gặp người đồng xứ, ông già vui vẻ đáp “Qua hả em, qua ở tại Phước Long. Lúc này lộn xộn quá nên mò về đây sống đỡ qua ngày. Về đây nội cái nước đón xe này qua ngán quá. Mà bây giờ chỗ qua ở cũng chưa về được đâu”. Còn em ở đâu? ông già ngó Du bằng cặp mắt thật hiền lành. Chắc có lẽ ông nhận xét cách ăn mặc xuề xòa và đáng điệu hiền lành của Du.

Cháu ở Mỹ Tho. Cháu cũng định nay mai về ở dưới. Vùng cháu ở không yên lắm nhưng tạm được.

Rồi chuyến buýt cũng phải đến. Du nhận thấy chuyến xe khá đông người và ông lão thở phào ra một cái. Cố gắng Du và ông lão cũng kiếm được một chỗ đứng trên xe. Hơi người bốc ra lẫn với hơi khói xăng của chiếc xe cũ kỹ nghe nóng hầm hập và khó chịu.

- Em có về tới Gia Định không? Ông già lại hỏi.

Không, cháu xuống chợ Trương Minh Giảng. Còn bác về đâu? Du hỏi một cách miễn cưỡng.

- Bác xuống Gia Định thăm thằng con trai qua, nó bị giam ở dưới. Nghe nói nó nhậ nhệ rồi đánh lộn tranh gái gì đó. Thật là mệt, hồi ở trên nó hiền lành mà bây giờ không biết sao nó lại như vậy. Qua rầu quá. Vái trời ngày nào bình yên trở về trên ở cho nó sướng cái thân. Khỏi phải nắng non, chen lấn như n thế này”. Ông già nói một hơi không ngừng khiến mọi người trong

xe nhìn ông một cách thương xót và ngạc nhiên. Bởi ở đây, trên những chuyến xe buýt này, những chuyện như thế không mấy ai nói đến. Họ chỉ nói bằng những con mắt mệt mỏi của họ mà thôi. Đã bước lên một chuyến buýt đông đảo như thế này dù là một cô gái hay cậu trai tinh nghịch cũng có một cái nhìn và thái độ khác ngay. Những cặp mắt đổ dồn về phía ông già và Du khiến chàng ái ngại. Bất thần khi xe mới đến đường Kỳ Đồng chàng nhảy phóc xuống quên cả chào hỏi ông lão và cũng không nhìn vào chuyến buýt.

Buổi sáng kia khi lách mình qua khỏi xe buýt và sau khi nghe cách cửa đóng rầm lại một cái Du cảm thấy trong tâm hồn mình dậy lên một nỗi phân vân rất lạ. Một năm trời ra đi, biết dưới quê chàng có còn nguyên vẹn chẳng? Chiến tranh đâu có báo trước những điều thay đổi. Khi ở nhà thu xếp đồ đạc thì lòng chàng cảm thấy cương quyết lắm. Nhưng hiện giờ chàng không hiểu sao, đầu óc không dứt khoát gì hết. Hai việc đi và ở cứ loanh quanh trong ý nghĩ đuối bắt thoáng hiện của chàng. Chàng đang miên man với ý nghĩ lộn xộn trong đầu thì bỗng một cái hình ảnh quay cuồng trước mặt chàng trở về với dĩ vãng âm êm mà đau khổ thực tại mà mơ hồ. Có phải thật như thế chẳng? *Đỗ Tú Uyên. Bây giờ là tháng mười một. Nghĩa là đúng một năm. Em còn nhớ không? Thời gian đi mau quá. Mà chuyến buýt này còn đi mau hơn. Những kỷ niệm còn đi mau hơn nữa. Để bắt gặp tâm hồn ở cuối đường tương nhớ? trên một chuyến xe chở cả nỗi niềm mệt nhọc. Ôi những con người trên chuyến xe buýt. Chen lấn trong một cô đơn chung.*

Qua hình ảnh quay cuồng trên chuyển xe găm thét giữa lòng thành phố sáng hôm đó, chàng bỗng nhớ lại tất cả những hy vọng, khổ đau, say mê, đắm ám. Mới chỉ có một năm. Nhưng đủ cho chàng cảm thấy như sự sụp đổ mất mát trong hồn chàng như bao đời sống tinh khôi đã mất đi vĩnh viễn. Nhưng chỗ trống mất mát đó chắc là không sao lấp nổi. Những bom đạn của chiến tranh có bao giờ lấp được. Chúng chỉ cày xới tan hoang. Và sau cái tan hoang là một điều bi thảm khôn cùng. Bởi vì đã có một lỗ hồng. Và một lỗ hồng không bao giờ được lấp kín. Đỗ Tú Uyên. Một năm rồi. Khi một người bước xuống bày chiếc băng trống, chàng lặng lẽ ngồi xuống. Năm ngón tay người con gái đứng trước mặt chàng bấu vào dưới cặp da, những ngón cong cong thon muốt dịu dàng. Cái cặp da mà chàng thấy thật là rạng ngời thật là đẹp. Bởi vì trên đó nơi phía phải có một hàng chữ in đậm nét: *Đỗ Tú Uyên*. Bấy giờ trong chàng đã bừng hiện lên hai hình ảnh Đỗ Tú Uyên. Một Đỗ Tú Uyên đang đứng đó trên chuyển buýt và một hiện chỉ là một hình bóng mù khơi trong kỷ niệm yêu đương đắm thắm một thời. Nhưng chàng cũng không hiểu tại sao có sự giống nhau lạ lùng như thế? Hay là trí nhớ chàng đã hoang vu như lá cây rừng? hay là có một phép lạ nào đó? Cũng một khuôn mặt thon thon cũng một mái tóc uốn dài xõa ra phía sau và nhất là một nốt ruồi đen tròn như hạt tiêu nhỏ nằm gọn gàng trên má phải. Cũng một cặp môi đỏ thắm tự nhiên và hơi trề ra một chút, cũng một cái cằm hơi nhọn và đáng đáp thanh thanh. Du ngồi đó mà tâm hồn như bay bổng về cõi kỷ niệm xa mù. Một năm trước chàng đã yêu một người con gái. Đó là mối tình đầu tiên trong đời chàng.

Tình yêu tha thiết chân thành của chàng đã vượt thắng bao trở ngại lúc ban đầu. Bởi vì chàng vốn nghèo. Và Đỗ Tú Uyên cũng đã lọt vào mắt xanh của bao cậu trai làng mà gia cảnh lại bề thế hơn chàng nhiều. Ban đầu gia đình nàng cương quyết không chịu nhận chàng là “rể” bởi vì cái rể của chàng còn non yếu không bám nhiều vào những màu mỡ phì nhiêu của dưỡng tố T. Chàng và người yêu phải khốn khổ một thời gian. Sau cùng tình yêu chân thành đã vượt thắng. Nhưng định mệnh, thứ định mệnh được viết hoa trong thời buổi chiến tranh đã quàng lên hôn chàng một tan vỡ từ trong xương máu bồi hồi của một đêm nghe nhìn thời gian ngưng đọng của một đêm chân lý trở về trong dòng nước mắt khổ đau bởi vì sống là sống với thử thách khôn cùng của một đêm bỗng muôn đời tình yêu dựng đứng từng đường tơ kẽ tóc của một đêm con người là con người yếu đuối xanh xao trước một đột biến từ đâu như chiếc vung khổng lồ chụp xuống và chân lý muôn đời thường nằm ngoài tầm tay với của con người vốn bất lực từ lúc tu oa nhưng màu mỡ phì nhiêu nổi chết lạ lùng không hiểu sao được. Bởi vì định mệnh đã sừng sững. Và định mệnh ác nghiệt kia là một trái bích kích pháo từ đâu rơi xuống ngay nhà người chàng yêu dẫu vào một đêm mà những ngọn đèn đã được thấp sáng hơn, những đồ đạc đã được sửa soạn chu đáo long lanh hơn. Bởi vì sáng mai Du sẽ đến đó. Đến để biến tình yêu đau khổ thành nghĩa vợ chồng. Nhưng chiến tranh có cần gì tình nghĩa. Và thế là Du trở thành một kẻ lạc loài ngay ở quê hương mình.

Buồn bã, chàng bỏ lên Sài gòn tìm sinh kế. Sống ở đây như một chiếc bóng chấp chờ, leo lét. Rồi cái sinh

hoạt náo nhiệt, tranh dành hỗn tạp ở chốn đông đảo này đây lại khiến chàng có ý định trở lại miền quê. Khi ý định kia sắp sửa thành tựu thì chàng lại một phen nghe trong tâm hồn dậy lên nỗi xôn xao đưa chàng trở về với nỗi xôn xao, bàng hoàng của những tháng ngày cũ mà một hình bóng đã sáng rực lên từ cõi tình luân lưu từ trong xương máu.

Thế là chàng đã phải ở lại. Bởi vì giữa một hình bóng tưởng nhớ qua kỷ ức hoang vu và một hiện diện thật da trước mắt chắc ai cũng không thể làm khác Du là chọn cái hình ảnh thứ hai. Cứ mỗi lần lên chuyến xe buýt Sài Gòn Chợ lớn nhằm vào giờ tan học chàng lại cảm nghe một nỗi phân vân rất lạ. Đôi lúc chàng muốn cô gái kia biến thành một hình bóng cũ đôi lúc chàng muốn quên phứt cái hình ảnh đầm thắm một cách xót xa của thuở ban đầu và muốn rằng giữa mình và cô gái kia là một kiếp sống mới không biết từ đâu đến nhưng chỉ hiện diện vào giờ phút cùng có nhau trên một chuyến xe buýt hay cùng đi với nhau giữa một thành phố đầy đầy những khuôn mặt lạ. Sự thực thì có bao giờ họ cùng đi với nhau đâu. Bao giờ Du cũng giữ một khoảng cách đủ nhìn thấy nhau phía sau người con gái. Nhưng lâu dần thành ra người con gái cũng chột hiều. Đi một khoảng đường thế nào người con gái cũng hơi nghiêng mắt ra sau như đã tỏ rằng ta đây cũng “thông cảm”. Và những lần như thế Du liền đứng khựng lại, ngó qua ngó lại làm ra vẻ ngờ ngác như không biết gì. Thật ra chàng đã sợ. Chàng liều lĩnh ở lại chọn cuộc phiêu lưu này cũng vì qua hình ảnh người con gái chàng có thể vượt ve nỗi ảm ức tê tái của mình. Tuy vậy, những lần vì chuyến buýt vào giờ đó quá đầy không ghé lại trạm, thế nào chàng cũng đón một chiếc xe taxi chạy đến chỗ trạm người con gái thường xuống.

Những lúc không đón được taxi chàng thườngg thơ thẩn suốt cả buổi như cảm thấy một sự thiếu vắng gì đó rất mơ hồ xa vút nhưng cũng rất thân thiết.

Về phía người con gái cũng thật lạ. Nàng không có vẻ gì là một cô gái Sài gòn của năm 1965. Lúc nào nàng cũng chỉ mặc chiếc áo vải trắng, nội hóa, và chiếc quần đen không lếch bếch dưới gót giày. Mái tóc uốn nhưng xõa xuống dài tận phía sau và trên đầu có chận ngang một miếng vải tím bằng hai ngón tay. Bây giờ sự đuổi bắt giữa Du và cô gái đã thành một thói quen. Không biết lúc này đối với chàng – cô gái kia – có còn là một hình ảnh để nổi với chân trời cũ trong đó có một hình ảnh xa xưa chăng? Hay là hai hình ảnh đã trở thành một, đã đủ cần thiết để xóa mờ ký ức leo lét của Du.

Nhưng rồi một hôm chàng lại điên dại đi khắp cả thành phố Sài gòn. Chàng đã đi từ Trần Hưng Đạo đến Phạm Ngũ Lão qua Hồng Thập Tự, đến Nguyễn Thiện Thuật qua Phan Đình Phùng đến Công Lý qua PhanThanh Giản đến Trần Quốc Toản. Bởi vì hôm đó là lần thứ tám, chàng không gặp cô gái. Không biết nàng đã về đâu. Kể từ lần thứ tư sợ cô gái đổi giờ đi trên chuyến buýt, chàng đã đứng đợi chờ trong thấp thỏm, mệt mỏi suốt ngày sau đó. Và các buổi sáng hôm sau chàng lại đến thật sớm vào lúc Sài gòn những ngọn đèn đường còn vàng vọt trong cơn gió mát rượi. Và chàng cứ đứng đó một cách lảm li một cách tê dại để đợi chờ, đến trưa, đến chiều. Chàng như muốn quay cuồng khi phải nhìn hoài cái dòng xe cộ lũ lượt không bao giờ ngừng nghỉ trên con đường Trần Hưng Đạo vào Chợ Lớn. Và những chuyến buýt vẫn cứ đông nghẹt cả người. Nhưng chàng vẫn thấy nó trống trải một cách

lạ, bởi vì trên ấy toàn là những cặp mắt lạ, như nhìn vào nỗi ái ngại của chàng. Bởi vì chàng cứ đứng mãi ở một trạm chờ. Và giữa dòng thác lũ không ngừng nghỉ của xe cộ của tiếng động của sự hối hả ngược xuôi của bao khách qua đường chàng cảm nghe sự trống rỗng từ đâu trong tâm hồn toát ra một cách mơ hồ mà lãng đãng một cách ràn rụa mà xót xa. Bây giờ chàng không hiểu chàng nhớ tiếc hình ảnh cô gái trên chuyến xe buýt này hay hình bóng một Đỗ Tú Uyên của một đêm nào tóc tang khời đèn đã buộc chặt chàng vào với hình ảnh đó suốt đời. *Làm sao ta quên được. Đêm vẫn là đêm đen tối nhưng bởi vì đêm đã lên tiếng. Đỗ Tú Uyên. Anh sẽ mang bóng hình em như mang tháng ngày trong hai con mắt mở to nhìn suốt cõi hoang vu đã thành ra kỷ niệm.*

Có thể là cả hai hình ảnh cùng dựng dậy trong mơ hồ một cõi vượt ve cho nỗi đau đớn của chàng. Hai nhưng là một. Bởi vì trong nỗi đắm thắm của kỷ niệm mơ hồ mà chúng hằng ấp ủ thì cô gái trên chuyến xe buýt kia chính là một thực tại hiện có trước mặt chàng. Bởi vì nàng vẫn thường đứng đó hay ngồi đó trên cùng một chuyến xe với chàng. Bởi vì thỉnh thoảng cô gái nhìn chàng bằng một cặp mắt có thể giao nối lại niềm hoài vọng xanh xao của chàng.

Và nàng cũng là Đỗ Tú Uyên. Bây giờ chiếc gương để chàng soi thấy khuôn mặt thương tích của mình đã biến mất. Bây giờ cùng một lúc trí nhớ hoang vu của chàng phải dựng dậy một chiếc gương xưa và một bóng mơ hồ trong gương đã xa mù, huyền hoặc. Có phải tại chàng quá tham lam chăng? Nếu nghĩ thế thì tội cho chàng biết mấy. Bởi vì giữa một kỷ niệm thiết

tha và qua một hình ảnh dựng dậy cõi mơ hồ kia vẫn chỉ là một cõi rạo rực, xôn xao dấy lên từ một tâm hồn cân bằng. Bây giờ ý nghĩ chàng như tấm màn ảnh đón nhận mọi hình ảnh liên tục dồn dập chiếu lên trên đó. Chàng tự đặt ra nhiều giả thuyết về cô gái. Có thể vì biến chuyển gia đình và nàng không học nữa. Hay nàng là con một công chức đã chuyển đi nơi khác. Hay nàng lâm bệnh, có thể nào nàng chết rồi chăng. Bây giờ chàng lại hồi tiếc sao những lúc đi theo nàng không đi luôn đến nhà để bây giờ có thể đến đó hỏi thăm tin tức của nàng. Lần nào cũng thế, chàng chỉ đi theo một đoạn đường ngắn để được đứng lại (chỗ góc đường nơi cô gái quẹo khuất vào ngã tư kẻ đó) và cảm nhận trong tâm hồn mình một cảm giác huyền diệu lâng lâng mà chàng không sao hiểu được. Nhưng chàng lại nghĩ nếu biết nhà cô gái thì biết đâu sẽ làm cho chàng mất đi cái niềm bí ẩn của một hình bóng vừa gợi dậy một làn khói mơ hồ vừa gìn giữ tình yêu chàng mãi mãi một vẻ gì kỳ bí. Bởi vì chàng biết nàng, rồi sẽ gặp những khuôn mặt khác của gia đình nàng, như thế nàng sẽ không còn là một Đỗ Tú Uyên. Bởi vì Đỗ Tú Uyên thực ra đã chết rồi. Và bởi vì nàng đã chết một cách rất đỗi oan nghiệt, nên hình bóng của nàng là một hình bóng sẽ dựng sừng trong hồn chàng một hình ảnh cô đơn cùng cực ở giữa tháng ngày mòn mỏi trong cõi ý thức hoang vu leo lét thoáng hiện thoáng biến của chàng. Đột nhiên chàng cảm nghe trong tâm hồn mình có một cái gì vừa đau nhói vừa trống rỗng khi ý nghĩ cô gái kia cặp tay đi với một người Mỹ vào tửu điểm hiện lên trong đầu óc chàng. “ Có thể lắm chứ, biết đâu đấy” chàng nói ý nghĩ đó lên thành tiếng và cùng lúc sự lạc lõng của câu nói khiến chàng nhận thấy một điều có thực là hai bắp chân chàng như buộc vào một

vật nặng. Chàng nghe mỗi một cả tinh thần lẫn thể xác. Chàng lại lẩm bẩm. “ Có thể lắm chứ. Chiến tranh đâu có báo trước những sự biến đổi”. Lúc đó chàng lại nhớ đến gương mặt hiền hòa của ông lão mà chàng đã gặp trên chuyến buýt và cuộc nói chuyện của hai người. Hình ảnh này khiến chàng chọn ngay một quyết định mà không phân vân chút nào. Đó là việc trở về sống ở Mỹ Tho như chàng đã có nói với ông lão. Nhưng lúc nói với ông lão chàng chỉ nói như là một câu chuyện để mà nói thôi. Bây giờ thì nghĩ đến bao điều biến đổi nghĩ đến ngày mai phải xa thành phố này, nghĩ đến điều huyền nhiệm vừa gợi dậy trong hồn chàng một cách bình thản, nhẹ nhàng, chàng hiểu rằng cô gái kia cần phải biến đi để chàng có thể bình tâm trở lại với quê hương. Bởi vì chỉ có Quê Hương – nhất là quê hương của nàng chàng mới thật sự là chàng: nghĩa là thực sự là một bóng đèn mà hình ảnh kia có thể chiếu lên. Thôi. Hãy trở về Quê Hương. Hãy thắp lên một ngọn đèn đủ sáng. Cho riêng em cho riêng anh. Cho riêng những nỗi khổ đau trên trái đất này. Và chiến tranh tàn bạo ời, chắc người không bao giờ cần một ngọn đèn. Một ngọn đèn, và bởi vì đó là một ngọn đèn leo lét ở trong tâm hồn quần quai như Đỗ Tú Uyên như Du nên người chẳng bao giờ biết được. Người chỉ biết có một điều: ấy là bóng tối trùng vây lạnh giá, tê dại hằng triệu ngàn năm .

Thế là sáng hôm sau trên một chuyến xe Sài Gòn về Mỹ Tho có một chàng trai dáng điệu bình thản vô song, lạnh lùng vô song, trầm tĩnh vô song. Bởi vì chàng đang trên đường trở về với mình, trở về với chân lý khổ đau, trở về với ngọn đèn leo lét trong ký ức mơ hồ

từng gọi dậy nổi triền miên xanh xao của núi rừng sông biển. Chuyến xe đã đi, tâm hồn chàng đã đi và ngày tháng cũng sẽ đi. Nhưng dưới nắm đất khô cằn kia vẫn ngàn đời còn lại Đỗ Tú Uyên ./.

(Trích từ tập: *Trí Nhớ Hoang Vu Và Khói* do Ca Dao xuất bản, năm 1970. Đây là tập truyện duy nhất của anh, gồm bốn truyện ngắn)

Về Dịch Thuật

(Bài: Giáo Dục Và ý Nghĩa Cuộc Sống của Krishnamurti do Hoài Khanh dịch. Bài này đã được nhà xuất bản Ca Dao in lần thứ ba. Và, anh Hoài Khanh đã đồng ý để TQBT đi lại bài này trong số chủ đề về anh)

GIÁO DỤC VÀ Ý NGHĨA CUỘC SỐNG Krishnamurti

Hoài Khanh (dịch)

Khi ta du hành quanh thế giới, dù là ở Ấn Độ hay Hoa Kỳ, ở Âu Châu hay Úc CHâu, ta đều nhận thấy có sự cực kỳ giống nhau của bản chất con người. Điều này đặc biệt đúng tại các trường trung học và các đại học. Chúng ta thành ra, như thể qua một cái khuôn, một mẫu người mà điều chú tâm chính yếu là tìm kiếm sự bảo đảm an toàn, cốt để trở nên một con người quan trọng nào đó, hoặc để có được một thời gian vui chơi thỏa thích với ít suy nghĩ suy tư chùng nào hay chùng

ấy.

Nền giáo dục theo tập quán đã làm cho việc suy tưởng độc lập cực độ khó khăn. Sự giống nhau đưa đến tầm thường. Khác biệt với đoàn nhóm hoặc chống lại hoàn cảnh chung quanh không phải dễ dàng gì và thường hay có nhiều hiểm nguy bao lâu mà chúng ta còn tồn sùng thành công. Sự thôi thúc để được thành công là việc chạy theo điều tưởng thưởng có thể nó ở trong vật chất hoặc trong cái gọi là lãnh vực tinh thần, sự tìm kiếm điều bảo đảm an toàn bên trong hay bên ngoài, khát vọng cho sự an lạc - toàn thể tiến trình này đã che đậy cái tinh thần bất mãn bất bình, làm chấm dứt tính tự phát và làm nảy nở sợ hãi; và sợ hãi làm bế tắc sự hiểu biết thông minh của cuộc sống. Với tuổi tác gia tăng, tâm trí và tâm hồn bắt đầu khô cỗi.

Trong việc tìm kiếm điều an lạc, chúng ta thường hay tìm một góc xó vắng lẽ trong cuộc sống nơi ít có sự tranh chấp, và lúc bấy giờ chúng ta sợ bước ra ngoài nơi ầm nập ấy. Điều sợ hãi cuộc sống này, sợ hãi tranh đấu và kinh nghiệm mới mẻ này đã hủy diệt cái tinh thần mạo hiểm của chúng ta: hết thấy sự dạy dỗ và giáo dục của chúng ta đã làm cho chúng ta sợ mình khác biệt với người lân cận của chúng ta, sợ việc suy nghĩ trái lại với cái khuôn mẫu đã được thiết lập của xã hội, kính trọng một cách làm lạc quyền lực và cổ tục.

May mắn thay, còn có một số ít người nhiệt thành, họ sẵn sàng quan sát những vấn đề con người của chúng ta mà không có thiên kiến của phe tả hoặc cánh hữu, nhưng trong tối đại đa số chúng ta, không còn có cái tinh thần bất bình, tinh thần phản kháng thực sự. Khi chúng ta đầu hàng một cách không thể lý giải được với hoàn cảnh chung quanh, thì bất cứ tinh thần phản kháng nào có thể là chúng ta có được đã lắng dần

xuống, và khả năng của chúng ta chẳng bao lâu đến chỗ chấm dứt.

Phản kháng có hai loại: có loại phản kháng bạo động chỉ thuần bằng sức phản ứng, không hiểu biết, chống lại cái trật tự hiện tồn; và có một loại phản kháng tâm lý sâu xa của trí năng. Có nhiều người phản kháng chống lại những qui tắc chánh truyền để chỉ lại rơi vào những qui tắc chánh truyền mới, tạo thêm những ảo tưởng và chứa chấp sự tự khoan dung. Những gì thường xảy ra luôn là chúng ta ra khỏi một nhóm này hay hướng về những lý tưởng khác, như vậy tạo ra một khuôn mẫu tư tưởng mới mà chúng ta lại sẽ phản kháng nữa. Sức phản kháng chỉ làm nảy nở sự chống đối tương phản, và sự cải cách này cần sự cải cách khác nữa.

Nhưng có một sự phản kháng thông minh mà nó không phải là sự chống đối, và nó đến với sự tự hiểu biết qua việc nhận ra cảm giác và tư tưởng của mình. Chỉ khi nào chúng ta đương đầu với cái kinh nghiệm như nó xảy đến và không lẫn tránh điều quấy rối của nó thì khi ấy chúng ta mới đánh thức trí thông minh tốt bậc; và sự đánh thức trí thông minh tốt bậc ấy là trực giác, nó là sự dẫn đạo thực sự duy nhất trong cuộc sống.

Vậy thì đâu là ý nghĩa của cuộc sống? Chúng ta đang sống và chiến đấu cho cái gì? Nếu chúng ta được giáo dục chỉ cốt để đạt đến sự phân biệt ly cách, để chiếm một nghề nghiệp tốt hơn, để được kết quả hơn, để chi phối trên các kẻ khác rộng rãi hơn, thì lúc bấy giờ cuộc sống của chúng ta sẽ nông cạn và trống rỗng. Nếu chúng ta được giáo dục chỉ cốt để trở nên những nhà khoa học, những nhà học giả kết hợp với những cuốn sách, hoặc những nhà chuyên môn chăm chú vào kiến thức rồi thì chúng ta sẽ góp phần vào sự hủy hoại và nổi thống khổ của thế giới.

Mặc dù có một ý nghĩa cao cả và rộng rãi hơn cho cuộc sống, nền giáo dục của chúng ta có giá trị gì nếu chúng ta không bao giờ khám phá ra nó? Chúng ta có thể được giáo dục tốt bậc, song nếu chúng ta không hợp nhất sâu xa tư tưởng với cảm giác thì cuộc sống của chúng ta không hoàn toàn, mâu thuẫn với nhau và bị xâu xé với nhiều nỗi sợ hãi; và bao lâu giáo dục không bồi đắp một viễn ảnh hợp nhất về cuộc sống thì nền giáo dục ấy rất ít có ý nghĩa.

Trong nền văn minh hiện thời của chúng ta, chúng ta đã phân chia đời sống thành ra nhiều khu vực thế nên giáo dục có rất ít ý nghĩa ngoại trừ trong việc học một nghề hay một kỹ thuật đặc biệt nào đó. Thay vì đánh thức trí thông minh toàn vẹn của cá thể, giáo dục khuyến khích y làm đúng theo khuôn mẫu và như vậy là làm trở ngại cho sự hiểu biết mình của y như một tiến trình hoàn toàn. Để cố gắng giải quyết nhiều vấn đề sinh tồn ở những bình diện theo thứ tự của chúng, đã chỉ biệt ra khi chúng nằm trong những phạm trù khác biệt nhau, biểu thị một sự hoàn toàn thiếu thốn sự hiểu biết của nó.

Cá nhân là sự lập thành của những thực thể khác nhau, nhưng nhấn mạnh vào sự khác nhau ấy và khuyến khích phát triển một kiểu mẫu rõ ràng nào đó đưa đến nhiều rối rắm và mâu thuẫn. Giáo dục sẽ gây ra sự hợp nhất của những thực thể riêng rẽ này - bởi vì không có sự hợp nhất, cuộc sống trở nên một chuỗi những chấp tranh và phiền muộn. Có giá trị gì ở việc đào luyện những người như những luật sư nếu chúng ta cứ mãi tranh tụng nhau? Đây là giá trị của kiến thức nếu chúng ta cứ tiếp tục trong sự lầm lạc của chúng ta? Những gì là tính cách trọng đại của kỹ thuật và khả năng thuộc về công nghiệp nếu chúng ta sử dụng nó để

hủy hoại người khác? Đây là yếu điểm của cuộc sinh tồn của chúng ta nếu nó đưa đến bạo động và hoàn toàn khôn khéo? Mặc dù chúng ta có thể có tiền hoặc có khả năng kiếm ra tiền, mặc dù chúng ta có những lạc thú và những tổ chức tôn giáo của chúng ta, chúng ta vẫn ở trong cuộc chấp tranh vô hạn.

Chúng ta cần phải phân biệt giữa con người và cá thể. Con người là sự ngẫu nhiên, vô cố, và bởi sự ngẫu nhiên vô cố ấy tôi định nói đến những trường hợp sinh đẻ, hoàn cảnh mà trong đó tình cờ chúng ta được nuôi nấng, với chủ nghĩa quốc gia, những mê tín dị đoan, những phân chia giai cấp và các thiên kiến của nó. Con người hay sự ngẫu nhiên vô cố chỉ là trong chốc lát, mặc dù cái chốc lát ngắn ngủi ấy có thể kéo dài suốt cả một đời, và khi hệ thống giáo dục hiện thời dựa trên con người ấy, dựa trên sự ngẫu nhiên chốc lát ấy nó dẫn đến sự suy đồi tư tưởng và khắc sâu vào những nỗi sợ hãi tự phòng vệ.

Tất cả chúng ta đều đã được huấn luyện bởi giáo dục và hoàn cảnh chung quanh để tìm kiếm lợi lộc và an toàn cho cá nhân, và chiến đấu cho bản thân chúng ta. Mặc dù chúng ta che đậy nó dưới những thành ngữ thú vị, chúng ta đã được giáo dục nhiều nghề nghiệp trong một hệ thống tựa nền trên sự lợi dụng và hàm chứa nỗi sợ hãi. Một giáo huấn như vậy ắt không tránh khỏi đưa đến hỗn loạn và thống khổ cho chính chúng ta và cho thế giới, bởi vì nó tạo ra trong mỗi cá nhân những chướng ngại tâm lý chia cách và cô lập y với những người khác.

Giáo dục không chỉ là một vấn đề huấn luyện tâm trí. Huấn luyện đưa tới hiệu năng, nhưng nó không gây ra sự toàn vẹn. Một tâm trí chỉ được huấn luyện không thôi thì chỉ là sự kéo dài thêm ra cái quá khứ, và một

tâm trí như vậy có thể chẳng bao giờ khám phá ra được điều mới mẻ nào cả. Đó là do đâu, tìm kiếm những gì là nền giáo dục thích đáng chúng ta sẽ phải dò xét toàn thể ý nghĩa cuộc sống.

Đối với hầu hết chúng ta, cái ý nghĩa cuộc sống như một toàn thể thì không phải là điều quan trọng trên hết, và nền giáo dục của chúng ta chỉ nhấn mạnh vào những giá trị thứ yếu, chỉ làm cho chúng ta thành thạo một vài ngành của kiến thức mà thôi. Mặc dù kiến thức và hiệu năng cần thiết đấy, nhưng chỉ khẳng khẳng một mực nhấn mạnh vào chúng sẽ dẫn đến chấp tranh và hỗn loạn.

Một hiệu năng mà được phát sanh bởi tình yêu vượt quá siêu việt thì lớn lao hơn là cái hiệu năng của lòng tham vọng và không có tình yêu, mà tình yêu đem đến hiểu biết toàn bộ cuộc sống, thì bấy giờ hiệu năng sinh ra sự tàn nhẫn, vô tình. Điều này không phải là những gì hiện đang xảy ra tại khắp nơi trên thế giới sao? Nền giáo dục của chúng ta đã ăn khớp với việc kỹ nghệ hóa và chiến tranh, và mục đích chính của nó là phát triển hiệu năng; và chúng ta đã bị tóm lấy trong cuộc ghanh đua của máy móc vô tình và sự hủy diệt lẫn nhau này. Nếu giáo dục dẫn đến chiến tranh, nếu nó dạy chúng ta tiêu diệt hoặc bị tiêu diệt, thì không phải nó đã hoàn toàn thất bại rồi sao?

Để phát sanh nền giáo dục thích đáng, hiển nhiên chúng ta phải hiểu biết hết ý nghĩa cuộc sống như một toàn thể, và do đấy, chúng ta cần phải suy tưởng, không phải một cách cứng ngắt giáo điều, nhưng là một cách trực tiếp và thực sự.

Một nhà tư tưởng cứng ngắt giáo điều là một người khinh suất vô tâm, bởi vì ông ta làm đúng theo một kiểu mẫu; ông ta lập lại những thành ngữ và tư tưởng

trong lẽ lỗi cũ kỹ. Chúng ta không thể nào hiểu biết cuộc sinh tồn một cách trừu tượng hay thuộc về lý thuyết. Hiểu biết cuộc sống là hiểu biết chính chúng ta và đây là cả hai bắt đầu và chấm dứt giáo dục.

Giáo dục không chỉ là sự tiếp thu kiến thức, gom góp lại những sự kiện có tương quan với nhau; giáo dục là để nhìn thấy ý nghĩa cuộc sống như một toàn thể. Nhưng cái toàn thể ấy không thể đạt đến quan từng phần - đây là những gì mà các chánh phủ, các tổ chức tôn giáo và các đảng chánh trị đang cố gắng thi thố.

Sứ mạng của giáo dục là đào tạo những con người toàn vẹn và do đây là những con người thông minh. Chúng ta có thể chiếm được những phẩm trật và có khả năng như máy mà không cần thông minh. Thông minh không chỉ là sự hiểu biết; nó không phải nhờ ở những cuốn sách, cũng chẳng phải cốt ở những phản ứng tự vệ khôn khéo và những xác ngôn công kích. Người vô học cũng có thể thông minh hơn người có học. Chúng ta có những cuộc thi cử và những phẩm trật làm tiêu chuẩn cho trí thông minh và đã làm nảy nở những đầu óc xảo quyệt lẫn tránh những vấn đề sanh tử của con người. Thông minh là khả năng nhận thức được cái cốt yếu, cái tự tại (what is) và việc đánh thức khả năng này, trong bản thân mình và trong các kẻ khác, đây là giáo dục.

Giáo dục sẽ giúp chúng ta khám phá ra những giá trị muôn đời, thế nên chúng ta không chỉ đeo bám vào những định thức hay lập lại những khẩu hiệu: giáo dục sẽ giúp chúng ta phá vỡ những hàng rào quốc gia và xã hội của chúng ta, thay vì nhấn mạnh vào chúng, bởi vì những hàng rào ấy làm phát sinh sự tương phản giữa người và người. Bất hạnh thay, hệ thống giáo dục hiện tại làm cho chúng ta quá khúm núm, máy móc và cực

độ vô tâm, dù nó có đánh thức trí năng chúng ta đi nữa, một cách tinh thần nó lưu lại cho chúng ta sự bất toàn vẹn mà họ tự do với sợ hãi, bởi vì chỉ có giữa những con người như vậy mới có thể có một nền hòa bình vĩnh cửu.

Chính vì hiểu biết bản thân chúng ta mà sợ hãi đi đến chỗ chấm dứt. Nếu cá nhân đương đầu với cuộc sống từng phút giây một, nếu y đối diện với những phức tạp thiên hình vạn trạng của nó, những nỗi thống khổ và những đòi hỏi bất thần của nó, thì một cách vô hạn y hẳn có thể uốn nắn nó được và do vậy tự do với những lý thuyết và những kêu mếu đặc biệt nào.

Giáo dục sẽ không khuyến khích cá nhân làm đúng theo xã hội hoặc phủ nhận sự hòa điều với nó, nhưng để giúp y khám phá ra những giá trị thực sự đến từ sự dò xét vô tư và tự giác. Khi không có sự tự hiểu biết, điều tự bày tỏ trở nên độc đoán khẳng quyết với tất cả những công kích và tham vọng chấp tranh của nó. Giáo dục sẽ đánh thức khả năng tự giác và không chỉ làm thỏa mãn sự phóng túng của sự tự bày tỏ mà thôi.

đâu là việc học hành giỏi dang nếu trong quá trình của cuộc sống chúng ta hủy diệt chính chúng ta? Khi chúng ta đã có hằng loạt những cuộc chiến tranh, cuộc chiến tranh này tiếp theo sau cuộc chiến tranh kia, hiểu nhiên là có một cái gì sai lầm từ căn rễ ở cái cách thức chúng ta nuôi nấng dạy dỗ con em chúng ta. Tôi nghĩ rằng hầu hết chúng ta đều ý thức đến điều này, song chúng ta không biết làm thế nào tiếp xúc đối mặt với nó.

Các hệ thống, dù là giáo dục hay chính trị, đã không được đổi thay một cách huyền diệu; chúng chỉ chuyển hóa khi nào có một sự thay đổi nền tảng trong chính chúng ta. Các nhân là quan trọng trên hết, chứ không

phải hệ thống; và bao lâu cá nhân không hiểu biết toàn thể quá trình của mình, thì không có một hệ thống nào, dù là ở phe tả hay cánh hữu, có thể mang đến trật tự và hòa bình cho thế giới.



Hoài Khanh, Giảng sinh 1968

TRANG THƠ Hoài Khanh

Ngồi Lại Bên Cầu

người em xưa trở về đây một bận
con đường cam bồng ánh sáng diệu kỳ
tôi lẫn trốn vì thấy mình không thể
mây của trời rồi gió sẽ mang đi

em - thì vẫn nụ cười xanh mắt biếc
màu cô đơn trên suối tóc la đà
còn gì nữa với mây trời đang trắng
đã vô tình trôi mãi bến sông xa

thôi nước mắt đã ghi lời trên đá
và cô đơn đã ghi dấu trên tay
chân đã bước trên lối về hoang vắng
còn chẳng em nghĩa sống ngực căng đầy

quá khứ đó dòng sông em sẽ ngủ
giấc chiêm bao nguyên vẹn có bao giờ
ta sẽ gặp trong ý tình vũ bão
con thuyền hồn trở lại bến hoang sơ

rồi em lại ra đi như đã đến
dòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù
ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu

Trông Theo

Bến sông này, bến sông này
Sương khuya phủ xuống hàng cây gục đầu
Người đi chừ biết về đâu
Này cơn gió cũ, này câu già từ
Lối đi vàng nhạt mùa thu
Mghe lau lách động niềm u uất buồn
Mất người mang cả quê hương
Lòng ta mang cả đoạn trường tháng năm

Trăng chia niềm nhớ thì thầm
Lệ chia niềm nhớ ướt đầm núi sông
Lớn lên vì một tấm lòng
Đề bao nhiêu hận buột vòng sơ sinh
Bao nhiêu tuổi bấy nhiêu tình
Bao nhiêu nguyện ước giận mình bấy nhiêu
Nhưng thôi...buồn đã ra nhiều
Trong ta là mây vạn chiều rung rung
Trong ta là núi là rừng
Là trăm tiếng hát đã ngừng trên môi
Tiền đưa thì...tiền đưa rồi
Nhớ thương thì...nhớ thương rồi người ơi
Vòng tay không chắc luân hồi
Xa xưa nghe nặng bóng trời luân lưu
Người đi mang cả mùa thu
ta về mang chút tạ từ héo hon
Bến sông này gió trăng còn
Mênh mang vị cũ nghe buồn bay bay
Tưởng chừng như chặc bàn tay
Ta ôm vũ trụ tròn đầy mà mơ
Nhưng khi đã biết tình cờ
Thì hai thứ tóc đã mờ giắc xưa
Với trăng chia nhớ đôi bờ
Với sông bến nọ chia giờ ra đi
Người ơi! Còn lại những gì...
Mai sau nếu chút tình si ưa tàn ???

Tiếng Đàn Trầm

Tưởng niệm Ludwig van Beethoven

Tiếng đàn trầm, tiếng đàn trầm

Nghe như có một bán âm rạc rời
Bán âm còn lại đâu nơi
Phải chăng thất lạc trong thời chuyển cung
Phải chăng ẩn nấu trong vùng
Cỏ non ẩm ướt nguyên rừng chiêm bao
Phải chăng cung thể chuyển màu
Mong manh âm hưởng tràn trào dư thanh
Phải chăng cung bậc tan tành
Tiếng đàn trầm thoảng điệu thanh xướng _ tùy
Lạc loài ôi hỡi cung Mi
Đề cung Đô trưởng, thứ - kỳ ngộ đau
Rời từ ấy tới muôn sau
Tiếng đàn trầm bỗng nhuộm màu lưu linh !

1-5-96

Màu Thiên Thu

(Chỉ một lần và chẳng bao giờ)

Một lần ta thấy thiên thu
Ẩn trong màu mắt mịt mù của em
Một lần ta biết ru êm
Khi em nhìn với êm đềm mi cong
Một lần ta biết long đong
Khi đôi mắt ấy nói không thiệt buồn!
Một lần ta ghen xót thương
Khi đôi mắt ấy trào tuôn giọt vàng
Một lần ta hiểu tan hoang
Khi em bỏ cuộc hồng nhan nửa chừng
Ta về ôm mặt rưng rưng
Thiên thu từ ấy dậy lòng chiêm bao

Thiên thu từ ấy có màu:
Thanh sơn, hồ thủy đón chào lưu ly
Nào xanh phí thủy, yên chi
Hòa hoàng, huyết dụ xá gì lục lam
Một lần trong cõi trăm năm
Người quên đất lạnh âm thầm hại nhau
Một lần *người* chẳng thương nhau
Để trăm năm chẳng còn bao giờ là.

Hẹn Hò

*But...be false...do what you will
Lesbia! must love you still (1)*
CATULLUS (87-57>B.C
*Kính tặng nhiếp ảnh gia Ngô Đình Cường
Tác giả ảnh Nghệ Thuật “ Hẹn Hò ”*

Hẹn hò có nghĩa gì đâu
Là mây gió thổi qua cầu nổi trôi
Hẹn hò là vậy là thôi
Để khi nhớ lại bồi hồi có chẳng?
Hẹn hò ôi chuyện ngàn năm
Rồi ngàn năm nữa vọng âm hương nào
Kể từ em “lạc” về đâu
Đời ta lại mất mấy màu lưu ly
Đời ta thêm một hạn kỳ
Trải qua cho hết những gì phải qua

Tưởng rằng em vốn là hoa
Tưởng rằng ta chỉ là tha nhân buồn
Ngàn xưa đã có đoạn trường
Thì ngàn sau nữa cũng thường vậy thôi

Tiếc thay em sớm quên “ người”
Tiếc thay ta trót làm đời thi nhân
Biển xưa trở lại bao lần
Phố xưa ta vẫn tần ngần lại qua
Những hò hẹn ấy như hoa
Sớm tươi hương thấm chiều qua, còn gì
Nụ trà mi, nụ trà mi
Tiếc thay lại nở trong kì hạn quên!

Nhớ xưa sánh gót kẻ bên
Dòng Cà Ty ấy lênh thênh ngọn triều
Thẹn thùng ôi mà hồng yêu
Em cười ta bỗng thấy chiều rợp hoa
Nhưng rồi năm tháng phôi pha
Hẹn hò xưa ấy chỉ là vậ thôi
Là mây: cho núi xa trời
Là hương: cho sắc tôi bởi chiêm bao
Hẹn hò là nghĩa làm sao
Xin người năm cũ nơi nào giải cho!

(1) *Hãy làm những gì em muốn...cho dù....giả dối
Lesbia ơi, ta vẫn cứ yêu em!.*

Ôi Chon Von!

Ta đã quyết chẳng bao giờ tìm tới (1)
Chiếc cầu xưa ngời lại một thuở nào
Một thuở của mộng đời xanh Bích Ngọc
Một thuở buồn thiên địa cũng hư hao!

Ai có lẽ cũng qua cầu một thuở?
Nhớ vàng trắng trôi quanh cuối phương trời

Lòng trót trải những ngọn ngành xuôi ngược
Tuổi của đời là tuổi xa khơi

Lại có kẻ đi về nơi ẩn dật
Vẫn còn nghe tiếng động phố qua phường
Bước chân cũ một thời vang dội mãi
Ôi một thời em có nhớ hà phương?

Quên hay nhớ chỉ là điều nhỏ mọn
Nếu lòng ai tơ tóc vẫn vương tròn
Cầu miên viễn để cho người qua lại
Sá chi điều đau khổ hời chon von!

Ôi chon von – Ấy là hồn riêng biệt
Trót lao đao nổi nước lại xa nguồn
Thì cầu xưa xin tìm về ngôi lại
Để nghe hồn lạnh suốt thấu vầng dương!

5-03

(Trích từ tập *Phương Trời Lưu Viễn*)

(1) Tác giả viết bài này để gọi là nói điều bài *Ngôi Lại*
Bên cầu in trong (*Thân Phận-1962*)

Bản Tự Khúc Leonora

Một hôm trở lại Sài Gòn
Nghe đau cõi lạ nghe mòn mỗi tâm
Nghe em thiếu phụ âm thầm
Đời ta thêm một nỗi bầm dập đây
Bạn bè như khói như mây
Cuộc đời như tháng như ngày đi qua
Thì thôi ta cứ là ta
Để coi khi vượn chơi trò hư không
Để coi thiên địa lên đồng

Đầu thôn cuối bãi rờn rờn chiêm bao
Rằng thiên niên kỷ mai sau
Máu người ắt sẽ là màu Từ tâm.

Chiêm Bao (1)

*(Tặng Hải Phương nhân ngày
hội ngộ tại Phan thiết)*

Một đời nghe gió thổi hoài
Nghe mưa rụng mãi nghe dài dậm xa
Một đời nghe lạc loài ta
Nghe em goá bụi trên đả sắc xuân
Tiếc thay mộng vốn vô chừng
Mà chiêm bao cũng ngập ngừng lắm phen
Một đời giữa thói bon chen
Phất phơ, trầm túy, nào quen thói đời
Ô hay một kiếp - lạ - người
Sắc màu phiêu hốt giọng cười đưa ma
Lạ gì trong cõi người ta
Tài tình chi lắm cho ma quỷ hờn
Như em tuyệt đỉnh cung buồn
Vì chung nhan sắc dậy bừng chiêm bao !

2-96

Gọi Xa Khơi

(gởi Hoàng Xuân Sơn)

Không bao giờ
Về lại giữa nhân gian.
Một con nước
Đã có lần trôi chảy
Ta cũng vậy

Hồn ta đau biết mấy
Chợt hôm nào
Hương cũ lại bay xa
Về chi đây
Hồi nổi buồn cô đại
Ai tiếc thương gì
Một chút nghĩa phôi pha
Em non trẻ
Hiếu chi lòng đại hải?
Từng giọt buồn
Đọng lại đến muôn sau.
Còn pho phát
 Trong cội lòng hóng phé!
Bến sông nào?
 Ồ, Hồi bến sông xưa!

05-06 (chưa in)

Mắt Lạ Nhìn hải Ngạn Qua Đèo

Qua đèo Ngoạn Mục thên thang
Tưởng như trở lại thiên đàng ấu thơ
Mây ơi thông hồi hãy chờ
Ngày ta trở lại bên bờ chân không
Ngày ta là án mây hồng
Bay từ thiên cổ về trong bụi mù
Ngày ta gặp lại thiên thu
Trong đôi mắt lạ mịt mù chiêm bao
Ngày ta hiểu nghĩa gây hao
Xuân xanh tàn phá, nắng đau ngọn tùng
Em từ lệ nhớ rung rung
Ta từ *thế sự* tận cùng nổi đau

Làm chi hồi nắng phai màu
Hồi phương hải ngạn hồi sầu lưu linh
Sá chi nào chuyện bất bình
Đời ta trong đục cũng bình thường tâm
Mai kia riêng một góc nằm
Hỏi ai còn chút lòng thắm xót thương
Một thời, một lửa đoạn trường
Một tình một sử như đường sinh ly
Làm sao em *hiểu* xuân thì?
Làm sao ta *biết* cái gì là tâm?
Tâm ơi riêng một cõi nằm
Làm sao mi *ngộ* đau ngầm là chi?

10-03 (chưa in)

Khi Nằm Bệnh

Rừng có nhớ mưa từ một buổi
Em về áo mỏng rất đơn sơ
Ta có nhớ gì từ một thuở
Lặng hồn để chín những vần thơ!

Phải chăng em vốn nguồn thi hứng
Phải chăng ta trót mộng hoang tàn
Từ ngày da thịt đau mòn mỏi
Ta hiểu: thôi rồi sinh phận tan!

Ô hay một kiếp sao mà ngắn
Em cũng manh nha sắc úa tàn
Làm gì đây hồi người em nhỏ
Để gót ngọc còn nhịp bước vang?

01-01 (chưa in)

Hỡi Người Tóc Suối , Ao Bay

*Hingalo ich mich in grosser Sehnsucht ganz
Wie jetzt fur das Anschauen von deinem Haar.
Hugo von Hofmansthal (*)*

Có ngày xưa thật là xưa
Hình như sáng nắng chiều mưa chớ gì
Có người tóc trải đường đi
Ao bay phấp phới mỗi khi trở nhìn
Có người khép nép lặng thinh
Tay ôm trống ngực ngó mênh mông trời
Hỏi thăm ai vậy người ơi
Tóc sao như gió xô đời long đong!

Rằng em là gái má hồng
Rằng nhà em ở bên dòng Cà Ty
Một hôm hạnh ngộ bất kỳ
Gặp người trong mộng dễ gì quên nhau
Kể từ mây trắng gầy hao
Biển xanh chừng cũng đượm màu tà dương
Kể từ oan khuất điên cuồng
Đời ta lắm lữ trên đường bơ vơ
Quên người ôm bóng nàng Thơ
Bao nhiêu năm mới bây giờ là đây!

Bao nhiêu năm mới có ngày
Phố xưa về lại lòng đầy từ tâm
Hỡi người mái tóc xa xăm
Ơi người nay đã ngàn năm mất rồi
Ao xưa đâu gió tung trời

Tóc xưa đâu gió toi bời lòng ai
Hỡi người tóc সুই, áo bay
Có hay ta trở về đây tìm người
Tìm người, người đã xa khơi
Tìm ta, ta trải một đời long đong!

Rằng em là gái má hồng
Rằng nhà em ở bên dòng Cà Ty
Một hôn hạnh ngộ bất kỳ
Gặp người trong mộng dễ gì quên sao?

() Trong ta dâng lên nguyên vẹn nuôi khát vọng dâng trào*

*Như hiện giờ nhìn thấy mái tóc em.
(trích Tuyển tập 1 Văn Chương, nxb Thanh Niên 1999)*

TRẦN VĂN NAM

(1939 – 2018)



Nhà nhận định văn học Trần văn Nam đến với tạp chí Thư Quán Bản Thảo kể từ số 50 chủ đề Nguyễn Đức Sơn. Anh xem TQBT là mái nhà. Khi chúng tôi cần bài viết về một chủ đề nào đó là anh sẵn sàng ngay. Có chủ đề gay như văn chương Blog chẳng hạn, và anh đã bỏ công sức và thời giờ để tìm hiểu, và viết. Có thể nói, một số bài được phổ biến trên NET đều được TQBT đăng đầu tiên.

Chúng tôi xin được đăng lại một số bài trên các số báo cũ như nén hương lòng gửi đến hương linh người bạn thiết.

VÀI QUEN BIẾT VỚI NGUYỄN ĐỨC SƠN KHI HỌC CHUNG

* TRẦN VĂN NAM

Bài viết về thơ lục-bát của Nguyễn Đức Sơn của tôi đã được đăng trên 2 tạp chí văn chương (Tạp chí Văn Học và Tạp chí Tân Văn, cả hai ở Nam California) và trên 2 mạng-toàn-cầu (“luanhoan.net” và chimvietcanhnam”), nên lần này chỉ xin ghi lại vài quen biết khi học chung một năm Trung học cùng nhà thơ. Thiển nghĩ, nhờ đó có thể bổ túc thêm cho những cảm thức về thơ và truyện của ông. Bài viết nghiêng nhiều về thơ nói trên, một phần bản về thơ lục bát thể cách tập trung ở hai câu cuối thấy trong thơ Nguyễn Đức Sơn; một phần bản về thể cách thơ đối thoại của Phan Khôi, Huyền Kiêu và Thanh Tịnh (Bài: **Thể cách Lục Bát Tập Trung và Thể cách Thơ Đối Thoại**). Vậy ở đây chỉ kể lại vài quen biết Nguyễn Đức Sơn từ hơn 50 năm trước, và chẳng biết nhà thơ còn nhớ không khi có người nhắc lại một đôi điều. Vào niên khóa 1957-1958, người viết bài này được vào học lớp Đệ Nhị (lớp 11 bây giờ) trường trung học Võ Tánh Nha Trang, chung một lớp với Nguyễn Đức Sơn và Nguyễn Thị Hoàng. Cả hai đều nổi tiếng là nhà thơ, nhà văn sau này. Trong lớp còn một người nữa, bút hiệu Cao Hoàng Nhân (trước là Cao Hoành Nhân) mà bây giờ thường thấy có thơ đăng trên tạp chí “Làng Văn” ở Canada và “Việt Nam Tự Do” ở Nam California. Riêng về Nguyễn Đức Sơn, còn nhớ anh rất yêu thích văn học thời Lý. Anh rất say sưa về thơ

Thiền, rung cảm sâu đậm bài thơ tĩnh tâm nghe tiếng đóp bộp của con rùa dưới lòng đại dương. Vào những năm đó, có dịp cùng Nguyễn Đức Sơn đi thăm lại căn nhà chung cư anh đã ở thuở trước gần chùa Hải Đức (còn nhớ trước đây nhà đó hiện diện một cây khế lớn thật nhiều trái, có phải đây chính là nơi nhà thơ Phạm Công Thiện cảm hứng sáng tác một bài thơ với hai câu thường được nhắc nhở: “*Buổi chiều thứ bảy tôi về muôn / Cây khế trên đồi trở hết bông*”?). Điều lạ lùng là thấy anh có vẻ ưa thích khu mộ địa u tối với những bó hoa tàn tạ trong buổi hoàng hôn ở gần chùa. Năm 1958, Nguyễn Đức Sơn chỉ vào khoảng 19-20 tuổi mà sao lại có những giao cảm tịch mịch ấy. Vì vậy, sau này đọc thơ văn của Nguyễn Đức Sơn trên tạp chí “Văn Nghệ” ở Sài Gòn hay tập truyện “Cát Bụi Mệt Mỏi” của anh do nhà xuất bản An Tiêm Sài Gòn ấn hành, ta không lấy làm lạ với những giao cảm của tác giả về cái chết rong rêu dưới đáy hồ im vắng, về những nắm xương tàn trắng hếu của những con vật trôi sông tấp vào an nghỉ cho xong một đời tại một cù lao xa khuất. Tập truyện viết vào lúc còn trẻ nên thơ văn của Nguyễn Đức Sơn đã in dấu một thời kỳ lãng mạn kiêu học trò, tư tưởng chỗ ngồi lún xuống trên cát của một người con gái cùng những dấu chân trên bãi biển. Những bước đi vào hư vô thường dành cho những thứ tình cảm lặng thời thanh niên trung học. Những băng khuâng hướng về những ái nữ xinh đẹp theo cha mẹ công chức ở Sài Gòn hay Đà Lạt đến trong dịp nghỉ thường niên của họ tại Nha Trang.

Khi học lớp đệ nhị ban Văn chương, có lẽ Giáo sư Thạch Trung Giả là người truyền thông được những thâm viển của thơ Thiền vào tâm hồn Nguyễn Đức Sơn, ngoài những kiến thức từ sách vở ông đã thu

nhận như đã kể tên. Một trong những âm hưởng thơ thiên của Nguyễn Đức Sơn là tiếng sóng biển thì thảo đêm khuya. Thì thâm có tính chất nhân loại, còn thì thảo là tiếng to nhỏ ngàn năm của thiên nhiên. Những buổi trưa trời yên lặng xa mọi thứ ồn ào dưới phố, không cứ gì ban đêm, ở một cao điểm như khi đứng trên Nhà Thờ Núi, ta có thể nghe tiếng sóng vỗ dội về từ biển, miên man nghìn đời:

*Lênh đênh thuyền giạt xa miền
Nửa đêm bình tĩnh mang thiên một trời
Trông lên Thượng Đế đi rồi
Hỏi mây thái cổ con người vẫn vì
Lối mòn cỏ mộ xanh rì
Ngoài ra còn chẳng có gì nữa sao
Đảo buồn thổi gió lao xao
Ngàn năm còn tiếng thì thảo biển khuya.*
(Bài: **Đêm Khơi**)

Đời sống gia đình thời gian anh theo các lớp trung học có vài dấu vết in đậm nét trong thơ Nguyễn Đức Sơn. Gia đình anh không vui, cha mẹ ly cách nhau, và anh có vẻ nghịch lại với cha. Nó đi vào thơ anh như một vết thương:

*Êm êm chiều xuống ngập lòng
Gió lên lùa cả mùa đông vào hồn
Sương mù giăng kín bản thôn
Mái khoan thai đếm giọt buồn theo mưa
Cây rừng chuyển động sâu đưa
Nhịp vang theo nhịp như xưa lấm rồi
Suối khô đã tiếp lượng trời
Ngày thơ sao vẫn một đời tịch liêu.*

(Bài: **Buồn Xa Xưa**)

Quen biết ông khi học chung chỉ trong một niên khóa ở Trung Học, nghe loáng thoáng nên không biết chuyện gia đình kể trên có đúng không. Cũng nhớ mơ hồ về sau này, khi tác giả đã nổi tiếng, người nào đó có kể lại trên báo những thư từ qua lại giữa Nguyễn Đức Sơn với người cha, thể hiện tình phụ tử thân thiết.

Thời kỳ 1962-1965 là thời kỳ của triết lý hiện sinh ở miền Nam Việt Nam. Các truyện ngắn của Nguyễn Đức Sơn có đôi nét chịu ảnh hưởng, rải rác những ý tưởng cát bụi cuộc đời, nổi loạn hư vô chủ nghĩa, tình yêu nghiêng về dục tính. Đọc những đoạn nghiêng về dục tính, nổi loạn với xã hội, ta có lúc nghĩ sai lầm ông theo khuynh hướng chống báng mọi thứ trên đời như là hư vô chủ nghĩa. Nhưng coi lại mới nhận ra những chống đối của ông mang tính nhân bản chống sự bất nhân, sự giả trá keo kiệt; hướng về điều thiện. Tuy nhiên, ta thấy những đối tượng ông chẳng ưa đó đều ở trong giới cũng nghèo khổ, giới lao động; những cộng đồng ông sống chung đụng trong thời gian cư trú tại Sài Gòn. Chẳng hạn như trong truyện **“Xóm Chuồng Ngựa”**. Đó là thời kỳ Nguyễn Đức Sơn tương đối còn trẻ khi đang là sinh viên Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, đồng thời cũng là lúc ông có thơ văn được trả nhuận bút từ các tạp chí tiếng tăm như Sáng Tạo, Văn Nghệ. Đoạn đời về sau của Nguyễn Đức Sơn trong thời gian chiến tranh ác liệt tại Miền Nam, ông sống gian khổ ra sao, người viết chưa đọc được tác phẩm nào phản ánh, nên không ghi nhận được điều gì.

Ngoài bút hiệu **“Sao Trên Rừng”**, Nguyễn Đức Sơn còn có bút hiệu **“Hoàng Hương Sơn”** khi mới học ở các lớp Đệ Tứ, Đệ Tam. Nhắc lại bút hiệu HHS, có lẽ

ít ai biết, để ghi nhớ như một kỷ niệm với anh khi ngồi chung một lớp trung học.

TRẦN VĂN NAM

City of Walnut, California, tháng 12 năm 2011

(TQBT số 50)

TRẦN VĂN NAM

Định Kiến, Cơ Duyên, Và Ước Nguyện: Vài Cảm Nghĩ Về Văn Chương Blog

Đối với các thế hệ trẻ, vấn đề định kiến và cơ duyên không có gì đáng kể, vì cơ duyên duy nhất của họ là được tiếp xúc với computer ngay từ khi học trung học, hoặc ngay từ lúc học tiểu học ở các nước tiên tiến. Như vậy họ đâu có định kiến nào để e ngại khi đi vào thế giới ảo của điện tử. Chỉ ở các thế hệ khá lớn tuổi, có thể từ 50 tuổi trở lên, xuất thân học tập trong thế kỷ 20 ở các nước chưa phát triển, thì họ mới có những ngần ngại, hoặc tệ hơn có các định kiến (như người viết bài này) khi chưa biết rõ những tiện ích vô song của sáng tác và tiếp nhận chữ nghĩa trên các trang mạng toàn cầu. Vậy, xin nêu ra những định kiến mà người viết bài này thuở ban đầu đã từng có, rồi nhờ các cơ duyên đưa tới mà giải tỏa định kiến. Tuy nhiên, ta vẫn còn nhận thức thấy thế giới ảo của điện tử dường như có những bất trắc, sợ e không bền vững như thế giới in ấn chữ nghĩa trong sách báo, vì vậy xin nêu ra thêm trong bài này những ước nguyện. Định kiến có thể là chung cho

một số người cùng thể hệ, nhưng cơ duyên giải tỏa định kiến chắc chỉ riêng biệt cho từng người. Và ước nguyện thiện nghĩ cũng là chung ước nguyện, nhưng có thể còn nhiều ước nguyện mà người viết bài này không nêu ra hết cho đầy đủ. Vậy bài viết mong đóng góp ở đây nghiêng nhiều về định kiến chung có thể giúp ích cho chủ đề Văn Chương Blog (Từ ngữ này thấy lần đầu tiên ở mạng **“tranhaoithux.wordpress.com”**). Những từ ngữ khác cùng chủ đề này, nay ta đã quen nghe như Văn-Học Việt Nam Thời Toàn-Cầu-Hóa (Từ ngữ thấy trong **“tienvo.org”**); Thông Tin Trên Xa Lộ Toàn Cầu. Chắc còn nhiều từ ngữ mới cùng loại mà người viết bài chưa nghe nói đến.

Thật xa xôi cách nay đến 15 hay 20 năm trên nhật-báo Việt-Báo ở Westminster-California, nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh có một bài viết dài về Thông Tin Trên Xa Lộ Toàn Cầu, lúc ấy người viết bài có đọc tới, nhưng tỏ ra thờ ơ vì cảm tưởng như nhà báo tiên liệu về một tương lai còn xa mờ về thông tin hoặc sáng tác trên điện tử, cảm tưởng nó như truyện giả tưởng. Cứ định ninh điện tử chớp hiện chớp tắt thì làm sao sánh bằng chữ viết chữ in trên giấy. Điện tử trên màn ảnh thì làm sao còn mãi khi ta tắt máy computer. Vậy định kiến thứ nhất đối với người viết bài này là: Chữ nghĩa trên điện tử phù du, không được lưu trữ lâu dài. Công đâu mà viết bài gửi đăng để thấy nó hiện lên ngẩn ngui trên màn ảnh computer. Duyên cơ đã đến khi nhà thơ theo khuynh hướng tân kỳ Hà Nguyên Du, tình cờ ngồi uống cà phê tại quán Factory ở Westminster, cho biết có nhiều bài viết về văn chương rất hay trên trang mạng **“talawas.org”** của nhà văn Phạm Thị Hoài cư ngụ bên Đức. Lúc ấy, đã vào năm 2004, kể như khá trễ

biết đến bài vở trên các trang mạng toàn cầu trong khi các bạn cùng trang lứa đã biết sử dụng computer và đóng góp bài trên thế giới điện tử. Cho đến khi **“talawas.blog”** ngưng hoạt động vào ngày 3 tháng 11 năm 2010, sau 9 năm hiện diện, nhưng các bài vẫn được lưu trữ như ở thư viện trong đề mục “Tác Giả Talawas” gồm “Blogger” và “Khách Mời”. Ta có thể quay lại để tra cứu bất cứ lúc nào khi “click” vào “talawas.org”, rồi “talawas.blog”. Thư viện điện tử này là ví dụ đầu tiên để ta tin tưởng lạc quan về bài vở sẽ được lưu trữ, dù người chủ trương đã rút lui không còn lèo lái trên xa-lô thông tin toàn cầu. Ví dụ (không thể kể hết ra đây hàng mấy ngàn bài khác trên “talawas.blog), các đóng góp viết về thơ Quang Dũng; về thơ phơi bày tính trung thực thời từng cầm quân tác chiến như Trần Hoài Thư; hoặc chuyện tình đời thường mà đẹp thuộc về thời chiến như trong thơ Phù Hư; hoặc về thơ tân kỳ của các nhà thơ thuộc khuynh hướng Hậu Hiện Đại; hoặc về các bài quân ca thể hiện ước mơ của người xưa; hoặc về các tập truyện mang nhiều tính xã hội của Viên Linh, đều còn tồn tại trong mục “Khách Mời” trên mạng “talawas.blog”.

Vậy định-kiến thứ nhất cho rằng văn chương điện-tử phù du, kể như được giải tỏa phần nào. Còn định kiến thứ hai: Mỗi ngày đọc trên mạng bốn năm bài thì ta cứ mệt mỏi ngồi trên bàn có đặt máy, không những ở một mà còn theo dõi ở nhiều mạng điện tử khác, vậy ta sẽ mệt mỏi hay mỗi mắt, không được thư thái như khi ngồi đọc nhật báo in trên giấy ở nơi quán cà phê hay ở một góc nhà; không tập trung thâm nhập như khi ngồi đọc sách trên ghế dưới ánh sáng đèn hoặc dưới hiên nhà gió ngoài vườn thổi qua dịu mát. Rồi một duyên cơ đưa tới giúp tôi cởi bỏ định kiến bài nhiều quá trên

online và định kiến phải ngồi cố định trước computer. Đó là khi nhà văn Lữ Quỳnh báo cho tôi biết thử mở coi trang mạng điện-tử “**vanchuongviet.org**” do anh “Nguyễn Hòa VCV” cư ngụ ở Việt Nam chủ trương. Lúc nhà văn Lữ Quỳnh cho biết là lúc tôi ngồi cùng anh và một số bạn quen ở quán cà phê Factory tại Westminster California. Nóng lòng muốn biết, tôi ghé mắt coi “Laptop” của một người cũng quen thân đang ngồi trong quán, nhờ anh “Click” vào chỗ tìm kiếm trên Google, quả nhiên tôi thấy một loạt bài “post” lên cùng ngày. Dưới mỗi bài được trích dẫn một câu, khi “click vào nhan đề thì toàn bài hiện ra. Khi bài hiện ra, kèm theo bên cạnh tất cả bài của cùng tác giả được xếp theo thứ tự thời gian trước sau bài được đăng lên. Cũng do thứ tự thời gian này mà hai hình bìa của Tạp chí Văn Học số 80 (Sài Gòn, năm 1968) và 140 (Sài Gòn, năm 1971) được đưa lên ngày 18 tháng 7 năm 2012, trùng thời gian đăng bài “Nghĩ Về Di-Cảo Mấy Ngàn Trang Của Một Nhà Thơ Yêu Mệnh”, liên hệ gắn liền chỉ do một lượt đăng lên. Còn khi “click” vào chính tên tác giả (không phải click vào bài) thì cũng tất cả bài của cùng tác giả hiện ra, nhưng lần này theo thứ tự A B C... của nhan đề. Trên mạng “vanchuongviet.org”, khi ta tìm bài của một tác giả nào đó, click vào đề mục “Tác Giả” theo vần A B C... của họ tác giả, trùng họ nhiều quá như họ Nguyễn chẳng hạn thì ta lưu ý thêm thứ tự 1 2 3 4... ở phía dưới. Từ ngày anh Nguyễn Hòa VCV bị bệnh, cần tịnh dưỡng, tôi thấy số bài xuất hiện trên mạng mỗi ngày dường như ít hơn trước đây. Ở mạng điện tử như “vanchuongviet.org”, ta dễ theo dõi dù mỗi ngày bài đăng trên mạng dồi dào, và cho dù bài đã đăng khá lâu rồi trong quá khứ. Vậy thì định kiến khó theo dõi bài

trên mạng điện tử cũng vui đi phần nào. Vui đi mà chưa hết hẳn, vì có mạng điện tử bài cũng dồi dào, cũng hiện diện lâu dài trong nhiều năm, mà tìm bài cũ hay tìm tên tác giả, ta không biết đâu mà tìm lại, ngoại trừ các tác giả tiếng tăm hoặc bài viết nổi tiếng thì mới xuất hiện khi ta đánh máy tìm đúng tên của bài ấy. Ví dụ trên mạng “**diendanthekey.net**”, khi ta tìm tên tác giả như Vũ Hoàng Chương hay Nguyên Sa hay đề tài thường được nhắc nhở như “Mekong” thì mới dễ tìm ra... Còn định kiến đọc bài trên computer phải ngồi cố định trước máy, thì nay được giải tỏa với các máy computer di động như Laptop, iPad, hoặc các smartphones rất nhỏ mà chức năng cũng gần đầy đủ như máy computer đặt trên bàn ở nhà mình.

Định kiến thứ ba liên hệ đến việc thực hiện bài viết, tức đánh máy sáng tác bài trên computer, không theo cách sáng tác viết bài trên giấy. Trước đây, ta nghĩ đánh máy trên bàn đánh máy chữ đã thấy mất hứng rồi, huống chi lại đánh máy trước màn ảnh để sáng tác. Thật ra sáng tác thơ, đúng là không cần ngồi vào bàn mà là sáng tác trong đầu rồi viết lại vào giấy, đó là đối với các bài thơ ngắn như lục bát cần tập trung những câu thật hay thật ấn tượng ở cuối bài. Nhưng sáng tác bài thơ dài thì cần trang giấy trước mặt. Rồi cứ thử sáng tác trên computer đôi lần, ta sẽ thấy sáng tác dễ dàng gấp bội lần đánh máy chữ như trước đây. Ta sẽ thấy đánh máy trên màn ảnh dễ bôi xóa chữ bằng nút “Backspace”, dễ xuống hàng bằng nút “enter”, dễ bỏ dấu tiếng Việt theo cách thức VNI hay Télex hay VIQR; dễ xóa các dòng đã lỡ đánh máy rồi ở đoạn trước, xóa bằng nút “delete”. Đánh máy kiểu nào thì với các computer hiện đại sẽ tự động chuyển qua Unicode cho mọi nơi tiếp nhận đều đọc được với đầy

đủ các dấu tiếng Việt. Ban đầu, ta tưởng ngồi đánh máy trên màn ảnh sẽ mất hứng. Một khi nhuần tay đánh chữ bỏ dấu tiếng Việt, ta sẽ thấy sáng tác cũng lướt đi như khi viết trên giấy. Nếu sử dụng được mười ngón tay thì càng tốt. Nếu không, thì vài ngón tay đánh máy cũng rất mau nhờ “backspace” và “enter” như đã nói ở đoạn trên. Một số chủ nhân trang mạng, nhờ kinh nghiệm hoặc tra cứu nên có thể áp dụng được cách thức đưa bài hát trong “Youtube-Music” vào cuối bài viết, chỉ cần “click” tên bản nhạc thì bài hát được trình bày ngay, như ở trang mạng “**banvannghe.com**”. Hoặc đưa hình ảnh sống động vào trong bài thơ, như bài thơ “Mưa Núi” của Lê Hân với hình ảnh hàng hàng giọt mưa rơi xuống từ mái tranh miền sơn cước, thấy được ở trang mạng “**luanhoan.net**”. Nhưng đối với “banvannghe.com”, ta tìm bài cũ theo thiên nghĩ hơi mất thì giờ vì phải lướt qua từng kỳ đăng bài theo thứ tự từ 1 đến 40 hay 50 qua các đề mục như “Bài Mới Nhất” hoặc “Bản Văn” hoặc “Phiếm Văn Nghệ” hoặc “Tin Thơ và Thơ”. Chẳng hạn tìm bài “Văn học Hải Ngoại Như Một Món Quà Cho Quê Hương”, ta “click” đề mục “Bài Mới Nhất” và lần lượt click đến số 18 thì mới tìm ra. Nếu như tìm bài ở đề mục “Tin Thơ và Thơ” thì lần lượt với thời gian lâu hơn vì “Tin Thơ và Thơ” đã đến số 226 ... Còn với “luanhoan.net”, ta tìm theo cách thức: click đề mục “Sáng Tác Bốn Phương”, lựa chọn bài thuộc năm 2011 hoặc 2012 hoặc 2013, rồi tìm bài đăng từ đầu năm đến cuối năm. Nếu bài ở đầu năm hay cuối năm thì dễ tìm, ở lưng chừng giữa năm thì hơi khó vì có đến hơn trăm bài cho mỗi năm được đăng trên “luanhoan.net”. Những điều hơi khó trên chắc lần hồi sẽ được đổi thay. Trong khi đó với mạng “**namkyluctinh.org**”, ta nhận ra sự truy cập bài cũ có

về mau hơn. Cái tên Nam Kỳ Lục Tỉnh, nghe tưởng là địa phương, nhưng thực sự chủ trương của mạng điện-tử này như sau: *“Nam Kỳ Lục Tỉnh là diễn đàn của các nhà biên khảo và sáng tác không phân biệt sinh quán viết về Lục Tỉnh. Địa danh Nam Kỳ Lục Tỉnh mà vua Minh Mạng đã đặt tên từ năm 1834... Ước mong của trang mạng NKLT là được người viết ngoài nước và trong nước đóng góp... để nguồn tài liệu về vùng đất mới này được phong phú...”*. Chỉ nói về vấn đề truy cập, trên mạng này có nhiều hàng chữ đề mục, ta chọn chẳng hạn đề mục “Văn Học-Biên Khảo” thì tên các tác giả hiện ra, ta lần xuống tìm bài của tác giả.

Một định kiến nữa khi ta thấy các bài hát trên Youtube-Music hiện ra cùng lúc với bài viết mà một tác giả muốn nối liên hệ để minh họa, ta định ninh chỉ các người giàu kinh nghiệm mới gửi bài hát kèm theo bài viết được. Người chủ trương mạng điện tử “**chimvietcanhnam.free**” (bên Pháp) đã làm cho bài viết kèm bài hát cùng lên mạng nhanh chóng, do đó chỉ cần “click” nhan đề bài hát (cùng một cách thức như đã kể ở “**banvannghe.com**”); hoặc click hàng chữ dấu hiệu đặc biệt (nhiều chữ làm nên dấu hiệu thấy khá lạ thuộc về kỹ thuật lên Youtube). Đối với thế hệ trẻ rành về computer thì đây đâu phải định kiến rồi được giải tỏa do lần đầu gửi đi rồi chứng kiến video được trình bày, mà thật ra thế hệ trẻ đã thực hiện những thao tác gửi và thưởng thức này từ lâu trên chính computer của họ. Với mạng điện tử này, cứ 3 tháng người chủ trương mới tập trung bài viết mới cho một kỳ và được gọi tên như cách đánh số của Tạp chí in trên giấy, ví dụ “ChimVietCanh Nam” số 43, số 44... đến nay “Chim Việt Cánh Nam” sắp đến số 52, nghĩa là đã hiện diện gần 13 năm rồi.

Định kiến thứ năm mà người viết bài này muốn nêu ra: có dư luận cho rằng chỉ Tạp chí in trên giấy mới dễ mời mọc tìm đến để đọc, còn Tạp chí văn chương điện tử xuất hiện quá nhiều, làm sao theo dõi hết. Đúng là như vậy, nghĩa là lần này xin không nêu sự giải tỏa định kiến, mà chỉ nêu duyên cớ làm ta gặp gỡ một mạng điện tử văn chương nào đó. Xin nhắc lại bốn định kiến đã nói ở các đoạn trước: - văn chương điện tử là chữ nghĩa ảo - văn chương điện tử không lưu trữ lâu dài - ngại rằng không hứng cảm sáng tác trên màn ảnh - chỉ những người chuyên môn mới gửi được bài kèm hình ảnh hoặc video. Vậy định kiến thứ năm do cảm nghĩ mạng điện tử quá nhiều làm sao theo dõi cho hết (gần giống như trường hợp nhà văn Lữ Quỳnh giới thiệu mạng “vanchuongviet.org” giúp giải tỏa định kiến chữ nghĩa ảo nên từ lâu đã thờ ơ). Bây giờ thì không có vấn đề giải tỏa gì mà chỉ nói về gặp gỡ. Đó là khi nhà văn Nguyễn Văn Sâm giới thiệu cho tôi biết mạng Thư Viện Sáng Tạo: “**sangtao.org**”. Mạng điện tử này sắp xếp mỗi tác giả đóng góp bài vào một “Category” với tên của tác giả, ví dụ “Võ Công Liêm/Sáng Tạo”; “Đinh Cường/Sáng Tạo” hoặc “Nguyễn Văn Sâm/Sáng Tạo” (viết đầy đủ dấu tiếng Việt). Viết category này trên “Google” thì ngay tức khắc tất cả bài của tác giả đã đăng trên “sangtao.org” đều hiện ra theo thứ tự bài mới đến bài cũ đã “post” lên mạng. Vậy khi cần đọc, ta gõ máy tìm “sangtao.org” để vào mạng Thư Viện Sáng Tạo, hoặc chỉ cần tìm “category” nào đó trên mục truy cập của Google (Google rất phổ biến khắp toàn cầu hiện nay). Hơn nữa, “sangtao.org” đều báo tin hằng ngày cho độc giả và tác giả về các bài mới được đưa lên mạng, kể luôn việc đưa vào đôi khi những video âm nhạc.

“Category” đã là quý khi được sắp xếp như vậy; “Archive” (văn-thư-khố) lại càng làm cho ta phần khởi về việc lưu trữ trên mạng điện tử. Thường ta nghe đến văn-thư-khố (kho trữ văn kiện sách vở) thì liên tưởng đến thư viện với tòa nhà đồ sộ chất chứa biết bao nhiêu tài liệu văn hóa. Nhưng bây giờ có một mạng điện tử, không biết còn mạng nào khác sắp xếp thành những “Archives” như Vườn Tao Ngộ Văn Học Nghệ Thuật (“vuontaongovhnt.blogspot.com”). Các Archives cất giữ bài đã đăng trên mạng trong tháng, ví dụ “Archive December 2010”, hoặc mới đây với “Archive July 2013”. Nhờ vậy tác giả hay độc giả dễ truy tìm một bài nào đó mà họ biết đã đăng rồi trên mạng, chỉ cần nhớ rõ thuộc tháng nào năm nào. Những khi mở máy ra để tìm đọc “vuontaongovhnt.blogspot.com” thì ta thường thấy bên cạnh trang chính còn một mạng coi như chi-nhánh phụ của nó là “Quán Bên Đường”, nơi có ghi lại các bài thơ của Đỗ Hữu và Dao-Ca đăng trên tuần báo “Đời Mới” ở Sài Gòn vào những năm đầu thập niên 1950. Nhân đây, người viết bài rất cảm ơn “[vuontaongovhnt.blogspot](http://vuontaongovhnt.blogspot.com)” đã lưu giữ 10 bài thơ-văn-xuôi thử nghiệm của tôi, xuất bản từ năm 1963, lưu giữ trong “Archive January 2013” (Kể như dịp kỷ niệm đúng thời gian cách khoảng 50 năm. Trong khi “Thơ Với Đề Tài Vật Lý Vũ Trụ”, thiển nghĩ cũng là một đóng góp mới, thì đã được đăng để mong lưu giữ gần toàn bộ trên mạng điện-tử “chimvietcanhnam.free” cách nay được 3 năm).

Tôi không rõ có phải các tác giả đều có hai ước nguyện chung như sau. Ước mong thứ nhất: Tất cả bài đã đăng trên điện tử, đối với vài tác giả, coi như đã được sửa đổi cẩn thận và bổ sung cần thiết, vậy sẵn sàng được tải xuống để in vào sách. Chỉ đợi chờ dịp có nhà xuất

bản nào đó đề nghị, chắc ở hải ngoại đôi người cũng không khó khăn gì về bản quyền. Ước mong thứ hai: Nhờ các mạng lưu giữ giữ gìn những bài viết trong thể-cách nếu như lấy ra từ nguồn nào đó thì đổi thành một hình-thức mới để đăng vào mạng của mình, dĩ nhiên không quên ghi nguồn xuất xứ. Nghĩa là không “LINK” trực tiếp, tức lấy ra nhưng làm biến dạng (nếu lấy trực tiếp, cứ để y nguyên, bài sẽ dễ biến mất trong trường hợp nguồn bỗng ngưng hoạt động). Chẳng hạn ở mạng “**bichkhe.org**”, mạng điện tử này cốt yếu vinh danh cuộc đời và Dòng Thơ Tượng Trung của thi sĩ Bích Khê, nhưng cũng có mục “Diễn đàn thơ” tuyển chọn các bài bàn luận về thơ ở khắp các mạng điện tử khác, đổi dạng với lối trình bày và dùng chữ màu tím, không quên ghi nguồn nào đã được tuyển chọn lấy ra. Đến nay đã tới số 150 kỳ đăng các bài tuyển chọn nói về thơ, mỗi kỳ xuất hiện khoảng 5 hay 6 bài. Như vậy là bảo đảm không cùng biến đi nếu những nguồn kia không còn hiện hữu. Với cách thức ấy, mạng điện tử Chút Lưu Lại (“**chutluulai.net**”) cũng trình bày bằng cách sửa đổi lối chữ hoặc màu sắc hoặc khung nền của các bài được tuyển chọn, thêm video thơ phổ nhạc có liên hệ đến bài viết, được ca sĩ trình bày ngay trên trang chủ của Chút Lưu Lại. Ví dụ ta nghe nhiều bài hát nổi tiếng, phổ thơ của Cung Trầm Tưởng, qua các giọng ca Thái Thanh, Sĩ Phú, Vũ Khanh, Elvis Phương, Tuấn Ngọc... Với mạng điện tử Thư Viện Tài Liệu Tổng Hợp “**tailieutonghop.com**”, ta biết Thư Viện này có mục đích “*Tạo nên một kho kiến thức chung để phát triển sự nghiệp giáo dục nước nhà*”. Nơi đây chứa đựng rất phong phú tài liệu luận văn, luận án thạc sĩ, luận án tiến sĩ, tài liệu ngoại ngữ... cho đến tài liệu phổ thông cấp 3, ôn thi đại học. Với chủ

trương tạo kho kiến thức chung, nên chắc chắn đây là nơi gìn giữ cẩn thận, chắc có dự trữ không “link trực tiếp” để khỏi bị mất theo sự biến mất của một mạng điện tử nào đó trong tương lai không còn tồn tại vì đã quá hạn rất lâu mà không đóng lệ phí hàng năm; hoặc một mạng tự ý rút lui khỏi thế giới văn-chương-blog. Có lẽ **“nguyentrongtao.info”** và **“hoingovanchuong.wordpress.com”** là hai mạng có cùng một chủ nhân dĩ nhiên, nhưng điều ta lưu ý thì cả hai như cùng một đường lối: đăng thơ và các bài bàn luận văn chương, và đăng khá nhiều bài về âm nhạc vì người chủ trương là nhà thơ đồng thời nhạc sĩ, nhạc sĩ Nguyễn Trọng Tạo. Mạng này có lẽ tuyển chọn đăng thơ hơi khó, vì thấy ít có thơ như ở một số mạng điện tử khác. Mạng này dồi dào bài gửi đến, nhưng khi đã tuyển chọn bài để đăng lại từ một nguồn nào, như nguồn “talawas.blog” chẳng hạn, thì ta thấy “hoingovanchuong.wordpress.com” và “nguyentrongtao.info” đều trình bày khác đi. Đây cũng chính là ước nguyện mong sao cho bài còn “ở lại” một khi cái nguồn biến mất, tuy nhiên đến nay “talawas.org” vẫn còn được duy trì và có thể còn hiện diện mãi mãi. Có trường hợp mạng điện tử như **“hocxa.com”** vừa tuyển chọn đăng bài từ nguồn khác dưới hình thức cũng trình bày lại hầu tránh “bị triệt tiêu theo giây chuyền điện tử”, đồng thời cũng duy trì việc “link” trực tiếp với những websites để tạo thuận tiện cho người nào muốn truy cập đầy đủ hơn về một tác giả. Trên bản liệt kê những websites được “link trực tiếp” từ “hocxa.com”, ta thấy có độ 24 tác giả thời xưa xen kẽ với thời nay, xen kẽ người hữu danh cũng như người đang cố gắng đóng góp một chút gì cho văn học. “Link trực tiếp” như vậy có cái thuận lợi: giới

thiệu nhanh chóng văn thơ của một tác giả trong website của họ. Đồng thời có điều đáng e ngại: bị biến mất theo dây chuyền điện tử (như đã nói đôi lần ở đoạn trước). Đối với mạng “**4phuong.net**”, ngoài cách trình bày lại các bài có xuất xứ từ nguồn khác với hình thức như nét chữ màu xanh nhạt làm dịu mắt khi đọc trên màn ảnh, “4phuong.net” còn cho in khổ chữ đột nhiên lớn hơn ở những đoạn nào người chủ trương mạng thấy cần lưu ý. Nhờ vậy, người đọc cũng có thể hiểu phần nào tâm thức của người chủ trương, khen hoặc tán đồng tác giả bài viết, mặc dù dưới bài không ghi ý kiến phản hồi. Ngoài ra, nếu số bài được đăng trên trang chính không đủ chỗ, bên cạnh còn cột “Tác Giả” và cột “Có liên quan” giới thiệu nhiều bài khác cùng tác giả. Trang mạng với tên Quán Cốc Truy Cập Điện Tử (“**quancoconline.com**”), nghe cái tên ta có cảm nghĩ mạng này của những người yêu thơ thường lui tới những quán cà-phê dưới gốc cây, nhưng ta không biết rõ đích xác ở thành phố nào tại Việt Nam, hoặc có thể ở một thành phố mãi tận Canada. Vì hình như mạng điện tử này chỉ tuyển chọn đăng lại toàn là thơ từ nguồn những mạng điện tử khác. Người chủ trương chuyển thơ dưới hình thức khác, thật trang trọng với hình ảnh mỗi bài thơ được ghi bên cạnh một khung xanh ghi hàng chữ “poem” khi ta “click” vào hàng chữ “Xem thêm”. Mạng điện tử “**vonga 1.wordpress.com**” đôi khi xuất hiện đôi lại không thấy khi ta đánh máy tìm trên “Google”. Không rõ người chủ trương đang ở trong thành phố nào ở Việt Nam, hay một nơi đâu đó bên bờ sông Volga thuộc nước Nga. Nhưng “vonga” cũng có thể do từ ngữ “vô ngã”, thực sự ta không biết đích xác. Điều hoang mang ấy cho thấy người Việt đang có mặt gần như khắp nơi trên thế giới, mặc dù sử

dụng tiếng Việt nhưng không biết đâu là nơi họ khởi hành trên Xa Lộ Thông Tin Toàn Cầu. Và vì mãi bận rộn sinh kế hay vì ít có dịp liên hệ do không đồng hội đồng thuyền với quan điểm thi-ca quá tân kỳ theo lối Tân-Hình-Thức, nên một số người như chưa có dịp theo dõi trang mạng “**nhanvan.com/tapchitho**” do nhà thơ Khế Iêm chủ trương, người đã kiên trì mà ít xuất hiện nơi quán xá văn nghệ, nay đã xuất bản mấy cuốn sách về Thơ Tân Hình Thức. Cũng vậy, do ta định ninh những người chủ trương gồm một nhóm theo hướng hiện-đại thái quá nào đó, bởi có dấu hiệu là lạ trên trang chính của nhóm như “vanchuong+” hoặc “Bài cực nóng”, thuộc một mạng điện tử xuất phát từ nội địa Việt Nam (“**vanchuongplusvn.blogspot.com**”). Ta đoán như vậy, vì trên mạng này có sự đóng góp của nhiều tác giả nổi tiếng trong nước. Ngược lại với ít dịp tìm đọc, một mạng điện tử ta đã từng đôi lần mở ra coi vì trong mục “vườn thơ” có một số bài bàn về thi ca thật hay, như bài “Nét Đẹp Bài Thơ Tổng Biệt Của Tản Đà” của tác giả Từ Bích Diệp đăng lên ngày 6 tháng 5 năm 2013, nhưng thực sự mạng điện tử này không hoàn toàn dành cho văn học. Đây là diễn đàn phần lớn dành cho hội luận về đạo Công Giáo, đó là mạng điện tử Thư viện Huyền Thoại. Tuy nhiên, ta thấy có một bài bàn luận dài về các bài ca thời chiến ở Việt Nam. Độc giả có thể tìm trên Google, hoặc “**huyenthoi.me**” hoặc “**HuyenThoai.org**”.

Ngoài các mạng điện tử mà người viết bài này có đôi chút hiểu biết nên bàn được đôi lời, còn sách đưa lên “e.books” là cả một biển rộng mà lắm người chưa dong buồm đi lần nào. Chỉ từng ghé coi đôi lần trên mạng “**damau.org**” và “**bentrehome.net**”, nhưng tôi thấy không dễ mở ra đọc sách ở trang mạng “damau.org”

hơn là ở “BenTreHome.net”: đây có thể do người viết bài này đang đi chập chững vào thế giới “Thư Viện e.books”, chưa quen nhiều cách mở ra đọc sách điện tử, hoặc chưa sở hữu một trong những loại máy điện tử thích hợp.

TRẦN VĂN NAM

City of Walnut, California, tháng 7 năm 2013

(TQBT số 57)

Trần văn Nam

NHÀ VĂN HOÀNG NGỌC HIỀN

(1942-2014)



Nhà văn Hoàng Ngọc Hiến sinh năm 1942 và mất vào ngày 27-12-2014 tại Nam Cali.

Về mặt văn chương, năm 1969, tạp chí Văn xuất bản truyện dài “Quê Hương Lưù đầyy” của ông. Sách bán hết sau hai tháng phát hành. Bị tù 14 năm 7 tháng, qua Mỹ, ông vẫn tiếp tục viết với 5 tác phẩm được xuất bản hay tự xuất bản . Đó là chưa kể hai tập truyện còn trong dạng bản thảo và một tác phẩm gồm 18 bài đọc sách chưa in

Về mặt đời, trước khi bị động viên, nhà văn Hoàng Ngọc Hiến là một giáo sư triết, văn chương và sử địa. Năm 1967, bị động viên (Khóa 25 Thủ Đức). Rời quân trường, ông chọn đại đội 399 tiểu khu Bình Long - đơn vị được xem là thiện chiến nhất và “dữ” nhất của tiểu khu, có mặt tại những hiểm địa tử thần như Lộc Ninh, An Lộc, quốc lộ 13.... Ông ở đơn vị này từ

trung đội trưởng lên đến đại đội phó.

Nhà nhận định Nguyễn Vy Khanh nhận định về thái độ dẫn thân của ông như sau:

“Hoàng Ngọc Hiến đã viết thành tác-phẩm, chắc hẳn ông đã khởi đi từ ý thức, từ tâm tình yêu nước cụ thể cùng những tâm trạng băn khoăn, những kinh nghiệm sống chắt thực-hữu. Ông viết như để xác định thái độ phải nói, phải viết để nói lên từng ý nghĩ đã đến khi hành quân, thám kích, từng sự việc đã thực sự xảy ra - một lựa chọn can đảm để những tâm tư, sự kiện đó đến với người khác. Một thái độ dẫn thân khi đang theo hướng đi của tập thể (miền Nam), của lịch-sử, ở thời đại đang sống. Như vậy, thái độ sáng-tác và dẫn thân như vậy quả thật đáng trân quý dù chính ông tự nguyện đóng một vai trò có thể ông tự xem là khiêm tốn.”

Vậy mà sự ra đi của ông thật âm thầm, không thấy một diễu đàn văn học nào (đất cũng như mạng) nào đưa tin hay cho vài dòng thương tiếc...

Đó là lý do tại sao chúng tôi thực hiện số tưởng niệm này.

Quốc lộ Mười-ba

Bút ký chiến trường của Hoàng Ngọc Hiến

Sau cuộc pháo kích xâm nhập này, thị trấn đương nhiên bị đặt trong tình trạng báo động. Nó sẵn sàng chờ đợi để đối phó với những biến động mới. Tiểu khu vội vã tung ra những cuộc hành quân lục soát và phục kích đêm với cấp tiểu đoàn. Với lệnh cấm trại 100%, tôi đã tham dự hầu hết. Đối diện với bóng tối, với bia lô cao-su, với hiểm nghèo có thể đến bất cứ lúc nào, với lệnh tử thủ; tôi đã trở nên già dặn lúc nào không hay, tôi đã cảm thấy tôi là một lính nghề lúc nào không nhớ nữa. Tôi mới bắt đầu thấy tôi kiêu hãnh để kéo xệ cây súng Colt 45 đeo ở bên hông xuống một chút nữa. Nhưng, những khi kéo xệ cây súng Colt xuống, tôi bỗng thấy tôi cô độc giữa núi rừng cao-su trùng điệp miền cao nguyên biên giới này.

Tôi bắt đầu mơ tưởng lại quá khứ với những gì đã thụ hưởng hoặc đã để lỡ trôi qua. Một chút ân hận. Một chút nuối tiếc. Một chút thèm muốn. Điều đó đã dậy lên như một mặt trời cao ráo dựng đứng trên những đỉnh đồi cao-su mù mịt. Nhất là vào những đêm trời mưa đi kích ở chợ, nằm trên quây hàng bọc nhôm chap chồn đi vào giấc mơ tình ái. Để rồi chợt tỉnh táo tức khắc sau một trái 82 ly nổ giữa thành phố hay một trái hỏa châu soi sáng vùng trước mặt. Bây giờ súng đạn như một niềm kiêu hãnh. Nón sắt như một nét dữ dằn. Bốt-đờ-xô dính đầy đất đỏ như một trò thô bạo. Và chỉ còn có cái lon, cái lon hình oméga gắn trên ngực áo như một bay bướm duy nhất còn lại trên người tôi. Ngày cũng như đêm tắt tuổi. Ngày cũng như đêm chỉ ở

trại, ở chợ, ở đường, ở rừng.

Nhưng cái sinh hoạt ấy chợt dừng đứng lại.

Một tôi, vừa cho trung đội tới vị trí kích, thắng Thành mang máy C10 lại bên tôi.

- Chuẩn úy.

Tôi thở một hơi thuốc, thân nhiên như mọi lần:

- Gì vậy?

- Dạ thẩm quyền muốn nói chuyện với chuẩn úy.

Tôi cầm lấy ống liên hợp đưa lên tai nghe.

- Thanh Thúy, Thanh Thúy, đây Thanh Thúy Một gọi.

Cái giọng nói rè rè của ông Trung úy Đại đội trưởng ở bên kia đầu máy:

- Thẩm quyền tư tưởng đó hả?

- Vâng, thẩm quyền có gì cho?

- Anh bảo đàn em của anh đó. Sáng sớm mai, sau khi đi kích về, sửa soạn một ba-lô với mười lăm ngày ăn, một bộ đồ trận. Mang theo xẻng, hỏa lực đầy đủ. Tám giờ xong. Anh có thể cho chúng nó về sớm hơn mọi bữa để làm cho kịp. Đại đội chúng ta phải đi đóng “đồng đả” đó, thay thế cho thắng 215 đã quá nhiệm kỳ. Nhận rõ trả lời?

Tôi bấm cái nút nhựa trên ống liên hợp:

- Nhận thẩm quyền rõ. Còn gì cho tiếp.

- Có vậy thôi anh. Dứt, tạm dứt nghe anh.

Tôi rầu rĩ lắm bầm: “Đ.m., đúng là lệnh nhà binh, ban ra lúc nào đi ngay lúc ấy...”

•

Chiếc camion đầu tiên chở tôi và trung đội của tôi xả ga xuống cái dốc cuối cùng rồi chồm lên, sau đó mới dừng khựng lại nơi vọng gác của đồn. Tôi còn thấy gần vọng gác, một bàn thờ dựng bằng một cột, không nhang khói. Trong tầm mắt có tới cả chục chặng dây thép gai căng chằng chịt. Rồi tới cổng vào căn cứ,

dựng một tấm biển màu xanh loang lổ có hàng chữ màu vàng sắp phai mất hết: “Đồn Tân Hưng”. Tôi phải chăm chú mới đọc được hàng chữ đó. Xa hơn và thu hút nhất là cột cờ với lá cờ vàng ba sọc đỏ bay nhẹ và cái mirador màu gạch cua cũ dựng từ hồi Pháp thuộc còn để lại. Tôi biết chắc như thế, không cần phải giải thích, vì cái kiểu cách đó, tôi đã thấy ở nhiều đồn bót Pháp hồi người Pháp còn đặt những bước viển chinh của họ trên quê hương này. Tôi thấy từ hồi còn nhỏ, một túi trên lưng, khăn quàng trên cổ, theo gót chân mẹ tôi tản cư xuôi ngược, vùng nọ sang vùng kia, vùng này sang vùng khác. Lửa bốc cháy sau lưng. Đạn bắn bay trên đầu. Và bóng tối mưa dài vây bủa chung quanh. Mẹ ơi, mẹ còn nhớ không. Mấy mẹ con mình ngã dầm ngã dúm. “Tội nghiệp con tôi”, mẹ kêu không biết bao lần, con còn nhớ lắm. Tiếng nói đó đã khắc sâu vào tâm con và bây giờ nó đã trở thành một thứ trầm tư thầm kín trấn giữ đời con. Như khí giới của tên lính trấn thủ lưu đồn. Thứ khí giới ấy, con đã cất giữ, và bây giờ đem theo tới tiền đồn này nằm ở phía đông tỉnh lỵ Bình-long, cách quốc lộ Mười-ba gần mười lăm cây số. Giờ này, mẹ ở Sài-gòn, mẹ đâu đã biết. Vâng, mẹ đâu đã biết đưa con của mẹ trôi nổi tới chốn địa đầu của một quê hương tranh chấp lý tưởng. Cộng quân lại mới tung vào đây những trận đánh lớn. Các căn cứ quan trọng ven quốc lộ Mười-ba hầu hết đã bị tấn công. Đài phát thanh đã loan tin đó đi, mẹ có nghe không, mẹ có gửi gắm cho con những giọt nước mắt âm thầm rơi trong bóng tối nào không...

- Ê, Tướng, mày vào đây hả?

Thiếu úy Cung, xử lý thường vụ Đại-đội trưởng 215 đã ra đón tiếp chúng tôi. Tôi mở cửa xe nhảy xuống bắt tay Cung:

- Ồ, tới hứng cái khổ cho tụi mày đây. Chiều nay mày tha hồ mà bay bướm với các em ở thành phố...

Hắn toét miệng ra cười:

- Đ.m, cũng phải cho tụi tao xả ga chứ, không ứ lên chịu sao thấu mày. Thôi mày cho xe vào đi, bảo thằng truyền tin của mày gắn antel dù vào ngay, nó pháo kích còn liên lạc xin pháo binh. Tao xong nhiệm vụ rồi, tao đáo biết nữa đâu.

Tôi cũng văng tục:

- Đ.m., chưa đi hắn đã lổi. Tôi cũng đáo biết, tôi đâu phải Đại-đội trưởng mà anh tính bàn giao cho tôi. Trung úy của tôi còn ở dưới kia kia, xe sau đó, pan mẹ nó rồi, còn chữa ở dưới đó. Xe tao đi đâu, trung đội Một mà.

- À, có mấy xe mày?

- Bốn camion, đại đội tao đầy đủ cấp số chứ đáo như đại đội mày đâu. Việt Cộng đáo dám thử. Thử là chúng nó lúa vàng hết.

Vẫn cái nụ cười toe toét của Cung:

- Thôi lên xe vào trại đi cha, biết rồi khổ lắm... Cho con còn gô sớm sớm.

Chiếc camion len lỏi qua nhiều chặng dây thép gai vào trong đồn, đổ quân, đổ đồ, đổ đạn xuống. Tôi liền ra lệnh cắt gác, phân chia quân và hỏa lực bố trí tại các hệ thống phòng thủ, bảo truyền tin gắn antel dù vào máy C10, sẵn sàng đối phó với phản trắc bất ngờ. Định chỉ lợi dụng lúc hỗn tạp này. Trung đội tôi trực bữa nay nên đã phải tới đây trước hết, xong xuôi mới kéo cả đại đội vào.

Cung chỉ cho tôi sơ lược địa thế, hầm hố. Tôi ngó qua, thất vọng rủa nó:

- Đ.m., tụi mày sắp đi tụi mày ỉa cả ra cho tụi tao tới **hốt** há. Gì mà bản thủ, dột nát, xập xệ, rác rưởi quá xá

thế này.

- Mùa mưa mà mây.

- Mưa thì mưa chứ. Tụi mây chắc chỉ chơi không, ăn rồi ỉa thôi, chứ đéo gì. Chỉ chết tụi con... Thôi tụi mây xéo bố nó đi cho rồi. Để các con làm lại cuộc đời.

Những chiếc xe sau chở đại đội tôi lần lượt vào đồn. Sau khi Đại-đội trưởng nhận bàn giao, và những chiếc xe chở chúng tôi tới đây đã chở hết những tên lính của đại đội 215 ra khỏi doanh trại, thì trời đã trưa. Mặt trời đã bắt đầu nghiêng bóng về tây. Trưa rồi. Tôi nhận khu vực phòng thủ của trung đội: mặt Nam hướng về xã Tân-hung.

Tuyến phòng thủ của chúng tôi khoảng ba mươi thước gồm có mười cái hầm. Ở khoảng giữa, thụt vào phía trong một chút có một cái hầm. Tôi ở hầm đó. Bộ chỉ huy trung đội ở đó. Tôi, cận vệ của tôi, và truyền tin. Ba người. Hầm hơi chật nhưng cũng phải chịu, được cái trông có vẻ cao ráo, sạch sẽ, thoáng khí hơn nhiều hầm khác. Bởi vì tương đối nó nông hơn, nhiều thanh gỗ và bao cát còn mới, có lẽ đã được tu bổ gần đây. Tuy nhiên, mùi gỗ ẩm, mùi đất ẩm cũng làm khó thở; cố gắng lắm tôi mới không khỏi buồn nôn. Tôi gọi cận vệ, truyền tin của tôi lại trước hầm đó:

- Mình ở đây. Chịu khó dọn dẹp, tu bổ sao cho được. Làm ngay đi, bây giờ còn nắng. Chiều mùa này hay mưa lắm, chịu khó làm gấp đi. Phân chia cất đặt xong, tôi lại phụ cho.

Chúng nó ừ hừ. Tôi nhảy lên nóc hầm trước mặt cái hầm tôi ở. Trung đội đã loanh quanh ở gần cả đây và đang chờ tôi quyết định. Tôi nói:

- Cái hầm này, cái hầm tôi đang đứng đây dành cho bộ chỉ huy. Ông trung đội phó, phụ xạ thủ M79 và trung liên bar của bộ chỉ huy. Bốn hầm phía bên phải tôi của

tiểu đội Một. Bốn hầm phía bên trái tôi của tiểu đội Hai. Hai ông tiểu đội trưởng phân chia cho các anh em và sắp đặt vị trí súng trung liên sao cho có một xạ trường hoạt động tốt. Các ông nhớ, như tôi đã nói nhiều lần, cây M79 và các cây trung liên là linh hồn của trung đội. Bây giờ các ông thi hành, có gì tôi sẽ ban lệnh sau. Các bạn có gì thắc mắc không?

Những tiếng “không” nói lớn. Tôi chỉ vào hầm của tôi:
- Tôi ở hầm này. Có chuyện gì lại đó kiểm tôi. Rồi, các bạn tan hàng.

Chúng nó lục tục kéo đi. Ba-lô, nón sắt, dây đạn, thùng đạn làm mờ hôi đổ. Tôi lần lượt đi xem từng hầm một. Hầm nào cũng rác rưởi, cỏ dại, ướt át, đất đỏ dính dáp và mùi gỗ mục xông lên ảm thấp. Trận mưa đêm qua còn để lại nhiều vũng nước đục bẩn như nước cống. Ống bơ, chai lọ, muống chén bừa bãi trên đất lầy. Cúi đầu ở cửa hầm nào nhìn vào bên trong, tôi cũng lắc đầu thất vọng, an ủi chúng nó: “Thôi chịu khó, ở đây cũng coi như nhà mình ở, ráng nghe”.

Khi trở lại hầm của tôi, tôi đã thấy thằng Vụ và thằng Thành (truyền tin mới đã đến thay thế thằng Du hơn một tháng nay), hai đứa đã xoay trần ra sức sửa sang. Mồ hôi đổ từ cổ xuống lưng. Tôi thở dài:

- Tao chán quá rồi mày ạ.

Nó nói:

- Mới vậy đó chuẩn úy. Vài bữa đâu vào đấy bớt đi. Chuẩn úy mới đóng đồn lần đầu, tôi nhiều rồi, riết quen chuẩn úy. Chuẩn úy kiểm chỗ nghỉ đi, lát xong tụi tôi gọi vào.

- Được, tụi mày cứ làm đi. Nghỉ ngơi gì giờ này. Chưa ra đâu vào đâu hết.

Tôi chột nhìn lên mirador, một tên lính của trung đội tôi đang ngồi gác trên đó. Nó nhìn ra phía xa chăm

chú. Tôi dờn chỗ đứng, lần bước đi lên với nó. Tôi lên đứng gần nó. Gió thổi tới. Con gió thổi mát lòng làm tôi tỉnh táo. Tôi lấy cái zumen để ở gần nó đưa lên ngang mặt. Tôi di động vòng tròn tại một chỗ đứng. Đứng ở vị trí nào tôi cũng chỉ thấy những rừng đồi cao su. Những rừng đồi cao-su trùng trùng điệp điệp. Những rừng đồi cao-su nằm im phăng phắc. Những rừng đồi cao-su vẫn trầm tư mặc tưởng, như chưa bao giờ biết đến một đổi thay nào hết. Những rừng đồi cao-su từ đây chạy dài ra tới quốc lộ, chạy dọc hai ven quốc lộ; nó có con mắt trong suốt chứng kiến từ phút đầu cho đến phút chót những trận động độ, những trận phục kích... Nhưng đôi mắt trong suốt đó, đã từ nghìn đời nào rồi, vẫn lạnh lẽo như một mặt nước mùa thu im lặng.

Tôi buồn buồn hỏi tên lính của tôi:

- Mày gác gì đó mày?

- Em gác Việt Cộng, chuẩn úy.

- Ở gác Việt Cộng mà tao thấy mày chỉ nhìn về có mỗi một hướng trước mặt. Ngồi một chỗ thế này chả mấy chốc mà mày gục. Mày có tiếng là gác ngủ rồi đó nghe, tao lưu ý mày rồi đó. Có buồn ngủ không, tao cho đi ngủ gấp, gọi thằng khác lên gác thế.

Nó vội vã:

- Dạ không chuẩn úy. Em quan sát mọi hướng mà.

Nhưng tôi cũng chẳng tin nó được. Tôi đứng ở đó hết vọng xuống:

- Ông tiểu đội trưởng tiểu đội Hai đâu? Cho tôi một thằng nữa lên đây. Ở trên đài quan sát này là phải gác kếp cho tôi. Tất cả cắm đầu vào lo hăm lo hổ, nó bò tới hàng rào lúc nào không hay à.

Tôi trao cho nó cái zumen:

- Cái này phải đeo vào người. Mày là bê bối lắm đó. Ở

đây, mày mà nhảy dù về là tao tính mày đó. Nhớ không?

- Dạ nhớ.

Tôi bỏ đi, miệng lẩm bẩm “ờ nhớ”.

Tôi bây giờ thế đó. Mày không còn là của mày nữa. Đã khoác bộ đồ trận này vào, mày đã trở thành con người của quốc gia, của chính phủ. Mày không còn là của cha dưỡng mẹ sanh. Mày không còn là của vợ, của con mày nữa. Vợ tôi vẫn không giấu giếm được những giọt nước mắt mỗi lần tôi bước chân đi. Đã nhiều lần, có lẽ chúng tôi đã đếm gần hết số lần xa nhau trên những đầu ngón tay trong vòng năm năm trời. Chưa bao giờ chúng tôi được sống bên nhau được một thời gian dài trên năm tháng. Giờ này, giờ này, đã lại xa nhau nghìn trùng. Mười lăm cây số, nhưng tôi có cảm tưởng như cả một nghìn trùng. Em biết không em, chiếc xe chở anh tới đây, anh đã thấy chỉ những rừng đồi cao-su trùng trùng điệp điệp. Những rừng đồi cao-su thâm u bí mật. Pha gương ở đó nào cấm thù, nào oan khiên. Anh không thể nào có một cảm tưởng khác được là cả một nghìn trùng vây bọc. Em đã có thêm ý nghĩ u hoài nào nữa chưa em? Không ngờ phải không? Không ngờ anh đã thành một người lính cầm súng bước tới chôn này. Không ngờ, anh đã cầm sự vụ lệnh tới trình diện một đại đội tác chiến nổi tiếng và thiện chiến nhất miền này. Tới làm một cấp chỉ huy ở đại đội toàn lính dũ dần này, anh đương nhiên trở nên dũ dần hơn chúng nó lúc nào không nhớ nữa. Em đừng trách anh rằng bây giờ anh còn nhớ gì nữa chứ. Anh đã bị xô đẩy nhiều quá rồi.... Và kỷ niệm đã nhiều lần bật thành tiếng thét trong hồn như một tiếng súng nổ vọng vào đêm.

Tôi đi tới hầm chỉ huy đại đội. Tôi gặp trung úy Đại-

đội trưởng ở đây. Ông nhớ tôi ngay:

- Anh Tường.

- Có việc gì trung úy?

- Tôi bận quá, tôi nhờ anh việc này nghe. Anh vẽ giùm tôi sơ đồ phòng thủ và thảo giùm tôi kế hoạch phòng thủ. Được không anh?

Tôi ngần ngại. Trung úy tiếp:

- Cái sơ đồ phòng thủ thì anh không có gì thắc mắc chứ gì. Phòng thủ đồn bót tương tự như bố phòng chu vi đóng đêm, quen rồi phải không anh?

- Vâng, nhưng còn cái kế hoạch...

Trung úy cướp lời tôi:

- Tôi biết. Đại khái như thế này. Đề tôi nói rồi anh thêm bớt. Đại khái chủ nghĩa, trên giấy tờ mà anh. Thế này nghe anh...

Ông ấy nói một thôi một hời.

Tôi cười:

- Trung úy nói vậy, chẳng biết tôi có nhớ để phản ảnh trung thực hay không.

Ông khuyến khích tôi:

- Được anh cứ làm đi mà.

Tôi chán nản trở về hầm của tôi. Thăng Vực và Thành đã dọn dẹp căn hầm. Chúng nó đã vặn radio, nhạc hay vang lên. Tôi thấy có sẵn một cái kệ. Chúng nó dùng những mảnh gỗ kê được một cái giường nhỏ một người nằm. Và chúng nó còn kiếm đâu được mấy cái thùng gỗ nhỏ thấp dùng che phủ mặt đất ẩm ướt dơ bẩn, trên đó là một mặt phẳng tốt để đặt balô, dây nịt đạn, nón sắt. Trông đã có vẻ mát mắt. Tôi nói:

- Khá rồi ha. Bây giờ lấy một poncho trải lên cái giường này. Một cái căng trên trần hầm. Thế mới thật sạch mắt. Còn cái kệ này dùng để đồ vật đèn nền đường sữa café thuốc lá, kiếm cái gạt tàn thuốc. Minh

sẽ xin ván bìa đóng vào vách hầm, rồi kiếm mấy cái hình “trưởng cỡi” dán vô chứ. Mình làm cho xôm xôm nghe.

Hai đứa nó cười.

- Chuẩn úy chơi rồi đó.

- Ở đây phải thế mới được, phải không mày? Mình phải trang hoàng cái hầm mình cho sang nhất đồn. Ở đây thăm quá, mình phải cố gắng làm cho nó bớt thăm đi chứ. Thôi, để tôi làm mấy cái vụ này, chúng mày làm cái gì ăn đỡ đi. Một giờ trưa rồi, vừa chán, vừa nản, vừa mệt, vừa buồn nôn, và vừa đói nữa.

Thằng Vụ mau miệng:

- Có rồi chuẩn úy. Để tôi trải poncho rồi dọn cơm ăn. Chuẩn úy thích ăn thịt hay cá?

Tôi vui vẻ:

- Ủa, đóng đồn cũng ăn thịt cá, sang quá nhỉ.

Đói, mệt, nhưng tôi chỉ ăn được vài miếng. Không tài nào nuốt nổi. Tôi thoát ra khỏi hầm leo lên một nóc hầm kiếm gió. Nực nội quá. Tôi móc túi lấy thuốc hút. Tôi kéo theo ra với gói thuốc cả cái thẻ công vụ. Cái thẻ dân sự, chứng nhận là giáo sư, nghề nghiệp trước khi tôi nhập ngũ. Tôi mở ra xem cái ảnh dán trên cái thẻ. Hình tôi nửa người mặc áo lớn, tóc dày bất xanh mướt, trông trẻ trung mập mạp hơn lúc này nhiều. Lại một chút tiếc rẻ, nhớ thương dĩ vãng. Nhưng sau khi châm một điếu thuốc, tôi quên ngay. Các lô cốt, các hầm hố, các antel dù, concertina, bãi mìn và lính tráng mang bộ mặt ngơ ngáo đập mạnh vào mắt tôi. Nhiều đứa trông lúng túng, không biết làm gì lúc này. Tôi, tôi cũng vậy nữa. Tôi chả biết tôi sẽ phải bắt đầu như thế nào cái công việc mà trung úy đại đội trưởng nhờ tôi lúc nãy. Nhưng đầu thế nào, tôi cũng phải bắt tay vào việc, để kịp thời đối phó với cộng quân đang mưu đồ

leo thang chiến cuộc. Chưa biết chừng ngay đêm nay cộng quân mở trận tấn công vào tiền đồn này. Trong mấy ngày gần đây, chúng đã tấn công vào hầu hết các cứ điểm ven quốc lộ Mười-ba danh tiếng. Những trận Bến cát, Bàu-lòng, Tân-khai, Tàu-ô, Càn-lê, Lộc-tán, Lộc-ninh tất cả khốc liệt đã ném vào đầu óc mọi người những ý tưởng khủng khiếp về miền đất đỏ cao-su độc địa này. Tại Tân-hưng, nơi tôi vừa tới đây, hồi sư đoàn 5 ở, Cộng quân cũng đã tung vào một trận đánh với cấp tiểu đoàn. Tự độ ấy, quốc lộ Mười-ba được mệnh danh là quốc lộ máu. Có người còn gọi quốc lộ của tử thần.

Tôi nghĩ, chiều nay, có lẽ mình phải viết mấy lá thư về nhà. Chắc chắn phải có một cái dành cho vợ. Thội bây giờ, súng đạn như một niềm kiêu hãnh. Nón sắt như một nét dữ dằn. Bốt đồ-xô dính đầy đất đỏ như một trò thô bạo. Và chỉ còn có cái lon hình oméga gắn trên ngực áo anh như một bay bướm duy nhất ở chốn địa đầu này đó em. Giọng ca Bạch-Yến thâm trầm trong nhạc bản “Đêm đông”, kể từ đêm nay, lại âm vang trong lòng này như tiếng súng vọng vào lòng rừng... đêm đông ta mơ cổ nhân gia đình yêu thương... Buồn quá phải không em? Anh vẫn chập chờn giấc ngủ với giọng ca mơ hồ ấy... Và anh, anh vẫn còn tự hỏi không biết chúng ta từ cõi hư vô nào lưu lạc tới đây, sống kiêu hãnh ven quốc lộ mù bụi đỏ, thâm u rừng đồi cao su. Quốc lộ Mười-ba. Quốc lộ của tử thần...

HOÀNG NGỌC HIỀN

(nguồn: tạp chí Văn số 130)

Một truyện được viết sau năm 1975

SÔNG ĐUỐNG



Nguồn: Internet

Có một ông già ở phương xa, về thăm xứ Kinh Bắc, kể lại một câu chuyện, mở đầu bằng câu: “Rằng xưa có con sông Tiểu Giang, kinh đô Phong Khê của cha ông ta...”

Năm vừa qua, có một ông già khoảng bát tuần, tóc bạc trắng như cước, tuy không được khỏe mạnh cho lắm, nhưng cũng đủ sức làm một chuyến đi xa. Bởi vì ông ngưỡng vọng vùng núi Tiên Du, thành Cổ Loa, làng Lim (cái nôi của hát quan họ, nổi tiếng trong lịch sử văn hóa của dân tộc), nên cố gắng từ phương xa lặn lội tìm về thăm xứ Kinh Bắc. Có thể nói, từ khi còn là một thư sinh mặt trắng, sống nhiều năm ở Kẻ Chợ, chỉ có đọc vài bài thơ viết về Sông Đuống, mà ông đã mơ

mộng muốn đến nhìn xem Sông Đuống. Nhưng chưa có phương tiện điều kiện thực hiện, thì kịp đến Hiệp định Genève chia đôi đất nước, lấy con sông Bến Hải (tức sông Gianh thời Trịnh-Nguyễn phân tranh) làm ranh giới, thư sinh phải theo gia đình di chuyển vào miền Nam. Đến năm 1975, khi đồng minh Hoa Kỳ bỏ rơi Saigon, trao miền Nam Việt Nam cho Cộng sản Hà Nội, ông bị đi tù “cải tạo” hơn mười năm. Khi ra khỏi tù, một thời gian sau, ông có cơ hội xuất ngoại. Ông đặt chân đến nước Mỹ. Ở Mỹ, ông là một thứ người “vô tổ quốc”, cũng chẳng hội nhập được, chẳng làm được công việc gì ra hồn. Cuối cùng, ông đành sống bằng trợ cấp xã hội. Thời gian đã biến ông thành một lão già chân yếu, tay mềm, da nhăn, má hóp, đi đứng lọng cọng,... Hình như với “nỗi buồn bại trận”, bệnh tật do di chứng hơn mười năm tù “cải tạo”, cùng với nỗi buồn tha phương cầu thực, ông sớm già trước tuổi. Ông thường cô đơn, chẳng biết nên đi đâu, về đâu, đành phó thác số phận trên xứ người! Đột nhiên, ông nhớ lại ước mơ thời tuổi trẻ, muốn được tận mắt nhìn con sông Đuống. Ông cảm thấy khỏe, thể là vội vã thực hiện một chuyến về Kinh Bắc. Chuyến đi dẫu ngắn ngủi, trong hai tuần, nhưng cũng đủ thỏa mãn. Những nơi ông có dịp đi qua, ông không có nhận xét gì, bởi ông chỉ chú trọng đến Kinh Bắc, mà thôi! Ông nói: “Nhà thơ Hoàng Cầm có tập thơ nhan đề: “*Về Kinh Bắc*” gây sóng gió cho cuộc đời của mình. Tôi chỉ mới được nhìn cái bìa qua báo chí hải ngoại. Kỳ này, về thăm sông Đuống, tôi sẽ lòng kiếm mua tập thơ này. Tôi đang làm một cuộc hành trình về Kinh Bắc!!!”.

Thế là ông già được đặt chân đến đền thờ An Dương Vương và miếu thờ Mỵ Châu nằm ở sân trước,

vào một buổi trưa nắng đổ rực rỡ.

Miếu nhỏ, nhưng cây đa cổ thụ ở cửa miếu rất lớn, tán cây tỏa rộng, ánh nắng mặt trời chiếu xuống đất, qua cành lá, lổ đổ lung linh trông rất bắt mắt. Ông già có cảm tưởng nắng rất đẹp và màu nắng rất lạ. Hơn nữa, không gian đang ở độ “thiền quang chín chục, đã ngoài sáu mươi”, thu đã già, trời trong xanh, gió mát lạnh, dải núi Tiên Du ở xa xa lên màu xanh mượt. Quả nhiên xứ Kinh Bắc đẹp thật! Nhân gian ca ngợi cũng phải! Ông lão tự hỏi: “Còn đâu sông Đuống? Sông Đuống ở đâu?” Ông kiểng chân nhìn bốn phía chân trời tìm con sông Đuống, xem dòng nước giờ này ra sao? Nhưng không thấy đâu! Chỉ thấy núi non, đồng ruộng cây cỏ mờ mờ trong nắng. Hình như đã có một đám mây nào vô tình che mất mặt trời!

Ông già bước vào bên trong miếu. Trên bàn thờ, có một tượng lớn không đầu, được mặc năm ba lớp áo gấm hoa, cao khoảng một thước, trong thế ngồi xếp bằng.

Ông cắm mười hai cây nhang: “Kính người mười hai cây nhang. Chúc người an khang trường thọ trong cõi vô vi.”

Nhìn khói nhang bốc lên, lan tỏa. Đột nhiên, ông già thấy cái tượng lớn không đầu đó bỗng có đầu. Khuôn mặt thanh tú của một người đàn bà, tóc dài xõa xuống vai, môi đỏ mấp máy: “Cảm ơn ông. Ta biết ông thương cảm cho ta! Thôi đừng! Không có gì đâu! Chẳng qua, ta chỉ trả nợ tiền kiếp mà thôi! Nào có gì đâu?!”

Ông già cung kính: “Bậc tiền bối nói gì, kẻ hậu sinh này không hiểu. Xin được giải thích.”

“Ta cảm động vì lòng thành của nhà người mà kể câu chuyện đời xưa, tưởng đã hầu quên. Khói nhang

kia như gọi nhớ... Người hãy cùng ta trở về cổ sử, năm 208 trước Tây lịch. Ta bắt đầu vào chuyện đây. Câu chuyện bắt đầu từ sông Tiểu Giang. Thuở xa xưa ấy, con sông nằm ở phía bắc đền này, gọi là Tiểu Giang, chứ không là sông Đuống như bây giờ. Nó cũng nhỏ lắm, chứ không dềnh dang, to lớn, mênh mông như giờ. Lúc ấy, trái đất cũng còn nhỏ, chưa trương nở lớn đâu! Nhà người hãy cố gắng, với một chút tưởng tượng, sẽ dễ hiểu ngay thôi. Hàng tỉ ngàn năm đã trôi qua, biết bao vật đổi sao dời, tang thương biến đổi. Dòng Tiểu Giang đã trở thành một con sông ngăn cách đôi lòng, ngăn cách hai dòng họ tranh bá đồ vương. Một quốc gia, lúc ấy, chỉ như một vùng đất, một bộ lạc, thế thôi! Phía Bắc sông Tiểu Giang thuộc Triệu Đà. Phía Nam sông Tiểu Giang thuộc An Dương Vương. Con sông nhỏ bé ấy đã trở thành con sông của lịch sử, trong thời cổ sử của dân tộc ta!!!

“Thoạt đầu, toàn bộ vùng đất này thuộc vua Hùng cai trị, chặn dất trăm họ. Truyền đến đời thứ mười tám mới xảy ra chiến sự. Vua Hùng đặt quốc hiệu là Văn Lang, mang ý nghĩa một dân tộc có nhân nghĩa, đạo đức, tài năng lỗi lạc. Vua Hùng đời thứ Mười Tám có cô công chúa Mỵ Nương nổi tiếng xinh đẹp, công dung ngôn hạnh vẹn toàn, nên bấy giờ có nước Thục ở kề cận, vua Thục là Thục Phán sai người mang lễ vật xin cưới công chúa cho hoàng tử của họ. Vua Hùng từ chối, bởi vốn biết người phương Bắc hung bạo. Thục Vương bèn đem đại quân đánh chiếm Văn Lang. Vua Hùng thua chạy, nhảy xuống giếng tự vẫn. Thục Phán sát nhập Văn Lang vào đất Thục, đổi quốc hiệu là Âu Lạc, xưng là An Dương Vương. Đóng đô ở Phong Khê. Phong Khê là một địa điểm thuộc phía Bắc sông Tiểu Giang, tức là cũng thuộc địa phận

tỉnh Kinh Bắc này.

“Phía Bắc nước Âu Lạc, có quận Nam Hải của Tàu. Do viên quan Thái Úy Nhâm Ngao cai trị. Nhâm Ngao muốn tiến chiếm Âu Lạc, nhưng chưa thực hiện được thì mất. Triệu Đà lên thay, thực hiện nguyện vọng của Nhâm Ngao vào năm Quý Tỵ 208 trước Tây lịch. Triệu Đà với binh lực không hùng hậu, nhưng đã chiếm được Âu Lạc, sát nhập Âu Lạc vào Nam Hải, lập ra nước Nam Việt. Tại sao Triệu Đà có thể thắng được? Chẳng qua Triệu Đà dùng gian kế!!! Triệu Đà sai người mang lễ vật hậu hĩ tới Âu Lạc, xin cưới công chúa My Nương cho công tử Trọng Thủy của họ. Đây chỉ là một cuộc hôn nhân, chứa đựng mưu kế do thám thực lực nước Âu Lạc. Người ta đồn rằng An Dương Vương có nỏ thần. Triệu Đà sai Trọng Thủy đánh tráo cái lẫy, rồi báo về cho mình biết. Biết chắc chắn như thế rồi, Triệu Đà bèn mang quân tiến đánh. Khi Thục Vương mang nỏ thần ra bắn, thì không còn hiệu nghiệm nữa. Thục Vương mới mang My Nương lên ngựa, cùng mình chạy về phương Nam. Chạy tới núi Mô Dạ, nay thuộc huyện Đông Thành tỉnh Nghệ An, được Thần Kim Quy từ biển nổi lên, báo cho nhà vua biết: “Giặc ngồi sau lưng nhà vua đấy!” My Nương thú nhận đã trộm đem nỏ thần cho Trọng Thủy xem, mới bị chàng đánh tráo cái lẫy. Nhà vua quá phẫn uất, rút gươm chém chết My Nương, rồi nhảy xuống biển tự vẫn. Ngày nay, ở núi Mô Dạ, vẫn còn đền thờ Thục Vương ở đó. Trọng Thủy đuổi theo, chỉ gặp xác vợ nằm bên đường, đem về an táng ở Phong Châu, kinh đô Nam Việt, nằm ở phía Nam sông Tiều Giang, xong nhảy xuống giếng tự vẫn. Cái giếng ấy, nay vẫn còn dấu vết, ở sau miếu thờ ta đó. Lát nữa, nhà ngươi có thể ra đó mà tham quan.”

Ông già cảm kích thưa: “Cảm tạ tiền bối đã kể cho nghe câu chuyện đau thương của người. Trong nhân gian còn truyền lại. Có người viết sử. Xem ra có chỗ hư, có chỗ thực. Nỗ thần, giếng ngọc, phải chăng chỉ là huyền thoại?”

“Nhà ngươi thắc mắc là phải! Bởi người đâu biết thời ấy, người ta có quyền phép! Khác xa với thời đại ngày nay. Ta kể tiếp đây. ... Bấy trăm năm sau, Vào năm Tân Mão 571, một biến động lịch sử đã xảy ra, cũng ở vùng đất này. Trước đó, có một người tài kiêm văn võ, tên là Lý Bôn, vốn dòng dõi nhà Tây Hán, vì loạn lạc đã chạy xuống phương Nam. Ở đây, trải qua bảy đời, đã thành người bản xứ, thành dân của nước Âu Lạc rồi. Lý Bôn chiêu tập binh mã, nổi lên đánh đuổi quan lại người Tàu, tự xưng Nam Việt đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên, tức là Thăng Long sau này. Người đời thường gọi là vua Lý Nam Đế. Tiếc thay, Lý Nam Đế không giữ giang sơn được lâu. Tàu đem đại quân tiến đánh Vạn Xuân, Lý Nam Đế thua, chạy về núi Gia Ninh, rừng Khuất Liêu, tức núi rừng Thanh Hóa bây giờ. Ít lâu sau, buồn bã, chết ở đấy. Binh quyền trao cho Triệu Quang Phục. Phục rút quân về đầm Dạ Trạch, tỉnh Hưng Yên. Rồi tổ chức đánh đuổi quân Tàu, chiếm lại Long Biên. Phục xưng là Việt Vương, đóng đô ở đấy.

“Con của Lý Nam Đế, Lý Phật Tử, trong lúc binh biến, chạy sang Ai Lao. Năm Đinh Sửu 557, đem binh về đánh Triệu Việt Vương. Hai bên đánh nhau tât cả năm trận, bất phân thắng bại. Sau hết giảng hòa, lấy con sông Tiều Giang làm ranh giới. Phía bắc của Lý Phật Tử, đóng đô ở Phong Khê. Phía nam của Triệu Việt Vương, đóng đô ở Long Biên. Tuy nhiên, Lý Phật Tử chuẩn bị đánh Long Biên. Lý dùng kế, mang lễ vật

hậu hĩ xin cưới công chúa Cảo Nương cho con trai của mình là Dã Lang. Triệu Việt Vương tin vào mối giao hảo thân tình, nên không đề phòng gì. Năm Tân Mão 571, bất ngờ Lý Phật Tử đem đại quân vượt sông Tiểu Giang, đánh chiếm Long Biên. Triệu Việt Vương cùng con gái Cảo Nương thua chạy về đến sông Đại Nha, tỉnh Nam Định, thì tự vẫn. Hiện nay, ở bên bờ sông Đại Nha, thuộc làng Độc Bộ, huyện Đại An, vẫn còn đền thờ Triệu Việt Vương và nàng Cảo Nương ở đấy... Than ôi! Lý Phật Tử đóng đô ở Phong Châu, như các đời Vua Hùng, nhưng rồi cũng không giữ được giang sơn, bị nhà Tùy thôn tính!!!’

My Nương ngừng kể...

Ông già nhìn lên. Hương khói vẫn lung linh.

Một lúc lâu sau, My Nương nói tiếp: “Nhà ngươi có hiểu ta muốn nói điều gì không? Kẻ hậu bối kia, nhà ngươi đến đây với mục đích gì?”

“Xin thưa tiền bối, kẻ hậu sinh này chỉ có mục đích tham quan núi Tiên Du, làng Lim, sông Đuống. Đây là nơi đã từng ngưỡng vọng. Trong văn học Việt Nam, có vài nhà văn nhà thơ viết về sông Đuống. Nổi tiếng gần đây, có lẽ là nhà thơ Hoàng Cầm với thi tập “*Bên Kia Sông Đuống*” và tập “*Về Kinh Bắc*”. Kẻ hậu sinh này cũng chỉ mới được nhìn qua cái bìa của hai tập thơ ấy, chúng được giới thiệu trên một tạp chí ở Hoa Kỳ. Chưa được đọc tập thơ, kẻ hậu sinh này có ý định sẽ tìm mua hai tập thơ ấy, nghe nói vừa in ra đã bị chính quyền ra lệnh tịch thu?!”

My Nương lầm bầm: “*Bên kia sông Đuống*” à? “*Về Kinh Bắc*” à?

“Thưa tiền bối, theo thiên ý của kẻ hậu sinh này, có lẽ “*Bên kia sông Đuống*”, tác giả ám chỉ Phong Khê? Phong Khê kinh đô cũ, như một biểu tượng, ám

chỉ trở về cội nguồn dân tộc? “*Về Kinh Bắc*”, theo thiên ý, có lẽ nhà thơ Hoàng Cầm ám chỉ trở về với làng Lim, cái nôi của hát quan họ? Cũng là một biểu tượng của tình tự dân tộc? Chỉ có thể mới xóa bỏ được sự ngăn cách của dòng Tiểu Giang?! Và,... có lẽ, “*Về Kinh Bắc*”, cũng là về với truyền thống đánh giặc ngoại xâm của Đức Thánh Gióng? Xưa kia, người trai trẻ anh hùng nổi dậy đánh đuổi giặc nhà Ân, là người ở xứ Kinh Bắc! Vị anh hùng này, người làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, trấn Kinh Bắc. Phá xong giặc Ân, bỏ lên núi Sóc Sơn, rồi đi đâu mất, không ai biết. Không tham phú quý, ngại vàng, chức tước. Thấy giang sơn bị xâm lược, nổi dậy làm xong trách nhiệm con dân. Vua Hùng ghi nhớ công đức ấy, cho lập đền thờ ở làng Phù Đổng, xuân thu tế lễ. Dân kính phục, tôn lên hàng Thánh. Thưa tiền bối, ngày nay, ở các huyện Gia Lương, Chế Vũ, vẫn còn tồn tại loại tre đặc biệt, màu vàng lốm đốm, gọi là tre đặng ngà, hay là tre ngà. Đó là dấu tích của những cây tre ngày xưa bị ngựa hồng của vị anh hùng phun lửa cháy xém. Ngoài ra, còn một loại tre ở gần núi Việt Sóc, rễ mọc cả trên thân tre, trên cành. Tương truyền đó là dòng dõi của những cây tre được Thánh Gióng nhổ lên làm lao phóng vào quân giặc, ngọn cắm xuống đất, gốc rễ hướng lên trời... Thưa tiền bối, tre ở đồng bằng sông Hồng này cứng như sắt thép, có khác gì kiếm, dùng làm thứ vũ khí tự vệ và đánh giặc rất hữu hiệu? Các làng mạc của ta là những thành trì, nối tiếp nhau, hỗ trợ cho nhau, liên kết trong cuộc dựng nước và bảo vệ, đánh đuổi giặc thù. Khi một làng bị tấn công, lập tức các làng lân cận cầm vũ khí ra tiếp sức. Kẻ thù chịu sao nổi với sức chiến đấu ấy? Chính vì thế, mà một nghìn năm quân Tàu cai trị nước ta, không chiếm nổi, không đồng hóa nổi.

Chúng bị đánh du kích, ăn không ngon, ngủ không yên, thường xuyên bị giết hại. Cuối cùng, đành phải rút đi!!! Thừa tiền bối, gần đây, đất nước ta bị bọn Việt gian vong bản đem chủ nghĩa ngoại lai vào, dám hỏi tiền bối, tương lai giang sơn cẩm tú này sẽ đi về đâu?”

Tượng My Nương như nở một nụ cười:

“Thật ra, chuyện chính trị, ta không muốn nói tới. Xin ông lão đừng quá bi quan, bởi vì những gì đi ngược với truyền thống dân tộc, ắt sẽ tiêu tan, như lịch sử đã minh chứng. Luật nhân quả là luật của muôn đời, ông lão nhớ cho!!! Chuyện Triệu Đà lừa An Dương Vương, dẫn đến cái chết của My Nương ta, năm 208 trước Tây lịch.... Thì sau đó, 777 năm sau, xảy ra chuyện Lý Phật Tử lừa Triệu Quang Phục. Câu chuyện xảy ra thế nào, ông lão đã vừa nghe ta nhắc lại. Nay ta xin giải thích: Triệu Đà là tiền kiếp mà hậu kiếp là Triệu Quang Phục. Trọng Thủy, con trai Triệu Đà là tiền kiếp mà hậu kiếp là nàng Cảo Nương, con gái Triệu Quang Phục. An Dương Vương là tiền kiếp mà hậu kiếp là Lý Phật Tử. My Nương, con gái An Dương Vương là tiền kiếp mà hậu kiếp là Dã Lang, con trai của Lý Phật Tử....Nhà người thấy chưa? Để câu chuyện lịch sử ấy được tái diễn! Để trả cái mối oan thù ngày trước! Luật nhân quả là thế đó!!! Cõi vô vi chúng tôi, gọi là “Nhân quả trùng trùng”. Vậy chi, ông lão lo gì?! Thế đây, ta, My Nương tái sinh thành Dã Lang. Cha ta, tái sinh thành Lý Phật Tử. Cha ta tự sát ở núi Mô Dạ, tỉnh Nghệ An; thì Triệu Đà tái sinh thành Triệu Quang Phục, phải tự sát ở sông Đại Nha, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định. Rõ ràng nhân quả báo ứng, chỉ nhanh hay chậm mà thôi!!!”

Ông già cúi đầu kính cẩn: “Cảm tạ tiền bối.”

Khi ngẩng đầu lên, ông già không còn thấy cái

đầu linh động với ánh mắt, nụ cười, đôi môi đỏ của tượng nữa. My Nương đã thảng rồi! Tượng trở lại nguyên trạng một bức tượng không đầu. Ông già có cảm tưởng mình vừa sống trong một giấc mộng kỳ lạ. Nhưng thực và mộng, lịch sử và huyền thoại vẫn hiện hữu qua truyện cổ tích đó sao? Ông già ra khỏi điện thờ, quanh quần hàng giờ trong đền, không muốn cất bước ra đi. Nhưng sau hết, ông già cũng phải lên đường, tiếp tục cuộc hành trình trong dự kiến.

Ông ghé thăm chùa Cổ Pháp, thấp nén nhang kính Lục Tổ Thiền sư Vạn Hạnh. Rồi đến chùa Tiêu Sơn. Và tới cái đích cuối cùng của ông: sông Đuống. Đứng bên bờ, nhìn dòng sông lững lờ dưới bầu trời xanh thăm thẳm của mùa thu, lâu lâu một con thuyền nan đi qua, bập bênh sóng vỗ. Xa xa, bóng nhiều con thuyền đậu, như ở đó là một làng chài? Đây là sông Tiêu Giang, ngày xưa đó?

Ông già ngồi xuống bên cạnh một đám cỏ non. Gió hiu hiu thổi. Mặt sông lặn tẩn. Rồi chợt sóng dềnh lên... một con thuyền đang từ bờ kia vượt sóng đi sang bờ bên đây. Người chèo thuyền là một cô gái. Ôi chao, hình ảnh cô lái đò trong trí nhớ tuổi thơ của ông hiện ra rõ rệt, như chưa hề bao giờ phai. Con thuyền nhẹ nhàng lướt sóng. Buổi chiều, nắng nhạt dần. Dải núi Tiên Du đã bắt đầu phủ một màn sương mỏng. Đẹp quá một buổi chiều trên sông Đuống. Hình như cái nét quen thuộc của dòng sông quê hương là cái hồn dân tộc, hồn giang sơn, hồn sông, hồn núi, đượm màu linh thiêng, và truyền thống đã thấm vào trong ông. Ôi chao, dải núi xanh, dòng sông bạc, con thuyền xuôi mái, rất giản dị, rất đơn sơ, rất mộc mạc, nhưng chứa đựng biết bao tình?! Sông Đuống, ta đã mơ ước một đời được ngắm nhìn, giờ đây đang làm ông rơi một

giọt lệ!

Trên sông Đuống, con thuyền buông mái chèo,
vào bến...

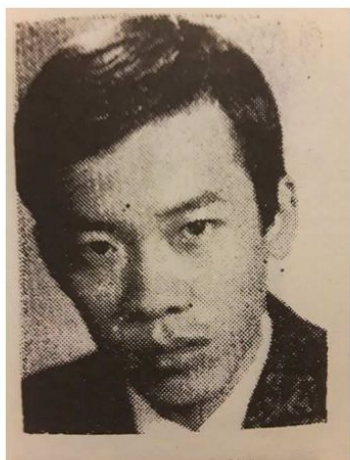
Kể xong câu chuyện trên, ông già hỏi mấy người nghe,
trong đó có tôi: “Các ông có về sông Đuống?”

Hoàng Ngọc Hiến

*Những khuôn mặt văn nghệ nằm
xuống trong chiến trận*
(tiếp theo TQBT số 83)

MẶC TƯỜNG

Bài viết và sưu tập của Nguyễn Thanh Châu



TIỂU SỬ:

Tên thật: **VÕ ĐỨC TRƯỜNG**

Nơi sinh: Xã Long Khánh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho

Năm sinh: Ngày 10 tháng 7 năm 1939

Năm mất: Tử trận tại chiến trường An Lộc ngày 24 tháng 5 năm 1972

TÁC PHẨM:

Thơ: TRÊN ĐỈNH THIÊN THU 1969, Hồng Lĩnh xuất bản

Truyện: GIÒNG SÔNG TÌNH ÁI 1969, Hồng Lĩnh xuất bản

Sinh ra trong một gia đình khá giả tại tỉnh Mỹ Tho, nhưng khi trưởng thành Mặc Tường lại thích sống lang bạt. Sang Pháp học Triết nhưng chỉ trong một thời gian ngắn lại trở về. Ở Sài Gòn ông viết báo làm thơ, cộng tác với các tạp chí Mai, Phổ Thông, Thời Nay, Liên Minh, Huyền..., Thi sĩ rất thân với Trần Tuấn Kiệt và cùng nhau lập nhà xuất bản Hồng Lĩnh nhưng cũng không đứng vững được bao lâu. Ông mất tại chiến trường An Lộc lúc 7 giờ sáng ngày 24 tháng 5 năm 1972 chỉ sau khi rời quân trường 10 ngày.

Mặc Tường làm thơ không nhiều và xuất bản được một thi tập TRÊN ĐỈNH THIÊN THU vào năm 1969. Thơ ông mang nặng tâm trạng khắc khoải về hiện sinh của kiếp người cay nghiệt.

...

Ta đợi hồn em ngàn thu trên đó
Bao hồng ân tội lỗi của con người
Mà xương thịt bao nhiêu lần tan rã
Sâu nhân gian bước chúa cũng lạc loài

...

Rồi năm tháng cứ trôi về vô hạn
Bến bờ xưa hiu quạnh đến ngàn đời
Hồn sẽ khép giữa mỗi mòn trong cõi
Mất chưa quên đâu bề của con người

...

Đặc biệt thơ lục bát của Mặc Tường có cùng một cung độ ngôn ngữ trong những tập thơ đầu của Bùi Giáng, lãng mạn mà siêu hình.

...

Em về bỏ ánh trăng khuya
Mái hiên hiu quạnh nằm nghe giọt buồn
Đêm nhìn góc chợ phân vân
Đỉnh cao xuống thấp bóng gần lại xa
Vỏ câu nghìn dặm quan hà
Trời đêm tinh tú rụng nhòa dưới khe
Bỗng khuya sức tỉnh canh gà
Bước em từ tạ chưa qua cuối hồn

THƠ TRÍCH:

NGƯỜI ĐI

Quê hương buồn trận mạc
Mùa thu rụng điêu tàn
Mắt khô giòong lưu lạc
Người đi còn quá quan

TIẾNG HÁT

Em hát khúc thiên thu
Buổi chiều này sắp tàn
Đêm dài không đóm lửa
Ngàn năm buồn sương tan

Em hát khúc thiên thu
Biển cát với sương mù
Linh hồn nương trong đó

Ngàn năm còn phiêu du

NỖI BUỒN

Có một chiều nào xa xưa lắm
Ta quên rồi từ lúc ra đi
Và một nỗi buồn sâu thăm thẳm
Ta không còn biết nỗi buồn chi

Từ dạo ấy chim trời đâu phương hướng
Núi sông nhà luân lạc bước lưu vong
Mùa gầy đỏ gọi hồn xưa hý lạp
Về chăn trâu và ngủ trên đồng

ẢNH

Ở đây một giải nước non buồn
Với thời đại hát khúc nghệ thường
Với bao hồn phách nương trong gió
Vất vưởng ngàn năm cõi máu xương

Bàn tay đưa đón thuở trần gian
Đã vói vô biên biết mấy lần
Đã vuốt ve đời muôn nghiệp chướng
Tháng ngày quờ quạng với hư không

Đây cõi ngàn năm lạc bước em
Máu còn chinh chiến chữa về tim

Ta mơ bóng dáng thần tiên cũ
Tự thuở xưa còn dấu trong sương

MẮT

Trăng xưa khuất tự cõi nào
Bây giờ nắng đốt biển dâu vô cùng
Cát vàng bão dậy mênh mông
Ngồi quên năm tháng rơi dần đốt đau
Tóc xanh lệ đầm vai sầu
Mắt em hình ảnh chiêm bao hải hùng

BẾN

Xe đi bến nặng giang hồ
Đưa em trở lại cõi bờ thiên thu
Bến này nắng đã rồi mưa
Trăm sau ngàn trước buồn xưa cũng nhiều
Xuống đây còn chuyến xe chiều
Nhanh chân em bước thật liêu lĩnh đi

CHIA BIỆT

Bây giờ trời mộng bao la
Mùa xuân vĩnh thể trên tà áo bay
Tóc xanh lớp gió sầu đời
Bến sông chia biệt bước người tràng giang
Cánh xuân theo gió về ngàn
Trên dòng cô quạnh sóng lang thang sầu

NHÂN GIAN

Em đến hay không chiều cũng xuống
Bàn tay đưa đón cũng chia lìa
Như cánh cô đơn muôn đời trên đỉnh
Ta và em cũng đầy những góm ghê

Ta đến khi xưa mùa thu cũng đã
Lá vàng bay thương nhớ nở trong hồn
Với bàn tay hiền từ trao nghiệt ngã
Với tình thương thân thể cũng đau buồn

Ta đợi hồn em ngàn thu trên đó
Bao hồng ân tội lỗi của con người
Mà xương thịt bao nhiêu lần tan rã
Sầu nhân gian bước chúa cũng lạc loài

(trong bản thảo: PHÁC HỌA MỘT SỐ CHÂN DUNG
THƠ MIỀN NAM TRƯỚC 1975)

PHẦN THƯỜNG XUYÊN

TRUYỆN NGẮN CHUỘT VÀ NGƯỜI

*NGUYỄN AN BÌNH

Từ ngày ông y tá già về hưu dọn về ở cái xóm gà thì đã thấy lão Thìn thợ săn chuột có số má (*) trong làng nghề này từ lâu. Lão Thìn tham gia vào đội quân săn chuột công thành phố và trở thành một cao thủ từ lúc nào không ai biết, chỉ biết lão sống chung với loài gặm nhấm hôi hám mang đầy mầm bệnh như những người bạn gần bó thân thiết làm cho người ta tưởng tượng nếu một ngày nào đó không có sự hiện diện, tiếng kêu la náo loạn và mùi hôi hám đến nỗi thân thuộc sẽ làm lão chết mất. Trong ngôi nhà của lão suốt ngày luôn nghe tiếng kêu chít chít, tiếng cắn xé nhau của lũ chuột bị nhốt trong lồng chờ đến giờ được hóa kiếp siêu sanh về miền cực lạc trở thành những món mỗi nhậu hấp dẫn cung phụng cho đám thượng đế phàm ăn tục uống mỗi chiều, và nhất là mùi tanh đến tởm lợm của loại động vật sống chui rúc trong cống rãnh, kiếm ăn ở những đồng rác dơ bẩn hôi hám nơi người ta mỗi ngày

vứt đi những thứ không cần thiết trong sinh hoạt hằng ngày từ những vật dụng đã hư hỏng, những thùng giấy lon bia đến những món đồ ăn dư thừa ôi thiu đang phân hủy lên mùi, nhất là mùi hôi ấy bốc lên từ đám bầy nhầy mà vợ chồng lão thu dọn sơ sài không hết ừ những con chuột đã thành phẩm sắp đem đi giao cho khách hàng là chủ những quán nhậu bình dân hay nhà hàng lên đời trá hình ở khắp nơi trong thành phố, cũng may nhà lão ở cuối xóm gà lại cách khu dân cư một khoảng sân trống dù vậy mỗi lần có cơn gió mạnh thổi qua cũng làm dân cư xóm gà phải bịt mũi, vả lại mỗi ngày dân xóm gà đã lục đục bỏ đi từ sớm tỏa đi khắp nơi tìm sự mưu sinh đến tối mịt mới về nên cũng chẳng ai quan tâm lắm đến cái nghề của lão. Ở cái xóm gà dân tứ xứ tụ tập về đây, làm đủ mọi nghề thương vàng hạ cám, từ lao động chân tay đến công chức nơi công sở, từ mấy bà mua gánh bán bưng đến những cô cậu sinh viên tỉnh xa lên thành phố học không đủ tiền mượn những chỗ tươm tất an toàn hơn và cũng có đủ các thành phần trong xã hội lưu manh có, lương thiện có nhưng hình như có một qui luật bất thành văn: làm cái gì thì làm nhưng đừng đem chuyện chém giết, lừa đảo, giết dọc chửi chó máng mèo gây xáo trộn âm ỉ đêm khuya ở cái xóm này là ô kê, chuyện nhà ai nấy lo, ông y tá già thấy mình dọn về sống ở cái xóm này những ngày còn lại như vậy là tốt lắm rồi.

Cuộc đời của ông y tá già cũng không lấy gì làm vui vẻ, vợ mất hơn mười năm trước, có hai thằng con trai đều có gia đình, cuộc sống không mấy khá giả. Ông về hưu hai thằng con đùn đẩy với nhau về việc chăm sóc bố, lại nghe lời vợ đòi ông bán nhà chia. Ông buồn lắm. Ừ bán thì bán, ông chia cho mỗi đứa một phần rồi mua ngôi nhà cấp bốn ở xóm gà để sống. Có lẽ ở xóm

gà ông và lão Thìn gặp mặt nhau nhiều nhất vì mỗi sáng đều có mặt ở quán cóc cả phê đầu xóm của chị Tư Liễu làm chủ. Có lần ngồi nhâm nhi bên ly cà phê buổi sáng, dân cư tản đi hết rồi chỉ còn lại lão Thìn và ông y tá già độc thân lão cao hứng kể cho ông y tá già lão đến với cái nghề bắt đắc dĩ này trong một dịp hết sức tình cờ nhưng cái nghề nghiệp không giống ai đó mang lại cho lão một cuộc sống dễ chịu đến mức bất ngờ, lão không còn phải chạy vạy lo kiếm ăn từng bữa, không còn chịu đựng cái nhìn dè bủ của đám cư dân xóm gà vì sự say xỉn, cãi vã với bà vợ lảm chuyện thường làm mất trật tự trong xóm.

Lão Thìn vốn là thợ hồ cha truyền con nối đã ba đời, đời cha lão là lính công binh trong chế độ trước, khi tan hàng nhảy ra làm thợ, đến đời lão theo cha đi khắp công trình xây dựng từ năm 15 tuổi, đến thành con lão – thằng Tí – cũng thế. Suốt cả thời tuổi trẻ lão đi theo chủ thầu xây dựng hết công trình này đến công trình khác, một thời lão được chủ thầu cung hết mức vì siêng năng, đường bay hồ khéo léo tài hoa chuẩn xác của lão, cho đến một ngày nọ khi đứng trên giàn giáo cao để tô tường, không biết làm thế nào mà lão lại hụt chân(chắc do dư chấn của cuộc nhậu quá độ đem qua chẳng), lão té từ trên cao xuống nhưng may mắn cho lão té nhằm nơi đất mềm nên thương tích không nặng lắm, tuy vậy lão cũng phải nằm nhà hơn nửa tháng, từ đó lão tự nhiên lại sợ độ cao nên không dám nhận đứng xây trên giàn cao nữa, lão đành chấp nhận làm phụ hồ và làm những chuyện vặt vãnh dưới đất, chủ thầu cũng không còn coi trọng lão, mấy thằng thợ hồ xưa kia gọi lão một anh ba hai cũng anh ba bây giờ cũng ra mặt coi thường lão. Lão buồn tình nên thường hay mượn rượu để làm vui cho đến một ngày trong

một lần nhậu say với mấy chiến hữu thời làm thợ hồ cho một công ty xây dựng, lão oắt cần câu không nhớ đường về lão tạt ngang qua cái chợ chồm hồm bên đường ngã lăn trên sàn sập thịt bỏ trống gần đó ngáy ầm ỉ. Quá nửa khuya lão giật mình thức giấc vì cái chân bị mấy con chuột bâu vào cắn xé chắc nó tưởng lão là miếng thịt béo bở, lão lồm rồm văng tục mấy tiếng co hai cái chân đá vụt vào khoảng trống trước mặt rồi lăn qua một bên tiếp tục ngáy. Lại bị cắn, lão bực mình ngồi phắt dậy nhìn đáo đác chung quanh rồi chửi đồng;

- Mẹ cha bay, tao mà bắt được chúng mày là cho vào lò nướng trui cả đám cho mà biết.

Đang lồm bồm chửi rửa, mắt nhướng tới nhướng lui chưa tỉnh ngủ, chợt lão thấy có ánh đèn pin nhấp nháy ở đằng xa từ mấy miệng cống, tiếng chó sủa, rồi tiếng mấy con chuột kêu chí chöhe nghe hoảng loạn lắm, lão bèn bỏ chân xuống sập thịt, sờ soạng tìm mấy chiếc dép đã mòn gót văng không biết nơi đâu khi lão ngã vật xuống sập thịt ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Lão lồm mò bước tới theo ánh đèn pin lấp loáng trước mặt, thấy một người đàn ông đang lúi húi quay tới quay lui, lão le nhè hỏi:

- Đêm hôm khuya lơ khuya lác làm gì ầm ỉ không cho ai ngủ đó anh bạn?

Người đàn ông đeo đèn pin trên trán ngược lên nhìn lão, ánh đèn pin sáng hoắc chiếu thẳng vào mặt lão khiến lão nhăn mặt lấy tay che mắt lại cho khỏi bị chói, gã nói nhát gừng:

- Bắt chuột . Bộ không thấy sao còn hỏi?

Lão Thìn méo miệng cười lả giả:

- Thấy rồi, hỏi cho biết vậy mà.

Gã săn chuột nhìn lổa có vẻ nghi kỵ:

- Còn ông làm cái quái quỷ gì ở cái chợ không người
đêm hôm khuya khoác thế này?

Lão Thìn giờ hai tay lên trời phân bua:

- Ôi chời! hôm qua nhậu xỉn quá không nhớ đường
về ngủ đại ở đây vậy mà.

Lão dừng lại mấy giây hỏi tên bắt chuột:

- Mà nè ông anh, bộ không có nghề nghề gì sao mà
lại làm cái nghề tối tăm hôi hám này thế.

Gã thợ săn bỗng sựng cổ:

- Ai bảo là nghề hôi hám bẩn thỉu. Này nè tôi hỏi
ông một ngày ông làm công cho thiên hạ, bị họ sai bảo
chửi mắng ông có kiếm được bạc triệu không? Còn
thằng này một đêm chịu khó có vài tiếng đồng hồ sáng
ra là có bạc triệu trong tay tha hồ ăn nhậu thì hôm hám
chút đỉnh có sá gì, chẳng lẽ tôi bắt chước ông say xỉn
bạ đầu ngủ đó à?

Câu nói của thằng thợ săn làm lão tỉnh ngủ hẳn. Ủ nhỉ,
lão chợt nhớ ra rằng không biết từ lúc nào món thịt
chuột trở thành món ăn khoái khẩu của nhiều thượng
đế khi được đặt lên bàn nhậu, nó không còn là món ăn
dân dã chỉ có ở chốn nông thôn mà nó vươn ra ngoài
thành thị từ những quán nhậu bình dân lề đường vỉa
hè mà trở thành món đặc sản trong nhiều nhà hàng
sang trọng với nhiều món ăn chơi chế biến khác nhau.
Thịt chuột đồng làm sao cung ứng đủ cho tầng lớp
thích ăn nhậu kia chứ nên cái nghề săn chuột công trở
thành cái nghề kiếm cơm đổi đời của những con người
nghèo khổ bản cùng của chốn thành thị đầy bon chen
vật chất.

Kiếm tiền triệu mỗi ngày ai mà không thích nhỉ, sao
hồi nào tới giờ mình không nghĩ đến điều này kia chứ?
Lão nhớ lại từ khi bị tai nạn lao động lão không thể
làm việc nặng được nữa nên lão thâu không còn coi

trọng lão, ai cũng có thể sai bảo lão, tiền công rẻ mạt, tiền bạc không đủ chi tiêu thiếu trước hụt sau vợ con cần nhả, lão đâm ra chán đời nghiện ngập, cái nghề này có lẽ phù hợp với mình đây.

Lão hạ giọng cầu khẩn:

- Này ông anh chỉ cho mình với nhé, một châu nhập được không?

Gã thợ săn nhếch mép hỏi kháy lão:

- Sao ông nói cái nghề này hồi hám bây giờ lại muốn học là sao? Ông muốn giỡn hớt với tôi đó hả? Nghề này chỉ dành cho những kẻ bần cùng như tui tui mà thôi.

Lão Thìn gãi tai nhẩn nhó:

- Cho tôi xin lỗi nghe, hồi này tôi lỡ lời thôi mà. Tôi cũng sống vất vưởng nghèo rớt mồng tơi chớ có sung sướng gì đâu ông anh ơi.

Tần ngần một chút lão hạ giọng nói tiếp:

- Một châu nhập được không?

- Nhập nhệ gì, tui không ưa cái khoản đó, muốn học thì đi theo tui, một hai buổi là rành việc, nhìn người ta làm gì thì bắt chước, Nghề này có khi khô gì mà học, ăn thua mình lẹ mắt nhanh tay, chỉ có khác một chỗ người ta lấy ngày để mưu sinh còn mình ngược lại lấy đêm làm ngày để kiếm cơm, lâu dài đeo đuổi nghề này mới là chuyện khó đó. Nhưng tui nói trước cái nghề này tổn thọ lắm đó, thức đêm thức hôm lại còn rượu chè be bét như ông anh liệu có kham nổi không?

- Ông anh yên tâm, tui đã làm việc gì là làm tới cùng, tui từng làm những việc nặng nhọc hơn thế này nữa xá gì...

Lão Thìn bỏ lửng câu nói vì không biết diễn đạt thế nào sợ tay thợ săn hiểu lầm nổi quạu thì xôi hỏng bỏng không, nhưng tay thợ săn hình như không để ý đến

điều này mà nói qua chuyện khác:

- Có điều này tôi nhắc ông nên nhớ học xong đừng lừa thầy phản bạn là được, địa bàn của ai người này giữ không được xâm canh đó nghe. Qui luật bất thành văn đó. Biết chưa?

Lão Thìn âm ừ:

- Ừ! Tui biết điều đó mà ông anh.

Bảo bối của tay thợ săn cũng đơn giản: Ngoài cái đèn pin gắn trên đầu, cây chia hai đầu nhọn hoắc gắn trên một thanh tre dài khoảng một mét rưỡi, thêm cái vợt rộng, túi lưới, còn cái lồng sắt to hai tầng dùng để nhốt chuột đã được ghịt chặt trên chiếc xe máy cà tàng. Lão đi theo hần. Gã săn chuột lắng tai nghe, ánh mắt ngó nghiêng quan sát, đi dần về phía có tiếng động ở phía sau một sạp hàng, ánh đèn pin liên tục quét vào những góc ngách tối tăm ẩm thấp, khi phát hiện ra con chuột, lập tức ánh đèn chiếu thẳng vào con chuột và nhanh như chớp tay thợ săn dùng mũi lao có đầu chia nhọn đâm chuột. Một tiếng kêu ét vang lên, anh ta dùng một tay còn lại lần theo cây lao tóm lấy cái đuôi con chuột quay tít làm con chuột cứng đờ rồi ung dung bỏ nó vào lồng sắt nhốt. Gã thợ săn tiếp tục đi dọc theo lề đường đến gần một cái cống, có mấy con chuột đang kiếm ăn gần đó nghe động chui tọt xuống đó, tức thì hần căng cái lưới ngay đầu miệng cống rồi vòng ra phía sau dùng cây gậy ngắn gỗ dòn đập lên thành cống, âm thanh dội vào lòng cống liên tục làm cho lũ chuột nấp ở bên dưới hoảng sợ vội phóng vọt lên, lão Thìn thấy có ít nhất cũng 5 con sa vào túi lưới của hần. Chiếc túi lúc nhúc mấy con chuột cống đen sì, béo nung núc, chân vướng vào lưới, cả đàn không thể chạy chỉ giẫy giụa một lúc rồi nằm im thín thít. Hần dùng chiếc kim tự ché. Đó là một mẫu sắt uốn tròn gắn trên

đầu cây gậy gỗ lừa thế bẻ răng nanh từng con rồi thả tọt từng con vào lồng sắt hai tầng kia. Lão Thìn tỏ vẻ ngạc nhiên: ông anh bẻ răng chúng làm gì cho phí sức, vút mẹ chúng vào lồng có hơn không. Tên thợ săn cười giăng giải cho lão hiểu: Việc bẻ răng nanh là rất cần thiết, mất răng nanh bọn chúng không cắn được nhưng vẫn sống. Chuột phải sống thì thịt mới ngon. Còn chết trước khi làm thì coi như vút, mất hết độ tươi, giòn thơm, còn có mùi hôi. cái tội gặm nhấm này răng nanh của nó cứng như thép, suốt ngày chỉ biết lục lợi phá phách không thôi, nhốt chung một chỗ không bẻ răng của chúng chúng cắn nhau loạn xạ, bị thương hay chết làm sao bán được tiền, không khéo nó quay ra cắn mình vết thương làm độc thì chết thì chết hiểu không ông anh? Lão Thìn gật gù tỏ ra hiểu biết và theo tay thợ săn gần tới sáng mới chia tay. Đó là buổi học nghề đầu tiên và duy nhất của lão. Cũng chỉ một đêm hôm đó mà lão trở thành kẻ bắt chuột lành nghề cho tới bây giờ.

Ngoài các đồ nghề tự chế để bắt chuột, thợ thủ đắc lực giúp lão săn lùng chuột là con chó mực, không một con chuột nào có thể thoát khỏi đôi chân và cái miệng đầy răng như một gọng kìm của con mực. Để bắt được chuột thợ săn phải biết huấn luyện, mỗi tay thợ săn đều có bí quyết riêng của mình để dạy chó săn chuột, nhưng tựu chung có mấy điểm quan trọng cần chú ý sau: chó săn phải biết nghe và hiểu được những mệnh lệnh của chủ, khả năng đánh mùi, đuổi bắt, đánh chặn và nhất là khả năng tấn công, kỹ thuật tránh đòn trước đòn cản trả của những con chuột cống rất lớn hung dữ, răng nanh chúng rất sắc và độc, khi bị tấn công chúng

thường chống trả rất quyết liệt dữ dội. Nhưng với con mực lão không cần chỉ bảo nó một điều gì nhưng việc đánh hơi, đuổi bắt chuột ngay từ đầu nó đã tỏ ra là một cao thủ, ngay cả việc vồ, ngoạm, lắc không chế chuột nó cũng tỏ ra rất tinh ranh khéo léo bằng kỹ thuật ”ngoạm ngang lưng”, chuột khi bị ngoạm ngang lưng và lắc mạnh thì mất đi khả năng kháng cự tạm thời không chết để mặc cho con chó săn mang chiến lợi phẩm về cho chủ. Địa điểm hai thầy trò bắt được nhiều chuột nhất là những nơi ẩm ướt, hôi hám bẩn thỉu nhất như chợ, nơi ban ngày hàng cá hàng thịt ngò là nơi có nhiều chuột nhất, cống rãnh, bãi rác thậm chí thầy trò còn vào cả bãi rác của bệnh viện để bắt chuột. mỗi ngày với số chuột cống bắt được sau khi làm thịt vứt bỏ bộ đồ lòng cũng không dưới 10 đến 12 ký, giá thị trường bây giờ cũng từ 100 đến 120 ngàn thì bỏ túi trộm trộm trên một triệu ai mà không khoái.

Chính vì thế từ ngày lão chuyển qua cái nghề săn chuột, có đồng ra đồng vô thì vợ lão không còn cần nhằn cử nhử nữa mà trở thành người cộng sự đắc lực cho chồng từ việc giội nước sôi, chặt đầu lột da moi lòng làm sạch để giao cho khách hàng, có lần mụ đem giao hàng cho mấy tay chủ quán, bọn họ đùa cợt đại loại như: Này bà Thìn, chuột đồng ở đâu mà chồng bà bắt nhiều vậy? lũ chuột đẻ làm sao cho kịp để vợ chồng bà bắt vậy? Hoặc là: Chuột đồng hay chuột cống đây bà nội, sao con nào con nấy múp míp mập mập thế kia. Mụ cũng không vừa trả lời ngang phè: Biết rồi mà còn hỏi, chuột đồng hay chuột thành có gì khác nhau đâu nào, cũng là thịt chuột cũng cho vô bụng đầy thôi. Mấy ông thầy đây, thượng đế đến quán mấy ông thưởng thức có chết thằng tây nào đâu mà bảo bị bệnh dịch này dịch nó. Chẳng phải ăn thịt chuột còn ngon và

an toàn hơn thịt gà, thịt lợn thịt bò thôi sao, nuôi mấy con gà con lợn người ta bỏ thêm chất tăng trọng với chất kích thích tăng trưởng độc hại vô cùng, còn thịt chuột làm gì có ai chui xuống cống để bón chất tăng trọng cho chuột, tôi nói vậy mấy ông thấy có đúng không nào?

Vợ chồng lão làm gì không biết bọn chủ quán nói này nói nọ để kì kèo yêu sách giá cả mà thôi, còn đối với dân nhậu thì họ chém thẳng tay. Lão Thìn không lạ gì các món ăn mà mấy quán nhậu chế biến từ chuột mà ông cung cấp như: Chuột quay lu, nướng chao, nấu giả cầy, áp chảo, xào lăn, khìa nước dừa, xào lá cách, chiên nước mắm. rang muối, nấu đông, hấp lá chanh khi mang ra cho khách dưới những cái tên rất mỹ miều Hồng Kông bên hông Chợ Lớn thậm chí còn cải đổi gốc gác của cái món chuột bình dân thành món ăn cao cấp như đà điểu, kang gu gu gì đó thì có trời mà biết. Thấy kệ, thẳng nào ngu ráng chịu không mắc mớ gì đến lão như thịt cừu, bò nai gì đó lão không cần quan tâm miễn là trong túi lão luôn có tiền là được. Có tiền muốn mua sắm cái này cái nọ, có tiền lồi xóm không còn cạnh khốe nói này nói kia thì không tốt hơn sao.

Nhưng có một người không thích lão làm cái nghề mà theo hẳn ta đó là cái nghề ôn dịch là thẳng Ti con lão, đi làm về cái mặt lầm lì cau có, quạu quọ. Một hôm không chịu nổi nữa, nó nhìn ông già tía to tiếng:

- Nè ông già, ông nghĩ sao mà làm cái nghề sát nhơn ác đức vậy chứ.

Lão Thìn vừa nâng ly rượu để lên chưa kịp chiêu vào miệng, chừng hừng nhìn thẳng con trai như chưa hiểu nó muốn nói gì. Lão dẫn mạnh ly rượu xuống bàn sảng giọng:

- Mày nói gì vậy thẳng kia, tao làm nghề gì mà mày

nói sát nhọn ác đức vậy?

- Thì cái nghề săn chuột cống bán cho mấy quán nhậu chứ nghề gì? Ông biết mấy con chuột cống hôi hám, sống chui rúc trong đường mương cống rãnh, ăn những đồ hư thối người ta vứt đi, mang biết bao mầm bệnh ông biết không, người ta ăn vô sinh ra nhiều bệnh tật, thậm chí ung thư dính vô căn bệnh đó là tán gia bại sản như chơi, làm chuyện gì cũng để đức lại cho con cháu đó ông biết không?

Mụ vợ lão Thìn nghe thẳng con quý tử nói trọn tròn đôi mắt rít qua kẽ răng:

- Ôi giờ, mầy nói chuyện nhọn đức hồi nào vậy? Khôi thẳng làm nghề như ông già mầy có sao đâu, người ta ăn thịt chuột cống hà rầm mỗi ngày có chết thẳng tây nào đâu mầy chỉ vẽ chuyện.

Thằng Tí cũng không vừa:

- Bà già biết gì mà xía vô. Bà sinh tui ra mà không biết tui tuổi gì sao? Tuổi tí cầm tinh con chuột đó bà nhớ chưa? Ông bà làm nghề giết chuột chẳng lẽ không ảnh hưởng đến tương lai sự nghiệp của tui sao? Con bò tui đến đây một lần nó xếp de chạy dài rồi đó, lại còn cái xóm gà nầy nữa người ta nói ra nói vào về mùi hôi thúi của mấy con chuột chết tui làm sao chịu thấu chứ.

Lão Thìn tự nãy giờ lắng nghe hai mẹ con thẳng Lân nói bỗng tức khí lên:

- Mầy nói lạ, giết chuột cũng là một nghề như bao nghề khác như giết gà, giết heo, giết trâu vậy thôi. Chẳng lẽ mầy tuổi Dậu, tuổi Hợi tuổi Sửu là cha mẹ mầy không được làm nghề giết gà, giết heo, giết trâu để bán sao? Còn con bò của mầy nó không thích thì mầy kiếm con khác, đời thiếu cha gì con gái mà mầy lại chạy theo đuôi cái con Duyên con lão Tám Tàng làm xe ôm, còn chuyện cái xóm gà nầy nữa, bọn chúng

còn làm bao nhiêu điều tệ hại hơn tao nhiều mà tao có nói gì đâu, chẳng qua ai cũng vì miếng cơm manh áo thôi, tao không đụng chạm gì đến bọn chúng mắc mớ chi bọn chúng đụng chạm đến công ăn việc làm của tao hề, mày nghĩ coi có phải không?

Thằng Tí nói sảng:

- Ông bà không bỏ cái nghề ôn dịch này là tôi bỏ nhà đi không về đó.

Trong cơn nóng giận lão Thìn nói lớn:

- Mày đi đâu thì đi tao không cần, mày có nuôi tao được một ngày một bữa nào đâu mà làm trận làm thượng với tao vậy.

- Vậy ông không nhớ lúc ông bị té trên giàn giáo ai công ông vô bệnh viện, ai lo tiền thuốc thang săn sóc ông vậy, ma chắc?

- Tao nhớ nhưng đây là nỗi cơm của tao với mẹ mày, mày nói thế chẳng khác nào mày đập bể nỗi cơm của tao sao?

- Ông già vẫn đi làm hồ như tui được mà. Nghề đó cực quá tao không theo nổi nữa rồi

- Vậy chớ tía thức đêm thức hôm đi bắt chuột không cực khổ hơn sao/

Lão Thìn bực tức:

- Nhưng được nhiều tiền mày không thấy sao?

- Tía không nghe thì tui đi đó.

- Mày muốn đi đâu thì đi tao không cần.

Vậy là thằng Tí làm căng bỏ đi thiệt. Nó vào trong cuốn mấy bộ đồ bỏ vào chiếc ba lô củ mèm quảy lên vai rồi đi thẳng. Lão Thìn biết nó bỏ ra ngoài công trình xây dựng để ngủ cho bỏ nư đầy mà. Thôi thấy kệ nó, nghe lời nó không có tiền cạp đất mà ăn à?

Có vào nhà lão Thìn mới thấy hết vẻ bề bộn và mùi hôi hám bốc lên từ xác động vật thối rửa không dọn dẹp

sạch sau mỗi lần làm thịt lũ chuột cung cấp cho mấy quán nhậu hay mấy cửa hàng “đặc sản” mà dân nhậu ưa thích và cuộc hôn phối kỳ lạ giữa người và chuột chắc sẽ còn tiếp diễn dài dài không có gì để bàn cãi như chuyện thường ngày của huyện nếu một ngày nọ nếu không có chuyện xảy ra: Vào buổi chiều hôm đó lão Thìn đang khê khà bên ly rượu đế , trên bàn ê hề các món thịt chuột mà vợ lão học lóm từ mấy quán nhậu, bụng lão chột đau oằn oại, phồng lên xẹp xuống khiến lão ôm bụng gập người xuống, mặt nhả nhúm biến dạng đến khó coi hết sức, miệng chỉ kíp la lên mấy tiếng:

- Chết tôi rồi bà nó ơi.

Rồi người đồ gập xuống như cây chuối bị ai đốn ngã, mắt trợn trừng lên, miệng ọc đầy máu tươi phun ra như có vòi, vợ lão nghe tiếng kêu lật đật chạy vào thì lão đi từ đời nào, mụ tru tréo gào lên làm náo động cả xóm gà cả xóm gà, họ ào ào chạy tới, có người nhanh chân chạy vội ra công trình báo tin cho thằng con biết, Thằng Tí nghe tin phóng xe hốt hải chạy về thì ông già tía của nó tắt thở đã mấy đời vương rồi.

Cái chết của lão ghê rợn và nhanh chóng quá làm ai cũng hải hùng hoảng sợ, không biết lão bệnh gì nhưng họ cả quyết rằng tất cả đều do lũ chuột mà ra: âm hồn của mấy con chuột lảng vảng đòi mạng, lão không bị dịch hạch thì cũng bị nhiễm trùng máu vì mấy con vi rút truyền nhiễm từ loài động vật ghê gớm kia, Nhưng tất cả cũng chỉ là lời đồn thôt thôi, họ không biết có một người biết được nguyên nhân cái chết của lão Thìn đó là ông y tá già ở đầu xóm: Mấy tháng trước ông già thấy lão Thìn có mấy triệu chứng hơi bất thường: da và tròng mắt ngả màu vàng nghệ, bụng trướng lên thấy rõ, dáng đi đã bắt đầu chậm chạp, ông già có khuyên lão

nên khi khám bệnh những lão đã gạt phắt đi: Người ta ai có số ông đừng lo cho tôi, tôi còn sống dai lắm mà. Hôm nào nhậu với tôi một bữa nghe. Rồi cười khà khà bỏ đi một nước. Nhưng ông y tá già im lặng không nói lời nào bỏ về nhà vì ông biết nói ra chắc vì ai tin thì nói làm gì cứ để nó trôi đi, người chết là hết can chi nói ra nói vào làm gì không biết, nhưng ông già biết chắc chắn một điều từ nay cuộc hôn phối giữa người và chuột chắc chắn sẽ chấm dứt theo cái chết của lão Thìn và cư dân cái xóm gà mắc dù trước mặt gia đình người quá cố làm ra vẻ mặt buồn thảm khi đến chia buồn nhưng trong bụng lại mừng thầm vì từ nay thoát được cái mùi hôi hám thối tha từ ngôi nhà ấy mang lại.

NGUYỄN AN BÌNH

(*) có số có má hay còn gọi là có số má (dân có số má) dùng để hiểu theo nôm na là gọi những người trong giới giang hồ, xã hội đen, hay là đại ca được nhiều đàn em kính nể (Tòa soạn chú thích)

THƠ NGỌC BÚT

ĐUỔI

chiều phai nắng đuổi bóng cây
một vầng trăng sớm đuổi mây lên trời
nỗi buồn đuổi mất nỗi vui
quạnh hiu ở lại. ai người đuổi ta!

TÓC

chiều ra ngồi dọn cỏ vườn
hoa rơi mấy cánh lá buồn. cọng khô
tóc người mây bạc. sừng sò
tìm xưa chợt gặp nẻo về ngàn sau

ĐAU

chim ai ngơ ngác bên rào
tàn xuân mai khép chớm màu lá xanh
ốm đau là chuyện thường tình
buồn vui hoa rụng. một mình nhặt hoa

BUỒN

người buồn như cọng bún thiêu
nằm im một xó những chiều ốm đau.
người buồn như con chim sâu
mỗi tha không có rầu rầu bay quanh.
người buồn như lá lìa cành
một mai thân hóa kiếp thành đất đen!

SÁU MƯƠI

1.
một vàng mây trắng
trôi ngang
một con bướm
đậu sẽ sàng
ngọn cây
một tôi
trưa
giấc mơ đầy
ngàn con bướm
mộng
rợp ngày sáu mươi

2.
một chùm mây
rụng la đà
một hoa khép nụ
đón tà dương rơi
một tôi
tỉnh giấc mơ đời
giơ tay nắm gió
bồi hồi
hoa xưa

KHÔNG ĐỀ

(tặng bạn đời)

sáng
một mình
ngắm vườn nhà

quần quanh
đã thấy cỏ hoa đâm chồi
trưa
chìm trong giấc mơ vui
thả rơi chim mộng
bồi hồi hạ xưa
chiều
bên người
lạnh vườn mưa
một bàn tay ấm
một bờ vai ôm

Nguyễn Âu Hồng

Hai Nhà Thơ Họ Lê và Bob Dylan

Hai nhà thơ họ Lê đây là LÊ VĂN TRUNG và LÊ PHƯƠNG NGUYỄN. Một ông, Lê Văn Trung, uống sương như trăng, uống trăng như rượu *Ta đang say ngất rượu trắng vàng*; một ông, Lê Phương Nguyễn, thiếu trăng, nhớ trăng *Đêm nao thoáng thấy trăng rằm, qua nhanh như sợ ai cầm lấy tay...* Mới lướt qua tưởng hai ông ở “hai đầu xa cách”, chừng đọc kỹ mới hay hai nhà thơ họ LÊ này có nhiều điểm gặp nhau, rất tâm đắc nữa là khác. *Ôi tôi biết làm sao mà vẽ được, một màu mây trong mắt đắm sương chiều (Lê Văn Trung)*; *Có vì sao ở thật xa, dịu dàng màu mắt như là cổ nhân (Lê Phương Nguyễn)*. Ông kia, Bob Dylan, không có màu mắt không có trăng rằm nên cứ mặc cho *Gió cuốn đi (Blowing In the Wind)* *Như Hòn Đá Lăn vô định (Like a Rolling Stone)* hoặc nương theo tiếng trống Tambourine mà dân thân, *Tôi sẵn sàng để ủa tàn (I'm ready for to fade)*. Tại sao tôi chọn hai nhà thơ họ Lê và Bob Dylan?

Tại sao anh chọn em?

Nào anh có chọn

Em là mặt biển xanh chờ đó, xưa kia anh sống trên rừng

Giữa bầy bộ lạc phiêu lưu.

(Thơ Thanh Tâm Tuyền)

Tôi cũng vậy. Nào tôi có chọn. Hai nhà thơ họ Lê và Bob Dylan là mặt biển xanh chờ đó...

Khi đọc những câu thơ khao khát tự do của Lê Phương Nguyên với sức mạnh thi ca thao thiết như ngọn lửa trào, tôi đã nhớ đến những lời ca khắc khoải của Bob Dylan:

*Vách bên có tiếng thở dài
Biết anh đã lỡ mộng đời tự do;
Mấy phòng liên tiếp cùng ho:
Là lời nhẩn nhủ dặn dò gì nhau;
Thấy lòng ấm giữa đêm sâu
Biết đời còn những nhịp cầu tri âm.
(Ô Cửa Nhìn Đời - Lê Phương Nguyên)*



Nhà thơ Lê Phương Nguyên

*Phải bao nhiêu năm một ngọn núi sừng sững giữa trời
Trước khi nó bị cuốn trôi theo biển sóng cồn
Và phải bao nhiêu năm một dân tộc sinh tồn
Trước khi người dân được hưởng tự do?
Câu trả lời, bạn ơi, đang bay theo gió
Câu trả lời để gió cuốn bay đi!*

(Blowing In the Wind - Bob Dylan)



Những ca từ **viết cho tai nghe** của Bob Dylan có sức mạnh thi ca phi thường. Khi đọc những câu thơ diễm lệ về mùa thu tàn phai của Lê Văn Trung trong tập THU HOANG ĐƯỜNG do Nhà Thư Ấn Quán xuất bản, tôi lại cũng nhớ đến những lời sâu ca nỉ non về mùa thu nhàu úa của Bob Dylan:

*Em ướp tàn phai vào viễn mộng
Ta uống tàn phai mà buốt lòng*

...

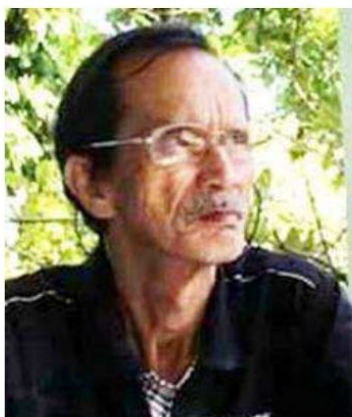
*Ta uống hoàng hôn ngày bóng xế
Nước mắt người hay giọt rượu cay!*

...

*Tôi đốt thơ, xác bụi thơ tàn
Người nhớ gom tro vào trong máu
Cho dòng lệ biếc cũng thơm hương.
(Thu Hoang Đường- Lê Văn Trung)
Ở Colorado,*

*Khi tôi ngủ yên dưới mộ thu tàn
(Hắn ta ngủ yên dưới mộ thu tàn)
Thì ở Kentucky,
Em giật mình nhìn bước thu phai*

*Để rồi nhiều năm từ chỗ tôi nằm
(Từ chỗ hắt ta nằm)
Em học cách yêu người
(Em biết yêu người.)
(Man of Constant Sorrow - Bob Dylan)
Càng đi hai thi nhân họ Lê càng gần nhau và gần với
Bob Dylan hơn.
Ta sẽ thu gom từng vỏ đạn
Từng mảnh bom cuối rạch đầu ngòi
Từng mảnh xương người, mảnh vải mục
Từng dòng uất nghẹn cháy khôn nguôi.
(Đội Chờ Đến Cuối Cuộc Tang Thương - Lê Văn
Trung)*



nhà thơ Lê văn Trung

*Vâng, phải bao nhiêu lần ngược nhìn lên
Trước khi một người có thể thấy được bầu trời
Và phải bao nhiêu đôi tai gom lại trên đời
Trước khi hắt ta nghe được tiếng người dân kêu khóc?
Vâng, và phải thêm bao nhiêu tang tóc*

*Cho đến khi hẳn biết được là đã có quá nhiều người bị
giết?* Câu

Trả lời, bạn hỏi, đang bay theo gió

Câu trả lời để gió cuốn bay đi!

(Blowing In the Wind - Bob Dylan)

Quê nhà đây? Thực hay mơ?

Khu vườn xưa đã bấy giờ nghĩa trang!

Nằm kia người của xóm làng,

Lạc nhau từ thuở giặc tràn về đây.

(Hai Mươi Năm Sau Trở Lại Vườn Nhà Cũ - Lê

Phương Nguyên)

...Ai cướp đời ta cả tiếng nói

Ta về đây vườn trống nhà không

...Ai ném đời ta qua biển sóng

Máu xương nào cũng máu xương thôi

...Ai đã biến ta thành kẻ lạ

Giữa trái tim người rỉ máu đen

...Ai bắt đời chim quên giọng hát

Lời chim rịn máu đỏ mây chiều

...Ai vắt khô rồi dòng suối cạn

Và vắt đời khô giọt lệ bầm.

(Đội Chờ Đến Cuối Cuộc Tang Thương - Lê Văn

Trung)

Những câu thơ này của Lê Văn Trung có sức mạnh thi ca quặn lòng! Ai? Ai đã gây ra những thảm cảnh đó?

Ai? Ai đã gây ra những nỗi niềm đớn đau đó? Còn ai vô đây, ngoài những *Bạc Thầy Của Chiến Tranh*, những tội đồ chống nhân loại mà Bob Dylan đã lột mặt nạ, gọi đích danh và vạch rõ từng tội ác:

Khi mà số người bị giết cứ cao dần lên

Ông ẩn mình trong căn nhà kiên cố

Mặc cho máu của tuổi trẻ tiếp tục đổ

Máu từ cơ thể phun trào

và bị chôn trong bùn nhão.
... Đến cả Chúa Jesus
cũng không bao giờ tha thứ những việc ông làm.
Tôi mong ông chết
Và ngày chết của ông sẽ đến sớm thôi
Tôi sẽ theo sau linh cữu
trong buổi chiều nhạt nhòa
Và tôi sẽ đứng nhìn người ta hạ huyệt
Đặt ông nằm dưới đáy mộ sâu
Và tôi sẽ đứng trên mộ ông thật lâu
Cho đến khi tôi chắc là ông đã chết.
(Masters of War - Bob Dylan)

(Bob Dylan, một nghệ sĩ người Mỹ đã đoạt giải
NOBEL văn học năm 2016, **vì đã tạo ra những cách
biểu đạt mới đầy chất thơ trong truyền thống âm
nhạc vĩ đại của nước Mỹ**).

Những Bậc Thầy Của Chiến Tranh, các ông làm ra
súng lớn, làm ra máy bay thần chết, làm ra các loại
bom; các ông ẩn mình sau các bàn giấy. Tôi muốn nói
cho các ông biết, tôi nhìn xuyên suốt mặt nạ của các
ông. Các ông chẳng làm gì ngoài hủy diệt, coi thế giới
này là đồ chơi, ông đặt súng vào tay tôi... (Masters of
War - Bob Dylan)

Bob Dylan đứng trên mộ của bạo chúa gây chiến tranh
thật lâu cho đến khi biết chắc là hắn ta đã chết. Bạo
chúa chiến tranh, những kẻ gây tội ác chống lại loài
người, tàn sát, diệt chủng; những kẻ kích động bạo lực,
nuôi dưỡng công lý báo thù... Những kẻ gây chia rẽ và
thù hận chủng tộc, chia cắt các quốc gia; xâm chiếm
các nước yếu, chà đạp các dân tộc, chà đạp nhân phẩm,
giết hại trẻ thơ cùng góa bụa. Những kẻ dựng lên
những trại tập trung, trại cải tạo, dựng lên pháp trường,
tạo ra nạn đói nhân tạo, bày trò đầu tở... Họ biến

những rừng cây ngát hương thành bãi chiến trường, rải quân như vãi đậu, tắm máu những dòng sông, tắm máu những cánh đồng, tắm máu lên cả sa mạc... Họ, những kẻ cuồng tín hô hào kháng chiến, lợi dụng lòng yêu nước, lợi dụng niềm khát khao tự do, lợi dụng cả tình nghĩa vợ chồng, lợi dụng niềm tự hào dân tộc... để xé nát những mảnh đời, chia rẽ tình duyên, xé nát những mái ấm, xé nát tình làng nghĩa xóm, ngăn cấm thờ phượng, phá nát các truyền thống, phá nát lòng người...

Bob Dylan nhìn thật kỹ người ta hạ huyết bạo chúa gây chiến tranh, chờ cho huyết mộ được lấp đầy, lên đứng trên đó thật lâu cho đến khi tin chắc là hắn ta đã chết. Nhưng, cho dù các Masters of War đã chết, thì di hại của những gì các bậc thầy tội ác ấy gây ra vẫn còn mãi. Vì các Masters of War không bao giờ hành động một mình mà luôn mượn một ngọn cờ hoặc một chủ thuyết nào đó. Chủ nghĩa phát-xít còn mãi di họa thù hận chủng tộc trong đầu óc những người tự cho mình là da trắng thượng đẳng; chủ nghĩa cộng sản còn mãi di họa trong thói thị uy thị quyền, coi mạng người như cỏ rác, coi nhân dân như gà vịt, huênh hoang rỗng tuếch, ích kỷ hẹp hòi, tự cao tự đại, thích ngồi trên đầu thiên hạ, đập ngực tự xưng: *“Ta là lương tâm thời đại, là đỉnh cao trí tuệ loài người”* mà quên mất một điều: đã là ếch, thì dù ngồi đáy giếng hay đứng trên đầu nhân loại, bầu trời đối với chúng cũng chỉ bằng cái nắp vung...

Bất chấp những di hại còn “tồn tại”, các nhà nghệ sĩ vẫn gọi đi những thông điệp tràn đầy hy vọng. Các văn bản cho thấy, cả ba ông: Lê Văn Trung, Lê Phương Nguyên và Bob Dylan đều muốn hòa trái tim mình với trái tim nhân loại và cùng khao khát một mùa xuân thiên đường:

Bờ môi mẩn giọt đoạn trường,
 Vẫn xanh mơ ước con đường nở hoa...
 Có vì sao ở thật xa,
 Dịu dàng màu mắt như là cố nhân,
 Nhìn nhau tha thiết ân cần
 Cùng tương tư một mùa xuân thiên đường.
 (Ô Cửa Nhìn Đồi - Lê Phương Nguyên)
 ...Cho tôi uống vện dòng tình khô ải
 Tôi ôm ghì khát vọng đóa nguyên xuân
 ...Là hồn tôi trên lối cũ tàn rêu
 Lòng cháy khát những mùa xuân ảo mộng
 Lòng cháy khát thuở tình phơi áo mỏng
 (Thu Hoang Đường - Lê Văn Trung)
 Thôi hãy vì nhau mà giữ lại
 Chút tàn tro: bí tích nhiệm màu
 Một mai dựng lại thiên đường mới
 Trời đất muôn loài thương mến nhau...
 (Đợi Chờ Đến Cuối Cuộc Tang Thương - Lê Văn Trung)
 Một ông, Lê Văn Trung, Ta hôn lên mắt ngời khát
 vọng rồi vừa làm thơ vừa cày ruộng Đất và Thơ Hòa
 Lê Máu Dâng Đồi; một ông, Lê Phương Nguyên, từ
 trong nhà tù nhìn ra Cửa đời nhỏ tựa bàn tay, vẫn nhìn
 thấy ánh sao Mai rạng ngời... Ông kia, Bob Dylan,
 thừa với mẹ, dẫu phải lên máy chém, “Mẹ ơi, nếu
 những dòng suy nghĩ của con bị lộ. Người ta có thể
 chém đầu con rồi khỏi cố. Nhưng dẫu thế cũng chẳng
 sao, Mẹ ơi, con chỉ chảy máu thôi. Nhưng dẫu thế cũng
 chẳng sao, đó là đời, con chỉ vì đời thôi! – It’s all
 right, Ma, I’m only bleeding!” Bài hát này gợi nhớ đến
 nhạc sĩ Orpheus trong thần thoại Hy Lạp. Âm nhạc của
 Orpheus quyến rũ được thú hoang và sỏi đá. Đến vua
 của cõi U minh là Hades cũng phải nhỏ lệ trước lời ca

của ông. Orpheus chết dưới bàn tay kẻ thù, người không được âm nhạc thần thánh của ông cảm hóa, đầu ông trôi ra biển vẫn không ngừng ca hát...

Nhân dịp Bob Dylan đoạt giải Nobel Văn học, các nhà phê bình cho rằng ông đã có công làm cho thơ sống lại, làm cho thi ca được phục sinh. Nhận định rằng thơ càng ngày càng eo ọt thiếu máu, thiếu hơi thở cuộc sống và xa cách công chúng. (Thi sĩ-nhà sư Minh Đức Triều Tâm Ảnh cũng đã viết: - *Thơ như đang bay trong chân trời tuyệt lộ. Tuyệt lộ ngay chính chỗ đang bay, tuyệt lộ trên đôi cánh và tuyệt lộ cả cõi về*). Nhận định tiếp rằng, Bob Dylan đã đem lại sức sống cho thơ, đưa thi ca đến gần công chúng, đem máu thịt và nhịp đập của trái tim thi sĩ hòa vào mạch sống của thời đại mình. Ở tầm nghĩ hạn hẹp, tôi không dám quyết là hai ông nhà thơ họ Lê có đem lại sức sống cho thơ hay không, nhưng tôi tin chắc là hai ông đã sáng tác với tất cả tâm huyết, và có ước vọng đem máu thịt và nhịp đập của trái tim thi sĩ hòa vào mạch sống của thế hệ mình, xứ sở mình, thời đại mình. (Chẳng phải thi sĩ Lê Văn Trung đã tự bạch *Đất Và Thơ Hòa Lệ Máu Dâng Đời*, đó sao!)

Cả ba ông đều vì một khao khát cháy lòng, nếu có thể nói như vậy: *Mong cho mặt đất vĩ đại này của chúng ta trở thành một nơi tuyệt vời để sống. (We could make this great land of ours a great place to live - Bob Dylan)*

Đầu xuân 2019

Nguyễn Âu Hồng

Đá Đợi

Truyện ngắn của

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh



Đá Đợi - Ảnh của An Nguyễn

1

Đợi, và đợi. Có đến khoảng gần một trăm người xếp hàng đợi. Mới có năm giờ sáng thôi! Trời Đà Lạt đổ sương xuống nghe ướt tóc, ướt vai. Phòng bán vé còn đóng kín cửa. Sáu giờ mới bán vé. Biết vậy rồi, nhưng đám đông người này vẫn đến sớm chờ đợi. Chẳng qua là số xe có giới hạn, mình đến sớm mới mong có xe đi,

nếu không thì phải về và trở lại vào ngày mai. Người ta nhìn nhau, như ngầm nói qua đôi mắt rằng đến sớm chắc ăn hơn. Mà không chừng có người đã ngủ đêm trước phòng bán vé để được xếp hàng phía trên cùng.

Đoan mỉm cười. Cũng là một dịp được dậy sớm, được nếm mùi giá lạnh, được thấy có những người “biết lo xa” như mình. Trông cũng trật tự, đàng hoàng lắm. Vài người như còn ngái ngủ, ngồi thụp xuống trên chiếc túi xách, nhắm mắt cho đỡ mỏi, đợi. Vài người như khó chịu khi phải im lặng quá lâu nên tìm chuyện để nói. Một người đàn bà bắt chuyện với Đoan:

“Chà! Không biết họ chạy xe xăng hay xe than há em!”

Đoan giật mình, đáp:

“Dạ, em không biết nữa!”

Người phụ nữ chép miệng:

“Cầu Trời cho có xe chạy xăng. Đi xe than ngán lắm!”

“Chắc không đâu! Em nghĩ chạy đường đèo mà dùng xe than chắc không nổi.”

Nói rồi Đoan cũng cảm thấy lo. Biết đâu do thời buổi khó khăn, người ta cũng phải chạy xe than, loại xe “cải tiến” trong thời khan hiếm xăng dầu. Đoan nhớ tới lần nếm mùi đi xe than khi có dịp về miền Tây thăm bạn, đúng là hú hồn. Chiếc xe đồ ọp ẹp cũ kỹ, có gắn một cái thùng sắt ở một bên phía sau đuôi. Đó chính là cái thùng đựng than củi. Xe chạy tốn rất ít xăng vì nhiên liệu chính là than củi được đốt cho cháy trong điều kiện thiếu không khí và tạo ra một loại khí đốt, giúp xe chạy được, Đoan chỉ nghe giải thích như vậy. Xe chạy được một quãng đường thì anh lơ xe lại dùng một cái que sắt dài để khều cho than cháy tiếp. Tro than rơi lả tả khắp đường, hất vào những người chạy xe đàng sau. Còn hành khách trên xe đồ cũng không khá hơn. Sau chuyến đi, mặt mũi áo quần của họ nhuốm đầy tro. Lần

đó, được đi xe than, mà xe lại đông nghẹt, hết chỗ, người ngồi chen chúc lổn ngổn như cá hộp, Đoan năn nỉ anh lơ xe cho mình lên, và phải bám một tay vào cái thanh vịn ở cửa, cứ đu như thế mà đi hết chặng đường...

“Em đi Sài Gòn?” Người phụ nữ hỏi tiếp.

“Dạ, em về Sài Gòn.”

Nói xong, Đoan giật mình khi nhận ra cả chị này và mình đều nói “Sài Gòn,” nghe vừa vui vừa buồn. Vậy là Sài Gòn của mình vẫn còn đó, dù đã mất tên.

Tự nhiên cảm thấy gần gũi với người phụ nữ này, Đoan nói thêm:

“Dạ em đi công tác trên này. Khi đi thì em nhờ xe cơ quan, về thì mua vé xe ngoài.”

“Sao em không về xe cơ quan?”

“Chờ về xe cơ quan phải đến tuần tới mới có. Em cần về gấp.”

“Vậy à?”

Câu chuyện có thể sẽ còn tiếp tục, nhưng kìa, cánh cửa sổ quầy vé đang mở ra. Đoan nhìn hàng mình xếp này giờ, cũng khá gần phía trên. Hy vọng mình sẽ có vé, không đến nỗi...

Bỗng có tiếng một người phụ nữ ré lên. Rồi tiếp đó là nhiều tiếng la nữa. Có một người kêu Trời. Chuyện gì xảy ra vậy? Trong ánh sáng mờ mờ đầu ngày, Đoan thấy đám đông đang xếp hàng trật tự bỗng rạp xuống như một ruộng lúa trước gió, rồi vỡ ra thành nhiều mảnh. Ngay lúc đó, Đoan nghe đau thấu một bên vai. Chúa ơi, một thanh niên lực lưỡng từ đằng sau đang bước trên vai của Đoan. Chưa hết, tên này vừa vượt lên xong lại đến một tên khác đẩy Đoan ngã loạng choạng. Hắn chạy băng lên hàng trên. Người ta bước trên vai, trên đầu nhau. Những tên to lớn này đã thắng đám

người yếu ớt, trở thành những kẻ ưu tiên mua được vé xe.

Đám đông không còn bình tĩnh nữa. Họ tan hàng, xô đẩy nhau, mạnh tay gạt nhau để tiến lên hàng trên. Đoan như bị bẹp dí trong đám hỗn loạn đó. Người phụ nữ nói chuyện với Đoan vừa rồi biến đâu mất. Chị đang bị đè bẹp? Hay chị đã may mắn vượt được lên trên kia? Đoan thấy nghẹt thở quá. Phải thoát ra khỏi chốn này thôi!

Đoan ngồi phịch xuống một bậc thềm, nghe thân người ê ẩm. Ôi, chuyện gì thế này? Nước mắt trào ra dù Đoan không muốn khóc. Người ta nói thời buổi này phải “xếp hàng cả ngày.” Cũng được đi! Nhưng xếp hàng rồi cũng “mạnh được, yếu thua” thì thật quá tội nghiệp. Chị ban nãy đã tới bên cạnh Đoan. Chị trông cũng bơ phờ. Nét mặt chán nản, chị nói với Đoan:

“Chen không nổi với tụi nó, hết vé rồi em à! Uống công mình xếp hàng cả đêm. Thôi, chắc ra mua cái vé chợ đen, khỏi phải đợi.”

2

Đoan cho thêm một cây củi vào lò. Khói ùn lên, cay mắt. Nhưng mùi sả thơm phức hấp dẫn hơn nhiều, lấn át mùi khói. Đoan hít một hơi thật sâu. Mớ sả băm trong chảo đã vàng rồi, Đoan cho thịt đã ướp gia vị vào, đảo đều. Chưa bao giờ thấy ngon mắt như vậy. Cuối cùng thì cho chén mắm ruốc vào, trộn tiếp. Hầy đợi, đợi cho đến khi thật khô. Màu thịt kho ruốc sả sao mà đẹp thế! Trong thời gian chờ đợi ấy, thật thương hại cho các giác quan của mình! Lâu lắm mới thấy một chảo nhiều thịt như vậy. Mọi người đi ngang đều hít thật mạnh. Nhưng bảo ăn thì ai cũng lắc đầu. Để cho cậu!

Và thế là món thịt kho ruốc sả này, cùng với một chục thứ khác, được gói ghém cẩn thận, cho vào giỏ, chờ ngày mai xách đi “thăm nuôi.” Những gì thuộc về “thực phẩm” đều phải được làm thật khô để giữ được lâu. Ngoài món thịt kho ruốc sả, còn có những bánh lương khô tự làm từ gạo, bắp và bột mì. Rồi nào là đường tán, nào bánh quy, nào kẹo... Còn lại là vật dụng cho nhu cầu hàng ngày, khăn, áo, bàn chải, kem đánh răng... không thiếu thứ gì.

Đoan về kịp đi cùng với mợ. Hai mợ cháu cẩn thận mang đầy đủ áo ấm. Ngoài đó lạnh lắm, phải chuẩn bị cho gió núi với mưa rừng. Hai mợ cháu không lạc lõng, bởi sau khi xuống ga xe lửa, họ đã gặp một số người cùng đi chuyến xe hàng lên trại. Mọi người trải qua một đêm trên xe, làm quen với nhau, và không ngại ngần trong những câu chuyện chia sẻ. Họ kể về gia cảnh của mình, về những nỗi gian truân mà họ trải qua sau cuộc đổi đời. Họ có một điểm chung: theo dấu chân của chồng từ các trại trong Nam ra đến ngoài Bắc. Đêm cũng nhờ đó mà qua nhanh.

Trời hưng hửng sáng, xe đến trước cổng trại. Mọi người bảo nhau rằng còn phải lội bộ vào sâu bên trong, xe không được vào. Đoàn người mang các thứ lủ khủ kéo nhau đi. Ai cũng rét run. Cái lạnh thật lạ lùng, khó tả. Không phải như cái lạnh dịu dàng của Đà Lạt ngày xưa, với người người dạo phố áo mũ đầy màu sắc, nam nữ tay trong tay. Mà là một thứ lạnh như rút lấy sinh lực từ trong mỗi con người. Một thứ lạnh như roi quất trên da. Một thứ lạnh khô khốc, tàn nhẫn. Đoan ngược nhìn một vật sừng sững ngáng tầm nhìn của mình. Người ta nói “ngược nhìn rơi nón”, phải rồi, là núi. Núi cao lắm, ngược nhìn rơi nón. Mọi người cùng rung mình.

Đoàn người thăm nuôi phải ngồi túm tụm trong một cái chòi không có vách, nộp giầy tờ và chờ gọi tên. Còn hồi hộp hơn cả nghe xướng danh thi đậu. Và rồi lần lượt, họ đã được vào và biết bên trong kia, người thân của họ đang chờ.

“Sao mãi không nghe họ gọi mình?”

Mợ bắt đầu sốt ruột. Đoàn trấn an mợ:

“Chắc... cậu sẽ ra sau, mợ ạ! Nhiều khi... cậu phải làm cái gì đó...”

Mợ gật đầu nhẹ. Đoàn cảm thấy ái ngại quá. Minh cũng bồn chồn không kém. Minh biết gì đâu, cái thế giới bên trong kia? Minh chỉ hình dung trong trí tưởng tượng, cảnh đoàn người hàng ngày đi “làm lao động” trồng khoai trồng bắp. Minh chỉ thấy cậu, như chìm trong dòng người lam lũ, cặm cúi trên rẫy nương. Cậu, một buổi chiều nào đó, ngược mặt lên trời, tự hỏi bao giờ sẽ về... Có tiếng vọng từ vách núi cao như trả lời cho cậu. Khi quyết định không ra đi khỏi nước, hẳn cậu đã nghĩ đến cái ngày này. Nhưng cậu vẫn ở lại. Đúng hay sai, chỉ có cậu hiểu mình hơn ai hết.

Đoàn lén nhìn qua mợ. Trong ánh mắt không giấu được vẻ bồn chồn của mợ, còn chứa cả một sự chịu đựng. Sự chịu đựng không bùng nổ thành ngọn lửa, mà âm ỉ, ray rứt, như đã âm thầm tiếp nối từ ngày này qua ngày khác. Đoàn từng chứng kiến có những lúc mợ để rơi những giọt nước mắt, nhưng rồi mợ luôn tỏ ra cứng rắn như một người cha nghiêm nghị. Mợ, như một cấp chỉ huy, cai quản đàn con sáu đứa của mình, cương quyết bắt đầu lại từ con số không.

Cuối cùng, khi mọi người đã vào hết, mợ mới được gọi tên. Và chỉ một câu vồn vện:

“Người này... vừa mới được chuyển trại rồi, không còn ở đây.”

Mợ cuống quít hỏi:

“Chuyển qua trại nào, ở đâu ạ?”

“Không biết. Bà về đi, chờ có tin báo rồi đi thăm.”

Hai mợ cháu đứng sững, không còn lời gì để nói, và cũng vì kẻ truyền lệnh kia đã quay lưng đi. Đoàn chột có lại cái cảm giác của người đứng xếp hàng cả đêm để cuối cùng bị người ta dẫm lên vai mình mà chạy...

Rồi chính mợ là người nói như an ủi Đoàn:

“Minh về đi cháu! Lại đợi tiếp thôi! Biết kêu ca với ai ở đây được?”

Đi trở ngược con đường cũ. Còn phải lội ra tận đường lớn, hy vọng đón được một chiếc xe. Hai người cùng ngoái nhìn cổng trại, rồi cúi xuống nhìn mấy cái giỏ thăm nuôi bây giờ nghe nặng trĩu.

Núi cao lùi lại sau lưng. Núi ơi, hãy đợi!

3

Đoàn trở lại sở làm. Mọi việc vẫn bình thường. Mấy ngày vắng “sếp”, mọi người trong phòng tự lo công việc, như cái nề nếp đã được tạo thành từ thời trước.

Thế nhưng Đoàn cảm thấy có một điều gì đó không bình thường. Hình như thiếu tiếng cười. Mọi ngày, dù no hay đói, các dì các chị vẫn chuyện trò, vẫn hay nói chuyện tếu cho vui. Nào chuyện đi hái bông súng, đi bắt còng để làm thức ăn cứu đói, đến chuyện chăn heo “làm đời sống” trong sở... Hôm nay không khí có vẻ hơi trầm xuống. Đoàn đi một vòng, hỏi thăm các chị. Thiếu một người: dì Tám.

“Các chị ơi! Dì Tám hôm nay nghỉ sao ạ? Dì có đau ốm gì không?”

Chị Bảy kéo Đoàn lại, nói thật nhỏ:

“Chị Tám có đi làm, nhưng ngồi ở trong kho ấy! Chỉ không muốn ai hỏi tới mình.”

“Có chuyện gì vậy? Em chưa hiểu.”

“Chuyện nhà của chị... rầu lắm. Mình chỉ biết sơ thôi, chỉ không muốn nói nhiều. Đoan thử hỏi thăm chị coi sao.”

“Dạ.”

Đoan đi vào kho. Đây là nơi chứa vật liệu và dụng cụ dự trữ để dùng hàng ngày, nào chai lọ, nào bông gòn, nào giấy gói... Dưới ánh sáng mù mờ, Đoan thấy một người ngồi bất động trong góc phòng. Dì Tám đó hay sao? Như một người khác hẳn. Nghe động, người đó giật mình, rồi trong một cử chỉ lạ lùng, co rúm cả người lại như bị điện giật. Đoan kinh ngạc, lấy lại sự bình tĩnh rồi rón rén đến gần. Chính là dì Tám mà! Nhưng là một dì Tám gầy guộc, nét mặt u ám, ánh mắt thất thần. Đoan gọi khẽ:

“Dì Tám! Đoan đây dì Tám! Cháu mới đi làm lại. Dì Tám... có khỏe không?”

Đoan e dè, ngập ngừng, như sợ một lời vô ý nào đó sẽ làm kinh động người trước mặt. Cái gì đã làm cho một dì Tám hiền hậu, từ tốn hàng ngày bỗng trở thành như vậy? Dì không trả lời, chỉ lắc đầu. Đoan tiến thêm đến gần hơn. Và thấy dì không lộ vẻ phản đối, Đoan ngồi xuống bên cạnh dì.

“Dì Tám ơi, có chuyện gì, dì Tám kể cho cháu nghe được không?”

Dì Tám nhìn Đoan chằm chằm. Rồi như chợt nhận ra một điều gì, dì Tám lẩm bẩm:

“Còn gì mà nói!”

“Dì Tám nói cho cháu nghe đi, giống như mỗi ngày dì Tám vẫn kể chuyện cho cháu đó!”

“Cô... không hiểu đâu! Không ai hiểu đâu!”

“Dì kể, cháu sẽ ráng hiểu.”

Đoan nhẹ nhàng nắm bàn tay gầy guộc của dì Tám. Im

lặng một lúc... Bỗng nghe giọng dì Tám run run, nói như tiếng gió:

“Cái nhà của tôi, không còn là cái nhà của tôi... Con người đó, tôi đợi đã mấy mươi năm. Gặp lại, tôi mừng lắm! Con gái tôi cũng mừng. Nó gặp cha nó. Nó chưa gặp cha bao giờ. Con tôi đã có cha. Nhưng mà tôi không còn người chồng. Con người ấy, đem một gia đình vào ra mắt tôi. Tôi biết làm gì? Tôi thương hại. Tôi phải chấp nhận. Tôi... có cái gì trong nhà đem bán hết, lấy tiền lo cho họ. Tôi vẫn không có chồng. Tôi... mất hết rồi! Mất hết rồi!..”

Như một nỗi đau òa vỡ, dì Tám khóc trên vai Đoan. Ôi Trời! Vết thương tâm lý quá nặng nề. Đoan đã biết chuyện người chồng đi tập kết, vào tìm lại dì và người con gái, mang theo cái gia đình của ông, từ ngoài Bắc. Hôm nay câu chuyện đã đến hồi kết, đó là sức chịu đựng của dì Tám đã cạn. Bao nhiêu sự gắng gượng của dì đã biến hóa thành sự sa sút một cách thâm trầm. Phải chăng nó còn đau thương hơn cả cái chết?

Dì Tám khóc được rồi, thần sắc như có trở lại một chút. Dì nói:

“Xin lỗi cô.”

“Dì ơi, cháu thương dì.”

Không biết rồi nỗi khổ của dì Tám bao giờ mới hết? Dù sao, trong lúc này, đưa được dì Tám ra ngồi ở bàn làm việc, Đoan thấy tạm yên tâm.

Có điện thoại mời đi họp. Đoan rời phòng, ra hành lang, băng qua khoảng sân rộng, đến phòng họp ở dãy nhà đối diện. Trong giờ làm việc, không gian bên ngoài thật yên tĩnh. Đoan chào người làm vườn đang tưới những khóm hoa đủ màu sắc. Chợt giật mình khi nhìn thấy thấp thoáng ở cuối đường, có một nơi gọi là chuồng heo, nơi mà mỗi tuần một lần Đoan cùng dì

Tám đi xuống đó làm cái gọi là “công tác đời sống.” Mọi người luân phiên đi chăn heo. Đoan bàng hoàng. Ngược mặt nhìn trời, khoảng trời xanh thơ mộng, Đoan nhớ ngay đến những ngọn núi cao in trên nền trời xám. Ngược nhìn rơi nón! Rồi như thấy rất rõ những con người lầm lũi đi trong cái lạnh cắt da của núi rừng miền Bắc. Những người mẹ, người vợ chất chiu đi thăm nuôi, nhưng có khi phải trở về mà chưa gặp được người thân. Hình bóng của họ như cũng khắc sâu vào đá núi. Núi ơi, hãy đợi cùng! Nhưng so ra, dù phải đợi, ít ra họ, như mợ, cũng còn có cái hạnh phúc được đợi, được mong cái ngày gặp người thân yêu. Còn như dì Tám, dì không còn cái để mà đợi. Ôi buồn! Đợi! Đợi đến bao giờ? Dân tôi vẫn đợi. Vẫn đợi, dù hóa ra đá.

Cuối Tháng Ba, 2019

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

GIỮA THÂN HỮU VÀ TQBT

Tòa soạn thông báo:

Chúng tôi đã đưa lên Mạng những tạp chí sau đây (dưới hình thức flipbook):

- Sáng Tạo (toàn bộ)
- Vấn Đề (toàn bộ)
- Tình Thương (toàn bộ)
- Tạp chí Văn (khoảng 40 số)
- Tạp chí Ý Thức (6 số đầu của năm 1970)
- Tạp chí Văn Hóa Nguyệt San

Các tạp chí đều được “password protected”. Quý bạn nào muốn đọc xin liên lạc với tòa soạn để nhận Password.

Cáo lỗi:

Vì điều kiện sức khỏe nên nhà văn Phạm văn Nhân tạm gát kỳ này mục Giới thiệu sách báo v.v... . Xin cáo lỗi cùng bạn đọc.